Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VII

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Hiến Tông Hoàng Đế

Tên húy là Vượng, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ tuyên thánh hoàng thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ hoàng thái phi Lê thị. Ở ngôi 13 năm, thọ 23 tuổi, băng táng ở lăng Xương An. Vua tư trời tinh anh, sáng suốt, vận nước thái bình, nhưng hưởng thọ không dài, chưa thấy làm được gì, đáng tiếc thay!

Canh Ngọ, Khai Hựu năm thứ 2 [1330], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh làm tiết Hội Thiên.

Mùa thu, tháng 7, Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu[1] băng tại am Mộc Cảo, Yên Sinh.

Thái hậu tính nhân từ. Các con của Anh Tông, dù là con vợ thứ sinh ra, bà đều yêu dấu, chăn nuôi như con mình.

Công chúa Huệ Chân được Anh Tông yêu quí, thái hậu cũng rất yêu nàng. Thiên Chân là con đẻ của [**1b**] Thái hậu, nhưng khi có ban thức gì, thì cho Huệ Chân trước, rồi sau mới đến Thiên Chân. Sau khi Anh Tông băng, Thái hậu càng chăm sóc Huệ Chân hơn trước.

Đến như đối xử với các cung tần ưu hậu, như nữ quan trong cung là Vương thị, mẹ đẻ của Huệ Chân, được yêu quí mà có thai, Thái hậu đã lấy song hương đường (phòng ngủ của thái hậu) cho làm nơi sinh đẻ. Vương thị sau khi đẻ xong thì mất. Cung nhân ngầm tâu với Thượng hoàng là Thái hậu giết Vương thị. Thượng hoàng vẫn biết Thái hậu là người nhân từ, liền nổi giận lấy roi đánh người cung nhân ấy. Thái hậu cũng chẳng để bụng chuyện đó.

Bảo Huệ quốc mẫu (tức là mẹ của Bảo Từ thái hậu) có lần xin cho Nguyên Huy (túc là con gái của Uy Huệ, cháu gái của Bảo Từ) vào làm cung phi. Thượng hoàng đem chuyện đó hỏi thái hậu. Thái hậu trả lời: " Không được, nếu Nguyên Huy được làm phi thì sẽ khiến Thục Tư phải xưng là nô chăng?".

Bà không đem ơn riêng mà cho bừa là như vậy đó. Người đương thời ca ngợi bà là bậc đứng đầu mẫu đức. Từ khi rước linh cữu Anh Tông về Yên Sinh, mọi điều khổ hạnh, bữa cháo, bữa chay, [**2a**] không việc gì bà không làm, nhưng bà không chịu thụ giới với nhà sư. Bà nói:

" Từ khi Tiên đế ra đi, ta không thể trông thấy mặt nhà sư, ngồi nói chuyện với nhà sư được, chỉ ăn chay, húp cháu khổ hạnh để báo đáp đức lớn như trời của tiên đế thôi, y bát[2] mà làm gì?".

Bà ở núi mười năm rồi mất.

Tá Thánh thái sư Chiêu Văn Đại Dương Nhật Duật mất (thọ 77 tuổi).

[1] Thuận Thánh Bảo Từ: là vợ của Anh Tông, mẹ đích của Minh Tông.

[2] Y bát: là áo cà sa và bát xin thức ăn, hai vật tượng rưng cho nhà sư. Ở đây không đi tu.

Nhật Duật thích chơi với người nước ngoài, thường cưỡi voi đến chơi thôn Bà Già (thôn này hồi Lý Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho ở đấy, lấy tiếng Chiêm đặt tên là Đa Gia Ly, sau gọi sai thành "Bà Già") có khi ba, bốn ngày mới về. Lại hay đến chơi chùa Tường Phù, nói chuyện với nhà sư người Tống, ở lại đến hôm sau mới về. Người nước ngoài đến kinh sư, thường kéo đến nhà ông. Nếu là khách Tống thì ông kéo ghế ngồi gần, chuyện trò suốt buổi, nếu là người Chiêm hay người các man khác, thì đều theo phong tục nước họ mà tiếp đãi.

Đời Nhân Tông, sứ nước Sách Mã Tích[1] sang cống, không tìm được người phiên dịch. Chỉ có [**2b**] Nhật Duật là dịch được. Có người hỏi vì sao ông biết tiếng nước họ, ông trả lời rằng:

"Thời Thái Tông, sứ nước ấy sang[2] nhân có giao du với họ nên hiểu được đôi chút tiếng nước họ".

Nhân Tông từng bảo:

"Chiêu Văn Vương[3] có lẽ là kiếp sau của người phiên lạc, nên giỏi tiếng các nước đó".

Khi đã làm tể tướng, ông thường qua nhà Trần Đạo Chiêu là người Tống, ngồi bên nhau nói chuyện phiếm hàng giờ mà không mỏi. Anh Tông nghe biết chuyện bảo ông:

"Tổ phụ[4] là tể tướng. Đạo Chiêu tuy là người Tống, nhưng đã có Hàn lâm phụng chỉ, há nên ngồi nói chuyện với hắn?".

Theo lệ cũ, sứ Nguyên sang, phải sai người biết tiếng để phiên dịch, tể tướng không được nói chuyện [trực tiếp] với họ, sợ lỡ có sai sót gì thì đổ lỗi cho người phiên dịch. Nhật Duật thì không thế, khi tiếp sứ Nguyên, ông thường nói chuyện thẳng với họ mà không mượn người phiên dịch. Đến khi sứ về nơi nghỉ thì dắt tay cùng vào, ngồi uống rượu vui vẽ như bạn vẫn quen biết. Sứ Nguyên hỏi ông:

"Ông là người Chân Định[5] tới làm quan ở đây chớ gì ? ".

Nhật Duật ra sức bác lại, nhưng họ vẫn không tin [**3a**] vì hình dáng và tiếng nói của ông đều giống người Chân Định.

Anh Tông muốn tuyên Tôn Từ hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, nhưng chưa biết gia tôn thế nào. Khâm Từ hoàng thái hậu đem việc ấy hỏi ông, ông trả lời là tôn làm thái hoàng thái hậu.

Anh Tông có hai chiếc mũ võ, là mũ đội khi duyệt và giảng võ mà chưa có tên gọi. Khi đi đánh Chiêm Thành, định đội đi, sai Nhật Duật đặt tên, Nhật Duật liền đặt tên một chiếc là Vũ Uy, một chiếc là Vũ Đức. Đến các tênb"Toát Trai", "Tư thiện đường" của Đông cung (nhà học của hoàng thái tử gọi là Tư thiện đường, nhà học của Đông thái tử gọi là Toát trai) cũng đều là do ông đặt tên cả.

Những tiết tấu âm nhạc, khúc điệu múa hát cũng do Nhật Duật sáng tác.

Cuối niên hiệu Thiệu Bảo[6], ông giữ trại Thu Vật ở Tuyên Quang. Giặc hồ vừa xâm phạm bờ cõi, Chiêu Quốc[7] tâu với vua rằng:

---

[1] Sách Mã Tích: có lẽ là nước Tumasik, tên cổ của Singapur ngày nay. Thư tịch Trung Quốc có chổ phiên âm là Đơn Mã Tích.

[2] Nguyên văn là "Bắc quốc sứ", bản dịchcũ dịch là "sức Bắc quốc". Ta thường hiểu Bắc quốc là Trung Quốc. Nhưng ở đây đang nói về nước Sách Mã Tích, mấy chữ "Bắc quốc sứ" làm câu mất nghĩa. Chúng tôi cho rằng chữ Bắc? là nhầm tử chữ Thử?. "Thử quốc sứ" là "sứ nước ấy", câu trở nên rõ ràng. Ngôn ngữ Tumasik thuộc hệ Mã Lai - Đa Đảo. Trần Nhật Duật biết tiếng Chàm, cùng thuộc hệ này, nên có thể nahnh chónh học được tiếng Tumasik.

[3] Trần Nhật Duật là con của Trần Thái Tông, em của Trần Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là "chú" (nguyên văn: "Chiêu Văn thúc").

[4] Anh Tông gọi Nhật Duật bằng tổ phụ, tức là ông.

[5] Nay là vùng đất huyện Chính Định, thuộc tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc).

[6] Niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông kéo dài từ 1270 đến 1280. Từ tháng 10-1285, mới đổi sang niên hiệu Trùng Hưng. Việc Trần Nhật Duật chống quân Nguyên nói ở đây là xảy

[7] Tức Chiêu Văn Vương Trần Ích Tắc.

"Chiêu Văn ở Tuyên Quang, chắc ở trên đó gọi giặc sang rồi!" (Nhật Duật thích chơi với người Tống nên Chiêu Quốc nói thế).

Khi Tuyên Quang thất thủ, Nhật Duật thuận dòng [**3b**] rút về xuôi, quân giặc theo hai bên bờ sông đuổi ông. Nhật Duật ngoảnh lại thấy giặc đi thong thả, bảo quân lính: "Truy kích thì phải nhanh, nay chúng lại đi thong thả, sợ có quân phía trước đón chặn".

Vội sai người dò xem, quả nhiên thấy giặc đã chặn ngang ở hạ lưu. Ông liền lên bộ chạy thoát.

Ông là người hòa nhã, độ lượng, mừng giận không lộ ra sắc mặt, trong nhà không bao giờ chứa roi vọt để đánh nô lệ. Nếu có đánh thì cũng kể tội lỗi sau rồi mới đánh.

Có lần ông sai gia đồng giữ thuyền, tên này bị gia đồng của Quốc phụ[1] đánh, có người đến mách. Nhật Duật hỏi: "Có chết không?". Người đó trả lời:"Chỉ bị thương thôi". Ông nói: "Không chết thì thôi, mách làm gì!".

Lại có người kiện gia tùy của ông với Quốc phụ. Quốc phụ sai gia đồng tới bắt. Người gia tùy chạy vào trong phủ, người gia phủ chạy đến nhà giữa, bắt trói ầm ỹ. Phu nhân khóc lóc nói với ông :

"Ân chúa là tể tướng, Bình chương[2] cũng là tể tướng, vì ân [**4a**] chúa nhân từ, nhu nhược nên người ta mới coi khinh đến nước này".

Nhật Duật vẫn ung dung không nói, chậm rãi sai người bảo kẻ gia tỳ rằng:

"Mày cứ ra đi, ở đâu cũng đều có phép nước".

Ông lại thiệp liệp sử sách, rất hâm mộ huyền giáo[3],thông hiểu xung điển[4], nổi tiếng đương thời là người uyên bác.

Hồi Thượng hoàng còn nhỏ, bị ốm, từng sai ông làm phù phép trấn áp cho yên. Ông mặc áo lông đội mũ, trông như đạo sĩ.

Vợ ông là Trinh Túc phu nhân từng có việc xin riêng với ông, ông gật đầu. Đến khi ra phủ, người thư ký đem việc ấy trình lên ông, ông lại không cho.

Ông là bậc thân vương tôn quý, làm quan trải bốn triều, ba lần coi giữ trấn lớn, trong nhà không ngày nào không mở cuộc hát xướng, làm trò, mà không ai cho là say đắm. So với Quách Tử Nghi[5] tột cùng xa xỉ mà không ai chê, ông cũng gần được như thế.

Trinh Túc phu nhân là người Thanh Hóa, cho nên các nàng hầu vợ lẽ của Nhật Duật [**4b**] đều là người Thanh Hóa và các con ông cũng đều do các bà ở Thanh Hóa đẻ ra. Sau này, có bổ tri phủ Thanh Hóa, đều lấy con cháu Nhật Duật cho làm, cũng như Quốc Khang ở Châu Diễn vậy.

Trần Khắc Chung chết, tặng chức Thiếu sư.

Khắc Chung là người cố làm ra vẻ khác đời để cầu tiếng khen, không chăm lo đến nghiệp nhà. Mỗi buổi sáng vào chầu thì tạm nghỉ ở cục Thượng Liễn cửa Vĩnh Xương, xem kỹ các bản tâu để chuẩn bị tâu bày. Khi tan chầu thì tới Đông cung (khi ấy Minh Tông đang còn ở Đông cung) dạy học, đều giả vờ, cố sức mà làm.Thường hay đánh bạc với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố, có khi đến 2,3 ngày, đánh thâu đêm suốt sáng, ngồi ngay trên giường đánh bạc mà húp cháo, không nghỉ lấy một chút. Được thua chỉ một hai quan tiền mà dụng tâm khổ sở như vậy. Lại như gặp những ngày trẻ đầy năm,mừng nhà mới của bạn

[1] Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chẩn.

[2] Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chẩn.

[3] Tức Đạo Giáo.

[4] Xung: nghĩa là sâu, là hư không; xung điển: là chỉ chung các kinh điển của Đạo giáo.

[5] Quách Tử Nghi: quan đời Đường (Trung Quốc) trải bốn triều huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông. Sau khi dẹp loạn An, Sử, được Túc Tông phong là Phần Dương Vương, nên thường được gọi là Quách Phần Dương. Đời Đức Tông, làm Thái úy trung thư lệnh, nên cũng được gọi là Quách Lệnh Công.

bè, được mời là đến cả. Thậm chí nhà quan thầy thuốc có món ăn ngon cũng tới.Quân nhân biếu món ăn thì khen ngợi[**5a**] vợ họ. Một hôm,[Khắc Chung] bảo con là Công Xước: " Mày Lấy con gái nhà ấy sao không bảo cho ta biết ?".

Trước đây Khắc Chung lấy nàng Bảo Hoàn. Khoảng đời Trung Hưng, người Nguyên vào cướp, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, tài sản, ruộng đất đều bị tịch thu sung công. Đến khi vua lên ngôi, xuống chiếu cho trả lại, nhưng ông cũng không đem điền sản đó dùng vào việc thờ cúng. Ông ta xu thời giả tạo như thế đó. Chỉ có việc đi cầu hòa [với quân Nguyên] là khả quan thôi. Cho nên, người đời đều khen là giỏi.[Khi mất], đưa về chôn ở Giáp Sơn, bị gia nô của Thiệu Võ băm nát xác ra.

Tân Mùi, [Khai Hựu] năm thứ 3[1331], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 2). Nhà Nguyên sai Lại bộ thượng thư Tản Chỉ Ngõa[1] sang báo việc Văn Tông lên ngôi.

Sai sứ sang Nguyên chúc mừng[2].

Thượng hoàn ngự cung Trùng Quang. Hoàng tử phủ đứng hầu. Gặp mưa gió to, [hoàng tử Phủ] ứng chế làm bài thơ có câu :

An đắc tráng sĩ lực cái thế,
Khả ngự đại ốc chi đồi phong.
(Sao được tráng sĩ sức hơn đời,
Chống đỡ nhà to khi gió mạnh).

Thượng hoàng thưởng cho Phủ 10 lạng vàng (Phủ lúc ấy 11 tuổi).

[5b] Nhâm Thân, [Khai Hựu] năm thứ 4 [1332], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, ngày 15, phụ táng Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng thái hậu vàoThái Lăng.

Trước đó, Thượng hoàng sai các quan chọn ngày chôn cất. Có người bác đi rằng: "Chôn năm nay tất hại người tế chủ". Thượng hoàng sai hỏi người đó rằng: "Người biết là sang năm ta nhất định chết à?".

Người ấy trả lời là không biết. Thượng hoàng lại hỏi rằng:

"Nếu sang năm trở đi, ta chắc chắn không chết, thì hoãn việc chôn mẫu hậu cũng được; nếu sang năm ta chết, thì lo xong việc chôn cất mẫu hậu chẳng hơn là chết mà chưa lo được việc đó ư? Lễ cát lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thôi, chứ đâu có phải câu nệ họa phúc như các nhà âm dương."

Rốt cuộc vẫn cử hành lễ tang.

Tháng 3, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nội mật viện phó sứ, giữ sổ sách ở nội sảnh cung Quan Triều.

Mùa thu, tháng 7 lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Tri thẩm hình viện sự, kiêm An phủ sứ Thanh Hóa. Trung Ngạn[**6a**] lập Bình doãn đường xét xử ngục tụng. Không ai bị xử oan hoặc xử quá đáng.

Quý Dậu, [Khai Hựu] năm thứ 5[1333], (Nguyên Thuận Đế Thỏa Hoan Thiếp Mục Nhi, Nguyên Thống năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đói to.

Giáp Tuất, [Khai Hựu] năm thứ 6[1334], (Nguyên Nguyên Thống năm thứ 2). Mùa xuân, đặt thêm chức tả hữu chính ngôn tham nghị ở Trung thư.

Thượng hoàng tuần thú đạo Nghệ An, thân đi đánh Ai Lao. Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Phát vận sứ Thanh Hóa, vận tải lương thực đi trước. Xa giá tới Châu Kiềm[3].

---

[1] Nguyên sử, bản ký (Văn Tông) chép là tản Lý Ngoã.

[2] CMCB9 dựa vào Nguyên sử chép tên người câm đầu sứ bộ lần này là Đoàn Tử Trinh.

[3] Châu Kiềm tức Mật châu, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (theo CMCB9).

Ai Lao nghe tin chạy trốn. Sai Trung Ngạn mài vách núi khắc chữ ghi công rồi về[1].

Ất Hợi, [Khai Hựu] năm thứ 7[1335], (Nguyên Chí nguyên năm thứ 1). Nhà nguyên sai lại bộ thượng thư là Thiết Trụ sang báo việc Thuận Đế lên ngôi.

Mùa thu, tháng 9, Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua. Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Trước đó, Thượng hoàng đã bàn việc đánh Ai Lao mà không đi được. Đến đây, lại bàn việc thân chinh, nhưng bị đau [**6b**] mắt. Có người xin hõan việc xuất quân. Thượng hoàng nói :

"Năm ngoái định thân chinh rồi không được, năm nay lại vì đau mắt mà hoãn việc xuất quân, thiên hạ sẽ bảo ta là nhát, nếu giặc phương Bắc xâm lấn thì ta còn nhờ cậy vào đâu?".

Bèn quyết chí thân chinh, ít lâu sau mắt cũng khỏi. Đến Nghệ An, bệnh lại tái phát. Thượng hoàng ngồi thuyền cố gượng mà đi, khi lên bộ thì khỏi.

Bấy giờ Nhữ Hài chỉ huy quân thần Vũ và Thần Sách, kiêm chức kinh lược đại sứ Nghệ An, mà Ai Lao xâm lấn đất Nam Nhung[2] là thuộc ấp của Nghệ An, cho nên lấy Nhữ Hài làm đốc tướng, các quân đều chịu sự chỉ huy của ông.

Nhữ Hài chỉ đem quân thần Vũ và quân Nghệ An tiến đánh, đoán chừng Ai Lao giữ đất Nam Nhung, quân ít và thiếu, đánh nhất định thắng. Vả lại, trại nó sát ngay sông lớn Tiết La[3] , sau khi thắng trận bắt được tù binh theo dòng xuôi xuống, đi qua Chân Lạp và các nước phiên khác, đều có diễu võ giương oai, nhân đó dụ bảo con em các nước ấy vào chầu, y muốn lập [**7a**]kỳ công để lấn lướt người cùng hàng.

Đến ngày giao chiến, mây mù che tối, giặc đã phục sẵn voi ngựa, hai mặt giáp công, quan quân thua to, sa xuống nước chết đuối đến quá nửa. Nhữ Hài cũng ở trong số người chết đuối đó.

Thượng hoàng được tin đó bảo rằng: "Nhữ Hài dùng mưu tất thắng thừa kế tất thắng, công đã gần thành, cuối cùng bị giặc nhử mồi[mà chết]. Nhữ Hài không phải không biết tình thế của giặc, chỉ vì muốn làm to quá mới đến nỗi vậy.Thế mới biết sự mong muốn của con người không thể vượt quá giới hạn được".

Sử thần ngô Sĩ liên nói :"Trận đánh Thành Bộc[4]. Tử Ngọc có mưu tất thắng mà rốt cuộc bị thua là vì bị Văn Công nhử mồi.Trận đánh Nam nhung, Nhữ Hài có mưu tất thắng rồi cũng bị thua là vì bị Ai Lao nhử mồi. Hai viên tướng này đâu phải không có tài lược mà đến nỗi như thế. Chỉ vì kiêu căng nên chuốc lấy thất bại đó thôi.

Khổng Tử nói: "Gặp[**7b**] việc thì lo sơ, mưu giỏi thì thành công". Điều cốt yếu của việc chiến trận không gì lớn hơn thế. làm tướng mà kiêu ngạo, có thành công được bao giờ!.

Khi Thượng hoàng thân chinh thì Đỗ Thiên Hư chỉ huy quân Khoái Hộ (tức là quân Thần Sách) đang bị ốm nặng. [Thượng hoàng] bảo ở lại Thiên Hư liền sai người nhà khiêng mình đến ngoài cửa Vĩnh An, cố xin theo xa giá và nói :

"Thần thà chết ngoài cửa quân dinh chớ không muốn chết trong giường đệm".

Thượng hoàng khen ngợi chí khí của ông, cho đi theo, khi vào đất giặc thì chết. Thượng hoàng than thở thương tiếc sắc cho dùng nhạc Thái thường để cúng tế. Sau này Nguyễn Dũ chết cũng như vậy.

---

[1] Bài văn khắc ở núi Thành Nam, thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, trỉnh Nghệ An. Theo CMCB9, thì nét chữ to bằng bàn tay, tạt vào đá sâu đến hơn một tất. Cương mục chép việc này vào năm Ất Hợi, Khai Hựu năm thứ 7 (1335).

[2] Nam Nhung: là tên ấp, ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[3] Cương mục chú sông Tiết La ở ấp Nam nhung. Có lẽ sông Tiết La là miột khúc của sông Lam ở gần vùng Cửa Rào.

[4] Trận đánh Thành Bộc ở nước Vệ thời Xuân Thu xảy ra giữa nước tấn và nước Sở. Quân Sở do Tử Ngọc chỉ huy vốn có ưu thế hơn quân Tấn. Tướng Tấn Loan Chi dùng mưu giả cách thua chạy, Tử Ngọc dẫn quân đuổi theo, bị quân tấn hai bên đánh ập lại, quân Sở đại bại.

(Bấy giờ cúng tế thông thường mà dùng nhạc Thái thường thì chỉ có hành khiển mới được, chức thẩm hình chỉ được dùng trai nội tế.Thiên Hư được tế bằng Thái thường là ân sủng đặc biệt, không kém gì hành khiển).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ tiểu nhân suy tính thấy lợi thì tiến,thấy hại thì [**8a**] lui, chỉ mong vừa lòng mình, có lợi cho mình.Cho nên có kẻ thấy việc ngại thì khó, có kẻ làm quan thì kiếm cớ, hiếm được người sốt sắng với vua họ. Thiên Hư đang lúc ốm nặng, Minh Tông cho ở lại, như thói thường của người đời thì chẳng qua vâng lời là xong, lại cố xin đi theo, không muốn chết ở nơi giường đệm, thì suy nghĩ của ông chỉ sốt sắng với nhà vua thôi, há chẳng làm cho những kẻ ngại khó kiếm cớ xấu hổ sao ?

Bấy giờ có thượng tướng Phạm Thương Cối tính người hòa nhã, chưa từng tranh cạnh với ai.Trần Ngô Lang thường hay khinh rẻ ông, nhưng ông cũng không động lòng. Đến việc đánh dẹp thì nhiều lần có công, cũng không cậy công mà lên mặt với người khác. Thượng hoàng có lần bảo :

"Cách sửa mình của Thương Cối cũng gần được như Quách Tử Nghi".

Mùa đông, tháng 12, động đất.

[8b] Bính Tý, [Khai Hựu] năm thứ 8[1336], (Nguyên Chí nguyên năm thứ 2). Thượng hoàng từ Ai Lao về đến kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ngày 19, con của Thượng hoàng là Hạo sinh (tức là Dụ Tông).

Đinh Sửu, [Khai Hựu] năm thứ 9[1337], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 2, con của Thượng hoàng là Kính sinh (tức là Duệ Tông).

Ngày mồng 5, sét đánh đình Át Vân điện Thụy Chương.

Sao chổi mọc ở phương đông Bắc.

Xét duyệt các quan văn võ, vẫn đặt thuộc viên các sảnh, viện.

Mùa thu, tháng 7, lấy công chúa Hiển Trinh, con gái trưởng của Bình chương Huệ Túc vương làm Thần phi.

Tháng 9, xuống chiếu cho các quan trong ngoài triều khảo sát các thuộc viên do mình cai quản, người nào có tờ khai cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi về.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Nghệ An, kiêm Quốc sử viện giám tu quốc sử, hành Khoái Châu lộ tào vận sứ Trung Ngạn kiến nghị lập tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp dân bị đói. Xuống chiếu cho các [**9a**] lộ bắt chước thế mà làm.

Sai Hưng Hiếu Vương dẹp người man Ngưu Hống. [Hưng Hiếu Vương] tiến quân vào trại Trịnh Kỳ, đánh tan quân man, chém tù trưởng của họ là Xa Phần.

Quân trở về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu Vương viện dẫn việc Nhân Huệ Vương đi dẹp ấp Nam Nhung khi trước, xin thưởng cả những người giữ thuyền. Thượng hoàng nói :

"Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, từ Nghệ An đi bộ mấy ngày, đến sông Nam Nhung mới đục gỗ làm thuyền.Đó là giữ thuyền trong đất của giặc, chứ không phải là giữ thuyền ở Nghệ An.Người giữ thuyền lần này thì khác thế.Vả lại, có thưởng tất phải có phạt, thưởng phạt thường phải có cả. Nếu người giữ thuyền muốn nhờ ở chiến thắng để lấy thưởng, giả sử người đi đánh bị chết thì người giữ thuyền cũng chịu chết chăng?".

Hưng Hiếu trả lời :"Nếu không có người giữ thuyền, trong quân mà nghe tin giặc lấy mất thuyền thì quân sĩ liệu có giữ vững được không?". Thượng hoàng nói: "Nếu vậy thì trước hết phả thưởng cho những người trong triều mới phải, vì nếu Kinh sư không yên thì quân sĩ có thể đi đánh giặc được không?". Hưng Hiếu [**9b**] không trả lời được.

Trong chiến dịch này, gia đồng của Hưng Hiếu là Phạm Ngải có lập chiến công, Thượng hoàng nói: "Gia nô tuy có chút công lao nhưng không được dự vào quan tước triều đình".

Xuống chiếu cấp cho Ngải 5 phần suất ruộng. Lại có Bảo Vũ là người Thượng hoàng rất yêu mến, nhưng cũng không được đặt vào chức quan trọng vì không có tài, cũng như Anh Tông đối với Hưng Bảo[1] vậy.

Mậu Dần, [Khai Hựu] năm thứ 10 [1338], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, gió to, nhà cửa, cây cối bị đổ gãy nhiều.

Lấy Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm tham dự triều chính, Cung Định Vương Phủ làm Phiêu kỵ thượng tướng quân, lĩnh trấn Tuyên Quang.

Kỷ Mão, [Khai Hựu] năm thứ 11[1339], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa xuân, đổi tên lịch Thụ thành lịch Hiệp kỷ.

Khi ấy, Hậu nghi lang thái sử cục lệnh là Đặng Lộ cho rằng lịch các đời trước đều gọi là lịch Thụ thì, xin đổi tên thành lịch Thụ thì, xin đổi thành lịch Hiệp [**10a**] kỷ. Vua y theo.

(Lộ là người huyện Sơn Minh)[2] .Lộ từng làm linh lung nghi thảo nghiệm thiên tượng, không việc gì là không đúng.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, ban đêm, con của Thượng hoàng là Hạo đi thuyền chơi Hồ Tây bị chết đuối, vớt được ở lỗ cống đơm cá. Thượng hoàng sai thầy thuốc Trâu Canh cứu chữa. Canh nói: "Dùng kim châm sẽ sống lại, nhưng chỉ sợ sẽ bị liệt dương". Dùng kim châm thì quả như lời ông ta nói, từ đấy mọi người gọi Trâu Canh là thần y. Canh sau mãi được thăng lên Quan phục hầu Tuyên Huy viện đại sứ kiêm Thái y sứ.

Lấy Trương Hán Siêu làm Môn tạ hữu ty lang trung.

Nhân Huệ Dương Khánh Dư chết.

Năm nay, sao Huỳnh Hoặc mọc vào giới phận sao Nam Đẩu ở đến hơn một tháng mới ra (chưa rỏ tháng nào).

Tân Tỵ, [Khai Hựu] năm thứ 13[1341], (từ tháng 8 trở đi là Dụ Tông, Thiệu Phong năm thứ 1, Nguyên Chí Chính năm thứ 1) .Mùa xuân, lấy nguyễn Trung Ngạn làm Đại Doãn kinh sư.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 11, vua băng ở chính tẩm, tạm quàn[**10b**] ở cung Kiến Xương, miếu hiệu là Hiến Tông.

> Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: "Vua tuy có thiên tư tốt đẹp, nhưng vì tuổi trẻ nối ngôi, công việc trong nước đều do Thượng hoàng giữ cả, thì cũng như là người chưa nắm việc của đất nước, tức như câu "cha còn sống, con không được chuyên quyền"" [3] vậy, còn bàn vào đâu được nữa.

Mùa thu, tháng 8, ngày 21, Thượng hoàng đón hoàng tử Hạo lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Phong năm thứ 1.

Đại xá.

[Vua] tự xưng là Dụ Hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thể Đạo Nhân Minh Quang Hiếu Hoàng Đế. Vua lúc ấy mới lên 6 tuổi. [Thượng hoàng] không lập con trưởng là Cung Túc Vương Dục, Vì [Dục] là người ngông cuồng.

---

[1] Nên sửa là Bảo Hưng. Toàn thư, BK6 chép: Hưng Long năm thứ 12 (1304), tháng 12... Vua (Anh Tông) đối với người tôn thất như Bảo Hưng Vương (không rõ tên) rất là thân yêu mà không trao cho chính sự vì không có tài.

[2] Huyện Sơn Minh: nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[3] Lời chú trong thiên Học nhi, sách Luận ngữ.

Sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn làm biên soạn bộ Hòang triều đại điển và khảo soạn bộ Hình thư để ban hành.

[11a] Dụ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ:HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Hạo, con thứ mười của Minh Tông, do Hiến Từ Hoàng hậu sinh ra. Ở ngôi 28 năm,thọ 34 tuổi, băng táng ở Phụ Lăng. Vua tính rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sữa sang việc văn, các di thần đều phục. Đời Thiệu Phong, chính sự tốt đẹp; từ năm Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Nhâm Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 2[1342], (Nguyên Chí Chính năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, xét duyệt các quan văn võ và tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, phong con gái của Thượng hòang là Ngọc Tha (còn chép là Bạch Tha) làm Thiên Ninh công chúa, gã cho Chính Túc Vương Kham, (có sách chép là Hưng Túc).

Tháng 5, chúa Chiêm thành Chế A Nan chết. Con rể là Trà Hòa Bố Đề tự lập làm vua, sai đến cửa khuyết báo tin buồn.

Mùa thu, tháng 7, tôn Hiến Từ hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu.

Lấy Trương Hán Siêu làm [**11b**] tả ty lang trung kiêm Kinh lược sứ Lạng Giang; Nguyễn Trung Ngạn chọn đinh tráng các lộ bổ sung các ngạch thiếu của cấm quân, định thành sổ sách. Khu mật viện quản lãnh cấm quân bắt đầu từ Trung Ngạn.

Thượng hoàng ngự đến Ngự sử đài. Giám sát ngự sử Doãn Định và Nguyễn Như Vi bị bãi chức.

Bấy giờ đã trùng tu xong Ngự sử đài.Sáng sớm, Thượng hoàng ngự tới, Ngự sử Trung tán là Lê Duy theo hầu Thượng hoàng trở về cung rồi, Doãn Định và Nguyễn Như Vi mới đến [Hai người] bèn làm sớ kháng nghị, nói là Thượng hoàng không được vào Ngự sử đài và hặc tội Lê Duy không biết can ngăn, lời lẽ rất gay gắt.

Thượng hoàng gọi đến dụ họ rằng: "Ngự sử đài cũng là một trong các cung điện, chưa từng có cung điện nào mà thiên tử không được vào.Vả lại, trong Ngự sử đài xưa kia còn có chổ để thiên tử giảng học.các bạ thư[12a] chi hậu dâng hầu bút nghiêng đều ở đó cả. Đó việc cũ thiên tử vào Ngự sử đài. Ngày xưa Đường Thái Tông còn xem Thực lục, huống chi là vào đài!".

Bọn Định còn cố cãi, mấy ngày vẫn không thôi. Vua dụ họ hai, ba lần cũng không được, bèn bị bãi chức cả.

Quý Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 3 [1343], (Nguyên Chí Chính năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ngự đến phủ Thiên Trường.

Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán. Xuống chiếu ban giảm một nửa thuế nhân đinh năm này.

Mùa đông, tháng 11,ngày mồng một, Khâm từ hoàng Thái hậu băng.

Năm này mất mùa,đói kém,dân nhiều kè làm trộm cướp, nhất là gia nô các vương hầu.

Giáp Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 4[1344], (Nguyên Chí Chính năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, người Trà Hương[1] là Ngô Bệ họp bọn ở núi Yên Phụ[2] làm giặc cướp.

Đổi Hành khiển ty ở cung Thánh Từ làm Thượng thư sảnh, còn Hành khiển ty ở cung Quan Triều[**12b**] vẫn để là môn hạ sảnh như cũ.

Đặt đại sứ và phó sứ của viện Tuyên Huy.

Đổi kiểm pháp quan của viện Đăng Văn thành Đình úy, Tự khanh và Thiếu khanh.

Đặt đồn điền sứ và phó sứ ở ty Khuyến nông.

Lộ lớn thì đặt An phủ sứ và phó sứ, thuộc châu thì đặt Thông phán. Lại đặt chức Đề hình và chức Tào ty chuyển vận ở lộ nhỏ. Phủ Thiên Trường thì đặt là Thái phủ và Thiếu phủ.

Phục hồi quan tước cho Quốc phụ thượng tể Quốc chẩn.

Mùa thu, tháng 8, đặt 20 đô phong đoàn ở các lộ để đuổi bắt giặc cướp.

Ngày 15 an táng Hiến Tông vào An Lăng ở Kiến Xương[3].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên tử mất 7 thánh thì chôn.Ngày xưa Chu Hoàn Vương mất đến 7 năm mới chôn là vì nhà Chu khi ấy có loạn Tử Nghi và Hắc Kiên[4]. Hiến Tông đến nay đã mất 4 năm rồi mới táng, vẫn chưa biết lý do vì sao. Có lẽ còn thượng hoàng nên phải theo lệnh chăng?. [**13a**] nhưng lúc ấy cũng không thấy ai đem lễ ra bàn cãi cả.

Năm này mất mùa, đói kém, dân nhiều kẻ phải làm sư và làm nô cho các thế gia.

Ất Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 5[1345], (Nguyên Chí Chính năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, thi thái học sinh. Phép thi dùng ám tả, cổ văn, kinh nghĩa, thi phú.

Mùa hạ, tháng 4 và 5 hạn hán. Xuống chiếu soát tù, giảm tội bọn tội phạm.

Mùa thu, tháng 8, sứ Nguyên là Vương Sĩ Hành sang hỏi việc cột đồng. Sai Phạm Sư Mạnh đi biện bạch việc này.

(Xét năm này ở nước Nguyên giặc cướp nổi lên ở khắp nơi, hơn nữa, tháng 9 năm sau Sư Mạnh được lệnh thăng chức, đi về sao lại nhanh thế?. Việc này chưa chắc đã có, hãy tạm chép vào đây).

Mùa đông, tháng 11, lấy Trương Hán Siêu là Tả gián nghị đại phu.

Sai quân nhân đi bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Quân của Bệ chạy trốn tan rã cả.

Bính Tuất, [Thiệu Phong] năm thứ 6 [1346], (Nguyên Chí Chính năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một, nhật thực.

Sai Phạm Nguyên Hằng sang sứ [**13b**] Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm.

Mùa hạ, tháng 5, Ai Lao vào cướp biên giới. Sai Bảo Uy Vương Hiến đánh tan bọn chúng. Bắt được rất nhiều người và súc vật. Mùa thu,tháng 9, lấy Phạm Sư Mạnh là Trưởng bạ kiêm Khu mật tham chính.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất đơn bạc.

---

[1] Trà Hương: là đất huyện Kim Thành trước đây, nay là một phần đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

[2] Núi Yên Phụ: ở huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

[3] Nay là huyện Vũ Thư và huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

[4] Đời Chu ở Trung Quốc, Chu Hoàn Vương Cơ Lâm chết, con là Trang Vương Cơ Đà lên ngôi, nhưng Chu Công Hắc Kiên âm mưu giết Trang Vương lập Tử Nghi (em Trang Vương), cung đình loạn to, xác Hoàn Vương để tới 7 năm mới chôn.

Đinh Hợi, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1347], (Nguyên Chí Chính năm thứ 7) .Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 6 , Bảo Uy Vương Hiến có tội bị đuổi ra làm Phiêu kỵ tướng quân trấn Vọng Giang[1], rồi bị giết ở sông Vạn Nữ[2], lộ Trường Yên.

Buổi đầu dựng nước, thuyền buôn nước Tống sang dâng người nước Tiểu Nhân, thân dài 7 tấc, tiếng như ruồi nhặng, không thông ngôn ngữ, lại dâng một tấm vải hỏa hoãn[3] giá mỗi thước 300 quan tiền, lưu truyền làm của quý. Sau đem may áo vua, cắt hơi ngắn, sai cất trong nội phủ. [**14a**] Bảo Uy tư thông với cung nhân lấy trộm áo ấy. Một hôm Bảo uy mặc áo ấy vào trong rồi vào chầu, tâu việc trước mặt Thượng hoàng, để lộ ống tay áo ra. Thượng hoàng trông thấy có ý ngờ, sai người kiểm xét lại, quả nhiên chiếc áo cất giữ đã mất. Người cung nhân sai người thị tỳ già đến nhà Bảo uy lấy áo đem về, rồi ngầm đem vào cung dâng trình. Thượng hoàng không nỡ giết, đuổi Bảo Uy ra làm quan ở trấn ngoài. Đến sông Vạn Nữ, sai vũ sĩ đi thuyền nhẹ đuổi giết, vứt xác vào bãi cát rồi về, giáng làm Bảo Uy hầu.

Mùa thu, tháng 8, Đôn Từ hoàng thái hậu Lê thị băng.

Cung Mẫn Vương Nguyên Hú chết.

Mậu Tý, [Thiệu Phong] năm thứ 8[1348], Nguyên Chí Chính năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy ngự tiền học sinh Đỗ Tử Bình làm thị giảng.

Mùa hạ, tháng 5, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn nước Đồ Bồ[4] đến hải trang Vân D(ôn ngầm mua ngọc trai. Người Vân Đồn [**14b**] nhiều kẻ mò trộm ngọc trai bán cho họ. Chuyện này bị phát giác, đều bị tội cả.

Phương Cốc Trân[5] nước Nguyên dấy binh làm loạn.

Kỷ Sửu, [Thiệu Phong] năm thứ 9 [1349], (Nguyên Chí Chính năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, thuyền buôn phương Bắc sang cống bát Diêu Biến.

(Cuối đời Tống, người Hàng Châu nung lò bát sắp được, thấy con chim diêu bay qua trên lò bát, ỉa phân vào trong lò, hoá thành bát ngọc, nên đặt tên là Diêu Biến[6]) .

Mùa hạ, tháng 5, nước Đại Oa[7] sang cống sản vật địa phương và chim vẹt đỏ biết nói.

Mùa đông, tháng 10, sách phong công chúa Ý Từ, con gái thứ tư của Bình chương Huệ Túc Vương làm Nghi Thánh hoàng hậu.

Tháng 11, ngày mồng một, nhật thực.

Đặt quan trấn, quan lộ vá sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ. Trước đây, thời nhà Lý, thuyền buôn tới thì váo từ các cửa biển Tha, Viên[8] ở Châu Diễn. Đến nay, đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, thuyền buôn phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn, cho nên có [**15a**] lệnh này.

---

[1] Tức đất huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An ngày nay.

[2] Sông Vạn Nữ: hay sông Trinh Nữ ở địa giới huyện Yên Mô (CMCB9), nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[3] Thứ vải chịu lửa, có nhiều thuyết, nhưng có lẽ là giặc bằng lửa (hoãn cũng đọc là cán, có nghĩa là giặt).

[4] Cũng đọc là Chà Bồ, có lẽ là phiên âm tên Java (In-đô-nê-xi-a).

[5] Sử Trung Quốc chép là Phương Quốc Trân. Năm 1348, Phương Quốc Trân khởi nghĩa ở Chiết Đông, lấy Khánh Nguyên (Ninh Ba, Chiết Giang) làm căn cứ.

[6] Thứ bát sứ tráng men, khi nung, lửa lò không đều, men biến đi mà thành sắc lạ.

[7] Có lẽ cũng là Qua Oa, tức Java.

[8] Bản dịch cũ chú rằng có lẽ là cửa Thơi và cửa Quèn.

Canh Dần, [Thiệu Phong] năm thứ 10[1350], (Nguyên Chí Chính năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, có người Nguyên là Đinh Bàng Đức, nhân nước có lọan, đem cả nhà đi thuyền vượt biển chạy sang ta. Bàng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Trò leo dây bắt đầu có từ đó.

Cung Giản Vương Nguyên Thạch chết.

Từ Thọ Huy nước Nguyên dấy binh, tự xưng là Hoàng đế[1], nước [Nguyên] loạn to.

Tân Mão, [Thiệu Phong] năm thứ 11[1351], (Nguyên Chí Chính năm thứ 11). Mùa xuân,tháng giêng, người Thái Nguyên và Lạng Sơn tụ họp làm giặc cướp, đánh lẫn nhau. Đánh dẹp được bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Lấy Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Người con gái ở Thiên Cương, Nghệ An biến thành con trai.

Trâu Canh có tội đáng chết, được tha.

Bấy giờ Trâu Canh thấy vua bị liệt dương, dâng phương thuốc nói rằng [**15b**] giết đứa bé con trai, lấy mật hòa với dương khởi thạch mà uống và thông dâm với chị hay em ruột của mình thì sẽ hiệu nghiệm. Vua làm theo, thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh, quả nhiên công hiệu.

Canh từ đấy được yêu quý hơn, được ngày đêm luôn ở trong hậu cung hầu hạ thuốc thang. Canh liền thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, Thượng hoàng địng bắt Canh chết, nhưng vì có công chữa khỏi bệnh cho vua nên được tha.

(Canh là con Trâu Tôn người phương Bắc. Khoảng năm Thiệu Phong[2], người Nguyên vào cướp, tôn làm thầy thuốc đi theo quân Nguyên, đến khi quân Nguyên thua, thì bị bắt. Tôn ở nước ta, chữa thuốc cho các vương hầu thời đó, phần nhiều thấy công hiệu. Người trong nước nhiều lần cho Tôn ruộng, nô, thành ra giàu có. Canh nối nghiệp cha, trở thành danh y, nhưng không có hạnh kiểm nên đến nỗi thế. Đến sau lại được phục hồi chúc vị. Dòng dõi của Canh đến triều nay còn có người là Trâu Bảo, được của do Trâu Canh cất giữ trở nên giàu có, nhưng cũng vì thế mà trở nên lụng bại).

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập nội hành khiển, vẫn coi việc ở khu mật viện.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự điện Thiên An, duyệt cấm quân ở Long Trì, ban cho Nguyễn Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo thẻ bài gỗ, nghiên vàng[3] để duyệt cấm quân, định loại hơn kém.

[16a] Nhâm Thìn, [Thiệu Phong] năm thứ 12, [1352], (Nguyên Chí Chính năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 3, Chế Mỗ người Chiêm Thành chạy sang ta, dâng voi trắng, ngựa trắng, mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật xin đánh Trà Hòa Bố Để mà lập y làm vương quốc.

Trước đây, khi chúa Chiêm là Chế A Nan còn sống, con rể là Chế Mỗ làm bố điền (tức đại vương), con rể là Trà Hòa Bố Để làm bố đề (Tức tể tướng), nói câu gì bàn kế gì cũng được chúa Chiêm nghe theo, nhân thế hắn lập bè đảng với Chế Mỗ. Chế Mỗ khi nào bị quở trách, Bố Để thường cứu gỡ cho. Người trong nước do vậy mà có lòng khác, không chuyên tâm theo về Chế Mỗ nữa. Đến khi A Nan chết, Bố Để liền đuổi Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Thế mới biết kẻ làm tôi mà lập bè đảng là có mưu đồ khác mà Chế Mỗ vẫn không biết là mình bị sa vào thuật của nó.

---

[1] Từ Thọ Huy nổi dậy ở vùng Hồ Bắc, xưng đế, quốc hiệu là Thiên Hoàn, đóng đô ở Nghi Thủy, sau dời đô về Hán Dương (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc).

[2] Niên hiệu Thiệu Phong (1341-1358) không có quân Nguyên xâm lược. Cương mục chữa là Nguyên Phong (1251 -1258). Như vậy là muốn chỉ cuộc xâm lược của quân Mông Cổ vào năm 1258, không chắc là có thầy thuốc Trung Quốc đi theo quân Mông Cổ. Chúng tôi cho rằng nên chữa là là Thiệu Bảo (1279-1285). Trong niên hiệu này, có cuộc xâm lược lần thứ hai 1285. Lần này ta bắy được nhiều tù binh.

[3] Thẻ bài gỗ có bốn cạnh như hình cái thước vuông và nghiên vàng đựng mực, là hai thứ đeo vào đai lưng để tiện ghi chép.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn tràn ngập, vỡ đê Bát Khối[1] lúa má chìm ngập. Khóai Châu[2], Hồng Châu[3] và Thuận An[4] hại nhất.

[16b] Quý Tỵ, [Thiệu Phong] năm thứ 13 [1353], (Nguyên Chí Chính năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ.

Lấy cung Định Vương Phũ làm Hữa tướng quốc.

Mùa hạ, tháng 6, cử đại binh đi đánh Chiêm thành. Quân bộ đến Cổ Lũy[5] , quân thủy chở lương gặp trở ngại lại quay về.

Trước kia Hưng Hiếu Vương coi Hóa Châu[6] , Chế Mỗ nói với Tước Tề (là gia nhi của Minh Tông đi lại với Chế Mỗ) rằng:

"Chuyện cổ của Chiêm Thành kể rằng ngày xưa có ông vua nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quí nó, muốn cho nó biết nói. Ông ta tìm khắp trong nước, bảo người nào biết nuôi dạy được khỉ nói thì thưởng một lạng vàng. Có một người nói là sẽ dạy được. Vua mừng lắm, sai hắn nuôi khỉ. Người ấy nói: "Hàng tháng dùng thuốc phí tổn đến trăm lạng vàng, sau ba năm mới có kết quả". Vua nghe theo. Ý hắn nghĩ rằng quốc vương với mình cùng con khỉ, trong khỏang ba năm nhất định có một kẻ chết hãy cứ lấy vàng của vua đã, mà chẳng cấn phải có kết quả. Chế Mỗ theo về chúa thượng, nhưng thực là Hưng Hiếu chủ trương[**17a**] việc ấy. Trải bao năm tháng mà vẫn chưa nghe được ngày về nước. Sự thể của tôi cũng giống chuyện đó".

Triều đình nghe lới Chế Mỗ, cử binh đưa Chế Mỗ về nước, nhưng không thành công. Chế Mỗ ở lại nước ta, không bao lâu rồi chết.

Thăng Thái úy Nguyên Trác làm Tả tướng quốc.

Mùa thu, tháng 9, Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu, quan quân đánh đuổi chúng rất bất lợi. Vua gọi Trương Hán Siêu mưu tính việc đó. HánSiêu trả lời: "Không nghe lời thần nên đến nỗi thế". Vua bèn sai Trương Hán Siêu đem các quân Thần sách đi trấn giữ Hóa Châu.

Giáp Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 14 [1354], (Nguyên Chí Chính năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, quan trấn giữ biên giới phía bắc cho chạy trạm tâu việc Trần Hữu Lượng nước Nguyên dấy binh, sai sứ sang xin hòa thân (Hữu Lượng là con Trần ích Tắc).

Tháng 3, ngày mồng một, nhật thực.

Bấy giờ đói kém, dân khổ vì giặc cướp. Có kẻ tự xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo Đại Vương tên là Tề, tụ họp các gia nô bỏ trốn của các vương hầu làm giặc, cướp bóc các xứ Lạng Giang[7], Nam Sách[8] .

[17b] Mùa thu,tháng 9, có nạn sâu lúa. Xuống chiếu giảm một nửa tô ruộng.

Mùa đông, tháng 11, có con hổ đen xuất hiện trong thành.

Tả tham tri chính sự Trương Hán Siêu trấn giữ Hóa Châu, biên thùy trở lại yên ổn. Ông xin trở về triều, vua y cho, nhưng về chưa tới kinh sư thì chết, được truy tặng Thái bảo.

---

[1] Bát Khối: tức Bát Tràng và Thổ Khối, tên hai xã của huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[2] Khoái Châu: gồm đất các huyện Châu Giang (trừ đất Văn Giang cũ), Kim Thi và Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[3] Hồng Châu: gồm đất các huyện Mỹ Văn, Cẩm Bình, Ninh Thanh và Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[4] Thuận An: gồm đất huyện Thuận Thành và huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, huyện Văn Giang cũ của tỉnh Hải Hưng và huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[5] Cổ Lũy: là đất tỉnh Quãng Ngãi.

[6] Hóa Châu: gồm đất các huyện Hương Điền, Hương Phú, Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[7] Lạng Giang: gồm đất các huyện Yên Dũng, Lục Ngạn, Yên Thế, tỉnh Bắc Giang và huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[8] Nam Sách: gồm đất các huyệnn Chí Linh, Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và dất huyện Tiên Lăng, Hải phòng ngày nay.

Hán Siêu người Phúc Thành,[huyện] Yên Ninh[1], [phủ] Trường Yên,là người chính trực, bài xích dị đoan, có tài văn chương và chính sự. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên. Ông từng soạn bài văn bia chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang, nội dung tóm lược như sau:

"Chùa bỏ rồi lại dựng, đó chẳng phải là ý muốn của ta. Dựng bia rồi khắc chữ, ta biết nói chuyện gì. Ngày nay thánh triều muốn truyền bá phong hóa nhà vua, để chấn hưng phong tục đang bị suy đồi. Dị đoan đáng phải truất bỏ, thánh đạo nên được phục hưng. Làm đại sĩ phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không trình bày, không phải đạo Khổng Mạnh thì không trước thuật. Thế mà cứ bo bo lải nhải chuyện phật, ta lừa dối ai đây?".

[**18a**] Ông nổi tiếng thời bấy giờ, nhưng Tông chính đại khanh Lê Cư Nhân từng coi ông là chân đá cầu nhà quê, vì người làng quê đá cầu phần nhiều không trúng, để ví với Trương Hán Siêu lo liệu công việc phần nhiều không thỏa đáng. Ông ta khinh bỉ người cùng hàng, không giao du với họ chỉ chơi thân với bọn họan quan Phạm Nghiêu Tư, gặp quan thầy thuốc thì thế nào cũng đùa bợt nói cười, đều là những kẻ không đồng điệu với ông. Đến khi coi đất Lạng Giang thì gả con gái cho tù trưởng đất ấy là Nùng Ích Vấn, khi coi chùa Hùynh Lâm thì gả con gái cho tam bảo nô Nguyễn Chế, đều vì mộ sự giàu có của họ cả.

Lê Cư Nhân chết. Cư Nhân hồi Minh Tông còn trị vì, làm quan nội mật kiêm việc khẩm hình, tra xét án ngục ở nhà, bị trung úy Quách Hạo hặc lỗi. Minh Tông hỏi ông sao không tránh đi? Ông trả lời:

"Thần thà chịu phạt trách chứ không dám lừa dối, làm quan mà lừa dối thì làm sao suất lĩnh được liêu thuộc ?".

Xem những lời ông ta chê người khác [**18b**] và những câu ông ta tự nhận lỗi, thì đủ biết ông là người như thế nào. Đến khi chết được truy tặng Nhập nội hành khiển hữu ty lang trung đồng tri tả ty sự.

Ất Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 15 [1355], (Nguyên Chí Chính năm thứ 15). Mùa xuân,tháng 2, núi Thánh Chúa[2] ở Trà Hương lở.

Động đất.

Từ tháng 3 đến tháng 6, mùa hạ, hạn hán.

Mùa thu,tháng 7, mưa to, nước lớn.

Tháng 9, sát đánh cửa Triều Nguyên và hai cửa nách hai bên tả hữu.

Chu Đức Dụ nước Nguyên xưng hoàng đế (tức Minh Thái Tổ) sau đổi tên thành Nguyên Chương.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm kinh lược sứ trấn Lạng Giang, Nhập nội đại hành khiển, thượng thư hữu bật, kiêm tri khu mật viện sự, thị kinh diên đại học sĩ, trụ quốc Khai Huyện bá.

Bà thứ phi của Anh Tông tên hiệu là Tĩnh Huệ, là con gái Điện súy Phạm Ngũ Lão, trước đã xuất gia. Sau khi Anh Tông băng, bà trở về quê hương. Một hôm lên chùa Bảo Sơn xã Phù Ủng, [**19a**] bà than rằng: "Chùa này do tiên quân[3] ta dựng lên. Ta tuổi đã cao, làm nhà ở đây vừa có thể thờ vua lại vừa có thể cúng tổ tiên, trung hiếu vẹn cả đôi đường. Đó là sở nguyện của ta".

Thế rồi sửa lại chùa đó , lại làm điện ở phía bên đông chùa và làm nhà ở phía đằng sau để cúng lễ tổ tiên thần thánh. Khi làm xong, Thượng hoàng đến thăm, ban cho biển ngạch để biểu dương lòng hiếu kính của bà.

Bính Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 16[1356], (Nguyên Chí Chính năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 3, thiếu can chi ngày, hai mặt trời rập rờn nhau.

---

[1] Yên Ninh: là tên huyện thời Lê sơ, sau vì kiêng húy tên Trang Tông (1533-1548), đổi thành Yên Khang. Thời Nguyên là huyện Yên Khánh. Nay chia vào đất huyện Tam Điệp và huyên Hoa Lưu, tỉnh Ninh Bình

[2] Núi Thánh Chúa: ở Kính Chủ, tỉnh Hải Dương.

[3] Chỉ cha của bà là Phạm Ngũ Lão.

Hai vua đi tuần biên giới, đến Nghệ An.

Mùa hạ, tháng 5, xa giá trở về kinh sư.

Mùa thu, tháng 8, [Thượng hoàng] ngự đến đền thờ Quốc phụ thượng tể Huệ Vũ Đại Vương [Quốc Chẩn], trên núi Kiệt Đặc[1]. Khi trở về, trong thuyền ngự có con ông vàng đốt vàng má phía bên trái của Thượng hoàng, rồi Thượng hoàng bị bệnh. Vua sai người giữ thuyền ngự trông coi việc đánh quan tài.

Mùa đông, tháng 10, Hiến Từ thái hậu gặp ngày mẹ mất, may áo tang, Thượng hoàng nhân bảo thái hậu: "Ta sẽ [**19b**] không mặc áo tang này đâu". Vì khi ấy Chiêu Từ thái hậu hãy còn[2] cho nên Thượng hoàng mới nói thế.

Hiến Từ thái hậu lập đàn chay ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng hoàng.

Đinh Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1357], (Nguyên Chí Chính năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, ngày 19, Thượng hoàng băng ở cung Bảo Nguyên, miếu hiệu là Minh Tông, tên thụy là Chương Nghiêu Văn Triết Hoàng Đế.

Trước đây, Minh Tông nối ngôi đã lâu, rồi mẹ đích mới sinh con trai. Hôm người con ấy đầy tuổi thì Anh Tông đi tuần biên giới vắng, việc ở nhà do Minh Tông quyết định. Có người xi làm lễ theo tư cách tử tế. Các quan còn nghi ngại thì Minh Tông bảo họ:

"Còn ngại gì nữa. Trước đây vì con đích trưởng chưa sinh, nên ta tạm ở ngôi này. Nay đã sinh rồi thì đợi khi lớn lên, ta sẽ trả lại ngôi vua chứ có khó gì?".

Người đó trả lời:

"Việc này từ xưa hay sinh nguy biến, xin nghĩ kỹ lại". Minh Tông nói:

"Cứ thuận nghĩa mà làm, yên hay nguy đâu đáng lo?".

Cuối cùng [**20a**] làm lễ thao tư cách tử tế. Một năm sau thì người con đích tự ấy mất. Minh Tông rất thương xót.

Ngài thường dạy các hoàng tử rằng:

"Con nào mà dốc sức mưu tính sản nghiệp, keo sẻn làm giàu thì không phải con ta. Nếu quả làm chuyện đó thì thà phân tán hết của cải cho người nghèo đi còn hơn. Vì như vậy, dẫu không tránh khỏi túng thiếu, vẫn còn là hành vi của bậc quí nhân".

Khi se mình, triều đình muốn lập đàn chay cầu đảo, Minh Tông biết chuyện, gọi Hữu tướng quốc Phủ vào chổ nằm để hỏi. Vua sợ, lập tức bảo phủ là Phạm Ứng Mộng xướng nghị xin lấy mình chết thay. Phủ đem câu ấy tâu lên. Minh Tông nói :

"Ứng Mộng tự nhận làm địa vị Chu Công thì cứ lấy thân mình mà chết thay cho cha hắn, còn đàn chay thì không đuợc làm!".

Bấy giờ Hiến Từ thái hậu phóng sinh các giống súc vật để cầu cho Minh Tông khỏe lại. Minh Tông bảo bà: "Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được".

Khi bệnh trầm trọng, cho gọi quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thường vào xem [**20b**] mạch. Canh nói: "Mạch phiền muộn". Minh Tông ứng khẩu một bài thơ nhỏ, đọc cho bọn Canh nghe:

Chuẩn mạch hưu luận phiền muộn đa,
Trâu công lương tễ yếu điều hòa.

---

[1] Núi Kiệt Đặc: ở địa phận huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

[2] Chiêu Từ Thái Hậu: tức là Huy Từ hoàng thái phi, mẹ sinh của Minh Tông.

Nhược ngôn phiền muộn vô hưu yết,
Chỉ khủng trùng phiêu phiền muộn gia.
(Xem mạch chớ bàn nhiều muộn phiền,
Ông Trâu thuốc tốt cắt cho yên.
Nếu còn nói mãi phiền cùng muộn,
Chỉ sợ càng tăng phiền muộn lên) .

Vì Trâu Canh ra vào cung cấm, hay dùng những câu kỳ lạ, những kế quỷ quyệt để huyễn hoặc Dụ Hoàng. Minh Tông ghét hắn, nên mượn bài thơ để châm biếm. Đến khi dâng thuốc lên thì ngài nói:

"Người ta ở đời,bao nhiêu khổ não. Ngày nay thóat được khổ não này, thì ngày khác lại phải chịu khổ não khác". Rồi không chịu uống thuốc.

Khi bệnh nguy kịch, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo tập thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn do dự, thì Minh Tông nói:

"Vật đáng tiếc còn không thể tiếc được, tiếc làm gì thứ ấy".

Các hoàng tử đứng hầu bên cạnh, ngài nhân thể nói với họ:

"Các con cứ xem việc làm của người xưa, việc nào hay thì theo, việc nào dở thì lánh, cần gì phải cha dạy?".

Ngài từng nói:

"Người làm vua dùng người, không phải là có tình riêng với người đó, mà chỉ nghĩ là người đó [**21a**] hiền thôi. bởi vì người đó theo tấm lòng của ta, giữ chức vụ cho ta, làm việc cho ta, chịu nhọc cho ta, cho nên ta coi là hiền mà dùng họ. Nếu ta quả là hiền, thì những người được ta dùng cũng hiền, như Nghiêu Thuấn đối với Tắc Khiết, Quỳ Long vậy. Nếu ta không hiền, thì những kẻ ta dùng cũng không hiền, như Kiệt, Trụ đối với Phi Liêm, Ác lai vậy. Đó chính là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cùng loại thì hợp nhau. Kiệt, Trụ đâu phải có tình riêng gì với bầy tôi của hắn?. Bảo hắn là ngu tối thì được, chứ bảo hắn là có tình riêng thì không phải".

Lại dặn Hiến Từ thái hậu:

"Sau khi ta mất, người ở lại cung Thánh Từ, đừng vào núi [đi tu]".

Sau khi Minh Tông băng, thái hậu theo lời dặn, không thụ giới nhà Phật.

Phan Thu Tiên nói: Minh Tông có bẩm tính nhân hậu, nối nghiệp thái bình, phép cũ của tổ tông, không thay đổi gì cả. Bấy giờ có kẻ sĩ dâng sớ nói là trong dân gian có nhiều người du thủ du [**21b**] thực, đến già vẫn không có hộ tịch, thuế má không nộp, sai dịch không theo. Vua nói:

"Không như thế, thì sao thành đời thái bình? Ngươi muốn ta trách phạt họ thì được việc gì không?".

Triều thần như bọn Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ. Vua nói:

"Nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam, Bắc khác nhau, nếu nghe kế của bọn học trò mặt trắng tìm đường thoát thân thì sinh loạn ngay".

Điều đáng tiếc là nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc phụ thượng tể, đó là điểm kém thông minh vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cái đức của Minh Tông mà nên được, tuy là do thiên tư tốt đẹp, cũng còn do sức dạy bảo của vua cha. Khi vua ở Đông cung, đang tuổi ấu thơ, có lần nghịch làm chiếc giá đèn bằng tre, Anh Tông đòi xem, sợ không dám dâng. Hôm khác, vào hầu [**22a**] tẩm điện Anh Tông đang rửa mặt, nhânhỏi đến trò nghịch cũ, Anh Tông giận lắm, cầm ngay cái chậu rửa mặt ném vua.Vua nấp vào cánh cửa tránh được, chậu rơi trúng cánh cửa vỡ tan. Được sự răng dạy nghiêm ngặt như vậy, cho nên tài đức của vua do đấy mà nên và cả các con cũng đều có tài nghệ cả.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu chỉ cho các lộ ở Thanh Hóa và Nghệ An khơi các kênh ngòi cũ.

Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín Vương.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 8 tôn Hiến Từ thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, táng [Minh Tông] ở Mục Lăng[1], vì câu nệ ngày giờ nên để chậm.

Từ năm Ất Mùi [1355] đến năm nay [Đinh Dậu, 1357], trong 2 năm, một thăng gạo trị giá 1 tiền.

Mậu Tuất, [Đại Trị] năm thứ 1[1358], (Nguyên Chí Chính năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu. Đại xá.

Truy [**22b**] tặng Quốc phụ thượng tể Quốc Chẩn làm Đại Vương.

Từ tháng 3 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán, sạu cắn lúa, cá chết nhiều.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu khuyến khích nhà giàu ở các lộ bỏ thóc ra chẩn cấp dân nghèo. Các quan ở địa phương tính xem số thóc bỏ ra là bao nhiêu trả lại bằng tiền.

Lấy Phạm Sư mạnh là Nhập nội hành khiển tri Khu mật viện sự.

Ngô bệ lại đem quân tụ họp ở núi Yên Phụ, dựng cờ lớn ở trên núi, tiếm sưng vị hiệu, yết bảng nói cứu giúp dân nghèo.Từ Thiên Liêu[2] đến Chí Linh. Bệ chiếm giữ cả.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đem quân các đội phong đoàn đi bắt giặc cướp.

Kỷ Hợi, [Đại Trị], năm thứ 2 [1359], (Nguyên Chí Chính năm thứ 19). Mùa xuân tháng giêng, nhà Minh sai sứ sang thông hiếu.

Bấy giờ, vua Minh cầm cự với Trần Hữu Lượng chưa phân được thua..Vua sai Lê Kính Phu sang sứ phương Bắc để xem hư [**22a**] thực.

Mùa hạ, tháng 4, ChiềuTừ Hoàng thái phi mất, được truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu (mẹ của Minh Tông).

Mùa thu,tháng 7, lấy Đỗ Tử Bình làm [tri] Khu mật viện sự.

Từ ngày 27 tháng 8 đến ngyà mồng 3 tháng 9, mưa to, nước lớn, trôi cả nhà cửa của dân, thóc lúa bị ngập.

Mùa đông, tháng 10, lấy Phạm Sư Mạnh làm Hành khiển tả ty lang trung, Lê Quát kiêm chức Hàn lâm viện phụng chỉ.

Canh Tý, [Đại Trị] năm thứ 3 [1360], (Nguyên Chí Chính năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, đúc tiền Đại trị thông bảo.

Thăng Huệ Túc công Đại Niên làm Bình chương chính sự, phục lại tước vương. Năm này [Đại Niên] mất (mới 55 tuổi).

Theo qui chế cũ, những người tước vương vào làm tể tướng đều gọi là "công", chỉ có thân vương thì được phong lại tước vương. Huệ Túc công, Uy Túc công trong đời Đại Khánh được phong tước vương, khi vào làm tể tướng đều gọi là "công" mà lại truy phục tước vương là không đúng [**23b**] lệ.

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

Bấy giờ, quân của lộ bắt được Bệ ở Yên Phụ. Bệ chạy trốn, định về kinh sư thú tội. Các quan bản lộ bắt được Bệ cùng 30 tên bè đảng của hắn, đóng cũi giải về kinh, đều bị chém cả.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

---

[1] Mục Lăntg: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Thiên Liêu: là tên xã.

Tháng 6, nước Nguyên loạn. Trần Hữu Lượng tiếm xưng đế, đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa, đánh nhau với Minh Thái Tổ. Quan trấn thủ biên giới phía Bắc là Hoàng Thạc cho chạy trạm tâu rằng Minh và Hán đánh nhau ở Long Châu, Bằng Tường[1] .Bọn Thạc nhân việc họ tranh nước với nhau thu được hơn 300 người.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn của các nước Lộ Hạc[2], Trà Nha[3], Xiêm La[4] đấn Vân Đồn buôn bán, dâng các vật lạ.

Tháng 12, xuống chiếu bắt gia nô của các vương hầu, công chúa đều phải thích chữ vào trán và phải gọi theo loại hàm. Kẻ nào không thích chữ, không khai sổ bị coi là [**24a**] giặc cướp, lớn thì trị tội, bé thì sung công.

Tân Sửu, [Đại Trị], năm thứ 4[1361], Nguyên Chí Chính năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở phương đông bắc. Vua tránh không ngự ở chính điện.

Tháng 2, Minh Thái Tổ đánh Giang Châu. Trần Hữu Lượng lưu giữ Vũ Xương, sai người sang ta xin quân [cứu viện]. [Vua] không cho.

Tháng 3, giặc cỏ Chiêm Thành vượt biển đến cướp dân ở cửa biển Dĩ Lý[5]. Quân của phủ ấy đánh tan bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, lấy Phạm A Song làm tri phủ phủ Lâm Bình (Tức là Dĩ Lý)[6].

Mùa thu, tháng 7, Tạ Lai có tội bị giết.

Bấy giờ vua ngủ ngày ở Long Phương đường. Ngự thư hỏa Tạ Lai đứng hầu, chung quanh không có ai. Lai rút gươm ra xem. Vua thức dậy, sai đem chém.

Nhâm Dần, [Đại Trị], năm thứ 5 [1362]. (Nguyễn Chí Chính năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho các nhà vương hầu, công chúa dâng [**24b**] các trò tạp hý vua xét duyệt trò nào hay thì thưởng cho.

Trước đấy, khi đánh Toa Đô, bắt được người phường hát là Lý Phương Cát rất giỏi hát, những con ở trẻ của các nhà thế gia theo y tập hát điệu phương Bắc. Nguyên Cát sáng tác các vở tuồng truyện cổ, có các tích như Tây vương Mẫu hiến bàn đào. Trong tuồng cổ có các vai quan nhân, chu tử, đán nương, câu nô gồm 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ ồn phím đàn (Chú : Chu Hậu chết, Hậu Chủ ghi vào mặt sau đàn tỳ bà: Hương trời còn đuôi phượng, hơi ấm tỏa phím đàn), thay đổi nhau ra vào làm trò, khiến người xem xúc động, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đấy.

Lại cho gọi các nhà giàu trong nước, như ở làng Đình Bảng ở huyện Bắc Giang, làng Nga Đình thuộc Quốc Oai vào cung đánh bạc làm vui. Có tiếng bạc đặt tới 300 quan tiền, ba tiếng thì đã gần ngàn quan rồi.

---

[1] Long Châu: tên châu đời Đường, đời Tống, Nguyên cùng gọi là Long Châu. Nay là đất huyện Long Châu, Trung Quốc. Bằng Tường: tên động đời Tống, Nguyên. Đời Minh đặt làm thổ châu. Nay là đất huyện Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Lộ Hạc chắc là nước lộ Hạc mà Toàn thư dã chép vào đời Lý (BK6, 6B). Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Hạc al2 nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Qrung Quốc đời Nguyên. La Hôc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Mác-cô Pô-lô (Marco Polo).

[3] Trà Nha: nguyên bản chép là . Toàn thư chú rằng: đọc al2 (Nha), nhưng chữ này cũng có âm đọc là Oa. Trà Oa thì chắc chắn là chỉ đảo Ja-va (In-đô-nê-xi-a) mà ở những chổ khác Toàn thư chép là Trảo Oa, qua Oa hay Chà Bồ.

[4] Xiêm La: Ở đây chỉ vương quốc Sukhuthai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan.

[5] Cửa biển Dĩ Lý ở xã Lý Hoà, huyện Bố Trạch, nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

[6] Ở đây, Toàn thư chú thích phủ Lâm Bình là Dĩ Lý, nhưng chắc là nhầm. Phủ Lâm Bình nói ở đây hẳn gồm cả đất châu Lâm Bình đời Lý. Năm 1075, Lý Nhân Tông đã đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình (Toàn thư BK3, 9a). Có lẽ chữ Dĩ Lý ở đây nhầm từ chữ Địa lý.

Lại sai tư nô cày 1 miếng đất ở bên bờ bắc sông Tô Lịch [**25a**] để trồng hành, tỏi rau dưa đem bán, gọi tên phường ấy là Vườn Tỏi[1] (đến nay vẫn còn) và làm quạt đem bán cũng như thế.

Tháng 2, sao chổi thấy ở phương Bắc.

Tháng 3, Chiêm Thành cướp Hóa Châu.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đỗ Tử Bình duyệt bổ quân ở Lâm Bình, Thuận Hóa và đắp thành Hóa Châu.

Tháng 5, sét đánh điện Thiên An.

Từ tháng 5 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán. Soát tù. Mưa to. Xuống chiếu miễn cho cả nước một nửa tô thuế năm ấy.

Tháng 8, lấy Hành khiển Phạm Sư Mạnh làm tri Khu mật viện sự.

Đói to. Xuống chiếu cho các nhà giàu dâng thóc để phát chẩn cho dân nghèo, ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, vua ngự đến phủ Thiên Trường. Dân có ai ốm thì được ban thuốc uống công và tiền gạo, ít nhiều khác nhau. (Thuốc có tên là viên Hồng ngọc sương, trừ bách bệnh. Dân nghèo ai nghe tin đến được thì được ban 2 viên thuốc, 2 tiền và 2 thăng gạo).

Mùa đông tháng 10, núi Thiên Kiện[2] lở.

Tháng 12,[**25b**] lấy Đỗ Tử Bình làm Đồng môn tri hạ.

Quý Mão, [Đại Trị], năm thứ 6 [1363], (Nguyên Chí Chính năm thứ 23). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu chọn dân đinh bổ sung quân các lộ.

Tháng 3, thi học trò, hỏi văn nghệ để lấy người bổ sung vào quán các. thi lại viên bằng viết chữ, lấy làm thuộc viên các sảnh, viện.

Truy tặng Thiếu bảo Trương Hán Siêu chức thái phó.

Mùa hạ, tháng 5, trả lại cho Trâu Canh chức tước cũ.

Tháng 6, tịch thu gia sản của Ngô Dẫn, trại chủ xã Đại Lai.

Trước đây, về đời Minh Tông, cha Dẫn bắt được viên ngọc rết rất đẹp, đem đến Vân Đồn, các thuyền buôn tranh nhau mua. Một người chủ thuyền muốn được vật lạ đó, dốc hết của cải để mua. Dẫn do vậy trở nên giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho Dẫn. Dẫn cậy giàu có thông dâm với người con gái khác, lại có những lời lăng nhục công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Dẫn được tha tội chết, nhưng bị tịch thu gia sản.

Mùa đông, tháng 10, đào [**26a**] hồ ở vườn ngự trong hậu cung.Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mạch đều khai ngòi cho chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. Phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế. Lại gọi tên điện là điện Lạc Thanh, tên hồ là hồ Lac Thanh. lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá nuôi ở trong hồ. Lại sai người Hóa Châu chở cá sấu đến thả vào đó. Lại có hồ Thanh Ngư để thả cá thanh phụ [cá diếc]. Đặt chức khách đô để trông coi.

Giáp Thìn, [Đại Trị] năm thứ 7 [1364], (Nguyên Chí Chính năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, xây dãy khách lang ở Tây điện, thẳng đến cửa Hoàng Phúc.

---

[1] Nguyên văn là Toán Viên. Đến đời Lê, ở Thăng Long vẫn còn phường Toán Viên. Hai bài thơ trong Lã Đường di tập của Thái Thuận nói về phường Toán Viên đều nhắc đến Cửa Bắc và Hồ Tây. Có lẽ phường này ở ven Hồ Tây, gần cửa Bắc, chứ không phải là ở Láng như nhiều người thường nghĩ.

[2] Núi Thiên Kiện: còn có tên là núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện thanh Liêm, tỉnh nam Hà.

Mùa hạ, tháng 4, gọi Cánh chưởng phụng cung Vĩnh An là Bùi Khoan cùng [**26b**] uống rượu. Khoan lập mẹo uống vờ hết 100 thăng rượu, được thưởng tước 2 tư.

Tháng 5, vua đi hóng gió chơi trăng. Vì uống rượu quá sai, lại lội xuống sông tắm, nên bị ốm. Sai quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh thay nhau hầu thuốc thang.

Mùa thu, tháng 7, vua khỏi bệnh.

Thángg 8, chọn hoàng nam trong nước, định 3 bậc quân ngũ, sữa soạn thuyền chiến và vũ khí để phòng việc biên cương.

Mùa đông, tháng 10, Cung Túc Vương Nguyên Dục mất.

Ất Ty, [Đại Trị] năm thứ 8[1365], Nguyên Chí Chính năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, người Chiêm Thành cướp dân đi chơi xuân của Hóa Châu.

Trước đây, theo tục Hóa Châu, tháng giêng hàng năm, trai gái họp nhau ở Bà Dương chơi trò đánh đu. Người Chiêm đã nấp sẵn ở đầu nguồn Hóa Châu từ tháng 12 năm trước, đến khi ấy ập tới cướp bắt đem về.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho các quân Sơn Lão[1] ở lạng Giang trấn giữ [**27a**] biên phòng, vì đất Bắc có lọan, Minh, Hán tranh nhau[2] , đóng binh ở Nam Ninh, Long Châu.

Bấy giờ có Thiều Thốn người Thanh Hóa, làm phòng ngự sứ Lạng Giang, thống lĩnh quân Lạng Giang, đóng ở sông Đông Bình, khéo vỗ về quân sĩ, trong quân ai cũng thích ông ta. Sau vì em trai kiêu ngạo làm bậy, ông bị tội lây, mất chức. Trong quân làm câu ca về ông: "Trời chẳng thấu oan, ông Thiều mất quan". Đến khi ông sửa soạn hành trang ra về, chúng lại làm câu ca: "Ông Thiều trở về, lòng ta tái tê". Triều đình nghe biết chuyện ấy, khôi phục quan chức cho ông, trong quân lại có câu ca: "Trời đã thấu oan, ông Thiều lại làm quan". Ít lâu sau, ông chết.

Minh Từ Hoàng Thái phi mất (phi là mẹ đẻ của Nghệ Tông).

Bính Ngọ, [Đại Trị] năm thứ 9 [1366], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, sai Tả bộc xạ Tăng Khoan, Hữu bộc xạ Lê Quát xét duyệt sổ đinh Thanh Hóa. (Quát là người Thanh Hóa hồi trẻ ra chơi kinh sư, gặp khi bạn ông được cử đi sứ Kinh Yên, Quát tặng bạn bài thơ rằng :

Dịch lộ [**27b**] tam thiên quân cư an
Hải môn thập nhị ngã hoàn san
Trung triều sứ giả yên ba khách,
Quân đắc công danh, ngã đắc nhàn.
(Đường trạm ba ngàn, anh ruổi ngựa,
Mười hai cửa biển, tớ về ngàn.
Kẻ sang sứ Bắc, người mây nước,
Anh được công danh, tớ được nhàn.)

Người thức giả biết Quát sau này sẽ quý hiển. Quả nhiên, Quát thi đỗ, thăng chức nhanh chóng, vượt người bạn kia).

Tháng 3, người Chiêm cướp phủ Lâm Bình. Quan phủ Phạm A Song đánh bại chúng. Thăng A Song làm đại tri phủ Lâm Bình, Hành quân thủ ngự sứ.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đi bắt giặc cướp.

Tháng 6, vua ngự thuyền nhỏ đến chơi nhà Thiếu úy Trần Ngô Lang ở hương Mễ Sở[3], đến canh ba mới về. khi tới sông Chử Gia[1] bị cướp mất ấn báu, gươm báu. vua tự biết mình không sống lâu, càng thả sức chơi bời.

[1] Sơn Lão quân: quân các dân tộc miền núi.

[2] Minh: tức chu Nguyên chương, Hán: tức Trần Hữu Lượng.

[3] Hương Mễ Sở: nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

Năm ấy, Hán mất nước[2].

Đinh Mùi, [Đại Trị] năm thứ 10 [1367], (Nguyên Chí Chính năm thứ 27). Mùa đông, tháng 12, lấy Minh tự Trần Thế hung làm Thống quân hành khiển đồng tri thượng thư tả ty sự, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm Thành.

Phong Cung Định Vương phủ làm Tả tướng quốc, gia phong Đại Vương.

Năm này nhà Nguyên mất.

[28a] Mậu Thân, [Đại Trị] năm thứ 11[1368], (Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, Hồng Vũ năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi hiện ở khoảng sao Mão.

Tháng 2, Chiêm Thành sa Mục Bà Ma sang đòi lại đất biên giới Hóa Châu.

Tháng 3, làm hành lang dài suốt từ gác Nguyên Huyền đến tận cửa Đại triều phía Tây để tiện cho việc các quan vào chầu tránh nắng mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Trần Thế Hưng đến Chiêm Động[3]. Người Chiêm phục quân đánh trộm, quân ta tan vỡ. Thế Hưng bị giặc bắt, Tử Bình đem quân trở về.

Minh Thái Tổ lên ngôi ở Kim Lăng, đặt niên hiệu là Hồng Vũ, sai Dịch Tế Dân sang thăm ta.

Mùa thu, tháng 8, sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang Minh đáp lễ.

Mùa đông, tháng 10, cho mời đạo sĩ Huyền Vân ở núi Chí Linh đến kinh để hỏi về phép tu luyện. Ban cho động của đạo sĩ tên là "Huyền Thanh động".

[28b] Kỷ Dậu, [Đại Trị] năm thứ 12 [1369], (Từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 1; Minh Hồng Vũ năm thứ 2). Mùa hạ, tháng năm, ngày mồng một, nhật thực.

Ngày 25, vua băng ở chính tẩm, miếu hiệu Dụ Tông.

Ngày vua sắp băng, vì không có con, xuống chiếu đón Nhật Lễ vào nối đại thống.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Dụ Tông bị ngã xuống nước mà bệnh[4], chẳng lẽ lại không biết là mình không có con hay sao ? Nhật Lễ là đứa làm trò, chẳng lẽ lại không biết nó không phải là con của Dục hay sao? Huống chi các con của Minh Tông đều có tài nghệ cả, nếu nghĩ tới xã tắc làm trọng thì chọn người nào có tài đức lập làm thiên tử để làm yên lòng thiên hạ, như vậy gốc nước sẽ được vững bền. Đã không biết làm như thế, đến khi ốm nặng lại không bàn với thái hoàng tính kế vì xã tắc, lại xuống chiếu gọi Nhật Lễ vào nối đại thống để cho mình bị tuyệt tự, mà sau khi chết, còn vạ lây đến thái hoàng và thái tể[5] [**29a**]. Nếu không có Nghệ Hoàng và các vị tông thất khác thì quốc gia đã không còn là của họ Trần nữa rồi. Vua biết tôn trọng thầy dạy, nhưng lại không bàn việc nước với thầy. Vì thế bậc hiền năng không nên để chỉ làm vì. Chu An đi rồi, không còn ai bảo ban vua đạo hay lẽ phải nữa. Đó thực là "không tin bậc nhân hiền thì nước trống rỗng như không có người" vậy.

Tháng 6, ngày 10, mưa to, gió lớn.

Ngày 15, Hiến Từ Hoàng thái hậu sai người đón con thứ của cố Cung Túc Đại Vương Dục là Nhật Lễ lên ngôi. Đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

---

[1] Tức bãi Chử Gia, sau gọi là Chử Xa, huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[2] Hán: là quốc hiệu của Trần Hữu Lượng. Lượng đánh nhau với Chu Nguyên Chương ở hồ Phiên Dương, bị chết trận. Chu Nguyên Chương đến vây Vũ Xương, con của Lượng là Trần Lý đầu hàng,.

[3] Đất Chiêm Động của nước Chiêm Thành bấy giờ là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Duy Xuyên, Quế Sơn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

[4] Dụ Tông chơi thuyền ở Hồ Tây, suýt chết đuối, được Trâu Canh chữa khỏi, nhưng bị chứng liệt dương (xem BK7, 10a).

[5] Thái hoàng chỉ thái hậu Hiến Từ, thái tể chỉ Nguyên Trác, làm thái tể dưới triều Nhật Lễ.

Nhật Lễ là con người làm trò tên là Dương Khương. Mẹ Nhật Lễ khi đóng trò có tên hiệu là Vương Mẫu (Trò có tích "Vương Mẫu hiến bàn đào ", Mẹ Nhật lễ đóng vai Vương Mẫu, nên lấy tên làm hiệu), đương có thai, Dục thấy nàng xinh đẹp, nên lấy làm vợ. Đến khi đẻ, Dục nhận làm con mình. Lúc này thái hậu bảo các quan rằng :

"Dục là con đích trưởng mà không được ngôi vua, lại [**29b**] sớm lìa đời. Nhật Lễ chẳng phải là con của Dục ư?".

Rồi đón Nhật Lễ lập làm vua. Truy phong cho Dục là Hoàng thái bá.

Mùa thu,tháng 8, ngày mồng 4, Nhật lễ tôn Hiến Từ hoàng thái hậu làm Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu; Nghi Thánh hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu.

Lập con gái Cung Định Vương Phủ làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, táng [Dụ Tông] ở Phụ Lăng[1].

Nhà Minh sai Ngưu Lượng, Trương Dĩ Ninh sang tặng ấn vàng và sắc rồng, gặp lúc Dụ Tông từ trần, Lượng làm bài thơ viếng rằng :

Nam phục thương sinh điện chẩn an,
Long Biên khai quốc chống chư man.
Bao mao sạ hỷ song vương cống ;
Giới lộ ninh kỳ biệt thứ quan,
Đan chiếu viễn ban kim ấn trọng ;
Hàng trường tân bí ngọc y hàn.
Thương tâm tối thị thiên triều sứ,
Dục kiến vô do lệ mãn an.

(Dân cõi Nam xa được trị an,
Long Biên mở nước giữ trăm man.
Vừa mừng lễ vật sang dâng cống,
Đâu ngỡ bi ca bỏ các quan.
Chiếu đỏ xa ban kim ấn nặng,
Chén vàng mới đậy ngọc y hàn.
Sứ trời là kẻ đau lòng nhất,
Muốn gặp, còn đâu lệ ứa tràn).

Rồi Dĩ Ninh ốm chết, chỉ có Lượng trở về nước. Hữu tướng quốc Cung Định Vương Phủ làm [**30a**] bài thơ tiễn ông ta rằng :

An Nam tể tướng bất năng thi
Không bá trà âu tống khách quỳ,
Viên tản sơn thanh, Lô thủy bích,
Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.
(An Nam tể tướng chẳng thơ hay,
Chỉ có bình trà tiễn khách đây.
Viên tản non xanh, Lô nước biếc,
Xin bau theo gió tới năm mây).

Lượng bảo Phủ ắt sẽ làm vua. Sau quả như lời ông ta nói.

Nhật Lễ phong Hữu tướng quốc Nguyên trác làm Thượng tướng quốc thái tể.

Tháng 12, ngày 14, Nhật lễ giết Hiến Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu ở trong cung.

[1] Phụ lăng: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Thái hậu vốn người nhân hậu, có nhiều công lao giúp rập [họ Trần]. Trước kia, khi Minh Tông còn ngự ở Bắc Cung, có tên gác cổng bắt được con cá bống trong giếng Nghiêm Quang, trong mồm có ngậm vật gì, moi ra thì thấy có chữ, đó là bùa yểm, có ghi các tên Dục Tông, Cung Túc, Thiên Ninh (đều là các con đẻ của Hiến Từ). Tên gác cổng cầm lá bùa tâu lên vua. Minh Tông sợ lắm, truyền bắt hết các cung nhân, bà mụ, thị tỳ trong cung để tra hỏi.

Thái hậu thưa: "Khoan đã, sợ trong đó có kẻ bị oan, thiếp xin tự mình bí mật xét hỏi đã".

[**30b**] [Minh Tông] nghe theo. Thái hậu sai người hỏi tên gác cổng rằng:

"Gần đây, phòng nào trong cung mua cá bống?". Tên gác cổng trả lời là thứ phi Triều Môn. Thái hậu nói cho Minh Tông biết. Minh Tông lập tức ra lệnh tra xét cho ra. Thái hậu tâu:

"Đây là việc trong cung, không nên để hở ra ngoài. Thứ phi Triều Môn là con gái của Cung Tĩnh Vương, nếu để hở ra thì Quan gia sẽ sinh hiềm khích với Thái úy. Thiếp xin ỉm việc này đi không xét hỏi nữa!". Minh Tông khen bà là người hiền.

Đến khi Minh Tông băng, tướng quân Trần Tông Hoắc muốn tỏ ra trung thành với Dụ Tông, thêu dệt việc đó ra, làm Thiếu úy suýt nữa bị hại, nhờ Thái hoàng cố sức cứu đỡ mới thoát. Người bấy giờ ca ngợi bà là đã trọn đạo làm mẹ, tuy là phận con đích, con thứ không giống nhau, mà lòng nhân từ thì đối với con nào cũng thế, làm cho ân nghĩa vua tôi, anh em, cha con không một chút thiếu sót, từ xưa đến nay chưa có ai được như vậy. Người xưa có nói "Nghiêu Thuấn trong nữ giới"[1], Thái hậu được liệt vào hàng [**31a**] ấy. Bà từng hối tiếc về việc lập Nhật Lễ. Nhật Lễ ngấm ngầm đánh thuốc độc giết bà.

NGHệ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ : HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Phủ, con thứ ba của Minh Tông. Mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, mẹ đẻ là thứ phi họ Lê của Minh Tông, em gái cùng mẹ với Hiến Từ, do con gái của Nguyễn Thánh Huấn lấy một người họ lê sinh ra. Ở ngôi năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua dẹp yên được tai nạn bên trong, khôi phục được cơ đồ to lớn. Công nghiệp lớn lao, sáng lòa vũ trụ. Song cung kính kiệm ước thì có thừa mà cương nghị, quyết đoán lại không đủ, bên ngoài thì quân giặc xâm phạm kinh kỳ, bên trong thì gian thần ngấp nghé ngôi báu. Xã tắc suy mòn, rồi đến diệt vong.

Canh Tuất, [Thiệu Khánh] năm thứ 1 [1370], (từ tháng 10 trở về trước là Dương Nhật lễ, Đại Định năm thứ 2, Minh Hồng Vũ năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, vua Minh tự làm bài chúc văn, sai Diêm Nguyên Phục, đạo sĩ cung Triều Thiên, đem lễ trâu và lụa, đền tế thần núi Tản Viên và các thủy thần sông Lô.

Mùa hạ, tháng 4, Diêm Nguyên phục vào kinh đô nước ta, [**31b**] làm lễ tế xong, khắc bài văn vào đá ghi việc đó vào rồi từ biệt về nước.

Nhật Lễ tiếm vị, rượu chè dâm dật, hằng ngày chỉ rong chơi, thích các trò hát xướng, muốn đổi lại họ là Dương. Người tôn thất và các quan đều thất vọng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, thái tể Nguyên Trác cùng con là Nguyên Tiết giết Nhật Lễ không được, bị giết.

---

[1] Lời Tống Anh Tông ca ngợi Cao hoàng hậu nhà Tống, Nguyên văn: "Nữ trung nghiêu Thuấn".

Đêm hôm ấy, cha con Nguyên Trác và hai người con của công chúa Thiên Ninh[1] đem người tôn thất vào thành định giết Nhật lễ. Nhật Lễ trèo qua tường, nấp dưới cầu mới. Mọi người lùng không thấy, giải tán ra về. Khi trời sắp sáng, Nhật lễ vào cung, chia người đi bắt 18 người chủ mưu. Bọn Nguyên Trác đều bị hại.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhật Lễ tiếm ngôi trời, là người tôn thất nhà Trần lẽ nào lại có thể điềm nhiên ngồi nhìn để cho xã tắc dời sang họ khác? Lúc [**32a**] Nhật Lễ đang có tội giết thái hậu, tiếc rằng các đại thần tôn thất không biết kể tội và giết đi, mà mưu chước vụng về, lại bị nó giết hại. Đáng thương thay.

Mùa đông, tháng 10, vua vì có con gái làm hoàng hậu (của Nhật Lễ), sợ vạ lây đến mình, tránh ra trấn Đà Giang (tức Gia Hưng), ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên Vương Kính, Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán, Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hội ở sông Đại Lại[2], phủ Thanh Hóa để dấy quân. Khi ấy, Nhật Lễ chuyên dùng thiếu úy Trần Ngô Lang mà không biết Ngô Lang đồng mưu với vua. Mỗi khi sai quân tướng đi đánh bắt, (Ngô Lang) đều bí mật bảo họ theo vua đừng về nữa. Rất nhiều lần sai các quân Nam, Bắc đi đánh, đều không một ai trở về, Ngô Lang cũng xin đi, Nhật Lễ không cho.

Trước đây, vua vốn không có ý định làm vua. Công chúa Thiên Ninh bảo :

"Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao lại vứt bỏ nước cho kẻ khác ? Anh phải đi đi, em sẽ đem bọn gia nô [**32b**] dẹp nó cho!". Lúc ra đi, vua làm bài thơ gởi cho em là Kính rằng:

Vị cực sàm thân tiện thứ quan,
Trắc thân, độ lĩnh, nhập sơn man.
Thất lăng hồi thủ thiên hàng lệ,
Vạn lý môn tâm lưỡng mấn ban,
Khử Vũ đồ tồn Đường xã tắc,
An Lưu phục để Hán y quan.
Minh Tông sự nghiệm quân tu ký,
Khôi phục thần kinh chỉ nhật hoàn.
(Ngôi cả gièm nhiều mới bỏ quan,
Né thân, vượt núi, tới sơn man,
Bảy lăng[3] ngoảnh lại châu tuôn chảy,
Muôn dặm đau lòng, tóc bạc lan.
Diệt Vũ (2), giữ gìn đường xã tắc,
Phò Lưu(3) lại thấy hán y quan.
Minh Tông sự Nghiệp em nên nhớ,
Thu phục thần kinh sắp khải hoàn.)

Người bấy giờ cho bài thơ ấy là sấm.

Khi vua chưa ra đi, chi hậu nội nhân phó chưởng là Nguyễn Nhân khuyên ngài: "Người ta muốn hại ông, sao ông không xem thời cơ mà hành động trước?". Đến khi vua lên ngôi lấy Nhiên làm hành khiển, thăng làm tả tham ty chính sự. Nhiên chữ nghĩa ít, khai phê giấy tờ, vua thường bảo vẽ các nét chữ đưa cho Nguyễn Nhiên xem.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Báo cho vua tai nạn là ơn riêng, ban tước cho người tai nạn giữa triều là việc công .Vua nhớ ơn của Nguyễn Nhiên, đền đáp bằng vàng,lụa thì được, cho làm hành khiển [**33a**] là chức quan trọng thì không được. Chức hành khiển đời bấy giờ cũng như "lục khanh" đời Chu, là các quan chức điều hành chính sự của đất nước, mà lại để cho người không biết chữ làm, thì không phải là lựa chọn vì việc công vậy.

---

[1] Công chúa Thiên Ninh: là con gái Minh Tông do bà Hiến Tử sinh ra. Hai người con bà sử không nói rõ tên.

[2] Tức sông Lèn, một chi lưu của sông mã, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Bảy lăng: Là Chiêu Lăng chôn Thái Tông, Dụ Lăng chôn Thánh Tông, Đức Lăng chôn Nhân Tông, Thái Lăng chôn Anh Tông, Mục Lăng chôn Minh Tông, An Lăng chôn Hiến Tông, Phụ Lăng chôn Dụ Tông.

Tháng 11, vua cùng Cung Tuyên (vương), Thiên Ninh (công chúa) đều dẫn quân về Kinh.

Ngày 13, [Vua] đến phủ Kiến Hưng[1] (tên cũ là Hiển Khánh, hạ Nhật Lễ làm Hôn Đức công).

Ngày 15, [vua] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá. [Vua] tự xưng là Nghĩa hoàng. Mọi công việc đều theo lệ cũ đời Khai Thái[2]. Vua từng nói:

"Triều trước dựng nước, có luật pháp, chế độ riêng, không theo qui chế của nhà Tống, là vì nam Bắc, nước nào làm chủ đó, không phải bắt chước nhau. Khoảng năm Đại Trị[3], bọn học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý nghĩa sâu xa của việc lập pháp, đem phép cũ của tổ tông đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục, âm nhạc... thật không kể xiết".

Bởi thế, chính sự buổi đầu đều theo đúng lệ cũ đời Khai Thái.

[**33b**] Hôm ấy, chính phi của vua là Huệ Ý phu Nhân mất ở sông Hổ[4] châu Trường Yên, phủ Kiến Hưng, được truy phong là Thục Đức hoàng hậu.

Các quan dâng tôn hiệu là Thể khiên kiến cực thuần hiếu hoàng đế.

Khi (quân vua) tiến đến bến Chử Gia, tôn thất và các quan đón mừng đều hô "muôn năm", nhân đó gọi Chử Gia là xã Sơn Hô.

Ngày 21, xa giá tiến đến Đông Bộ Đầu, Ngô Lang xin Nhật Lễ mặc áo thường, nhường ngôi, xuống thuyền đón tiếp vua.

Vua bảo Nhật Lễ: "Không ngờ hôm nay sự thể đến nỗi này".

Sai giam Nhật Lễ ở phường Giang Khẩu[5].

Nhật Lễ gọi Ngô Lang vào trong màn, nói dối rằng:

"Ta có lọ vàng chôn ở trong cung, ngươi đi lấy về đây".

Ngô Lang qùy xuống vâng lệnh. Nhật Lễ bóp cổ Ngô Lang đến chết. Cháu của Ngô Lang là Trần Thế Đỗ đem việc ấy tâu vua. Vua sai đánh chết Nhật Lễ và con hắn là Liễu, đem chôn ở núi Đại Mông.

Truy tặng Ngô Lang làm nhập tư nội mã, ban tên thụy là Trung Mẫn á vương.

[**34a**] Ngày 26 trị Trần Nhật Hạch về tội lật đổ xã tắc, Nhật Hạch đồng mưu với Nhật Lễ, khuyên hắn giết hại người tôn thất, nên bị giết.

Quốc tử giám tư nghiệp Chu An mất, được truy tặng tước Văn Trinh công, ban cho tòng tự ở Văn Miếu.

An (người Thanh Đàm)[6], tính cương nghị, thẳng thắn, sửa mình trong sạch, bền giữ tiết tháo, không cầu lợi lộc. Ông ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông, nổi tiếng gần xa, học trò đầy cửa, thường có kẻ đỗ đại khoa, vào chính phủ. Như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm hành khiển mà vẫn giữ lễ học trò, khi đến thăm thầy thì lạy hỏi ở dưới giường, được nói chuyện với thầy vài câu rồi đi xa thì lấy làm mừng lắm. Kẻ nào xấu thì ông nghiêm khắc trách mắng, thậm chí la hét không cho vào. Ông là người trong sạch, thẳng thắn, nghiêm nghị, lẫm liệt đáng sợ đến như vậy đấy. Minh Tông mời ông là Quốc Tử giám tư nghiệp, dạy thái tử học. Dụ Tông ham chơi bời lười chính sự, quyền [**34b**] thần nhiều kẻ làm trái phép nước, An khuyên can, [Dụ Tông] không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là

---

[1] Phủ Kiến Hưng: đời Trần, là phủ Nghĩa Hưng thời Lê, nay là đất các huyện Vụ Bản, Nghĩa Hưng và Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2] Khai Thái: (1342 - 1329) là niên hiệu của Trần Minh Tông.

[3] Đại Trị: (1358 - 1369) là niên hiệu của Dụ Tông.

[4] Sông Hổ: Con sông ở huyện Yên Mỗ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[5] Tức phường Hà Khẩu sau này, ở vào khoảng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

[6] Chu An hay Chu Văn An (1292 - 1370), quê ở thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Huyện Thanh Đàm đời Lê là huyện Thanh Trì ngày nay. Đời Lê trung hưng, vì kiêng húy Thế Tông là Đàm, mới đổi Thanhb Đàm thành Thanh Trì.

những kẻ quyền thế được vua yêu. Người bấy giờ gọi là "Thất trảm sớ". Sớ dâng lên nhưng không được trả lời, ông liền treo mũ về quê. Ông thích núi Chí Linh, bèn đến ở đấy. Khi nào có triều hội lớn thì đến kinh sư. Dụ Tông đem chính sự trao cho ông, ông từ chối không nhận. Hiến Từ thái hoàng thái hậu bảo:

"Ông ta là người không thể nào bắt làm tôi được, ta sai bảo thế nào được ông ta?".

Vua sai nội thần đem quần áo ban cho ông. Ông lạy tạ xong, liền đem cho người khác hết. Thiên hạ đều cho là bậc cao thượng. Đến khi Dụ Tông băng, quốc thống suýt mất, nghe tin các quan đến lập vua, ông mừng lắm. Chống gậy đến xin bái yết, xong lại xin trở về quê, từ chối không nhận chức gì.

Vua sai quân đến tế, ban tặng tên thụy, ít lâu sau có lệnh cho tòng tự ở Văn miếu.

[**35a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Người hiền được dùng ở đời, thường lo người làm vua không thi hành những điều sở học của mình. Người làm vua sử dụng người hiền thường lo người hiền không theo ý muốn của mình. Cho nên, vua [sáng] tôi [hiền] gặp nhau, từ xưa vẫn là rất khó.

Những nhà nho nước Việt ta được dùng ở đời không phải không nhiều, nhưng kẻ thì chỉ nghĩ đến công danh, kẻ thì chuyên lo về phú quý, kẻ lại a dua với đời[1], kẻ chỉ cốt ăn lộc giữ thân, chưa có ai chịu để tâm đến đạo đức, suy nghĩ tới việc giúp vua nêu đức tốt, cho dân được nhờ ơn. Như Tô Hiến Thành đời Lý, chu Văn Tring đời Trần, có lẽ gần được như thế. Nhưng Hiến Thành gặp được vua (sáng suốt) cho nên công danh, sự nghiệp được thấy ngay đương thời. Văn Tring không gặp vua (anh minh) nên chính học của ông, đời sau mới thấy được. Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thờ vua tất thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo [**35b**] nhân tài thì công khanh đều ở cửa ông mà ra, tiết tháo cao thượng thì thiên tử cũng không thể bắt làm tôi được. Huống chi tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau, nghe phong độ của ông, há không làm chp kẻ điêu ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao? Nếu không tìm hiểu nguyên cớ, thì ai biết thụy hiệu của ông xứng đáng với con người của ông. Ông thực đáng được coi là ông tổ của các nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn Miếu.

Những người khác như Trần Nguyên Đán là bậc hiền tài trong các khanh sĩ cùng họ nhà vua, tuy mang khí phách trung phẫn, nhưng bó tay bỏ mặc vận nước không biết làm sao, lánh quyền tướng quốc để mong bảo toàn gia thuộc sau khi nước đổ. Trương Hán Siêu là ông quan văn học, vượt hẳn mọi người, tuy cứng cỏi, chính trực nhưng lại chơi với kẻ không đáng chơi, gả con gái cho người không đáng gả. Họ so với Văn Trinh, [**36a**] có gì đánh kể, huống hồ những kẻ còn kém hai ông này!.

Bấy giờ nho thần Lê Quát cũng muốn làm sáng đạo thánh hiền, gạt bỏ dị đoan, nhưng rút cuộc vẫn không thực hiện được. Ông từng làm bài văn bia chùa Thiệu Phúc, thôn Bái ở Bắc Giang như sau:

"Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động tới con người, sao mà được người ta tin theo sâu sắc và bền vững như thế? Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dẫu dến hết tiền của cũng không sẻn tiếc. Nếu ngày nay gởi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoán ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thề thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu đài chiếm dến nửa phần so với với dân cư, Đạo Phật hưng thịnh rất dễ mà được rất mực tôn sùng.

Ta thuở trẻ đọc sách, để tâm khảo xét [**36b**] xưa nay, cũng hiểu sơ sơ đạo của thánh nhân để giáo hóa dân chúng mà rốt cuộc vẫn chưa được một hương tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, vết chân trên khắp nửa thiên hạ, đi tìm những "Học cung", "Văn miếu" mà chưa hề thấy một ngôi nào! Đó là điều khiến ta vô cùng hổ thẹn với bọn tín đồ nhà Phật. Bèn viết ra đây để tỏ lòng ta".

Tháng 12, lấy ngày sinh làm tiết Kiến Thiên.

---

[1] Dịch thoát ý từ câu "hòa quang đồng trần", nguyên là câu "hòa kỳ quang, đồng kỳ trần" (hòa chung ánh sáng, cùng chung bụi bặm) trong sách Đạo đức kinh của Lão Tử.

Tân Hợi, [Thiệu Khánh] năm thứ 2 [1371], (Minh HồngVũ năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, truy tôn mẹ sinh là nguyên phi Anh Tư làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2 , đãi yến các qusan ở điện Thiên An, ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Phong công chúa thiên Ninh là Lạng Quốc thái trưởng công chúa, đổi tên là Quốc Hinh.

Phong người tôn thất là Sư Hiền làm Cung Chính vương, Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tướng quân.

Bỏ phép cắt chân bãi bồi. Xóa lệnh kiểm kê tài sản.

Trước đây, các nhà vương [**37a**] hầu, công chúa lập điền trang ở ven sông thì đất phù sa mới bồi đều thuộc về người chủ [điền trang]. Thái hậu Chiêu Từ [nhân đó] mới lập thành phép cắt chân bãi bồi (bnghĩa là cắt lấy những đất mới bồi).

Những người quyền quý chết thì tài sản đều thuộc về con cháu họ. Dụ Tông mới có lệnh kiểm kê (nghĩa là những thứ gì quý báu phải đem nộp vào nhà nước), đều là do bọn bề tôi tham lam vơ vét xui vua làm chuyện đó. Đến đây đều bãi bỏ cả.

Tháng 3 nhuận, Chiêm Thành vào cướp, từ cửa biển Đại An[1] tiến thẳng đến kinh sư. Du binh [của giặc] đến bến Thái Tổ (nay là Phục Cổ)[2]. Vua đi thuyền sang Đông Ngàn lánh chúng.

Ngày 27, giặc ùa vào thành, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái , ngọc lụa đem về.

Chiêm Thành sở dĩ sang cướp là vì mạ Nhật Lễ chạy trốn sang nước ấy, xúi giục chúng vào cướp để báo thù cho Nhật Lễ. Bấy giờ thái bình đã lâu ngày, thành quách biênm cương không có phòng bị, giặc đến không có quân nào ngăn được. Chúng đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy sạch không. Nhà nước [**37b**] từ đó sinh ra nhiều chuyện.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Không có nước địch làm mối lo bên ngoài thì nước hay bị mất, đó là điều răn từ xưa đến nay. Chiêm Thành với ta, đời đời là cừu thù, triều Trần chả lẽ lại không biết mà phòng bị trước hay sao? Chỉ vì lòng người sinh biếng trễ, phép nước bị buông lơi, đã qua nhiều năm tháng, việc phòng thủ biên cương bị triệt bỏ, nên đến nỗi ấy. Giặc vào bờ cõi mà biên thành thất thủ, giặc tới kinh đô mà cấm binh chống lại thì còn nước thế nào được! Dụ Tông vốn quen chơi bời, cố nhiên là chẳng đáng kể. Nghệ Tông thì bản thân đã trải nhiều biến cố mà không nghĩ tới việc đó, há chẳng phải là chỉ chăm lo văn nghệ mà không trông nom gì đến võ lược ư?.

Mùa hạ, tháng 4, lập em (vua) là Cung Tuyên đại vương Kính làm hoàng thái tử, soạn [**38a**] chương Hoẳng huấn ban cho. Phong vợ cả hoàng thái tử là Lê thị làm hoàng thái tử phi.

Tháng 5, lấy người họ ngoại là Lê Quý Ly làm khu mật viện đại sứ.

Hai chị em bà cô của Quý Ly, Minh Tông đều lấy làm cung nhân. Một bà sinh ra vua, đó là bà Minh Từ. Một bà sinh ra Duệ Tông, đó là bà Đôn Từ. Cho nên vua khi mới lên ngôi rất tín nhiệm Quý Ly. Lại đem em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh gả cho ông ta (Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhân Vinh, Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết hại).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Vinh chết vì thù nước, Huy Ninh để tang chồng mới được 6 tháng mà vua đã đem gả cho Quý Ly. Thế là làm hỏng nhân luân bắt đầu từ vua, mà kẻ làm chồng, người làm vợ cũngkhông có nhân tâm. Phá bỏ lẽ chồng vợ, đảo loạn đạo tam cương, thì làm sao mà chẳng sinh loạn?.

---

[1] Cửa Đại An: sau đổi là cửa Liêu, huyện Đại An, nay là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Hà Nam Ninh.

[2] Phường Phục Cổ: Ở khoảng phó Nguyễn Du, Hà Nội hiện nay. Nếu đời Trần ở đó có bến thì chắc là có một nah1nh sông Hồng chảy qua đó, nối với hồ Thuyền Quang.

[**38b**] Xuống chiếu rằng xây dựng cung thất cốt sao cho giản dị, mộc mạc, chỉ lấy các tản quan tôn thất phục dịch, không phiền nhiễu đến dân.

Mùa thu, tháng 8, sai Lê Quý Ly đi Nghệ An để chiêu tập dân chúng, vỗ yên nơi biên giới.

Tháng 9, gia phong Lê Quý Ly làm Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Mùa đông, tháng 10, lấy tu sử Phan Nghĩa làm Lễ bộ lang trung, soạn định Quốc triều thông chế và các lễ nghi.

Ra lệnh cho những người có chức tước phải khai báo để làm thành sổ sách. Nhưng dân gian giả dối quá lắm, lấy không làm có rất nhiều.

Tháng 12, truy phong mẹ sinh hoàng thái tử là Sung Viên[1] Lê thị làm Quang Hiến thần phi.

Nhâm Tý, [Thiệu Khánh] năm thứ 3 [1372], (Minh HồngVũ năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xét công lao của các quan văn võ.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Đỗ Tử Bình làm hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5, lấy Nguyễn Nhiên kiêm [**39a**] chức tri Khu mật viện chánh chưởng; Hồ Tông Thốc làm Hàn lâm viện học sĩ, lấy người Hoá Châu là Hồ Long làm tri châu Hóa Châu.

Mùa thu, tháng 7, ban cho quan phủ Lâm Bình là Phạm A Song tước minh tự.

Tháng 8, xuống chiếu cho các lộ làm đơn số (là sổ hộ tịch).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thiên Trường, sửa lại miếu thờ ở các lăng.

Tháng 11, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Kính. Kính lên ngôi hoàng đế. Đại xá. [Vua tự] xưng là Khâm hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Kế thiên ứng vận nhân minh khâm hhoàng đế.

Truy tôn mẹ sinh là Quang Hiến thần phi làm Đôn Từ hoàng thái phi.

Phong bà phi họ Lê làm Hiển Trinh thần phi.

Lúc vua mới lên ngôi, thượng hoàng làm bài Đế Châm 150 chữ ban cho vua.

Ban tặng chi thiếu phó Trương Hán Siêu được tòng tự ở miếu Khổng Tử.

> [**39b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ hoàng ban cho Hán Siêu được tòng tự ở Văn Miếu vì ông ta hay bài xích dị đoan chăng? Hình như vậy. Nhưng xét ra ông ta là người cậy tài, kiêu ngạo. Thhời Minh Tông, Hán Siêu làm hành khiển, khinh bỉ người cùng hàng, đến nỗi vu cho Phạm Ngộ, Lê Duy nhận hối lộ. Khi đuối lý bị phạt, còn nói với người khác: "Đã được chúa thượng tin dùng, đâu ngờ có chuyện xét hỏi lại", thì thực là bằng chứng của thói kiêu ngạo, keo bẩn đấy. Khổng Tử nói: "Dẫu tài giỏi đến như Chu Công mà kiêu ngạo và keo bẩn thì những gì còn lại cũng chẳng ra sao!". Tôi nghĩ Hán Siêu hiền tài nếu có thiêng, hẳn không dám dự thờ ở miếu Khổng Tử.

Duệ TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông, em Nghệ Tông. Mẹ là Đôn Từ hoàng thái phi. Sinh năm Đinh Sửu, Khai Hựu năm thứ 9 (1337), tháng 6, ngày mồng 2. Khi Nghệ Tông lánh nạn, quân lính, khí giới đều là công sức của vua cả, vì thế (Nghệ Tông) đem nhường ngôi cho. Vua ở ngôi 4 năm, thọ 41 tuổi. [40a] Vua ương gàn cố chấp, không nghe lời can, khing thường quân giặc, nên mang họa vào thân chứ không phải là do bất hạnh.

[1] Sung Viên: một bậc cung tần.

Quý Sửu, [Long Khánh] năm thứ 1 [1337], (Minh Hồng Vũ năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng1, đổi niên hiệu.

Tôn thượng hoàng làm Quang hoa anh triết thái thượng hoàng đế. Truy tôn Thục Từ hoàng hậu làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bà hậu của Trần Thái Tổ[1] có tên hiệu là Thuận Từ. Những người bàn đặt tên thụy hồi đó không cho là sai chăng? Hay cho là thế đại đã lâu rồi mà cứ đặt nhhư thế? [Nếu vậy thì] ý nghĩa tìm về nguồn cội sẽ ra làm sao? Tiên vương theo lòng người mà đặt lễ nghi. Bàn đặt tên thụy của thái hậu lại trùng với tên thụy của bà cụ tổ thì lòng người có yên được không? Trái lẽ quá lắm!.

[**40b**] Tháng 2, lập sổ danh sách các quan văn võ.

Sách phong nguyên phi Lê thị làm Gia Từ hoàng hậu.

Tháng 3, phong con trưởng là Vĩ làm Chương Vũ đại vương (14 tuổi), định lập làm hoàng thái tử, nhưng lên nhọt độc rồi chết.

Mùa hạ, tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Tề Thiên.

Mùa thu, tháng 8, định việc bổ sung quân ngũ, đóng sửa thuyền chiến để chuẩn bị đánh Chiêm Thành.

Ra lệnh cho quân và dân nộp thuế cho nhà nước, (người nộp được) ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Thi lại viên bổ làm nội lệnh sử duyệt lại.

Mùa đông, tháng 12, xuống chiếu nói việc vua thân đi đánh Chiêm Thành.

Năm ấy, giặc cướp đua nhau nổi dậy.

Giáp Dần, [Long Khánh] năm thứ 2 [1347], (Minh Hồng Vũ năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng về ở cung Trùng Hoa, phủ Thiên Trường.

[Tổ chức] thi đình cho các tiến sĩ. Ban cho Đào Sư Tích đỗ trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đỗ bảng nhãn, Trần Đình Thám đỗ thám hoa, bọn La Tu đỗ hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ.

Tất cả đều được ban yến và áo xếp, cho quan chức theo thứ bậc [**41a**] khác nhau.

Dẫn ba vị đỗ đầu đi chơi phố 3 ngày.

Theo lệ cũ: thái học sinh 7 năm thi 1 lần, chỉ lấy 30 ngườ thôi. Thi trạng nguyên thì không có lệ định sẳn. Nhưng thuộc quan ở tam quán, thái học sinh, thị phần học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước phẩm đều được vào thi cả.

Tháng 3, xuống chiếu cho Thanh Hóa, Nghệ An đào kênh đến cửa biển Hà Hoa[2].

Mùa hạ, tháng 5, tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 8, chọn dân đinh bổ sung quân ngũ. Hạng nhất sung vào Lan Đô rồi đến hạng nhì, hạng ba. Người thấp bé nhưng nhanh nhẹn, can đảm cũng được sung vào hạng trên.

Trước đây, quân túc vệ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần, sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp. Những quân này xâm ba chữ đen lên trán. Quân thị vệ thì xâm trán. Các quân Hoa Ngạch, Tả Ban, Hữu Ban và quân Thanh Hóa, Nghệ An, Hóa Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều [**41b**] đặt quân hiệu, có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu.

---

[1] Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông (Trần Cảnh).

[2] Tức cửa khẩu, ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Mùa đông, tháng 10, định ngạch tụng quan. Đặt 6 cục Cận thị chi hậu, lấy vương hầu và tôn thất làm chánh chưởng. 800 người làm thị vệ trong các chi hậu do phán thủ trông coi đều đội mũ bồn hoa.

Xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào.

Ất Mão, [Long Khánh] năm thứ 3 [1375], (Minh Hồng Vũ năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Khu mât viện đại sứ Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là người tôn thất, đều cho làm tướng coi quân.

Đổi châu Diễn thành lộ Diễn Châu, châu Hoan thành các lộ Nhật Nam, Nghệ An nam, bắc, trung. Đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình[1]. Sai Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình đắp sửa đường sá từ Cửu Chân[2] đến Hà Hoa[3], [**42a**] 3 tháng thì xong.

Mùa hạ, tháng 6, sao Kim hiện ban ngày.

Mùa thu, tháng 8, làm sổ quân, thải bớt người già yếu, lấy người mạnh khoẻ bổ sung vào. Những người làm thuê của các hộ, xá[4] Thanh Hóa, Nghệ An đều phải sung vào quân ngũ.

Xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc. (Người dâng thóc) được ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, đem công chúa Trang Huy gả cho Nguyên Dận là con trai Cung Chính Vương.

Sách phong con gái của thái bảo Trần Liêu làm phi.

Mùa đông, tháng 10, lấy Thúc Ngạn, con trai của thượng hoàng làm tư đồ coi trấn Thái Nguyên; tư đồ Nguyên Đán coi việc quân trấn Quảng Oai.

Bính Thìn, [Long Khánh] năm thứ 4 [1376], (Minh Hồng Vũ năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, gả công chúa Tuyên Huy cho quan phục đại vương Húc (con của thượng hoàng). Thượng hoàng thân đi đón dâu.

(Xét: Quan phục không phải là tước hiệu được phong. Có lẽ khi ấy Húc được phong tước, được ban mũ áo đại vương (đại vương quan phục) như Cung Giản vương được truy tặng mũ áo đại vương.

[**42b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua tôi, cha con, chồng vợ là ba giềng mối, đạo nhân luân không gì lớn hơn thế. Đã gọi là giềng mối thì sao được làm rối loạn? Lễ của tiên vương thường thận trọng cả đến việc nhỏ, huống chi lại là việc lớn.

Lễ rước dâu là nghi tiết lớn trong lễ cưới. Duệ Tông đem công chúa Tuyên Huy gả cho quan phục thì người đón dâu phải là người chồng. Nghệ Tông lại tự mình đi đón thay cho con thì đạo tam cương đã rối loạn rồi! Quan phục sau không được trọn vẹn[5], điềm gở đã hiện ra ở đó rồi. Người làm vua, làm cha há chẳng nên thận trọng sao? Vả lại lễ cốt để tránh hiềm nghi. Làm vua, làm cha mà đi đón vợ của con là mối hiềm nghi lớn lắm. Việc ấy mà không thận trọng thì các việc khác cũng có thể biết được.

---

[1] Phủ Tân Bình: thời Trần, mà trước đó gọi là phủ Lâm Bình, có lẽ tương đương với phủ Tân Bình thời Lê sau này (nghĩa là gồm cả đất hai châu Minh Linh và Bố Chính thời Lý). Nếu đúng vậy, phủ Lâm Bình hay Tân Bình thời Trần bao gồm vùng đất các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Lệ Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải tỉnh Quảng Bình ngày nay, trong khi châu Lâm Bình thời Lý chỉ gồm đất huyện Lệ Ninh ngày nay.

[2] Cửu Chân: chỉ vùng Thanh Hóa.

[3] Hà Hoa: đất các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

[4] Hộ, xá: những người không có tên trong sổ hộ tịch, đi làm thuê lấy tiền công, họp thành các ộ, các xá.

[5] Húc sau bị Phế đế giết vào năm Xương Phù thứ 5 (1381).

Mùa hạ, tháng 4, định lại quy chế về thuyền, xe, kiệu, lọng, nghi trượng quần áo, vì lẽ sắp làm lễ hội thề.

Tháng 5, Chiêm Thành đến cướp Hóa Châu.

Tháng 6, xuống chiếu cho các quân sắm sửa [**43a**] khí giới, thuyền chiến để chuẩn bị việc thân chinh Chiêm Thành.

Mùa thu, tháng 7, ngự sử trung tán Lê Tích dâng sớ can rằng:

"Binh đao là đồ huhng khí, không nên tự mình gây ra. Huống chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc trong nước, thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, chúa không nên vì mối tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công mà đánh liều. Dù Chiêm Thành không có lòng thần phục[1] cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để chờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thần trộm nghĩ là không nên".

Vua không nghe.

Tháng 8, xuống chiếu cho quân dân Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu chở 5 vạn hộc lương tới Hóa Châu.

Mùa đông, tháng 10, đại duyệt quân thủy, bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Hai vua đích thân làm tướng.

Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông xã Bát[2], có người làng làm lễ đám ma, vua truyền phạt 30 quan [**43b**] tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa chở lương cấp cho quân.

Trước đây, chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga quấy rối biên giới, vua sai han2h khiển Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Hóa Châu. Bồng Nga đem 10 mâm vàng dâng lên [vua]. Tử Bình ỉm đi, cướp làm của mình, nối dối là Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân đánh. Vua giận lắm, quyết ý thân chinh. Bấy giờ quan quân đến cửa biển Di Luân[3], các quân vượt biển mà tiến. Vua cưỡi ngựa dẫn quân bộ, men theo bờ biển, đến cửa biển Nhật Lệ[4] đóng quân lại, luyện tập trong một tháng. Người Tân Bình, Thuận Hóa bắt được người Chiêm trốn sang, đem đến dâng nộp.

Đinh Tỵ, [Long Khánh] năm thứ 5 [1377], (từ tháng 5 trở đi là Phế Đế năm Xương Phù thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đại quân tiến đến cửa Thi Nại[5] của Chiêm Thành, lên đến Thạch Kiều, đóng ở động _ Mang.

Bồng Nga dựng [**44a**] trại bên ngoại thành Đồ Bàn[6], sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá hàng, nối dối là Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn lại thành không, nên tiến quân gấp, đừng để lỡ cơ hội.

Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa nê thông[7], sai Ngự Câu vương Húc mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng, kíp truyền lệnh tiến quân.

Đại tướng Đỗ Lễ can rằng:

"Nó đã chịu hàng, là muốn bảo toàn dất nước làm đầu. Quan quân vào sâu đánh phá thành giặc là việc bất đắc dĩ. Xin hãy sai một biện sĩ cầm mảnh thư đến hỏi tội, để xem tình hình hư thực của giặc, như kế sách của hàn Tín phá nước Yên ngày trước, không phải khó nhọc mà thành công. Cổ nhân có nói: "Lòng giặc khó lường". Thần xin bệ hạ hãy xét kỷ lại".

---

[1] Nguyên văn "vô thần thiếp chi tâm", chúng tôi cho là có lẽ bản khắc in đã lầm chữ "phục" thành chữ "thiếp".

[2] Có lẽ là xã Bát Tràng, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay.

[3] Di Luân: tức cửa Ròn, ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[4] Tức cửa sông Nhật Lệ ở Đồng Hới, thuộc tỉnh Quảng Bình.

[5] Nguyên văn: "Thi Nại Hồn cảng khẩu", chữ "Hồn" có lẽ là thừa. Cửa Thi Nại nay là cảng Quy Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định.

[6] Đồ Bàn: hay Chà Bàn, là kinh đô của nước Chiêm Thành hồi đó. Dấu vết của thành ngày nay vẫn còn ở Bình Định.

[7] Ngựa nê thông: ngựa lông sắc trắng, sắc đen chen nhau như màu bùn.

Vua nói:

"Ta mình mặc giáp cứng, tay mang gươm sắc, dãi gió dầm mưa, lội sông trèo núi, vào sâu trong đất giặc, không ai dám đươngđầu với ta. Thế là cái aơ trời giúp cho ta đó. Huống chi nay chúa giặc nghe tin đã chạy trốn, không còn lòng dạ đánh nhau. Cổ nhân [**44b**] nói: "Dùng binh quý thần tốc". Nay nếu dừng lại không tiến, thì thực là trời cho mà không lấy, để nó lại cơ mưu khác thì hối sao kịp. Ngươi chính là hạng đàn bà".

Rồi sai lấy áo đàn bà mặc cho Lễ. Quân lính bèn nối gót nhau như xâu cá mà đi. Cánh quân đi trước và cánh quân ở sau hoàn toàn cách biệt. Giặc thừa thế xông ra đánh chặn.

Giờ Tỵ, quan quân tan vỡ. Vua bị hãm trong trận mà chết. Bọn đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu vương, đem con gái gả cho[1]. Đỗ Tử Bình chỉ huy hậu quân, không đến cứu nên thoát chết. Lê Quý Ly đốc quân chở lương, nghe tin vua băng, bỏ trốn về nước.

Ngày hôm ấy ở kinh sư, ban ngày mà trời tối om, chợ búa phải đốt đuốc để mua bán. Xe cũi chở Tử Bình về qua Thiên Trường, người ta lấy gạch ngói ném vào thuyền mà chửi hắn[2]. Quân trở về, trị tội Tử Bình, tha cho hắn tội chết, phạt tội đồ làm lính. Trước đây, ngự sử đại phu Trương Đỗ (có sách chép là Xã) can vua rằng:

"Chiêm Thành chống lệnh, [**45a**] tội cũng chưa đáng phải giết. Song nó ở tận cõi tây xa xôi, núi sông hiểm trở. Nay bệ hạ vừa mới lên ngôi, đức chính, giáo hóa chưa thấm nhuần được tới phương xa, nên sửa sang văn đức khiến nó tự đến thuần phục. Nếu nó không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn".

Đỗ ba lần dâng sớ can vua không được, bèn treo mũ mà bỏ đi.

Đỗ là người thanh liêm, thẳng thắn, không bè đảng, phóng khoáng, có chí lớn. khi còn nhỏ, có lần ông đi chơi Hồ Tây xem tướng quân tập bắn, nói đùa rằng: "Nghề này thì có khó gì?". Tướng quân ngạc nhiên hỏi: "Mày có bắn trúng được không?". Ông trả lời: "Xin thử xem". Rồi ông bắn ba phát trúng cả ba. Tướng quân rất kinh ngạc, muốn nuôi làm con, nhưng Đỗ coi khinh không theo. Sau ông bỏ nhà đi du học, thi đỗ tiến sĩ, rất nổi danh. Ông làm quan trong sạch, nghèo túng, không gầy dựng điền sản, con cháu nối đời làm quan cũng có tiếng nghèo mà trong sạch.

Đỗ người Phù Đái, huyện Đồng Lại[3], ngụ tại phường Nghi Tàm, Cơ Xá ở kinh thành, làm quan đến chức Ngự sử đài tư gián đình úy tự khanh trung đô phủ tổng quản rồi chết.

> [45b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trương Đỗ khi làm quan thì không giấu lời nói thẳng, thế là đã xứng đáng với chức vụ của mình, khi can thì nói tới ba lần, thế là đã dám chạm đến vua. Vậy mà ông không được vua nghe, thế là tâm trí nhà vua đã lẫn rồi! Người có ttrách nhiệm phải nói, không được nghe theo thì bỏ đi, thế là sự tiến lui của Đỗ đều đã hợp lẽ phải vậy. Tuy lời nói thẳng thường trái tai vua, nhưng lại hay lợi cho thân vua. Việc này có thể làm gương được.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 13, thượng hoàng vì thấy vua chết vì nạn nước, mới lập con trưởng của vua là Kiến Đức đại vương Hiện nối nghiệp lên ngôi hoàng đế. [Vua] tự xưng là Giản Hoàng, đổi niên hiệu là Xương Phù năm thứ 1. Đại xá. Các quan dâng tôn hiệu là Hiến thiên thể đạo khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Tháng 6, ngày 11, Chiêm Thành vào cướp.

---

[1] Theo CMCB 10, 41, thì Ngự Câu vương Húc đầu hàng giặc.

[2] Theo CMCB 10, 41, thượng hoàng sai đem xe tù đi bắt Tử Bình. Khi về qua phủ Thiên Trường, người ta tranh nhau chửi hắn, lấy gạch ngói ném vào xe hắn.

[3] Huyện Đồng Lại: sau là huyện Vĩnh Lại, tức là đất huyện NInh Giang cũ, nay thuộc huyện ninh Giang tỉnh Hải Hưng và phần đất phía nam huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Đầu tiên thượng hoàng nghe tin giặc đến, sai trấn quốc tướng quân Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết [ở đó] có phòngbị, mới từ cửa biển Thiên Phù[1] [**46a**] mà vào, rồi tiến thẳng đến kinh sư. Ngày 12, giặc lại dẫn quân về, ra cửa biển Đại An[2] bọ bão, chết đuối rất nhiều.

Mùa thu, tháng 9, sách phong con gái thượng hoàng là Thiên Huy công chúa Thục Mỹ làm hoàng hậu, hiệu là Quang Loan.

Chiêu hồn (của Duệ Tông) chôn ở Hy Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông.

Sai Trần Đình Thám sang cáo phó với nước Minh, nói là Duệ Tông đi tuần biên giới bị chết đuối và báo tin lập vua nối ngôi. Người Minh từ chối, lấy cớ là có ba thứ chết không có lễ viếng là chết vì sợ, chết vì bị đè, chết đuối. Đình Thám cãi lại, cho là người Chiêm gây loạn quấy nhiễu biên cương, còn Duệ Tông có công chống nạn cứu dân sao lại không viếng. Bấy giờ vua Minh đang có âm mưu thôn tính nước ta, định lợi dụng sơ hở đó. Thái sư Lý Thiện Trường can rằng:

"Em chết vì nạn nước mà anh lập con của em lên, xem việc người như vậy, thì có thể biết được mệnh trời". Việc ấy bèn bỏ đi.

Đình Thám từ tiến sĩ thám hoa lang, trải làm trung thư thị lang, kiêm [**46b**] tri thẩm hình viện sự. Họ Hồ cướp nước, ông giả điếc, bị trung thừa là Đồng Thức hặc, phải giáng làm đồng giám tu quốc sử bí thư giám.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ sĩ lúc bé di học, là muốn biết những điều mình sẽ làm, lớn lên đi làm, là làm những điều mình đã học. "Học ba trăm bài thơ trong Kinh Thi, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua[3]. Đình Thám được như vậy đó. Huống chi gặp thời buổi tiếm vị, cướp ngôi, lại biết tự giấu mình để tránh quyền vị, thì thực đáng gọi là kẻ sĩ, đáng coi là không phụ với học vấn của mình vậy!.

[1] CMCB 10 chép là cửa Trần Phù, tức cửa Thần Đầu trước kia.

[2] Nguyên văn: "... hoàn xuất Đại hải khẩu", thiếu chữ "An"

[3] Lời của Khổng Tử trong "Luận ngữ".

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VIII

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Phế Đế

Tên húy là Hiện, con trưởng của Duệ Tông, mẹ là bà Gia Từ hoàng hậu Lê thị, sinh ngày mồng 6 tháng 3, năm Đại Trị thứ 4, Tân Sửu (1361), đến khi Duệ Tông đi đánh phương Nam rồi mất, được Nghệ Tông lập nên làm vua. Sau bị giáng làm Linh Đức Vương, rồi bị thắt cổ chết. Ở ngôi 12 năm, thọ 28 tuổi, chôn ở núi An Bài.

Vua u mê, nhu nhược, không làm nổi việc gì, uy quyền ngày càng về tay kẻ dưới[1], xã tắc lung lay, đến thân mình cũng không giữ được. Thương thay!

Mậu Ngọ, Xương Phù năm thứ 2 [1378], (Minh Hồng Vũ năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn vệ sĩ. [Lấy] Trần Tông Ngoạn quản quân Thiên Đinh; Trần Trung Hiếu coi quân Bảo Tiệp; Trần Thế Đăng coi quân Thần Dực; Bùi Bá Ngang coi quân Thần Sách; Bùi Hấp coi quân Thiên Uy; Hoàng Phụng Thế coi quân Thánh Dực; Lê Mật Ôn coi quân Hoa Ngạch; Đỗ Dã Ca coi quân Thị Vệ; Nguyễn Tiểu Luật **[1b]** coi quân Thiên Trường; Trần Na coi quân Long Tiệp; Nguyễn Kim Ngao coi quân Thần Vũ.

Tháng 3, lấy ngày sinh làm tiết Quang Thiên.

Xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí và thuyền chiến.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 5, người Chiêm đưa Ngự Câu Vương Húc đã đầu hàng đến cướp phủ Nghệ An, tiếm xưng vị hiệu để chiêu dụ dân chúng, nhiều người theo lệnh của bọn ngụy.

Tháng 6, giặc đánh vào sông Đại Hoàng[2] Vua sai Hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ. Quan quân tan vỡ. Giặc liền đánh vào kinh sư, bắt người cướp của rồi rút về. An phủ sứ Lê Giốc bị giặc bắt. Giặc buộc Giốc phải lạy, Giốc trả lời chúng:

"Ta là quan của nước lớn, sao phải lạy chúng mày!".

Giặc nổi giận, giết ông. Giốc luôn miệng chửi chúng. Việc này tâu lên, Giốc được truy phong là Mạ Tặc Trung Vũ hầu[3], cho con ông là Nhuế làm Chánh chưởng bốn cục Cận thị chi hậu, Giốc là con của cố Nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật Lê Quát.

[2a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bỏ sống để giữ nghĩa còn hơn là sống; cầu sống mà nhục, người quân tử không làm. Kinh dịch nói: Người quân tử thà hy sinh tính mạng để thực hiện chí hướng của mình[4]. Giốc là người như vậy.

---

[1] Chỉ Hồ Quý Ly.

[2] Xem chú thích Tập I, BK1, 24b.

[3] Nghĩa là "Trung Vũ Hầu chửi giặc".

[4] LờI Tượng của quẻ Khôn trong Kinh Dịch. Nguyên văn "trí mệnh toại chí".

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đỗ Tử Bình kiến nghị thu mỗi hộ đinh nam 3 quan tiền. Vua nghe theo. Bấy giờ đương có việc dùng binh mà kho tàng trống rỗng, nên Tử Bình có kiến nghị này.

Theo lệ cũ, các trấn hễ có việc binh thì lệnh cho mỗi huyện có bao nhiêu ruộng thì phải nộp bao nhiêu vàng, bạc, tiền, lụa, không tính thêm theo số nhân đinh[1] sinh ra, cũng không trừ bớt theo số người đã chết. Nếu phục dịch việc binh, thì đều thu bổ theo số ruộng cả. Các lộ có đơn binh[2], là phải phục dịch việc binh, [những người này] đời đời làm **[2b]** lính, không được ra làm quan. Người nào có ruộng, bãi dâu, đầm cá thì phải đóng thuế, không có thì thôi. Đến đây, Tử Bình bắt chước phép đánh thuế dung[3] của nhà Đường, thuế má lại nặng thêm.

Mùa đông, tháng 10, lựa chọn những người khoẻ mạnh, dũng cảm, thông hiểu võ nghệ trong các vệ quân sung làm vệ sĩ.

Lấy Nguyễn Bát Sách, người cùng một vú nuôi với nhà vua quản lĩnh quân Thiếu Sang; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Sang; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp; Nguyễn Hổ, Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm; Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hổ; Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đồ.

Năm nay, con của Thượng hoàng là Ngung sinh (tức là Thuận Tông).

Kỷ Mùi, [Xương Phù] năm thứ 3 [1379], (Minh Hồng Vũ năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly làm Tiểu tư không kiêm Hành khu mật đại sứ như cũ.

Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Đa Phương là con của Sư Tề. Quý Ly hồi nhỏ theo học Sư Tề, Sư Tề dạy cho võ [**3a**] nghệ, nhân đó nhận Đa Phương làm em. Đa Phương từng bị Chiêm Thành bắt, sau đó trốn về. Đến đây, Quý Ly tiến cử ông ta. Lại có chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận giỏi bày mưu tính kế, Quý Ly tiến cử làm quyền đô sự. Người bấy giờ bảo Quý Ly có "phương viên tá lự[4].

Mùa hạ, hạn hán, đói to.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Bồ, ngưi lộ Bắc Giang tự xưng là Đường lang tử y, dùng pháp thuật, tiếm hiệu xưng vương làm loạn, bị giết.

Tháng 9, sai quân dân chở tiền đồng giấu vào núi Thiên Kiện[5] (núi Thiên Kiện trước gọi là núi Địa Cận, tục truyền có cây tùng cổ, rồng quấn ở trên, Trần Thái Tông dựng hành cung ở đó).

Mùa đông, tháng 10, giấu [tiền] ở khám[6] Khả Lãng, Lạng Sơn, là vì sợ nạn người Chiêm đốt cung điện.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên tử có cả bốn biển, kho tàng phủ khố đâu chẳng phải là [**3b**] của mình? Đương khi nước nhà nhàn hạ thì làm tỏ chính hình, sửa sang lễ nghĩa, ví như con chim đi lấy rễ dâu ràng buộc cửa tổ[7], thì ai làm nhục mình được? Thế mà sợ tai nạn Chiêm Thành đốt cướp, đem chở tiền của giấu tận hang cùng núi thẳm, làm kế tránh giặc, thực là nhử giặc đến, chuốc lấy tiếng chê cười của đời sau. Có thể coi là cả nước không còn người nữa vậy!.

---

[1] Nguyên văn là "nhân binh", ngờ là khắc lầm.

[2] Binh lính ghi trong sổ binh.

[3] Thuế dung: hay thuế đinh, tức là thuế thân. Hồi đầu đời Trần dẫu có thuế đinh nhưng chỉ ngườI có ruộng mớI phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, đều phải đóng cả, chỉ binh lính mới được miễn.

[4] Giúp mưu kế cho được vuông tròn. "Phương" (chỉ Đa Phương) có nghĩa là "vuông", "viên" là "tròn" chỉ Cự Luận. Luận âm đọc gần với luân, có nghĩa là "tròn". "Phương viên tá lự" còn có nghĩa Đa Phương và Cự Luận bày giúp mưu kế.

[5] Xem Trần Dụ Tông, Đại Trị năm thứ 5, BK7.

[6] Khám: là tần dướI của tháp chùa.

[7] Nguyên văn: "Triệt bỉ tang đỗ, trù mâu hộ dũ", là câu trong một bài thơ của Kinh Thi, ý nói phải đề phòng sự biến lúc chưa xảy ra.

Hữu tướng quốc Cung Tín Vương Thiên Trạch mất.

Canh Thân, [Xương Phù] năm thứ 4 [1380], (Minh Hồng Vũ năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, người Chiêm xúi giục người Tân Bình, Thuận Hóa ra cướp Nghệ An, Diễn Châu, cướp của bắt người.

Tháng 3, [Chiêm Thành lại] cướp các nơi ở Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly chỉ huy quân thủy, Đỗ Tử Bình chỉ huy quân bộ đi chống giữ. Đến Ngu **[4a]** Giang[1], đóng cọc ở giữa sông cầm cự với người Chiêm.

Mùa hạ, tháng 5, Quý Ly dẫn viên tướng chỉ huy quân Thần Vũ và Nguyễn Kim Ngao và tướng chỉ huy quân Thị vệ là Đỗ Dã Kha ra đánh. Kim Ngao quay thuyền trở lại để tránh mũi nhọn của giặc. Quý Ly chém Ngao để rao trong quân. Các quân nổi trống hò reo mà tiến. Chúa Chiêm Chế Bồng Nga thua trận rút chạy. Tử Bình từ đó cáo ốm, không giữ binh quyền nữa. Chỉ còn Quý Ly chuyên lãnh chức Nguyên nhung hành Hải Tây đô thống chế[2].

Mùa đông, tháng 11, lấy Đỗ Tử Bình làm Nhập nội hành khiển tả tham tri chính sự, lĩnh chức Kinh lược sứ Lạng Giang, được vài năm thì chết, được truy tặng Thiếu bảo, và được tòng tự ở Văn Miếu.

> Phan Phu Tiên nói: Bậc danh nho các đời có bài trừ được dị đoan, truyền giữ được đạo thống thì mới được tòng tự ở Văn Miếu, thế là để tỏ rõ đạo học có ngọn nguồn. Nghệ Tông cho Chu An [**4b**], Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình được dự vào đó, thì Hán Siêu là người cứng cỏi, bài xích đạo Phật, An sửa mình trong sạch, bền giữ khí tiết, không cầu hiển đạt, thì cũng tạm được. Đến như Tử Bình là hạng học nhảm chiều người, tham lam bòn vét, là kẻ gian thần hại nước, sao lại được len vào chổ đó?
>
> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tử Bình lén đánh cắp vàng cống của Bồng Nga, tâu bậy lừa vua, để đến nỗi Duệ Tông đi tuần phương nam không trở về nữa, nước nhà từ đó liên tiếp có tai họa Chiêm Thành vào cướp, tội ấy giết cũng chưa đáng, còn học nhảm chiều người thì chê trách làm gì?

Tân Dậu, [Xương Phù] năm thứ 5 [1381], (Minh Hồng Vũ năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, thi thái học sinh.

Tháng 2, sai quốc sư Đại Than[3] đốc suất tăng nhân trong nước và các tăng nhân không có độ điệp ở rừng núi, người nào khỏe mạnh thì tạm **[5a]** làm quân đi đánh Chiêm Thành.

Mùa hạ, tháng 4, chém Hồ Thuật người Diễn Châu, vì nhân giặc Chiêm Thành, Thuật rủ người đi cướp của.

Tháng 5, lấy Đào Sư Tích làm Nhập nội hành khiển hữu ly lang trung, Toàn Bân, cha Sư Tích, làm tri Thẩm hình viện sự.

Tháng 6, rước thần tượng các lăng ở Quắc Hương[4], Thái Đường[5], Long Hưng, Kiến Xương đưa về lăng lớn ở Yên Sinh để tránh [nạn] người Chiêm Thành vào cướp.

Mùa thu, tháng 9, lấy Nguyễn Nhiên làm Nhập nội hành khiển hữu ty. Nhiên người Tiên Du. Trong năm Thiên Khánh[6] làm Chi hậu nội nhân, biết Nhật Lễ định giết hại họ Trần, mật báo cho Thượng hoàng. Đến đây, Thượng hoàng nhớ công ấy, nên trao cho ông chức đó.

---

[1] Sông Ngu: là một nhánh sông Mã, nay là sông Lạch Trường ở huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

[2] Hải Tây: là vùng đất suốt, từ Thanh Hóa trở vào đến Thuận Hóa. Đến đời Lê (1428) có đặt đạo Hải Tây (Hải Tây đạo).

[3] Đại Than: là tên xã thuộc huyện Gia Bình cũ, nay thuộc huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc.

[4] Quắc Hương: thuộc huyện Mỹ Lộc, Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[5] Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[6] Nên sửa lại là Thiệu Khánh (1370-1372) Toàn thư: Tháng 10 (năm 1370), vua... tránh ra trấn Đà Giang... ; còn Thiên Khánh là niên hiệu của Trần Cảo 1426.

Mùa đông, tháng 10, hoàng hậu Gia Từ băng ở am Tây chùa Chiêu Khánh (nay là chùa Triệu Khánh) hương Long Đàm[1].

Vua dụ giết Quan phục hầu đại vương Húc.

[5b] Nhâm Tuất, [Xương Phù] năm thứ 6 [1382], (Minh Hồng Vũ năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa. [Vua] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. [Quý Ly] đóng quân ở núi Long Đại[2]. Cho tướng coi quân Thần Khôi là Nguyễn Đa Phương giữ hàng cọc đóng ở [cửa] biển Thần Đầu[3].

Người Chiêm tiến đến bằng cả hai đường thủy bộ. [Quân giặc] ở trên núi lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị hỏng nhiều. Đa Phương không đợi lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc xông ra đánh, một chốc thì thắng. Các quan thừa thắng tấn công. Chiêm Thành thua to, chạy tán loạn vào rừng núi. Quân ta vây núi ba ngày, giặc nhiều tên bị chết đói. Ta đốt hết thuyền bè của giặc, tàn quân giặc chạy trốn cả. Tháng 3, đuổi giặc đến thành Nghệ An rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, tin thắng trận báo về, phong Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho quân dân Nghệ An, Diễn Châu đào các kênh ở Hải Tây.

[6a] Quý Hợi, [Xương Phù] năm thứ 7 [1383], (Minh Hồng Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lê Quý Ly thống lĩnh thủy quân đi đánh Chiêm Thành.

Bấy giờ mới đóng xong các thuyền lớn có tên là Diễm Trị, Ngọc Đột, Nha Tiệp. Thuyền tới vùng biển Lại Bộ Nương[4] và Ô Tôn[5] bị sóng gió đánh hư hỏng. Dẫn quân về.

Mùa hạ, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cùng với thủ tướng La Ngai dẫn quân đi bộ theo chân núi, từ trấn Quảng Oai[6] dò đường đến đóng ở sách Khổng Mục. Kinh sư kinh động. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Hoa Ngạch là Lê Mật Ôn đem quân đi chống giữ.

Mật Ôn đến chân Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai) định bày trận chống giữ. Nhưng giặc đã mai phục từ trước, quân voi đều xông ra, quan quân thua chạy, Mật Ôn bị giặc bắt sống.

Chiêm Thành từ đi Lê, Lý tới đây, quân lính hèn nhát, hễ quân ta đến là đem cả nhà chạy trốn hoặc họp nhau khóc lóc xin hàng. Đến Bồng Nga, La Ngai mới tập họp dân họ lại **[6b]**, bảo ban dạy dỗ, thay đổi dần dần thói cũ, trở nên can đảm, hăng hái, chịu được gian khổ, nên thường hay sang cướp, trở thành tai họa của nước ta.

Nguyễn Đa Phương đôn đốc quân lính dựng rào trại ở kinh thành, ngày đêm phòng giữ. Thượng hoàng ngự sang sông Đông Ngàn để lánh giặc. Khi ấy có người học trò là Nguyễn Mộng Hoa để cả áo mũ lội xuống nước kéo thuyền ngự lại, xin [thượng hoàng] ở lại đánh giặc, nhưng (thượng hoàng) không nghe.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ Tông thiếu can đảm. Giặc chưa tới đã lánh trước, thì người trong nước như thế nào? Mộng Hoa là một người học trò, còn biết giữ Nghệ Tông lại, những kẻ ăn thịt thực đáng khinh thay![1].

---

[1] Hương Long Đàm: nay là đất thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Tức núi Hàm Rồng ở Thanh Hóa.

[3] Cửa biển cũ, sau đã bị lấp, ở huyện Yên Mô cũ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[4] Sau là cửa biển Nương Loan ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Sau là vùng biển Vĩnh Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Trấn Quảng Oai: thời cuối Trần là phủ Quảng Oai; đời Lê, gồm đất huyện Lương Sơn, tỉnh Sơn Bình và huyện Tùng Thiện cũ, nay là một phần của huyện Ba Vì, Hà Nội.

Độc bạ Trần Công Niếu cưỡi ngựa tuần tra, giặc đuổi theo, đến địa hạt Cát Giang, bị ngăn cách con ngòi rộng đến một trượng. Ngựa nhảy qua ngòi thoát được, bèn đặt tên cho con ngựa là Tử Bất Tề.

[7a] Mùa đông, tháng 12, Chiêm Thành dẫn quân về. Thượng hoàng ở cung Bảo Hòa[2], sai Thiêm tri nội mật viện sự Nguyễn Mậu Tiên, Lễ bộ lang trung Phan Nghĩa và gia thần Vũ Hiếu hầu (không rõ tên) ở Tiên Du thay phiên nhau chầu chực. [Thượng hoàng] ban cho ăn và hỏi các việc cũ, ghi chép từng ngày, biên soạn thành 8 quyển, đầu đề là Bảo Hòa dư bút[3], sai Đào Sư Tích đề tựa ở đầu sách để dạy bảo Quan gia.

Giáp Tý, [Xương Phù] năm thứ 8 [1384], (Minh Hồng Vũ năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng cho thi thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du[4] , [lấy đỗ] bọn Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hối Khanh... 30 người.

Mùa hạ, tháng 5, chọn số thái học sinh còn lại cho làm thư sử ở cung Bảo Hòa.

Mùa thu, tháng 9, nhà Minh bắt đầu đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn, Hứa Nguyên mang tờ tư của bộ Hộ sang đòi lương để cấp cho **[7b]** binh lính đóng ở Lâm An[5].

Mùa đông, tháng 11, sai Triều phụng đại phu Lê Á Phu, Thiếu trung đại phu Đỗ Tử Trừng trả lời rằng: Đã sai Hành khiển ty Trần Nghiêu Du đôn đốc Chuyển vận sứ ty các lộ vận chuyển lương thực tới địa đầu huyện Thủy Vĩ[6] giao nộp rồi. Bấy giờ các quan sai đi, nhiều người nhiễm lam chướng mà chết.

Ất Sửu, [Xương Phù] năm thứ 9 [1358], (Minh Hồng Vũ năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, xét duyệt sổ sách quan văn võ.

Tháng 3, nhà Minh sai sứ sang đòi 20 tăng nhân.

Trước đây, nước ta đưa bọn nội nhân Nguyễn Tông Đạo, Nguyễn Toán đến Kim Lăng, vua Minh dùng làm cận thần, đãi ngộ rất hậu. Bọn Tông Đạo tâu: "Tăng nhân nước Nam biết dựng đạo tràng giỏi hơn tăng nhân phương Bắc". Đến đây [nhà Minh cho sứ] sang đòi.

Mùa thu, tháng 7, tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu Nguyễn Đán trí sĩ [**8a]** lui về Côn Sơn[7], gửi cho các bạn làm quan bài thơ, có câu rằng:

Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà nhẫn gián thư hy?
(Còn mất xưa nay gương đã rõ,
Các ông sao nỡ vắng thư can?).

Thái Úy Trang Định Vương Ngạc có bài thơ tặng rằng:

Ngã thị đương niên khí vật,
Công phi đại hạ kỳ tài.
Hội thủ nhất ban lão bệnh,
Điền viên tảo biện quy lai.
(Ngày nay tôi là đồ bỏ,
Ông không tài lạ cứu đời.
Cùng một lớp già đau ốm,

---

[1] Kẻ ăn thịt: chỉ người làm quan.

[2] Cung Bảo Hòa: ở núi Lan Kha, tức núi Phật Tích ở xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[3] Thiên Nghệ văn chì trong Đại Việt Thông sử của Lê Quý Đôn ghi rằng Bảo Hòa điện dư bút có 8 quyển.

[4] Chùa Vạn Phúc ở núi Tiên Du: tức chùa Phật Tích ở núi Phật Tích, thuộc xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[5] Lâm An: tên lộ đờI Nguyên ở Vân Nam. Minh đổi thành phủ Lâm An, trị sở đóng tại huyện Kiến Thủy.

[6] Huyện Thủy Vĩ: đời Trần tức châu Thủy Vĩ đời Lê, tương đương vớI toàn bộ tỉnh Lào Cai, tức gồm đất các huyện Bát Xá, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bảo Thắng và thị xã Lao Cai.

[7] Côn Sơn: thuộc huyện Chí Linh,tỉnh Hải Hưng.

Ruộng vườn sớm liệu về thôi!).

Bởi vì khi ấy Quý Ly đang giữ quyền binh, các bậc hiền nhân quân tử buồn lo thời thế, không thể không biểu hiện ra câu thơ.

Ngạc lại làm bài thơ yết hậu bằng quốc ngữ để châm biếm Nguyên Đán. Nguyên Đán tính chuyện thông gia để mong tránh mối họa sau này, đem con là Mộng Dữ gửi gắm Quý Ly, Quý Ly đem công chúa Hoàng Trung là con gái của cố tôn thất Nhân Vinh gả cho Dữ[1]. Sau Quý Ly trị nước, lấy Mộng Dữ làm Đông cung phán thủ, em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh làm tướng quân, con cháu Nguyên Đán đều tránh được nạn.

Nguyên Đán có hai người con gái, con trưởng tên là Thái **[8b]**, con thứ tên là Thai, sai nho sinh đem văn học dạy cho hai người.

Nguyễn Ứng Long dạy Thái, Nguyễn Hán Anh dạy Thai. Ứng Long nhân gần gũi lả lơi, làm thơ ca quốc ngữ khêu gợi Thái, thông dâm với Thái, Hán Anh cũng làm thơ quốc ngữ bắt chước Ứng Long. Thái có thai, Ứng Long bỏ trốn.

Đến ngày Thái đẻ, Nguyên Đán hỏi Ứng Long ở đâu. Người nhà trả lời là Ứng Long sợ tội trốn đi rồi. Nguyên Đán nói:

"Vận nước sắp hết, biết đâu chẳng phải là trời xui nên thế, vị tất không phải là phúc".

Bèn cho gọi hai chàng về bảo rằng:

"Người xưa cũng đã có chuyện này. [Các ngươi] không thấy chuyện Văn Quân với Tương Như hay sao[2]. Nếu [các ngươi] làm được như Tương Như, truyền lại danh tiếng cho đời sau thì đó là điều mong muốn của ta".

Hai chàng cảm ơn sâu nặng, chăm chỉ học hành. Đến khi thi, cả hai đều đỗ. Thượng hoàng nói:

"Bọn chúng có vợ giàu sang, như thế là kẻ dưới mà dám phạm thượng, bỏ không dùng".

Sau Hán Anh làm quan đến chức Chuyển vận. Ứng Long đến nhà Hồ được cất nhắc **[9a]** sử dụng, đổi tên là Phi Khanh (Phi Khanh sinh ra [Nguyễn] Trãi, cũng đỗ thái học sinh).

Nguyên Đán có tập thơ tên là Băng Hồ[3], vài quyển, truyền ở đời. Bấy giờ Hàn lâm học sĩ Hồ Tông Thốc cũng có tập thơ Thảo nhàn hiệu tần thi tập đều là cảm thờI thế mà làm cả.

Bính Dần, [Xương Phù] năm thứ 10 [1386], (Minh Hồng Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai Lâm Bốt sang đòi giống các loại cây cau, vải, mít, nhãn, vì nộI nhân Nguyễn Tông Đạo nói hoa quả phương Nam có nhiều thứ ngon. Vua sai bọn Viên ngoại lang Phạm Đình đem sang, nhưng những cây ấy không chịu được rét, đi nửa đường đều chết khô cả.

Nhà Minh lại sai bọn Cẩm y vệ xá nhân Lý Anh sang mượn đường đánh Chiêm Thành, đòi 50 con voi, đặt các dịch trạm từ phủ Nghệ An cung cấp cỏ, thức ăn, đưa voi đến Vân Nam.

Lấy Hồ Tông Thốc làm Hàn **[9b]** lâm học sĩ phụng chỉ.

Tông Thốc (người Sĩ Thành[4], Diễn Châu) tuổi trẻ đỗ cao, rất có tài danh. Trước đó, Thốc chưa được nổi tiếng lắm, gặp tết Nguyên tiêu, có đạo nhân là Lê Pháp Quan treo đèn đặt tiệc, mời khách văn chương đến dự làm vui. Thốc nhận thiếp xin đề thơ, làm xong trăm bài thơ ngay trên bữa tiệc. Mọi người

---

[1] Nhân Vinh có vợ là công chúa Huy Ninh. Nhân Vinh chết, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly, như vậy Hoàng Trung gọi Quý Ly là bố dượng.

[2] Tương Như: tức Tư Mã Tương Như, tên tự là Trường Khanh, người Thành Đô. ĐờI Hán Cảnh Đế làm vũ kỵ, thường thị, dùng tiếng đàn khêu gợi người phụ nữ trẻ mới góa chồng là Trác Văn Quân, con gái yêu của Trác Vương Tôn, rồi hai người mới lấy nhau. Sau được bố vợ giúp đỡ, Tương Như trở nên giàu có, rồi làm quan, được phong tới chức Hiếu Văn viên lệnh, rất giỏi về từ chương.

[3] Theo Nghệ văn chi của Lê Quý Đôn, Trần Nguyên Đán soạn Băng Hồ ngọc hác tập, 10 quyển. Cũng theo sách trên, Hồ Tông Thốc soạn Thảo nhãn hiệu tần tập).

[4] Sĩ Thành: nên sưa là Thổ Thành, tên xã thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

xúm lại xem, rất thán phục. Từ đấy tiếng dậy kinh sư, vì giỏi văn học nên được người đương thời kính trọng, mà thơ rượu thì không ngày nào không có.

Trước kia Tông Thốc làm An phủ, có lấy của dân, việc bị phát giác, Nghệ Tông thấy làm lạ hỏi ông chuyện đó. Tông Thốc lạy tạ thưa rằng: "Một con chịu ơn vua, cả nhà ăn lộc trời"[1], vua tha tội cho. Sau ông được thăng nhiều lần, đến Hàn lâm học sĩ phụng chỉ kiêm Thẩm hình viện sứ, thọ hơn 80 tuổi, mất tại nhà.

Đinh Mão, [Xương Phù] năm thứ 11 [1387], (Minh Hồng Vũ năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng từ cung Bảo Hòa trở về kinh đô.

[10a] Tháng 3, Lấy Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự, ban cho một thanh gươm, một lá cờ đề 8 chữ "Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức"[2] Quý Ly làm bài thơ quốc ngữ tạ ơn .

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bọn loạn thần tặc tử mà thực hiện mưu kế của chúng, nguyên nhân không phải là một sớm một chiều. Việc đó có ngọn nguồn hình thành dần từ lâu rồi. Cho nên, thánh nhân phải nhận biết âm mưu đó từ sớm và thận trọng phòng giữ như giẫm lên sương.[3]. Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần chẳng những vì Nghệ Hoàng không thận trọng trước âm mưu của nó, mà còn vì đã gây ra đầu mối nữa.

Mậu Thìn, [Xương Phù] năm thứ 12 [1388], (từ tháng 11 về sau là Thuận Tông Quang Thái năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 5, lấy Trần Đỗ làm cung lệnh. Đỗ là con Thượng vị hầu Tông, mẹ Đỗ cải giá lấy Quý Ly, cho nên có lệnh này. Sau Đỗ đổi làm họ Hồ.

Tháng 6, lấy Lê Quý Tỳ[4] là **[10b]** phán thủ Tri tả hữu ban sự; nội nhân Nguyễn Vị làm Tri điện nội: Trần Ninh làm tri khu mật viện sự.

Nhập nội hành khiển tả ty Vương Nhữ Chu trí sĩ, lấy Lê Dũ Nghị lên thay.

Mùa thu, tháng 8, sao Chổi hiện ở phương tây. Vua bàn mưu với Thái úy Ngạc rằng:

"Thượng hoàng tin yêu ngoại thích là Quý Ly, cho hắn mặc sức làm gì thì làm, nếu không lo trước đi thì sau sẽ rất khó chế ngự".

Con Vương Nhữ Chu là hữ Mai hầu vua học, nhân tiết lộ mưu đó. Quý Ly biết được. Đa Phương khuyên Quý Ly lánh ra núi Đại Lại[5] để đợi biến động. Phạm Cự Luận nói:

"Không được, một khi đã ra ngoài thì khó lo chuyện sống còn".

Quý Ly nói:

"Nếu không còn phương sách gì thì ta đành tự tử, không để tay kẻ khác giết mình".

Cự Luận nói:

"Thượng hoàng trong lòng vẫn căm vua về việc giết Quan Phục Đại Vương, vua rất không hài lòng. Nay quyền bính trong thiên hạ đều ở đại nhân cả **[11a]** mà vua lại mưu hại ngài thì Thượng hoàng lại càng ngờ lắm. Đại nhân hãy liều vào lạy Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại, thì nhất định Thượng hoàng sẽ nghe theo ngài, chuyển họa thành phúc, dễ như trở bàn tay. Thượng hoàng có nhiều con chính đích, ngài cứ tâu rằng thần nghe ngạn ngữ nói "Chưa có ai bán con để nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu để nuôi

---

[1] Ý nói một người làm quan, cả họ được nhờ.

[2] Văn võ toàn tài, vua tôi một dạ.

[3] Kinh dịch có câu: "Lý sương nhi kiên băng chí" (Giẫm lên sương thì biết sẽ có băng cứng), ý nói phải thận trọng đề phòng sự biến xảy ra, khi mới thấy triệu chứng, như thấy có sương là biết sẽ có đóng băng.

[4] Tỳ là em của Quý Ly.

[5] Núi Đại Lại: Cũng gọi là núi Kim Âu. Thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

con"[1] may ra thượng hoàng tỉnh ngộ mà đổi lập Chiêu Định Vương[2] là Thuận Tông. Nếu thượng hoàng không nghe thì chết cũng chưa muộn".

Quý Ly nghe theo, bí mật tâu với Thượng hoàng như lời Cự Luận. Thượng hoàng cho là phải.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm, nguyệt thực toàn phần.

Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng hoàng vờ ngự về Yên Sinh, sai điện hậu hộ vệ, rồi sai chi hậu nội nhân gọi vua tới bàn việc nước. Vua chưa kịp ăn, vội đi ngay, chỉ có hai người theo hầu thôi. Đến nơi, Thượng hoàng bảo vua: "Đại Vương lại đây!"[3], rồi lập tức sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc **[11b]** tuyên đọc nội chiếu rằng:

"Trước đây, Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về, lấy con đích để nối ngôi, đó là đạo từ xưa. Nhưng từ khi Quan gia lên ngôi đến nay, lòng dạ trẻ con, giữ đức không thường, gần gũi bọn tiểu nhân, nghe lời Lê Á Phu, Lê Dữ Nghị gièm pha vu hãm công thần, làm lung lay xã tắc, phải giáng làm Linh Đức Đại Vương. Song quốc gia không thể không có chủ, ngôi báu không thể bỏ trống lâu, nên hãy đón Chiêu Định vào nối đại thống. Bá cáo trong ngoài để mọi người đều biết".

Bèn giáng con của vua làm Thuận Đức Vương. Các tướng chỉ huy các phủ quân cũ như tướng chỉ huy quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, tướng chỉ huy quân Thiết Giáp[4] là Nguyễn Kha, Lê Lặc, tướng chỉ huy quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách định đem quân vào cướp lấy vua đem ra. Vua viết hai chữ "Giải giáp"[5] đưa cho các tướng và răn bảo họ không được trái ý vua cha, các tướng mới thôi. Lát sau, [thượng hoàng sai] dìu vua xuống phủ Thái Dương thắt cổ cho chết.

Trước **[12a]** đó, theo lệ cũ của sảnh, đài, từ chức Đồng bình chương trở lên được ngồi ghế tựa sơn đen. Bấy giờ Trang Định Đại Vương Ngạc làm Thái úy, Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự. Tri thẩm hình viện Lê Á Phu đã bảo Ngạc bỏ ghế của Lê Quý Ly đi, không cho ngồi cùng, lại bí mật tâu vua giết Quý Ly. Mưu cơ tiết lộ, đến nỗi thất bại, bọn Á Phu, Khoái, Vân Nhi, Kha, Bát Sách, Lặc và người học sinh được tin yêu là Lưu Thường đều bị giết cả. Lưu Thường khi bị hành hình có làm thơ rằng:

Tàn niên tứ thập hựu dư tam,
Trung ái phùng chu tử chính cam.
Báo nghĩa sinh tiền ưng bất ngỗ,
Bộc thi nguyên thượng cách hà tàm.
(Tuổi tàn bốn chục lại thừa ba,
Bị giết vì trung, chết đáng mà!
Khi sống không sai điều giữ nghĩa,
Phơi thây đồng nội thẹn gì ta).

Duy có Dữ Nghị là bị đày ra Trại Đầu, sau xét không có tội, lại được bổ làm Tuyên phủ sứ lộ Bắc Giang. Đến năm Kiến Tân thứ 2[6], lại vì việc bè cánh bị giết. Dữ Nghị là anh họ của Á Phu. Bát Sách chạy trốn, sau bắt giam người mẹ, Sách mới chịu ra chết .

[12b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khi ấy khí thế của họ Hồ đang mạnh, mọi người đều biết là nó sẽ cướp ngôi, Trang Định Vương Ngạc là Thái úy, lại là con của Nghệ hoàng, thấy xã tắc sắp nghiêng đổ, nếu biết hướng vua làm điều phải, gây niềm tin ở vua cha, hiệu lệnh nghiêm ngặt, để nhiều người theo về mình, khiến cho Nghệ Tông già

---

[1] Đế Hiện là con Duệ Tông, cháu Nghệ Tông. Ý nói nên phế bỏ Đế Hiện mà lập con mình.

[2] Tên húy là Ngung, con út Nghệ Tông, sau được lập làm vua.

[3] Theo quy chế của nhà Trần, đáng lẽ Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia". Ở đây gọi là "đại vương" là có ý gay gắt, không coi Hiện là "đế" nữa.

[4] Nguyên văn thiếu hai chữ Thiết Giáp, chúng tôi theo các bản khác bổ sung vào.

[5] Giải tán quân lính.

[6] Năm 1399, Kiến Tân là niên hiệu Trần Thiếu Đế.

lẫn phải tỉnh lại. Giản hoàng nhút nhát phải tự lập, quyền bính về tay hết, mệnh lệnh ban từ trên, thì lòng gian của họ Hồ cũng phải tự ngừng lại. Trang Định không mưu tính đến việc đó, Á Phu không lường được vu mình chẳng có tài cương đoán, lại khuyên vua giết Quý Ly, mà cơ mưu không cẩn mật, để cho nó biết trước. Trang Định lại không sớm quyết đoán, bỏ lỡ cơ hội, đến nỗi công việc thất bại, thân mình bị giết, lại giết lây cả đến những quân tướng tài giỏi, thực đáng than thở biết bao! Có người hỏi: Họ Hồ trên được vua tin, [13a] dưới nắm binh quyền, dẫu đến Nguyên Đán là người có kiến thức, lại lão luyện sự đời còn không làm gì được, huống chi là Trang Định! Xin thưa: Cứ xem nói trong lòng lo sợ mà định tự tử, thì việc chế ngự Quý Ly cũng dễ thôi! Trước hết hãy trừ bọn Đa Phương, Cự Luận để chặt vây cánh của nó đi, thì thế nó phải cô ngay.

Trước đây, bà Lê thị, hoàng hậu của Duệ Tông là mẹ Linh Đức Vương, em họ của Quý Ly, Duệ Tông đi đánh phương Nam không trở về, bà cắt tóc làm ni cô. Khi Duệ Tông lập Linh Đức lên ngôi, hậu từ chối không được, bèn khóc lóc nói với những người thân thích rằng:

"Con ta phúc bạc, khó lòng gánh vác nổi trách nhiệm lớn, nói phải tai họa vì việc đó thôi. Tiên hoàng xa lìa cõi thế, kẻ chưa chết này chỉ muốn chết theo, không muốn trông thấy việc đời nữa, huống chi lại phải nhìn thấy con mình sắp bị nguy hiểm nữa".

Bà mất được hai năm thì Linh Đức **[13b]** bị hại .

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Linh Đức được lập lên là do Nghệ Hoàng, bị phế bỏ cũng do Nghệ Hoàng. Trước không nghe lời bà hoàng hậu Lê thị là vì nghĩa, sau nghe lời gièm của Quý Ly là vì tư tình. Thế thì khi trước lập lên sao sáng suốt thế! Mà sau phế bỏ sao mà ngu tối thế! Lại còn thắt cổ chết Linh Đức thì thực quá lắm!

Phong Thái úy Ngạc làm Đại Vương.

Trước đó, Linh Đức bị giáng, Quý Ly nói phao là lập Ngạc lên nối ngôi. Đến khi xong công việc, Ngạc từ chối không nhận, Quý Ly nhân dịp ấy tâu rằng:

"Thái úy biết từ chối ngôi báu, đó là đức lớn".

Thượng hoàng cho lời ấy là phải nên có lệnh này.

Ngày 27, Thượng hoàng lập con út là Chiêm Định Vương Ngung làm Hoàng đế. Ngung lên ngôi, đổi niên hiệu là **[14a]** Quang Thái năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Nguyên Hoàng.

Nhà Minh sai Đỗ Tử Hiền, Ổ Lân[1], Hình Văn Bác[2] mang sắc rồng sang phong, nhưng Linh Đức đã bị hại rồi . Trước đây sứ phương Bắc tới thì dẫn qua cửa Tường Phù, chỉ có bọn Lân thì qua cửa Cảnh Dương.

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên huý là Ngung, là con út của Nghệ Tông, ở ngôi hơn 9 năm xuất gia hơn 1 năm, bị Quý Ly giết, thọ 22 tuổi. Vua chỉ ngồi giữ ngôi không, việc nước trong tay quyền thần, tai họa đến thân mà không biết, thương thay!

Kỷ Tỵ, [Quang Thái] năm thứ 2 [1389], (Minh Hồng Vũ năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lập Thánh Ngâu, con gái lớn của Quý Ly làm hoàng hậu, gọi chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 2, chôn Linh Đức Đại Vương ở núi An Bài, sai Quý Tỳ trông coi việc ấy.

Tháng 3, lấy Đỗ Tử Trừng làm Ngự sử đại phu.

---

[1] Lịch triều hiến chương loại chí ghi là Sư Lân.

[2] Có sách chép là Đặng Văn Bác (Lịch triều hiến chương loại chí) hay Du Văn Vĩ (Minh sử, 1.321).

Mùa hạ, tháng 4, lấy Phạm Cự Luận làm Thiêm thư Khu mật **[14b]** viện sự.

Quý Ly hỏi thuộc viên Khu mật viện người nào có thể dùng được, Cự Luận tiến cử người em là Phạm Phiếm cùng Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Thân, đều có danh tiếng, đức vọng, có thể dùng được, duy Đỗ Tử Mãn là hơn cả.

Tháng 5, lấy Vương Khả Tuân coi quân Thần Dực ở Ý Yên, Dương Chương coi quân Thần Dũng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Thanh, người Thanh Hóa tự xưng là Linh Đức trốn tránh tai nạn. Dân chúng vùng sông Lương Giang[1] đều hưởng ứng.

Tháng 9, Nguyễn Kỵ, người Nông Cống, tụ họp bè lũ đi cướp bóc, tự xưng là Lỗ Vương Điền Kỵ[2].

Mùa đông, tháng 10, ngời Chiêm đến cướp Thanh Hóa, đánh vào Cổ Vô[3], [thượng hoàng] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. Giặc đắp ngăn thượng lưu sông, quan quân đóng cọc dày đặc để chống cự.

Ngày 20, giặc phục sẵn quân và voi, rồi giả vờ bỏ doanh trại rút về. Quý Ly lựa lấy quân tinh nhuệ, dũng cảm, làm quân cảm tử, truy kích giặc. Thủy [15a] quân mở hàng cọc xông ra đánh. Giặc liền phá đập chắn nước, tung voi trận xông ra. Lúc ấy, quân tinh nhuệ dũng cảm đã đi xa rồi, quân thủy khó tiến ngược dòng, tiến lên rất khó khăn, vì thế bị thua. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí (có sách chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt sống, 70 tướng còn lại đều bị chết trận. Quý Ly để tỳ tướng Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự với giặc, còn mình thì trốn về. Nguyễn Đa Phương tạm chỉ huy quân Thánh Dực. Đêm đó, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh:

"Thế giặc như vậy, bọn ta cô quân, khó lòng cầm cự được lâu. Nếu rút quân về, giặc nhất định thừa cơ đuổi theo".

Bèn hạ lệnh các quân giăng nhiều cờ xí, buộc thuyền lớn vào cọc, sai người canh giữ, rồi lấy thuyền nhẹ đang đêm trốn chạy. Quý Ly về đến triều đình, xinh phái thêm thuyền chiến Châu Kiều nhưng Thượng hoàng không cho, Quý Ly do vậy xin thôi nắm quyền cầm quân, không đi đánh nữa.

> [15b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quý Ly thân làm đại tướng, có quan hệ tới mối an nguy của cả nước, thế mà để đến nỗi thất trận tan quân, tội ấy rất lớn. Đã không lo dốc sức trận sau để chuộc tội lần trước, lại bỏ quân chuồn về trước để tránh mưu kế của giặc, rồi lại không tự trói mình chịu tội như người xưa vẫn làm. Cái lòng vô quân ấy lớn lắm. Cứ theo quân pháp thì hắn đáng phải tội chết, như trận đánh Thành Bộc, Tử Ngọc để vỡ quân, bị vua Sở mỗi ngày một mạnh và uy lệnh được thi hành. Nghệ Hoàng không bắt tội Quý Ly, thế là chính hình đã lầm lỡ rồi. Còn như Đa Phương, Khả Vĩnh vì đem cô quân chống giặc mạnh mà phải ngầm rút chạy thì chưa hẳn phải trách cứ nặng nề. Là vì trong việc dùng binh, hễ đánh lui được giặc là có công, đánh không lợi mà rút là không có tội. Dùng kế lừa giặc để lui quân là thuật của nhà binh, có hại gì đâu? Nghệ Tông không biết [16a] dùng Đa Phương đó thôi.

Tháng 11, Thượng hoàng sai Trần Khát Chân [4] chỉ huy quân Long Tiệp ra quân đánh giặc.

Khát Chân vâng mệnh, khảng khái nhỏ nước mắt lạy tạ ra đi. Thượng hoàng cũng khóc, lấy mắt tiễn đưa. Quân xuất phát từ sông Lô[5], đến Hoàng Giang đã gặp giặc rồi, Khát Chân quan sát chỗ ấy

---

[1] Lương Giang: tức sông Lương, hay sông Chu ở Thanh Hóa. Nhưng Lương Giang còn là tên một khu vực có sông Lương chảy qua. Theo An Nam chí lược của Lê Trác thì Lương Giang là một huyện Lương Giang. Đầu thời Lê cũng còn gọi là huyện Lương Giang, mãi đến đầu thế kỷ XVI mới đổi tên là huyện Thụy Nguyên. Về sau là đất huyện Thiệu Hóa, nay là một phần đất huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Điền Kỵ: nha tướng nước Tề đời Chiến Quốc. Điền Kỵ sau chiếm nước Tề.

[3] Cổ Vô: CMCB 11 chú là tên hương.

[4] Trần Khát Chân: là dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng.

[5] Sông Lô thời trần tức sông Hồng.

không thể đánh được, mới lui giữ sông Hải Triều[1]. Em trai Linh Đức là Nguyên Diệu muốn báo thù cho Linh Đức, đem quân đầu hàng giặc.

Lấy Nhân Tĩnh Vương Nguyên Đĩnh, con trai Thái tể Nguyên Trác, làm Tư đồ; cựu Hàn lâm học sĩ Trần Tôn làm Thiếu bảo cùng gia thần là Nguyễn Khang làm phụ tá.

Nguyễn Đa Phương từ sông Ngu về, cho rằng mình có công cao, có ý lên mặt, thường hay chê Quý Ly là bất tài. Quý Ly liền gièm lại rằng vì nghe Đa Phương mà đến nỗi thất bại. Bèn thu lại số quân do Đa Phương chỉ huy, [16b] Đa Phương vẫn còn vẻ kiêu. Thượng hoàng nói:

"Nên trị tội nhẹ để cảnh cáo hắn".

Quý Ly tâu:

"Đa Phương rất gan góc, tráng kiện, thần sợ hắn sẽ trốn sang nước Minh phương Bắc hay Chiêm Thành phương Nam, thả cọp để lại mối họa về sau, chi bằng giết đi là hơn".

Rồi bắt Đa Phương phải tự tử.

Đa Phương than rằng: "Ta vì có tài nên được giàu sang, cũng vì có tài mà đến nỗi chết, chỉ hận là không được chết ở chiến trận mà thôi".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đa Phương vào bè với họ Hồ, có lẽ trời mượn cớ đó để giết hắn chăng? Khả Vĩnh sau vì họ Hồ mà giết Thuận Tông, rồi cũng vì việc bè đảng mà chết. Những kẻ a dua phụ họa với loạn thần hãy lấy đó làm gương!

Tháng 12, nhà sư Thiên Nhiên là Phạm Sư Ôn làm phản, hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quốc Oai Thượng, tiếm xưng hiệu lớn, lấy Nguyễn Tông Mại người cổ Sở, Lư Mộ; Nguyễn Khả Hành người La Xã[2] **[17a]** làm hành khiển; chiêu tập những bọn không quê quán, lập các quân hiệu Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hạn, đánh vào kinh sư.

Hai vua sang châu Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh sư ba ngày rồi ra đóng quân ở Nộn Châu[3]. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp được.

Trước đó, Phụ Thế (người Hoằng Hóa) cùng thủ tướng Chiêm Thành La Ngai cầm cự nhau ở sông Hoàng Giang, đến đây được lệnh này. [Phụng Thế đưa quân] theo đường ra sông Miệt Giang[4]. Bấy giờ mùa đông, nước cạn, phải đào khơi dòng chảy cho thuyền chiến đi qua. Đánh một trận, bắt sống được Sư Ôn, Tông Mại, Khả Hành, đều đem giết cả. Còn những kẻ bị cưỡng bức đi theo thì không hỏi đến người nào.

Canh Ngọ, [Quang Thái] năm thứ 3 [1390], (Minh Hồng Vũ năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đô tướng Trần Khát Chân đại thắng quân Chiêm Thành ở Hải Triều, giết được chúa nó là Chế Bồng Nga. Khi ấy, Bồng Nga cùng với **[17b]** Nguyên Diệu dẫn hơn một trăm thuyền chiến đến quan sát tình thế của quan quân. Các thuyền giặc chưa tập hợp lại, thì có tên tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê nhân bị Bồng Nga trách phạt, sợ bị giết, chạy sang doanh trại quân ta, trỏ vào chiến thuyền sơn xanh bảo rằng đó là thuyền của quốc vương hắn. Khát Chân liền ra lệnh các cây súng[5] nhất tề nhả đạn, bắn trúng thuyền Bồng Nga, xuyên suốt ván thuyền, Bồng Nga chết, người trong thuyền ồn ào kêu khóc. Nguyên Diệu cắt lấy đầu Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thượng đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang liền giết luôn Nguyên Diệu, lấy cả đầu Bồng Nga. Quân giặc tan vỡ.

---

[1] Sông Hải Triều: tức sông Luộc hiện nay, khúc sông chảy qua huyện Phù Tiên, Hải Hưng và huyện Hưng Hà, Thái Bình.

[2] La Xã: nay là Xuân La, huyện Từ Liêm, phía tây Hồ Tây.

[3] Nộc Châu: thuộc lộ Quốc Oai.

[4] Miệt Giang: tức sông Châu Cầu ngày nay, là phân lưu của sông Hát, nối với sông Hoàng Giang.

[5] Nguyên văn: "hỏa súng", chỉ loại súng có nòng kim loại và có nhồi thuốc cháy.

Khát Chân sai quân giám Lê Khát Khiêm bỏ đầu giặc vào hòm, đi thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình Than. Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba, Thượng hoàng đang ngủ say, giật mình tỉnh dậy, tưởng là giặc đánh vào ngự doanh. Đến khi nghe tin thắng trận, nói là đã lấy được đầu Bồng Nga thì mừng lắm, cho gọi các quan **[18b]** tới xem cho kỹ. Các quan mặc triều phục, hô "muôn năm". Thượng hoàng nói:

"Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được gặp nhau, có khác gì Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ, thiên hạ yên rồi!".

La Ngai dẫn số quân còn lại đến phía trên bờ sông Lô hỏa táng xác Bồng Nga rồi ngày đêm đi bộ men theo chân núi, gác đường san đạo[1], nấu cơm trên đó, rồi vừa đi vừa ăn, đem cả quân trở về. Gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung tiền bạc của cải ra để quân ta ngừng lại.

Bấy giờ, người Nghệ An vốn ở hai lòng, còn Tân Bình, Thuận Hóc thì phần nhiều làm phản theo Chiêm Thành, cho nên người địa phương phân tán đánh lén khắp nơi, không ai ngăn được. Triều đình tuy đã lấy Lê Khả Chú làm An phủ sứ lộ hai lộ ấy, nhưng chỉ ở kinh sư mà trấn trị từ xa, chứ chưa bao giờ tới quận. Chỉ có thổ hào Phan Mã và Phạm Căng đem dân chúng quy thuận. Mãnh là người can đảm mưu lược, dò biết được nhiều tình hình của giặc, lại có công đón **[18b]** đánh quân giặc bại trận chạy qua. Thượng hoàng thưởng cho rất hậu, cho làm tới Dực vệ quân, lại thăng làm Uy Minh tướng quân, chỉ huy quân Thánh Dực ở Tân Bình và Thuận Hóa, đeo vân phù vàng.

Tháng 2, vua ngự về Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh, bái yết các lăng.

Xuống chiếu bắt bọn đảng giặc là Nguyên Đĩnh, Nguyễn Động, Nguyễn Doãn, Hoàng Khoa, Nguyễn Khang[2]. Những người bị cưỡng bức theo chúng thì không bị tội, Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống sông tự tử, Khang thì chạy trốn sang nước Minh, nói dối là con cháu họ Trần, đổi tên là Thiêm Bình.

Lấy Trần Khát Chân làm Long Tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết Quan nội hầu. Phạm Khả Vĩnh (người Tây Châu)[3] làm Xa kỵ vệ thượng tướng quân, phong tước Quan phục hầu. Phạm Cự Lặc, Dương Ngang được thưởng tước 5 tư, thăng Lặc làm Giám cấm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng. Còn những người khác thì đều được thăng chức tước theo mức độ khác nhau.

Mùa hạ, tháng 4, tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế **[19a]**, tiên hậu và thụy hiệu cho thần kỳ các nơi.

Tháng 6, ngày 25, mưa bão lớn.

Lấy Chương Tĩnh vương Nguyên Hy, em trai Nguyên Diệu, làm Nhập nội kiểm hiệu tướng quốc bình chương sự. Bấy giờ Chương Tĩnh Vương Nguyên Hy trong lòng không yên[4], cho nên có lệnh này.

La Ngai về đến Chiêm Thành, chiếm nước, tự lập làm vua. Con của Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nan và em là Chế Sơn Nô sợ bị giết, liền chạy sang ta. Phong Ma Nô Đà Nan làm Hiệu chính hầu, Sơn Nô làm Á hầu.

Mùa đông, tháng 10, khơi sông Thiên Đức.

Sai thợ đá ở An Hoạch[5] đào mở cửa hang núi Thiên Kiện và hang núi Khuẩn Mai để lấy tiền của chôn ở đó khi trước. Nhưng bấy giờ cả hai núi đều bị lở, cửa hang bị lấp kín, đào mãi không được, phải bỏ.

Tháng 11, ngày 14, Tư đồ Chương Tức Quốc thượng hầu **[19b]** Nguyên Đán mất.

---

[1] Đường men theo núi, phải lấy gỗ bắc sàn mà đi.

[2] CMCB 11 chép là Trần Khang.

[3] Tây Châu: tên huyện đời Trần và đầu thời Lê. Đến thế kỷ XVII, đổi là Nam Chân. Nay là đất huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

[4] Nguyên Hy: có hai người anh là Linh Đức (Đế Hiện) và Nguyên Diệu đều bị giết, nên lo ngại không yên.

[5] An Hoạch: Tức làng Nhồi, hay Nhuệ thôn, thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời xưa. Thượng hoàng thường ngự đến nhà riêng của ông để thăm bệnh và hỏi việc sau này. Nhưng Nguyên Đán đều không nói gì, chỉ thưa:

"Xin bệ hạ kính nước Minh như cha, yêu ChiêmThành như con, thì nước nhà vô sự. Tôi dầu chết cũng được bất hủ".

Thượng hoàng có làm bài thơ đề trên mộ ông. Nguyên Đán từng làm bài thơ Thập cầm[1] có câu rằng:

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha liên ái phủ.
(Đem con mà gửi cho loài quạ,
Chẳng biết quạ già có xót thương?).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Làm rõ điều nghĩa mà không mưu lợi, làm sáng đạo lớn mà không kể công, đó là tấm lòng người quân tử. Nguyên Đán là bậc đại thần cùng họ với vua, biết họ Hồ sắp cướp ngôi, cơ nghiệp nhà trần sắp hết, thế mà không nghĩ đến việc vững vàng vượt qua gian nan, cùng vui lo với nước, lại đem con mình gửi gắm cho họ Hồ để làm kế về sau[2]. [20a] [Thế là] mưu lợi mà không nghĩ đến nghĩa, bỏ đạo mà chỉ tính đến công, sao gọi là người hiền được? Hơn nữa, lúc ấy tai họa người Chiêm là việc cần kíp, mà lại bảo yêu Chiêm Thành như con, thờ nước Minh như cha, thì chỉ là câu nói tầm thường chung chung về đạo thờ nước lớn,yêu nước nhỏ, có bổ ích gì cho việc nước lúc đó? Tiếc rằng học vấn kiến thức của ông biết trước được mọi điều mà lòng nhân thì không giữ được.

Tháng 12, lấy Phạm Thán làm Tri phủ Nghệ An.

Tân Mùi, [Quang Thái] năm thứ 4 [1391], (Minh Hồng Vũ năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét duyệt quân ngũ, xây sửa thành trì.

Tháng 3, Quý Ly sai viên tướng coi quân Tả Thánh Dực Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần đất Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt mai phục. Quân Phụng Thế **[20b]** tan vỡ, [Phụng Thế] bị giặc bắt. Quý Ly sai chém 30 viên đại đội phó dưới quyền của Phụng Thế. Phụng Thế dùng mưu kế thoát về, được phục chức như cũ.

Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly đem quân về.

Tháng 6, Thái úy Trang Định Vương Ngạc trốn ra trang Nam Định. Người trong trang lấy thuyền đưa Ngạc ra trại Vạn Ninh[3]. Người trại ấy là Dương Độ không nhận. Thượng hoàng sai viên tướng coi quân Ninh Vệ Nguyễn Nhân Liệt đuổi bắt về. Quý Ly ngầm sai Liệt giết đi. Nhân Liệt đánh chết Ngạc bị giáng làm Mẫn Vương. Sau Thượng hoàng tỉnh ngộ lại, hỏi người đuổi bắt Mẫn Vương là ai, Nhân Liệt sợ, thắt cổ tự tử.

Trước đó, Thượng hoàng đã phế Linh Đức, định lập Ngạc. Quý Ly dùng mưu đánh lừa, mới lập làm vua mà gia phong Ngạc làm đại vương, vẫn giữ chức phụ thần. Ngạc có hiềm khích với Quý Ly, nhiều lần bị Quý **[21a]**[4] Ly gièm, thành ra sợ hãi nghi hoặc, nên đến nỗi thế. Sau Quý Ly cướp nước, giáng Ngạc làm Liệt hiệu phán hầu.

Mùa thu, tháng 8, các tướng Hóa Châu bàn về thế lợi hại. Phan Mãnh nói:

"Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua!".

---

[1] Thập cầm: Có nghĩa là "mười loài chim", thơ vịnh.

[2] Bản Chính Hòa mất tờ 20a và b. Chúng tôi dịch theo bản VHv 179/1-9 kho sách Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, BK8, 20a-b.

[3] Nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

[4] Từ BK8, 21a, dịch theo bản Chính Hòa.

Chu Bỉnh Khuê nói: "Dương liễu nhiều lời, mọi người ngậm miệng" (chưa rõ câu này nói ý thế nào)[1].

Bấy giờ bọn Đặng Tất và Hoàng Hối Khanh ngầm gửi thư cho Quy Ly, Quý Ly cho là họ âm mưu làm loạn. Bỉnh Khuê và Mãnh đều bị giết cả. Lấy Đặng Tất làm Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chính hình viện đại phu. Ngự sử đại phu Đỗ Tử Trừng không nói gì đến việc ấy, Quý Ly làm thơ gửi cho Trừng, có câu:

Tá vấn Tử Trừng nọa trung úy,
Thư sinh hà nhẫn phụ bình sinh.
(Thử hỏi Tử Trừng trung úy nhát,
Học hành sao nỡ phụ bình sinh?).

Mùa đông, tháng 12, lấy La Tu làm Tri phủ phủ Thanh Hóa.

Dựng điện Thụy Chương.

[21b] Nhâm Tuất, [Quang Thái] năm thứ 5 [1392], (Minh Hồng Vũ năm thứ 25). Mùa xuân, tháng 2, giết tôn thất Trần Nhật Chương. Nhật Chương mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là có lòng khác, giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, xuống chiếu cầu lời nói thẳng.

Bùi Mộng Hoa dâng thư, đại ý nói: "Thần nghe trẻ con có câu hát rằng: "Thâm hiểm thay Thái sư ho Lê[2]. Xem thế, Quý Ly nhất định có ý dòm ngó ngôi báu".

Thượng hoàng xem tờ tâu rồi đưa cho Quý Ly. Sau Quý Ly chuyên chính, Mộng Hoa ẩn lánh không ra nữa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kinh Dịch nói: Vua không kín thì mất bề tôi[3]. Sao cầu được lời nói thẳng rồi lại đưa cho kẻ bị lên án xem? Nghệ Hoàng đến đây đã già lẫn quá rồi. Mộng Hoa không gặp vua sáng là tự trời, mà cũng là điều bất hạnh cho nhà Trần đó.

Tháng 6, lấy Phạm Cự Luận tri Khu mật viện sự.

Mùa thu, tháng 7, đổi tên cho Lê Nhân **[22a]** Thống thành [Lê] Cảnh Kỳ, lấy vào chính phủ làm Hành khiển.

Tháng 9, lấy Hà Đức Lân làm Hành khiển tả ty.

Mùa đông, tháng 10, đặt các quan cửa sông và tuần thú ở các xứ để xét bắt trộm cướp, mỗi xứ tùy vị trí xung yếu có thể đặt 3, 4 hay 5 đô[4].

Phan Phu Tiên nói: Nhà Trần từ sau khi Dụ Tông hoang dâm phóng túng, lại thêm Chiêm Thành xâm lược, quấy rối, thì giặc cướp rất nhiều. Chúng cướp của bắt người giữa ban ngày, pháp luật không thể ngăn cấm được. Quý Ly nắm quyền cai trị, tìm cách lùng bắt, mới hạn chế được một phần nào!

Tháng 12, xuống chiếu rằng quân lính và dân thường hễ ai trốn việc lao dịch [cho nhà nướ] thì phải phạt 4 quan tiền, thích vào gáy 4 chữ, kẻ đầu mục thì xử tội chém, ruộng đất sung công.

Quý Ly soạn sách Minh đạo gồm 14 thiên dâng lên.

Đại lược cho Chu công[1] là tiên thánh, Khổng Tử[2] là tiên sư. Văn Miếu đặt tượng Chu Công **[22b]** ở chính giữa, nhìn về phương nam[3], Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương tây. Cho sách Luận ngữ[4] có

---

[1] CMCB 11 chú rằng Quý Ly nói nhiều để khóa miệng mọi người.

[2] Nguyên văn: "Thâm tai! Lê sư", có nhiều cách hiểu. Ở đây dịch theo các hiểu của Bùi Mộng Hoa.

[3] Nguyên văn: "Quân bất mật tắc thất thần", lời của Hệ từ trong Kinh Dịch, giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.

[4] CMCB tr.10 chú rằng: Mỗi đô là 30 người .

bốn chỗ đáng ngờ, như Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử[5], Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần[6], Công Sơn, Phật Hất[7] cho gọi, mà Khổng Tử đều muốn tới giúp... cho Hàn Dũ là "đạo nho"[8]; cho bọn Chu Mậu Thúc[9], Trình Di[10], Dương Thi[11], La Trọng Tố[12], Lý Diên Bình[13], Chu Tử[14], tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo cóp nhặt [văn chương người xưa]. Thượng hoàng ban chiếu dụ khen.

Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói bàn thế là không phải, bị đày đi châu gần.

(Xuân Lôi người xã Ba Lỗ, huyện Tân Phúc[15] là người thông minh, nhanh trí, hiểu biết, có kinh nghiệm, sau làm quan đến Trung thư hoàng môn thị lang kiêm tri Ái Châu thông phán, chết tại chức). [Xuân Lôi] khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo của tiên thánh nếu không có Khổng Tử thì không ai phát huy được; hậu **[23a]** thánh sinh ra, nếu không có Khổng Tử thì không còn ai làm khuôn phép nữa. Từ khi có sinh dân đến nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử, thế mà Quý Ly lại dám khinh suất bàn về ngài thì thực là không biết lượng sức mình.

Quý Dậu, [Quang Thái] năm thứ 6 [1693], (Minh Hồng Vũ năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Hồ Cương coi quân Tả Thánh Dực (Cương người Diễn Châu). Quý Ly ngầm tìm được dòng dõi họ Hồ, muốn đổi theo họ cũ, đưa Cương ra làm người tâm phúc.

Tháng 2, thi thái học sinh, cho đỗ 30 người, là bọn Hoàng Quán Chi, Lê Vị Tẩu, Mai Tú Phu, Đồng Thức...

Mùa hạ, tháng 4, thi lại viên.

Tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, gió dữ, mưa lớn.

---

[1] Chu Công: tức Chu Công Đán, con Văn Vương, người định ra quan chế, lễ nhạc. Đời sau nói đến lễ, nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.

[2] Khổng Tử: tên là Khâu, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ thời Xuân Thu, đã san định Lục kinh, là sách kinh điển của Nho giáo, trở thành ông tổ của nho gia.

[3] Tượng trưng cho ngôi vị của thiên tử.

[4] Luận ngữ: là sách ghi những lời của Khổng Tử, do học trò của ông biên tập, được coi là sách kinh điển của nho gia.

[5] Xem Luận ngữ thiên Ung dã, Nam Tử là vợ Vệ Linh Công, đẹp nhưng rất dâm dật.

[6] Xem Luận ngữ thiên Vệ Linh Công, Khổng Tử từ nước Vệ sang nước Trần, dọc đường bị hết lương ăn, người đi theo đói đến nỗi không đứng dậy được.

[7] Xem Luận ngữ thiên Dương hoá, Công Sơn tức Công Sơn Phất Nhiễu, làm quan tể của họ Quý, giữ ấp Phi làm phản. Phật Hất là quan tể ấp Trung Mâu, gia thần của quan đại phu Triệu Giản Tử nước Tấn.

[8] Hàn Dũ: tên tự là Thoái Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lê, người Nam Dương, là một danh nho đời Đường.

[9] Chu Mậu Thúc là tên tự của Chu Đôn Di đời Tống, hiệu là Liêm Khê tiên sinh, soạn Thái cực đồ và sách Thông thư, là ông tổ của phái Lý học.

[10] Trình Hiệu, Trình Di: là hai anh em, học trò Chu Đôn Di. Trình Hiệu, hiệu là Minh Đạo tiên sinh, có san định lại sách Tính lý và thuyết Thái cực đồ. Trình Di, hiệu là Chính Thúc, hiệu là y Xuyên tiên sinh, là em Trình Hiệu, có làm truyện cho kinh Dịch và kinh Xuân thu.

[11] Dương Thi: tên tự là Trung Lập, hiệu là Quy Sơn tiên sinh, học trò của Trình Di.

[12] Trọng Tố: là tên của La Tùng Ngạn, hiệu là Dự Chương tiên sinh, học trò Dương Thi. Ông ở ẩn, đọc sách, không ra làm quan.

[13] Lý Diên Bình: tức Lý Đồng, tên hiệu là Diên Bình tiên sinh, là học trò La Tùng Ngạn và là thầy học Chu Hy, nổi tiếng về lý học.

[14] Chu Tử: tức Chu Hy, tên tự là Nguyên Hối (sau đổi là Trọng Hối), khi mất được tòng tự ở Văn Miếu nên gọi là Chu Tử, là người tập đại thành của phái Lý học đời Tống.

[15] Huyện Tân Phúc: sau là huyện Đa Phúc, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tháng 8, động đất, nước to.

Tháng 9, có sâu lúa.

Mùa đông, tháng 10, đem công chúa Thái Dương[1] gả cho Thái bảo Hãng. Thái Dương là hoàng hậu của Linh Đức. Từ khi Linh Đức bị hại, Thượng hoàng định chọn người chồng hiền gả cho. Thái Dương nhân đi chơi **[23b]** Hồ Tây, thông dâm với Phủ quân ty là Nguyên Uyên (con của Cung Tín Vương Thiên Trạch). Thượng hoàng giận, đem gả cho Hãng là em Nguyên Uyên để làm nhục.

Giáp Tuất, [Quang Thái] năm thứ 7 [1394], (Minh Hồng Vũ năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, thuyền buôn nước Chà Bà[2] tới dâng ngựa lạ.

Tháng 2, Thượng hoàng sai thợ vẽ tranh Chu Công giúp Thàng Vương[3], Hoắc Quang giúp Chiêu Đế[4], Gia Cát giúp Thục Hậu chúa[5], Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông[6], gọi là tranh "Tứ phụ"[7], ban cho Quý Ly, để giúp quan gia[8] cũng nên như thế.

Tháng 3, Thượng hoàng chiêm bao thấy Duệ Tông đem quân đến và đọc bài thơ như sau:

Trung gian duy hữu xích chủy hầu,
Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.
(Ở giữa chỉ có loài mỏ đỏ,
Lăm le lấn lên lầu gà trắng.
Khẩu vương đã định việc hưng vong,
Không ở trước mà ở về sau).

Thượng hoàng tự mình chiết tự đoán là : "xích chủy"[9] là Quý Ly "bạch kê" là Thượng **[24a]** hoàng, vì thượng hoàng tuổi tân dậu[10]; "khẩu vương" là chữ "quốc"[11]; việc nước còn hay mất sau sẽ thấy. Thượng hoàng suy nghĩ về giấc chiêm bao này lung lắm, nhưng thế không thể làm gì được nữa.

Mùa hạ, tháng 4, sau hội thề[12], thượng hoàng gọi Quý Ly vào cung, ung dung bảo rằng:

"Bình chương[13] là họ thân thích nhà vua, mọi việc nước nhà đều trao cho khanh cả . Nay thế nước suy yếu, trẫm thì già nua. Sau khi trẫm chết, quan gia nếu giúp được thì giúp, nếu hèn kém ngu muội thì khanh cứ tự nhận lấy ngôi vua".

---

[1] CMCM 11 chép là Thiên Huy công chúa, con gái thượng hoàng.

[2] Tức Ja-va (In-đô-nê-xi-a).

[3] Chu Công Đán là quan chủng tể của nhà Chu. Chu Vũ Vương Phát chết, con là Thành Vương Tung lên ngôi lúc 13 tuổi. Chu Công phải trông coi mọi việc, giúp Thành Vương đến lúc trưởng thành.

[4] Hoắc Quang giữ chức Đại tư mã tướng quân, phò Hán Chiêu Đế lúc lên ngôi mới 9 tuổi.

[5] Gia Cát Lượng tức Khổng Minh, là thừa tướng của Chiêu Đế Lưu Bị nước Thục đời Tam Quốc. Lưu Bị chết, con là Lưu Thiện nối ngôi, tức Thục Hậu chúa, mọi việc nước, việc quân đều phải trông cậy vào Gia Cát Lượng.

[6] Tô Hiến Thành là Thái úy triều Lý Cao Tông, nhận di mệnh Cao Tông phò vua nhỏ là Long Cán lên nối ngôi mới 3 tuổi.

[7] Tứ phụ: nghĩa là bốn viên đại thần giúp vua khi mới lên ngôi.

[8] Chỉ Thuận Tông.

[9] Xích chủy: nghĩa là mõm đỏ, miệng đỏ, hay đỏ mỏ. Xích chủy hầu là loài đỏ mỏ ám chỉ Lê Quý Ly.

[10] Bạch kê: nghĩa là gà trắng. Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, tức năm gà. Tân thuộc hành kim, loài kim sắc trắng. Vì thế "bạch kê" ám chỉ Nghệ Tông.

[11] Chữ vương? ở trong lòng chữ khẩu? là chữ "quốc"?.

[12] Theo tục nhà Trần, hằng năm vào ngày mồng 4 tháng 4, vua hội họp bề tôi làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ. (Xem bản kỷ, quyển 5, Kiến Trung năm thứ 3, 1277).

[13] Chỉ Quý Ly.

Quý Ly bỏ mũ, rập đầu khóc lóc từ tạ, chỉ trời vạch đất thề rằng:

"Nếu thần không biết dốc lòng trung, hết sức giúp Quan gia để truyền đến con cháu về sau thì trời sẽ ghét bỏ thần".

Quý Ly lại nói: "Lúc Linh Đức Vương làm điều thất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì thần đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được tới ngày nay! Thần dù nát thịt tan xương cũng chưa hề báo đáp lấy một trong muôn phần ơn đức đó, dám đâu lại có lòng khác!".

Mùa thu, tháng 7, lấy Phùng **[24b]** Cụ làm Kinh sư doãn, đổi thành Trung đô doãn.

Tháng 8, lấy Hoàng Hối Khanh làm An phủ sứ lộ Tam Đái.

Mùa đông, tháng 11, bãi bỏ Đăng văn kiểm pháp viện, đặt Thượng lậm tự. Lấy Lê Nguyên Trừng con cả của Lê Quý Ly làm Phán tư sự. Tháng 12, ngày 15, Thượng hoàng băng, táng vào Nguyên Lăng ở Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông, tên thụy là Quang Nhiên Anh Triết Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ Tông tính trời hòa nhã, giữ lòng kính cẩn, lo sợ. Nhưng uy vũ không đủ để đánh lui giặc ngoài[1], sáng suốt không đủ để phân biệt lời gièm, có một Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao việc nước cho người họ ngoại[2], khiến xã tắc nhà Trần đi đến sụp đổ, thực là "đằng trước có kẻ siểm nịnh mà không thấy, đàng sau có giặc cướp mà không [25a] hay"[3].

Ất Hợi, [Quang Thái] năm thứ 8 [1395], (Minh Hồng Vũ năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, ngày 20, bỏ húy chữ "nguyệt" và chữ "nam" cho dùng chữ cũ.

Quý Ly giết người tôn thất là Phủ quân ty Nguyên Uyên và con thứ của Cung Chính Vương Sư Hiền là Nguyên Dận, vì hai người này trong khi để tang Nghệ Tông hay nói đến chuyện Nhật Chương[4]. Lại giết cả sĩ nhân Nguyễn Phù. Sư Hiền giả điếc thoát chết. Tước bỏ họ Trần của Nguyên Uyên, đổi thành họ Mai. Theo lệ cũ: người tôn thất có tội nặng phải tước bỏ họ cũ, đổi gọi là họ Mai.

Lấy Quý Ly làm Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung vệ quốc đại vương, đeo lân phù vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, đài gọi là "Hoa lư"[5]. Quý Ly nhân biên chép thiên Vô dật[6], dịch **[25b]** ra quốc ngữ để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế[7].

Tháng 6, cấm các quan không được dùng áo thụng tay, chỉ cho phép dùng áo hẹp tay. Dân gian chỉ được dùng trong dịp ngày chay, ngày giỗ. Đồ dùng không được mạ vàng, sơn son.

Nhà Minh sai bọn Nhâm Hanh Thái sang đòi 5 vạn quân, 50 cỗ voi, 50 vạn thạch lương đưa đến biên giới để dùng vào việc quân .

Khi ấy, người Minh đánh các man làm phản ở Long Châu và châu Phụng Nghĩa[8], ngầm bày kế ấy, hòng lấy cớ số lương thực nộp không đủ, để bắt người nước ta. Hanh Thái mật báo cho ta biết. Ta thác

[1] Chỉ Chiêm Thành.

[2] Chỉ Lê Quý Ly.

[3] Lời Đồng Trọng Thư trong sách Hán thư. Nguyên văn: "Tiền hữu sàm nhi bất kiến, hậu hữu tặc nhi bất tri".

[4] Nhật Chương mưu giết Quý Ly, bị Nghệ Tông giết (việc chép vào năm Quang Thái thứ 5, 1392).

[5] Sảnh, đài: là Trung thư sảnh và Ngự sử đài. Hoa lư: là nhà ở của đại thần thân cận vua.

[6] Một thiên trong sách Thượng thư được coi do Chu Công Đán soạn ra để răn dạy Thành Vương nhà Chu. "Vô dật" có nghĩa là chớ có lười biếng, an nhàn. Nội dung của thiên này là làm vua nên chăm lo chính sự, hiểu nỗi khó nhọc của dân, không nên đánh thuế nặng...

[7] Nghĩa là giúp vua trị nước kiêm việc dạy bảo vua.

[8] Long Châu và Phụng Nghĩa: đều thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

cớ không cung cấp quân lính và voi chiến, chỉ cấp một ít lương thực sai quan đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.

Nhà Minh lại sai sứ sang đòi nhà sư, phụ nữ xoa bóp, người bị thiến, ta đưa sang mỗi loại một ít.

Mùa đông, tháng 12, lấy Lương Nguyên Bưu làm Hành khiển tri **[26a]** Đại tông chính; Hà Đức Lân làm nhập nội hành khiển môn hạ tả ty; Hoàng Hối Khanh làm Phát vận ty; Phạm Cự Luận làm Tham mưu quân sự kiêm Khu mật viện sự.

Bính Tý, [Quang Thái] năm thứ 9 [1396], (Minh Hồng Vũ năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở xuống, bắt phải hoàn tục. Lại thi những người thông hiểu kinh giáo, ai đỗ thì cho làm Đường đầu thủ[1], tri cung, tri quán, tri tự, còn thì cho làm kẻ hầu của người tu hành.

Tháng 3, xét duyệt quân ngũ.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu phát [tiền giấy]. Thông bảo hội sao. In xong, ra lệnh cho người đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy.

Thể thức [tiền giấy]: tờ 10 đồng vẽ rồng, tờ 30 đồng vẽ sóng, tờ 1 tiền vẽ mây, tờ 2 tiền vẽ rùa, tờ 3 tiền vẽ lân, tờ 5 tiền vẽ phượng, tờ 1 quan vẽ rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất, tài sản tịch thu.

Cấm **[26b]** tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, tất cả thu hết về kho Ngao Trì ở kinh thành và trị sở các xứ. Kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả.

Xuống chiếu qui định cách thức thi chọn nhân tài, dùng thể văn bốn kỳ, bãi bỏ phép viết ám tả cổ văn.

Kỳ thứ nhất thi một bài kinh nghĩa có các phần phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận, từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ hai thi một bài thơ Đường luật, một bài thơ phú cổ thể, hay thể Ly tao, thể Văn tuyển, cũng từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ ba thi một bài chiếu theo thể Hán, một bài chế, một bài biểu theo thể tứ lục đời Đường. Kỳ thứ tư một bài văn sách, ra đề thì theo kinh, sử hay thời sự, mỗi bài phải 1000 chữ trở lên. Cứ năm trước thi hương thì năm sau thi hội, người đỗ thì vua thi 1 bài văn sách để xếp bậc.

Tháng 6, quy định **[26a]** kiểu mũ áo các quan văn võ: Quan nhất phẩm (áo) màu tía; nhị phẩm màu đỏ thẫm; tam phẩm màu hồng nhạt; tứ phẩm màu xanh lục; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu xanh biếc; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh. Duy nội thị thì dùng quần hai ống, không dùng xiêm. Người không có phần hàm và hạng hoàng nô thì dùng màu trắng. Các tụng quan chức tước từ lục phẩm trở lên dùng mũ cao sơn[2], chánh lục phẩm được thắt đai, đi hia. Về sắc mũ, chánh thì sắc đen, tòng thì sắc xanh. Người tôn thất thì đội mũ phương thắng màu đen. Võ quan tước lục phẩm đội mũ chiết xung, tước cao mà không có chức thì thắt đai, đội mũ giác đính, tứ thất phẩm trở xuống đội mũ thái cổ[3]; tòng thất phẩm đội mũ toàn hoa . Vương hầu đội mũ viễn du[4]; ngự sử đài đội mũ khước phi[5]. Những quy chế về tiền giấy, về mũ áo trên đây đều làm theo lời của thiếu bảo Vương Nhữ Chu cả.

Mùa thu, tháng 8, sai tướng chỉ huy quân Long Tiệp là Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành, bắt được tướng nước ấy là Bố Đông đem về, ban cho họ tên là Kim **[27b]** Trung Liệt, chỉ huy quân Hổ Bôn.

---

[1] CMCB 11 chép là Tăng đường đầu mục, có lẽ là một chức đứng đầu một bộ phận nhà sư.

[2] Mũ cao sơn: cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.

[3] Mũ thái cổ: theo Lễ ký, là mũ của người mới gia quan, mũ vải thảm.

[4] Mũ viễn du: theo Dư phục chí trong Hậu Hán thư thì kiểu mũ này cũng như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ thẳng, đính mũ hơi lõm, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để tháo hoặc lắp vòng sắt ấy.

[5] Mũ khước phi: chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới co lại.

Sau này, vào năm Bính Tuất, khi phòng ngự thành Đa Bang, [Trung Liệt] dâng kế sách đưa quân lên biên giới đón đánh, không cho quân giặc tiến vào đất ta, không để chúng ỷ vào trường binh và thông được đường tiến quân. Nhưng các tướng không theo kế ấy. Bố Đông bị bệnh rồi chết.

Mùa đông, tháng 10, lấy Hồ Cương làm Đại trị châu lộ Diễn Châu, Đặng Tư Thành làm Phán châu sự.

Tháng 11, Quý Ly làm sách Quốc ngữ Thi nghĩa[1] và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ sau khi Mạnh Tử mất, người làm thầy đều chỉ chuyên dạy môn của mình, người đi học cũng chỉ học riêng theo một học thuyết . Nguồn chia, dòng tách, sai một ly đi một dặm! Có khi thì chảy tách thành một dòng khác, có khi lại quay giáo mà đánh lẫn nhau, không sao quay về một mối được! Những học giả đáng [28a] ca ngợi, tuy gọi bậc đại nho cũng không tránh khỏi còn có vết tỳ vết nhỏ, chưa có ai là được hoàn hảo cả .

Chu Tử sinh vào cuối đời Tống, kế tiếp công việc chú giải lục kinh[2] của các nhà nho Hán, Đường, ngược dòng tìm nguồn, hiểu được ý của thánh nhân ở các bộ kinh để lại, rõ được đạo thánh nhân ở những lời huấn giải, vắt óc nghiền ngẫm, lý và tâm dung hợp . Ông giải thích thì tường tận, chỉ dẫn thì xa rộng, thực là tập đại thành của các tiên nho và cũng là khuôn mẫu cho những kẻ hậu học. Huống chi lại có Trình Tử xướng ơ trước, và Chu Tử bổ sung chỗ chưa hoàn hảo ở sau, thì nghĩa đã tinh lắm rồi. Người sau mà có trước tác, thì cũng chỉ là mở mang cho rộng thêm, tô chuốc cho bóng thêm, có thế mà thôi, sao lại được chê bai bàn cải?

[28b] Đinh Sửu, [Quang Thái] nămthứ 10 [1397], (Minh Hồng Vũ năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sư lệnh Đỗ Tỉnh (có sách chép là Mẫn) đi xem đất và đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hóa, đắp thành đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đó, tháng 3 thì công việc hoàn tất.

Trước đó, triều đình bàn bạc chưa xong, hành khiển Phạm Cự Luận khuyên nên thôi.

Quý Ly nói: "Ý ta đã định từ trước rồi, ngươi còn nói gì nữa!".

Đến đây thì thực hiện.

Lúc ấy, Khu mật chủ sự Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can, đại ý nói: "Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ[3] có núi Tản Viên, có sông Lô nhị[4], núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp đầu... Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà. An **[29a]** Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh, ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: "Cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm"[5].

Quý Ly không nghe. Sau đến kỳ xét công Quý Ly thấy có tên Nhữ Thuyết liền nói:

"Người ngày từng nói cốt ở đức không cốt ở hiểm".

Rồi phế bỏ không dùng.

---

[1] Quốc ngữ Thi nghĩa: giải thích Kinh Thi bằng quốc ngữ hay dịch Kinh Thi ra quốc ngữ (chữ Nôm).

[2] Chỉ 5 bộ sách kinh điển của nhà Nho là Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lê, Kinh Xuân thu và Kinh Nhạc.

[3] Long Đỗ: chỉ Thăng Long. Truyền thuyết kể rằng lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành Đại La, thấy thần nhân hiện lên xưng là thần Long Đỗ. Đại La từ đời Lý đổi là Thăng Long. Do đó người ta thường gọi là Thăng Long (Hà Nội ngày nay) là đất Long Đỗ.

[4] Sông Lô: hay sông Nhị, là sông Hồng ngày nay.

[5] Nguyên văn "Tại đức bất tại hiểm" là câu của Ngô Khởi, một danh tướng đời Chiến Quốc nói với Ngụy Vũ hầu.

Phan Phu Tiên nói: Tào Tháo dời kinh đô đến đất Hứa, nắm lấy thiên tử để sai khiến chư hầu, cơ nghiệp, nhà Hán chìm đắm thực là bắt đầu từ đó. Quý Ly dời kinh đô đến An Tôn, giết vua và diệt họ vua, cơ nghiệp nhà Trần bị sụp đổ, chả lẽ không phải bởi đó hay sao? Tuy nhiên, bọn loạn thần tặc tử đời nào mà chẳng có chúng? Cốt ở người làm vua phải cương quyết mà xử đoán, sáng suốt mà tra xét để không có mối lo về sau thôi.

Mùa hạ, tháng 4, đổi trấn Thanh Hóa thành trấn Thanh Đô; trấn Quốc Oai thành trấn Quảng Oai; trấn **[29b]** Đà Giang thành trấn Thiên Hưng; trấn Nghệ An thành trấn Lâm An; trấn Trườn Yên thành trấn Thiên Quan; trấn Lạng Giang thành trấn Lạng Sơn; trấn Diễn Châu thành trấn Vọng Giang; trấn Tân Bình thành trấn Tây Bình. Bãi các chức đại, tiểu tư xã, đại toát, còn chức quản giáp vẫn theo quy chế cũ.

Định quy chế quan lại trấn nhậm bên ngoài.

Lộ đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ. Phủ đặt chức Trấn phủ sứ và Trấn phủ phó sứ. Châu đặt chức Thông phán và Thiêm phán. Huyện đặt chức Lệnh úy và Chủ bạ để cai trị. Lộ thống nhiếp phủ, phủ thống nhiếp châu, châu thống nhiếp huyện. Các việc hộ tịch, tiền thóc, ngục tụng đều làm chung thành sổ sách của một lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để làm bằng cứ mà khảo xét. Lại đặt các phủ đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản và ty thái thú để trông coi.

Lấy Phó tướng Lê Hán Thương coi phủ đô hộ lộ Đông Đô; Thái bảo Trần Hàng coi phủ đô thống lộ Bắc Giang; Trần Nguyên Trữ[1] **[30a]** coi phủ đô thống lộ Tam Giang; thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm tri Thiên Trường phủ lộ quân dân sự; Hành khiển Hà Đức Lân làm hành Tân Yên phủ lộ thái thú. Lại đặt chức giáo thụ và giám thư khố ở các châu trấn.

Tháng 5, xuống chiếu rằng:

"Đời xưa, nước có nhà học, đảng có nhà tư, toại có nhà tường[2] là để tỏ rõ giáo hóa, giữ gìn phong tục, ý trẫm rất chuộng như vậy. Nay quy chế ở kinh đô đã đủ, mà ở châu, huyện thì có thiếu, làm thế nào rộng đường giáo hóa cho dân? Nên lệnh cho các phủ lộ Sơn Nam, Kinh Bắc[3], Hải Đông, đều đặt một học quan, ban cho quan điền[4] theo thứ bậc khác nhau: phủ châu lớn thì 15 mẫu, phủ châu vừa thì 12 mẫu[5], phủ châu nhỏ 10 mẫu để chi dùng cho việc học trong phủ châu mình (một phần để cúng ngày mồng một, một phần cho nhà học, một phần cho đèn sách). Lộ quan và quan đốc học hãy dạy bảo học trò cho thành tài nghệ, cứ đến cuối năm thì chọn **[30b]** người ưu tú tiến cử lên triều đình, trẫm sẽ thân hành thi chọn và cất nhắc".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bấy giờ có chiếu lệnh này, còn gì tốt đẹp bằng thế nữa? Nhưng lệnh này không thấy thi hành, vì không phải là bản ý của vua, mà vì Quý Ly muốn làm việc cướp ngôi, mượn việc ấy để thu phục lòng người mà thôi.

Tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền[6].

Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.

---

[1] Bản dịch cũ (t.II, tr.201) chép là Trần Nguyên Hãn và chú là CMCB 11 chép là Trần Nguyên Hãn. Nhưng thực ra Cương mục ở chổ này vẫn ghi là Trần Nguyên Trữ coi phủ đô thống Tam Giang.

[2] Đảng: là một đơn vị hành chính đời xưa gồm 50 nhà: toại tương tự như làng, xã; tự và tường đều là tên trường học.

[3] Đây là tên đất thời Lê chứ không phải tên đất đời Trần. Có thể lời chiếu được chép lại không đúng nguyên văn.

[4] Quan điền: tức ruộng công .

[5] Bản dịch cũ chép là 11 mẫn và chú là CMCB 11 ghi 12 mẫu.

[6] Danh điền: là ruộng có người đứng tên, tức ruộng tư.

Trước kia, các nhà tôn thất thường sai nô tỳ của mình đắp đê bồi ở bờ biển để ngăn nước mặn, sau hai ba năm, khai khẩn thành ruộng, cho họ lấy lẫn nhau và ở ngay đấy, lập ra nhiều ruộng đất tư trang, cho nên có lệnh này.

Hữu thiêm tri chính sự **[31a]** hành Khu mật viện sự Phạm Cự Luận chỉ huy quân Thần Sách đánh bọn giặc cỏ áo đỏ ở trấn Tuyên Quang, thua trận bị chết, được tặng Tả bộc xạ (Cự Luận người huyện Đườn An[1]. Lấy Hành khiển Đỗ Thế Mãn thay làm Kinh lược sứ Tuyên Quang.

Mùa đông, tháng 11, Quý Ly bức vua dời kinh đô đến phủ Thanh Hóa .

Vua đi Yên Sinh bái yết các lăng trước, rồi tới hành tại ở hương Đại Lại gọi là cung Bảo Thanh. Cung nhân Trần Ngọc Cơ và Trần Ngọc Kiểm nói mật với vua là dời kinh đô thế nào cũng có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe được, cho rằng viên miếu lệnh Lê Hợp, viên phụ đạo Hữu Lũng[2] là Lương Ông cũng đồng mưu, đem giết cả.

Hành khiển đồng tri Đại tông chính tự Lương Nguyên Bưu đỡ gạch ngói, gỗ lớn ở các cung điện Thụy Chương, Đại An, giao hết cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở tới kinh đô mới, gặp bão chìm **[31b]** đắm mất quá nửa .

Nhà Minh sai đưa hai người tộc họ nhà Nguyên là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí ở nước ta. Cho Đại Hồ tên là Địa Phục Cơ, Tiểu Hồ tên là Địa Bảo Lang.

Tướng Chiêm Thành là Chế Đa Biệt cùng với em là Mộ Hoa Từ Ca Diệp đem cả nhà sang hàng. Ban tên cho Đa Biệt là Đại Trung, phong là Kim Ngô vệ tướng quân, Ca Diệp làm Cấm vệ đô, đều ban họ Đinh, lại cho trấn thủ Hóa Châu để chống giữ Chiêm Thành.

Mậu Dần, [Quang Thái] năm thứ 11 [1398], (từ tháng 3 trở đi là Thiếu Đế Kiến Tân năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, ngày 15, Lê Quý Ly bức vua phải nhường ngôi cho hoàng tử An[3].

Quý Ly có ý cướp ngôi, nhưng đã trót thề với Nghệ Hoàng rồi, sợ trái lời thề, bèn ngầm sai đạo sĩ Nguyễn Khánh ra vào trong cung, thuyết phục vua rằng:

"Cõi tiên thanh nhã thơm tho, khác hẳn phàm trần, **[32a]** Liệt thánh triều ta chỉ thờ đạo Phật, chưa có ai đi theo chân tiên. Bệ hạ được tôn ở ngôi cửu ngũ[4], nhưng muôn việc khó nhọc, chi bằng truyền ngôi cho Đông cung[5] để giữ khí hư hòa".

Vua nghe lời, rồi Khánh làm lễ tâu ghi vào sổ phụng đạo vào cõi tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, mời vua tới ở đó. Vua bèn nhường ngôi cho hoàng thái tử. Tờ chiếu nhường ngôi đại lược nói:

"Trẫm sớm mộ huyền phong[6], không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc[7]. Đức kém lạm giữ ngôi cao, thực khó lòng kham nổi. Huống chi tâm bệnh thường hay phát ra, việc tông miếu và chính sự do đấy đều bị trở ngại. Lời thề nguyền trước, trời đất quỷ thần đều đã nghe. Nay phải nhường ngôi để giữ mãi cơ đồ to lớn, Hoàng thái tử An hãy lên nối ngôi Hoàng đế. Phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh

---

[1] Đường An: tức huyện Bình Giang về sau, nay là một phần đất huyện Cẩm Bình, Hải Hưng.

[2] Nguyên văn là chữ "hữu", nhưng chắc là chữ "cổ", Cương Mục cũng chép là Cổ Lũng. Cổ Lũng là tên đời Trần, đến đời Lê mới đổi là Hữu Lũng, nay là huyện Hữu Lũng, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[3] Nguyên văn là chữ? không có loại từ nào có chữ này. Tên vua nhà Trần thường có bộ nhật, hoặc hỏa. Ở đây, tên vua là An và thêm bộ hỏa .

[4] Hào Cửu ngũ của quê Kiền trong Kinh Dịch nói: "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân" được coi là điềm xuất hiện vua giỏi, nên "ngôi cửu ngũ" là chỉ ngôi vua.

[5] Tức thái tử.

[6] Huyền phong: là phong cách thanh tao, ở đây chỉ đạo giáo.

[7] Hoàng ốc: loại xe vua ngự, ngoài bọc lụa sắc vàng. Nên hoàng ốc cũng dùng để chỉ ngôi vua.

nghĩa Quốc tổ[1] giữ quyền nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thanh để thỏa ý nguyền từ trước".

[32b] Hoàng thái tử An lên ngôi ở cung Bảo Thanh, đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ 1. Đại xá. Tôn Khâm Thánh hoàng hậu là Hoàng thái hậu.

Khi ấy thái tử mới lên 3 tuổi, nhận truyền ngôi không biết lạy. Quý Ly sai thái hậu lạy trước cho thái tử lạy theo.

Quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương. Bản văn thì đề là Trung thư thượng thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ v.v ..

Ngày hôm ấy, lên ngự điện ở kinh đô mới. Lễ mừng xong, ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai, con gái dạo xem ở cửa nam thành cả ngày lẫn đêm.

Ra lệnh cho những người có ruộng phải khai báo số mẫu ruộng.

Hành khiển Hà Đức Lân nói kín với người nhà rằng: "Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân thôi". Quý Ly nghe được, giáng Lân làm Hộ bộ thượng thư.

Lại ra lệnh cho dân phải nêu rõ họ tên cắm ở trên ruộng. Quan lộ, phủ châu, huyện **[33a]** cùng khám xét, đo đạc, lập thành sổ sách, 5 năm mới xong. Ruộng nào không có giấy khai sinh báo hay cam kết thì lấy làm quan điền[2].

THIẾU ĐẾ

Tên là An, là con trưởng của Thuận Tông, ở ngôi 2 năm, Quý Ly cướp ngôi, phế làm Bảo Ninh Đại Vương.

Phụ: HỒ QUÝ LY và HÁN THƯƠNG

Quý Ly tên tự là Lý Nguyên, tự suy tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang, đời Hậu Hán thời Ngũ Quý[3] sang làm Thái thú Diễn Châu. Sau đó, làm nhà ở hương Bào Đột châu này, rồi là trại chủ. Đến đời Lý, [có người] lấy công chúa Nguyệt Đích, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại, Thanh Hóa, làm con nuôi tuyên úy Lê Huấn, từ đấy lấy Lê làm họ mình. Quý Ly là cháu bốn đời của Huấn. Đời Trần Nghệ Tông, từ chức Chi hậu tứ cục chánh chưởng thăng lên Khu mật đại sứ, lên Tiểu tư không, tiến phong Đồng bình chương sự, liên tiếp gia phong tới Phụ chính thái sư nhiếp chính, Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương, Quốc Tổ Chương Hoàng, rồi thay ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, trở lại họ Hồ, chưa đầy một năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hỏa, tiếm ngôi được hơn 6 năm. Sau hai cha con đều bị người Minh bắt. Sử sũ đem hai người họ Hồ[4] chép từng năm thành kỷ[5], nay truất bỏ và sửa cho đúng.

---

[1] Quốc tổ: tức là tổ phụ (ông) của vua. Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly. Quý Ly là ông ngoại của Thiếu đế An.

[2] Quan điền: ruộng công.

[3] Ngũ Quý: còn gọi là Ngũ Đại, giai đoạn lịch sử Trung Quốc gồm 5 triều đại: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu, Hậu Hán (947 - 950) là tên một triều đại do Lưu Tri Viễn lập ra kế tiếp triều đại Hậu Tấn, đặt quốc hiệu là Hán, nên đời sau gọi là Hậu Hán.

[4] Tức Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương.

[5] Theo phép chép sử truyền thống của sử gia phong kiến, chỉ những triều đại chính thống mới được chép riêng thành kỷ, như kỷ nhà Lý, kỷ nhà Trần, kỷ nhà Lê... những triều đại không chính thống (gọi là nhuận triều) thì không được chép thành kỷ.

[33b] Kỷ Mão, [Kiến Tân] năm thứ 2 [1399], (Minh Thái Tổ Kiến Văn năm thứ 1[1]). Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly cương bức vua phải xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy[2], mật sai nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông coi. Vua hỏi rằng:

"Người theo hầu ta muốn làm gì chăng?".

Cẩn không nỡ trả lời. Quý Ly làm bài thơ bảo Cẩn rằng:

"Nguyên Quân[3] không chết, thì ngươi phải chết!".

Lại làm bài thơ đưa cho Nguyên Quân rằng:

Tiền hữu dung ám quân,
Hôn Đức cập Linh Đức.
Hà bất tảo an bài,
Đồ sử lao nhân lực.
(Trước đó vua hèn ngu,
Hôn Đức và Linh Đức.
Sao không sớm liệu đi,
Để cho người nhọc sức?).

Cẩm bèn dâng thuốc độc. Vua không chết, lại dâng nước dừa và không cho ăn mà vẫn không chết. Đến đây, sai Xa kỵ vệ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh thắt cổ chết. Chôn ở lăng Yên Sinh, miếu hiệu là Thuận Tông.

Bọn Thái bảo Trần Hãng, Thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không thành, bị giết.

Hôm ấy, Quý Ly họp thề ở Đốn Sơn[4]. Bọn Khát Chân đã có ý giết Quý Ly. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân **[34a]** để xem, y như lệ thiên tử ngự đến miếu đến chùa[5]. Cháu Khả Vĩnh là Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm gươm định lên, Khát Chân trừng mắt ngăn lại, nên việc không xong.

Quý Ly chột dạ đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ xuống lầu.

Ngưu Tất vứt gươm xuống đất nói: "Chết uổng cả lũ thôi".

Sự việc bị phát giác, bọn tôn thất Hãng, Trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, hành khiển Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bửu, Phạm Ông Thiện, Phạm Ngưu Tất và các liêu thuộc, thân thích gồm hơn 370 người đều bị giết cả, tịch thu gia sản, con gái bắt làm nô tỳ, con trai từ 1 tuổi trở lên bị chôn sống, hoặc bị dìm nước. Lùng bắt dư đảng liền mấy năm không ngớt. Người quen biết nhau chỉ đưa mắt ra hiệu, không dám nói chuyện với nhau. Nhà dân không được chứa người đi đường ngủ trọ, hễ có người **[34b]** ngủ trọ, thì phải báo nhà láng giềng, cùng nhau xét hỏi giấy tờ, hành lý, lý do đi qua để làm chứng cứ bảo lĩnh. Các xã đều đặt điểm tuần, ngày đêm tuần tra canh giữ. Lễ minh thệ từ đó không cử hành nữa.

Khát Chân người Hà Lãng, huyện Vĩnh Linh[6], ba đời làm thượng tướng quân. Người đời truyền Khát Chân khi sắp bị hành hình, lên núi Đốn Sơn gào thét 3 tiếng, chết qua 3 ngày sắc mặt vẫn như khi sống, ruồi nhặng không dám bâu. Sau có hạn hán, cầu mưa thì ứng nghiệm ngay.

---

[1] Kiến Văn: là niên hiệu của Minh Huệ Đế, không phải là của Minh Thái Tổ, Toàn thư in lầm.

[2] Thôn Đạm Thủy: thuộc huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[3] Tức Thuận Tông. Sau khi truyền ngôi cho con, Thuận Tông tự xưng là Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế.

[4] Đốn Sơn: là ngọn núi ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[5] Chữ "lệ"? ở nguyên bản là chữ "trắc"?, sửa lại là "lệ", chúng tôi cho là hợp lý.

[6] Vĩnh Linh: tên huyện đời Trần, đời Lê đổi là Vĩnh Phúc. Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên Bưu người Tuyên Quang, tiên tổ là Thế Sung làm Toát Thông Vương kiêm phụ đạo ở triều Lý. Các con là Văn, Hiến, Quế đều được phong hầu. Con của Quế là Hiếu Bão vì có công đánh Toa Đô được phong Quan phục hầu; Hiếu Bão sinh ra Thế Tắc được phong Lặc Thuận hầu; Thế Tắc sinh ra Cúc Tôn làm Quan sát sứ; Cúc Tôn sinh ra Nguyên Bưu.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quý Ly đến đây tội ác đã chất đầy rồi. Trần Hãng đã đi lại, hẹn ước với các tướng văn tướng võ từ trước, nếu biết thừa cơ quyết đoán, vạch tội giết vua của Quý Ly, hiệp sức với Khả Vĩnh mà giết nó đi, thì danh chính ngôn thuận, mà việc cũng xong rồi. Đánh tiếc lại do dự, sợ sệt, đến nỗi chuốc lấy bại vong.

Tháng 6, Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng, mặc áo màu bồ hoàng[1], ở cung Nhân Thọ, ra vào theo lệ thái tử[2], dùng 12 chiếc lọng vàng. Con là Hán Thương xưng là Nhiếp thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên. Nguyên Trừng làm tư đồ. Bảng văn thì đề là Phụng Nhiếp Chính Quốc Tổ Chương Hoàng, chỉ xưng là "dư" mà chưa dám xưng "trẫm"[3].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Công tử Ngữ nước Sở trước khi cướp ngôi, đặt phục chế, bày [35b] quân hầu, kết cỏ bồ như cung vua, ngang nhiên ngạo mạn, lộ vẻ hung hăng để làm nhụt chí mọi người. Thấy không ai dám chống lại, bấy giờ mới không còn kiêng sợ gì nữa mà trổ hết ngón ác[4]. Việc làm của họ Hồ cũng cùng một duộc!.

Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Dụng Phủ, người Cổ Đẳng[5] phủ Thanh Hóa dâng thư đại ý nói rằng:

Chương Hoàng là hiệu gì? Bồ hoàng là sắc gì? Đối với việc phó thách cuả tiên đế thì thế nào?

Quý Ly bắt giam mấy ngày rồi tha.

Tháng 8, tên cướp Nguyễn Nhữ Cái trốn vào núi Thiết Sơn làm giả tiền giấy tiêu dùng. Gặp lúc Thuận Tông bị giết, Khát Chân bị chém, mới chiêu dụ dân lành được hơn vạn người, hoạt động ở các xứ Lập Thạch, sông Đáy, Lịch Sơn[6], sông Đà, Tản Viên, cướp bóc bừa bãi, các châu huyện không sao chống được.

Tháng 9, dời các tội nhân giam ở Cảo Điền vào xã Tương Một,Thanh Hóa.

[36a] Sai Trần Ninh dốc suất người phủ Thanh Hóa trồng tre gai ở phía tây thành, phía nam từ Đốn Sơn, phía bắc từ An Tôn đến tận cửa Bào Đàm, phía tây từ chợ Khả Lãng ở Vực Sơn đến sông Lỗi Giang, vây quanh làm toà thành lớn bọc phía ngoài. Dân chúng ai lấy trộm măng thì bị xử tử.

Dọc rừng rậm và đồng hoang dựng các quán xá, từ cầu Đại Tân đến bến Đàm Xá để tiện cho quân dân qua lại nghỉ ngơi.

Đặt sở tuần kiểm ở sông Đại Lại. Sai chăng dây chão to ở giữa sông phàm các thuyền trên sông phải kéo dây theo thứ tự mà đi, không được tranh nhau đi trước.

Mùa đông, tháng 10, đổi người có tội đi đày làm lính khơi mương, sai đi khơi các con kênh Vi, kênh Trầm, kênh Hào, đến tận cửa biển Hà Hoa để tiện thuyền bè qua lại.

Tháng 12, sai Nguyễn Bằng Cử, An phủ sứ Đông Lộ[7] đi đánh Nguyễn Nhữ Cái, dẹp yên được.

---

[1] Màu bồ hoàng: màu vàng như nhị hoa xương bồ.

[2] CMCB 11 chép là "thiên tử", có lẽ hợp lý hơn.

[3] "Dư" là đại từ ngôi thứ nhất, nghĩa làm "ta", dùng cho mọi người, còn "trẫm" là tiếng tự xưng, chỉ riêng vua được dùng.

[4] Công tử Ngữ nước Sở khi hội thề với các nước ở đất Quắc, mặc áo đẹp như áo vua, có quân hầu cầm giáo mác hộ vệ, kết cỏ bồ làm chỗ ở tại nơi thề như cung vua. Sau này, giết Giáp Ngao, là vua Sở, lên làm vua tức Sở Linh Vương (xem Tả truyện, Lỗ Chiêu Công năm thứ 1).

[5] Cổ Đẳng: là tên giáp, thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[6] Lịch Sơn: thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang ngày nay.

[7] Ở đây Toàn thư chép là Đông Lộ, nhưng ở đoạn sau (tờ 40b), chép rõ ràng Bằng Cử là An phủ sứ lộ Đông Đô.

(Bằng Cử người huyện Đông Ngàn, Bắc Giang).

[36b] Canh Thìn, [Kiến Tân] năm thứ 3 [1400], (Năm này nhà Trần mất, từ tháng 3 trở đi, Quý Ly cướp ngôi, xưng là Thánh Nguyên năm thứ 1; Minh Kiến Văn năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm thái tử.

Trước đây, Quý Ly định lập Hán Thương nhưng chưa quyết, mới mượn cái nghiên đá mà nói rằng:

"Thử nhất quyển kỳ thạch, hữu thì vi vân vũ dĩ nhuận sinh dân" (Hòn đá lạ bằng nắm tay này, có lúc làm mây làm mưa để nhuần thấm sinh dân), bảo con trưởng là Trừng đối lại để xem chí hướng ra sao.

Trừng đối lại rằng: "Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đống tác lương dĩ phù xã tắc" (Cây thông nhỏ mới ba tấc kia, ngày sau làm rường cột để chống nâng xã tắc). Bấy giờ ý mới quyết định.

Tháng 2, ngày 28, Quý Ly bức vua nhường ngôi và buộc người tôn thất và các quan ba lần dâng biểu khuyên lên ngôi. Quý Ly giả vờ cố tình từ chối nói: "Ta sắp xuống lỗ đến nơi rồi, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới đất nữa?".

Rồi tự lập làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu[1], đổi thành họ Hồ.

> [37a] Phan Phu Tiên nói: Khổng Tử nói: "Không phải ma nhà mình mà cúng là siểm nịnh". Vì thế Địch Thanh từ chối không nhận là dòng dõi Lương Huệ Công[2]; Lưu Việp tạ từ không nhận là họ hàng Lưu thái hậu. Nhà Đường tế Đế Nghiêu làm tiên tổ mà tiên nho chê cười: Chiêu Liệt là con cháu Trung Sơn Tĩnh Vương mà Ôn Công không thừa nhận[3]. Đâu phải có riêng tư gì trong việc khen chê!.

Là vì họ hàng xa xôi, các đời biến đổi, khó mà tin chắc được. Quý Ly lại nhận là dòng dõi xa của Hồ Công Mãn, tế Ngu Thuấn làm thủy tổ, thì cái tội dối đời để tiếm ngôi thực không gì to bằng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phu Tiên theo thuyết của Ôn Công cho rằng nếu Chiêu Liệt là dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh Vương thì họ hàng xa xôi cũng khó mà tin được. Như vậy là không tin lời của Gia Cát Vũ **[37b]** hầu[4]. Nhưng Gia Cát là bậc hiền tài, hơn nữa thế đại cũng chưa xa lắm, bảo Chiêu Liệt là dòng dõi nhà vua chả lẽ lại không có căn cứ mà nói bịa đặt hay sao? Chu Tử[5] đã theo thuyết ấy thì còn nghi ngờ gì nữa.

Hồ Quý Ly phế vua làm Bảo Ninh Đại Vương, vì vua là cháu ngoại nên không giết.

Lộ Tam Giang dâng con chim đen đỏ mỏ, tên là chim yểng, có thể nói được tiếng người. (Người đàn bà hương ấy một hôm bắt được cái trứng chim, để lẫn vào trứng gà cho ấp, khi lớn lên, chim vẫn theo người đàn bà ấy đi cho lợn ăn, bắt chước tiếng gọi lợn, dần dần nói được tiếng người).

Người trong thành dâng chim trắng.

---

[1] Theo truyền thuyết, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn; con Ngu Yên là Vĩ Mãn được Chu Vũ Vương phong co ở đất Trần gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm tên họ. Quý Ly nhận mình là dòng dõi họ Hồ, con cháu Ngu Thuấn, nên đặt quốc hiệu là Đại Ngu.

[2] Địch Thanh khi làm tể tướng nhà Tống, có người con cháu xa của Địch Nhân Kiệt tức Địch Lương Công (được phong là Lương Huệ Công) đem bức chân dung và bằng sắc của Lương Công đến dâng và bảo ông là con cháu xa của Lương Công. Ông từ chối nói: May gặp được phú quý nhất thời, đâu dám nhận là con cháu Lương Công.

[3] Chiêu Liệt là Lưu Bị, Trung Sơn Tĩnh Vương là con Hán Cảnh Đế, Ôn Công tức Tư Mã Quang, sử gia đời Tống, tác giả bộ sử Tư trị thông giám. Tư Mã Quang không thừa nhận Lưu Bị là dòng dõi vua Hán.

[4] Tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, bề tôi của Lưu Bị.

[5] Chỉ Chu Hy.

Quý Ly sai thuộc quan ở tam quán, chi hậu nội nhân, nội tẩm học sinh chia nhau đi các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở trong quan lại, việc lợi việc hại ở dân gian để tiến hành việc giáng truất hay thăng bổ, quy định thành thể thức lâu dài. Từ đó, các chức thú lệnh[1]mới thay đổi luôn.

Mùa thu, tháng 8, Quý Ly mở khoa thi **[38a]** thái học sinh. Lấy đỗ bọn Lưu Thúc Kiệm 20 người. Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành đều đỗ kỳ này.

(Tử Tấn, Mộng Nguyên và Thành đều làm quan ở triều nay[2] đến chức Quốc tử giám tế tửu, Hiến làm đến Quốc tử giám giáo thụ).

Đầu đề bài phú là "Linh kim tàng"[3]. Các học trò xin giảng nghĩa đề thi. Quan trường hỏi: "Có lệ cũ như vậy không?" Duy có Bùi Ứng Đẩu trả lời rằng triều Tống có Tôn Hà Khoa đã hỏi nghĩa đề thi "Chi ngôn nhật xuất"[4]. Cho nên quan trường đã giảng nghĩa đề này.

(Ứng Đẩu người Sơn Vi[5], làm giám thư khố đời Trần, đến đây bị giải chức, vào thi đã 50 tuổi, được bổ chức giám quan. Sau nói việc trái ý, bị giáng làm thái tử thuyết thư, không bao lâu bị giáng làm thái tử tân khách).

Mùa đông, tháng 12, Quý Ly tìm phả hệ họ nôi, họ ngoại, bà là họ Chu, mẹ là họ Phạm, gọi là họ Hoạ thị.

Quý Ly lấy Hành khiển Đỗ Mân làm Thủy quân đô tướng; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Trần Vấn (được ban họ Hồ) làm Đồng đô tướng; tướng chỉ huy quân Long Tiệp Trần Tùng (được ban họ Hồ) làm Bộ quân đô tướng; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Đỗ Nguyên Thác làm Đồng đô tướng; **[38b]** đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành.

Quý Ly nhường ngôi cho con là Hán Thương, tự xưng là thượng hoàng, cùng coi chính sự.

Hán Thương phong bà phi của mình là Trần Thị làm Hiến Gia hoàng hậu, ở cung Phù Tang. Vì chữ "tang" (cây dâu) đồng âm với chữ "tang" (việc tang) nên đổi là cung Phù Cực.

Quý Ly sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, mẹ Hán Thương là Huy Ninh công chúa (truy tôn là Thái tử hoàng hậu), con gái của Trần Minh Tông, trước đã lấy Phò ký lang Trần Nhân Vinh, Nghệ Tông không cho giữ tiết [để tang chồng], đem gả cho Quý Ly, sinh ra Khâm Thánh hoàng hậu và Hán Thương.

Đến đây, sai sứ sang báo nhà Minh, nói rằng họ Trần đã tuyệt tự, Hán Thương là cháu ngoại Minh Tông, tạm trông coi việc nước.

Hán Thương đánh thuế các thuyền buôn, định 3 mức thượng, trung, hạ. Mức thượng đánh thuế mỗi thuyền 5 quan, mức trung 4 quan, mức hạ 3 quan.

Năm ấy, chúa Chiêm Thành [39a] La Ngai chết, con là Ba Đích Lại lên ngôi.

Tân Tỵ, [1410], (Hồ Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 1, Minh Kiến Văn năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sét đánh điếm canh trên thành.

Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

---

[1] Thú: thái thú, lệnh: lệnh doãn. Thú lệnh là tên gọi chung những chức quan đứng đầu ở phủ, châu hoặc ở huyện.

[2] Chỉ triều Lê.

[3] Linh kim tàng: kho chứa gươm thiêng, lấy điển Lưu Bang dùng gươm chém rắn khi mới nổi lên chống nhà Trần.

[4] Chi ngôn nhật xuất (Chén rượu như câu nói mỗi lúc một khác) là câu trong sách Trang Tử. Chi là chén ở trong mà biến đổi tư thế, cũng ví như lời nói tùy theo sự vật mà đổi thay.

[5] Sơn Vi: tên huyện, nay là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Bùi Ứng Đẩu, người xã Xuân Dũng (làng Dóng). (BT).

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, ********Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, cho ghi họ Hồ có hai phái ở Diễn Châu và Thanh Hóa. Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy số hiện tại làm thực số, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hễ có người kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán. Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan: "Làm thế nào có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc?". Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.

Đến đây, sổ làm xong, tính số người từ 15 tuổi trở lên, 60 tuổi [39b] trở xuống được gấp bội so với trước. Cho nên năm Thiệu Thành thứ 2 [1402] điểm binh càng nhiều.

Hán Thương lập phép hạn chế gia nô, chiếu theo phẩm cấp được có số lượng khác nhau, còn thừa phải dâng lên, mỗi tên được trả 5 quan tiền. Người nào đáng được có gia nô phải xuất trình chúc thư 3 đời. Nô người nước ngoài thì không theo lệ này.

Các nô đều thích vào trán để đánh dấu: Quan nô thì thích hình viên ngọc hỏa châu, có khi lấy bổ sung vào quân điện tiền; của công chúa thì thích hình cây dương, cây đường; của đại vương thì thích 2 khuyên đỏ, của quan nhất phẩm thì thích 1 khuyên đen; của quan nhị phẩm trở xuống thích 2 khuyên đen.

Bấy giờ bọn sĩ đại phu tham phú quý, mong được lòng của họ Hồ, dâng thư khuyên giết hại con cháu nhà Trần, giảm bớt số ruộng và nô để nén bớt thế lực của họ, như bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hy Chu, Đồng Thức, còn lại thì nhiều vô kể.

Hồ Tùng đi đánh Chiêm Thành, nghe lời Đình Đại Trung, cho quân bộ đi đường núi, **[40a]** tách xa hẳn quân thủy, gặp khi nước lũ, tướng sĩ ở giữa đường hết lượng đến 3 ngày, phải nướng cả áo giáp bằng da để ăn. Quân trở về, Tùng do đi đường hiểm, lỡ mất quân cơ, đáng phải xử chém. Nhưng vì có công lao hồi còn tiềm để[1] được tha tội chết, đề làm xã binh.

Hán Thương đặt kho thường bình[2], phát tiền giấy cho các lộ, theo giá cả mua thóc chứa vào kho. Bấy giờ số quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện có thay đổi, nên không làm được.

Hán Thương đặt hương đình quan, có chánh, có phó, sau chỉ dùng một viên.

Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để dùng vào việc xây thành. Trước đây xây thành Tây Đô, tải nhiều đá tới xây, ít lâu sau lại bị sụp đổ, đến đây mới xây trên bằng gạch, dưới bằng đá.

Hán Thương định quan chế và hình luật nước Đại Ngu.

Mùa đông, tháng 12, Hán Thương lấy Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm học sĩ.

[40b] Nhâm Ngọ, [1402], (Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 2, Minh Kiến Văn năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương xét duyệt quân ngũ.

Tháng 3, Hán Thương đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu. Dọc đường đặt phố xá và trạm truyền thư, gọi là đường thiên lý.

Mùa hạ, tháng 6, Hán Thương lấy Đồng Thức làm Trung tán, ban cho họ Ngụy (ví với Ngụy Trưng[3] nhà Đường).

---

[1] Tức là khi Hán Thương ở ngôi thái tử.

[2] Thường bình: nghĩa là "luôn luôn cân bằng". Khi thóc hơn thì đong vào, khi thóc kém thì bán ra theo giá rẻ để giá thóc ổn định

[3] Ngụy Trưng: là tể tướng của nhà Đường, nổi tiếng thẳng thắn can ngăn vua, dâng hơn hai trăm tờ biểu sớ can ngăn Đường Thái Tông, Thái Tông cũng phải kính nể .

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành. Lấy Đỗ Mãn làm Đô tướng; Điện nội phán thủ Nguyễn Vị làm Chiêu dụ sứ; An phủ sứ lộ Đông Đô Nguyễn Bằng Cử làm Đồng chiêu dụ sứ.

Đại quân sắp tới đất Chiêm, Đinh Đại Trung cưỡi ngựa đi trước các quân, gặp tướng giặc Chế Tra Nan, hai bên giao chiến, đều bị chết.

Chúa Chiêm Ba Đích Lại sợ, sai cậu là Bố Điền dâng một voi trắng, một voi đen và các sản vật địa phương, lại dâng đất Chiêm Động[1] để xin rút quân.

Bố Điền tới, Quý Ly bắt ép **[41a]** phải sửa tờ biểu là dâng nộp cả động Cổ Lũy[2]. Rồi chia đấy ấy thành bốn châu Thăng,Hoa, Tư, Nghĩa. Đặt An phủ sứ và An phủ phó sứ lộ Thăng Hoa để cai trị; miền đầu nguồn đất ấy thì đặt trấn Tân Ninh[3]. Chiêm Thành thu lấy những dân phụ cận đưa về nước. Người ở lại thì bổ làm quân.

Hán Thương điều An phủ sứ lộ Thuận Hóa Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa. Cảnh Chân dâng thư nói xin theo việc cũ của nhà Hán, nhà Đường, mộ người nộp thóc để việc phòng bị biên cương được đầy đủ, những người nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc được miễn tội tuỳ theo mức độ.

Quý Ly phê: "Biết được mấy chữ mà dám nói việc Hán Đường, thực là thằng ngọng hay nói, chỉ chuốc lấy tiếng cười thôi!".

Hán Thương lấy Hiệu Chính hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Cổ Lũy huyện thượng hầu, trấn giữ châu Tư, Nghĩa, chiêu dụ, vỗ về dân chúng người Chiêm để mưu tiến đánh.

Đặt nhã nhạc, lấy con các quan văn **[40b]** làm kinh vĩ lang, con các quan võ làm chỉnh đốn lang, tậpvúa các điệu võ, văn,võ.

Tháng 8, Hán Thương đắp đàn Giao ở Đốn Sơn để làm lễ tế Giao[4]. Đại xá.

Hôm tế, Hán Thương ngồi kiệu Vân Long, từ cửa Nam đi ra, các cung tần, mệnh phụ[5], quan văn, quan võ trong triều theo thứ tự đi sau. Mũ áo của đàn bà kém chồng một bậc, nếu bản thân là tôn quý thì không phải kém.

Lệ cũ của đời trước có nghi lễ bái yết hai bậc, quan lại và người theo hầu rất đông. Cứ 3 năm cử hành đại lễ một lần, thiên tử ngồi xe Thái Bình[6], khắc gỗ làm 40 hình người tiên, mặc áo vóc, cầm cờ đi trước, nếu đi thuyền nhỏ ở hồ Chu Tước thì dùng dây thừng gấm để kéo thuyền; 2 năm cử hành trung lễ một lần, thiên tử ngồi ngai chạm bách cầm; 1 năm cử hành tiểu lễ một lần, thiên tử ngồi ngai nhỏ. Chưa từng làm lễ tế Giao. Nay Hán Thương mới bắt đầu làm lễ này. Nhưng vì khi dâng chén rượu, [Hán Thương] run tay, rượu bị đổ **[42a]** xuống đất, nên phải ngừng lại.

Hán Thương định lại các lệ thuế và tô ruộng.

Triều trước, mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dây, triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hằng năm của đinh nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy; từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan;

---

[1] Chiêm Động: được chia làm hai châu Thăng và Hoa, là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn, Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

[2] Cổ Lũy: được chia thành hai châu Tư và Nghĩa, là đất các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.

[3] Tân Ninh: là vùng các con sông Thu Bồn, Vu Da ở miền tây tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng ngày nay.

[4] Tế Giao: là tế trời vào tiết Đông chí và tế đất vào tiết Hạ chí.

[5] Mệnh phụ: các bà được vua phong hiệu cho.

[6] Xe Thái Bình: được chế tạo từ đời Lý.

1 mẫu 1 sào đến 2 mẫu thu 2 quan; từ 2 mẫu 1 sào đến 2 mẫu 5 sào thu 2 quan 6 tiền; từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu 3 quan. Đinh nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dẫu có ruộng cũng thôi không thu.

Sĩ nhân Nguyễn Bẩm dâng thư cho rằng Tiền Hồ[1] nên nhường ngôi, lui về ở Kim Âu[2], Hậu Hồ[3], thì nên tôn là thượng hoàng **[42b]**, thái tử Nhuế lên ngôi Quan gia[4]. Quý Ly giận lắm, cho là Bẩm chỉ trích nhà vua, sự tình nghiêm trọng, sai đem chém.

Quý Mùi, [1403], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 1, Minh Thái Tông Vĩnh Lạc năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương đem những người không có ruộng mà có của dời đến Thăng Hoa[5], biên chế thành quân ngũ. Quan lại ở các lộ, phủ,châu, huyện chia đất cho họ ở. Người ở châu nào thì thích hai chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để làm dấu hiệu. Đến năm sau đưa vợ con đi theo, giữa đường, bị bão chết đuối, dân phần nhiều ta oán.

Hán Thương mộ dân nộp trâu để cấp cho dân mới dời đến ở Thăng Hoa, người nộp được ban tước.

Hán Thương lấy phủ lộ Thanh Hóa làm đất Tam phụ[6] của kinh kỳ; đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương, gồm với Cửu Chân và Ái Châu gọi là Tam phụ. Lại đổi Diễn Châu thành phủ Linh Nguyên, cộng là Tứ **[43a]** phụ. Đổi phủ Kiến Xương thành phủ Kiến Ninh, đổi núi Đại Lại thành núi Kim Âu. Đặt chức thị giám[7]; ban hành cân, thước, thưng, đấu, định giá tiền giấy, cho mua bán với nhau. Bấy giờ, người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy. Lại lập điều luật để xử tội không tiêu tiền giấy, bán giá cao, đóng cửa hàng, bao che giúp nhau.

Hán Thương cấm người tôn thất và cung nhân không được xưng quý hiệu, người vi phạm bị trị tội.

Hán Thương sai giết người phương thuật là Trần Đức Huy.

Đức Huy hồi trẻ mồm rộng đút vừa nắm tay, tay dài quá gối, có người bảo rằng ngày sau tất quý hiển. Đến khi lớn lên, học nghề phường thuật, thường ban đêm đánh mõ làm phép kỳ binh, như có nghìn muôn người reo hò đánh nhau; lại đi khắp các xã, lấy trộm tên những người đi tuần biên vào sổ quân. Việc bị phát giác, thu được một quyển sách phương thuật, một con dấu nguỵ, một thanh gươm nhỏ, mộc chiếc mõ đồng. Xử tội lăng trì, **[43b]** sổ quân thì ném xuống nước hoặc đốt đi không hỏi đến.

Hán Thương dựng miếu ở các lăng tẩm tại Thiên Xương, để thờ cúng tổ khảo, sớm chiều cúng tế. Lại dựng miếu ở các lăng tẩm Bào Đột, Linh Nguyên để thờ cúng tiên tổ. Ở kinh thành thì dựng Đông thái miếu để thờ cúng tông phái họ mình, Tây thái miếu để thờ họ ngoại là Trần Minh Tông và Trần Nghệ Tông.

Nhà Minh sai Ổ Tu[8] sang báo việc Thái Tông lên ngôi và đổi niên hiệu.

Bấy giờ vua Minh đóng đô ở Kim Lăng, Yên Vương Lệ làm phản, giết các quan Tam ty, đem quân tiến đánh kinh sư, đi đến đâu thắng được đấy, vào trong thành chém giết bừa bãi. Kiến Văn[9] tự thiêu mà chết. Lệ tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc. Bấy giờ có bài thơ rằng:

---

[1] Chỉ Hồ Quý Ly.

[2] Tức núi Đại Lại, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Chỉ Hồ Hán Thương.

[4] Tức ngôi vua. Đời Trần, Hồ, vua gọi là quan gia.

[5] Tên lộ, gồm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.

[6] Đời xưa, đât gần kinh kỳ gọi là "phụ". "Tam phụ" là ba vùng đất gần kinh kỳ.

[7] Thị giám: người coi chợ.

[8] Minh sử, An Nam truyện chép năm này nhà Minh sai hành nhân là Dương Bột sang ta. CMCB 12 cũng chép theo như vậy.

[9] Kiến Văn: là niên hiệu của vua Huệ Đế nhà Minh.

Giang thượng hoàng kỳ động,
Thiên biên tử chiếu hồi.
Kiến Văn niên dĩ một,
Hồng Vũ vận trùng khai.
Triều sĩ tao hình lục,
Cung nga đổ kiếp khôi.
Thùy tri thiên tải hậu,
Thanh sử hữu **[44a]** dư ai.
(Trên bến cờ vàng động,
Chân trời chiếu tía về[1].
Năm Kiến Văn đã mất,
Vận Hồng Vũ lại ra.
Triều quan bị chém giết,
Cung nga thẩy bụi tro.
Ai hay ngàn năm nữa,
Sử sách có thương ru!).

Có người bảo là Giải Tấn làm bài thơ đó cho nên bị tại họa[2].

Hán Thương đóng thuyền đinh nhỏ để đánh Chiêm Thành, dự định phân chia các đất Bản Đạt lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha[3] từ Tư Nghĩa trở về nam đến biên giới Xiêm La làm châu huyện.

Gia phong Phạm Nguyên Khôi làm đại tướng quân hai vệ Thiên Ngưu và Phụng Thần, chỉ huy quân Long Tiệp, hành thủy quân đô tướng; Hồ Vấn làm phó. Đỗ Mã chỉ huy các quân Thiên Cương; Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy bộ cộng 20 vạn người đều theo tiết chế của Nguyên Khôi. Ai ra trận àm sợ giặc thì bị chém, vợ con, điền sản bị tịch thu sung công. Các quân vào đất Chiêm, làm nhiều chiến cụ; vây thành Chà Bản sắp lấy được, nhưng vì quân đi đã 9 tháng, hết lương ăn, không thắng phải rút về. Đỗ Nguyên Thác vì trái lệnh của đô tướng, tha tội chết, bị đồ làm binh.

Chiêm Thành cầu cứu **[44b]** nhà Minh. Người Minh đi 9 chiếc thuyền vượt biển sang cứu. Các quân ta trở về gặp quân Minh ở ngoài biển. Người Minh bảo Nguyên Khôi rằng phải mau rút quân về, không được ở lại lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành trở về bị Quý Ly quở trách vì không giết hết được quân Minh.

Phan Phu Tiên nói: Nguyên Khôi vốn không có tài làm tướng, chỉ giỏi về những việc khéo léo, vì có ơn riêng là họ ngoại, được đặc cách gia phong tước hầu, thế mà trận này thành công được, so với việc Hán Vũ Đế sai nhị sư Lý Quảng đi đánh Đại Uyển thì có khác gì.

Phương sĩ Nguyễn Đại Năng người Giáp Sơn dùng lửa cứu, kim châm để chữa bệnh cho người, Hán Thương bổ làm chức Quảng tế tự thừa. Đặt quan thuộc Quảng tế[4] bắt đầu từ đó.

Đại Năng xảo trá, có sức khoẻ, có thể bắn được nỏ cứng. Sau làm Quảng tế lệnh kiêm chỉ huy dinh Binh qua, rồi được điều đi chỉ huy quân Sùng Uy.

[45a] Bấy giờ sứ nhà Minh qua lại nước ta liên tiếp như mắc cửi, kẻ thì yêu sách, người thì sách hỏi, Hán Thương sai người tùy phương cứu gỡ, vất vả về việc ứng tiếp.

Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán làm nội quan ở Bắc.

---

[1] Khi Yên Vương Lệ mang quân đi đánh về kinh đô, Kiến Văn sai đem chiếu thư xá tội cho Lệ, bảo rút quân trở về phiên trấn. Lệ không nhận tờ chiếu.

[2] Giải Tấn bị nhà Minh bắt giam rồi giết chết. Việc này chép vào năm Trùng Quang Đế thứ 3 (1441) (Xem BK 9).

[3] Bản Đại lang: là đất Panduranga của Cham-pa, nay là vùng Phan Rang ở Thuận Hải. Hắc Bạch và Sa Li Nha, chưa rõ chỉ vùng nào.

[4] Quảng tế: cơ quan coi việc y tế bấy giờ.

Trước đây Minh Thái Tổ từng đòi người bị thiến, tăng nhân, đàn bà xoa bóp, ta đều chiều ý đưa cho. Được vài năm, tha các tăng nhân và tú nữ về nước, chỉ giữ bọn bị thiến sung làm nội quan. Đến khi Thái Tông lên ngôi, có ý muốn xâm lược phương Nam, sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín sang sứ và thăm hỏi thân thuộc, dặn mật rằng, nếu có quân phương Bắc sang thì dựng cờ vàng, ghi là thân thuộc của viên nội quan họ tên là mỗÂ tất sẽ không bị giết hại. Việc ấy bị phát giác, bắt hết thân thuộc của những tên ấy đem giết đi.

[45b] Giáp Thân, [1404], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 2, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương cho rằng An phủ sứ phủ lộ Tân Hưng kiêm Đông Đô phán là Trần Quốc Kiệt biết đắp đê ngăn nước mặn, tiện việc cày cấy của dân, thưởng tước 1 tư.

Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem biểu nhà Minh hai con voi đen và trắng và dâng đất để xin hoãn quân, rồi lại nói dối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây, nhà Minh sai sứ sang trách hỏi, nên đưa biểu voi.

Hán Thương định thể thức thi chọn nhân tài: Cứ tháng 8 năm nay thi hương, ai đỗ thì được miễn tuyển bổ[1]; lại tháng 8 năm sau thi hội, ai đỗ thì thi bổ thái học sinh. Rồi năm sau nữa thi lại bắt đầu thi hương như năm trước. Bấy giờ học trò chuyên nghiệp học hành, mong được bổ dụng, nhưng mới được thi ở bộ Lễ rồi gặp loạn phải thôi. Phép thi phỏng theo lối văn tự ba trường của nhà Nguyên[2] **[46a]** nhưng chia làm 4 kỳ, lại có kỳ thi viết chữ và thi toán, thành ra 5 kỳ. Quan nhân, người làm trò, kẻ phạm tội đều không được dự bổ.

Trước đây, năm Nhâm Ngọ [1402], chọn tráng đinh, người nghèo sung làm quân trợ dịch, sau lại đổi thành quân bồi vệ, chia làm hàng tả, hàng hữu, dùng tên cầm thú để đặt quân hiệu (như kiểu phượng hoàng, kỳ lân...), lấy quan văn, võ người tôn thất cai quản.

Hán Thương khai Liên Cảng[3] từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hóa, vì bùn cát đùn lên, không khai được.

Cửa Eo[4] ở Hóa Châu bị vỡ. Hán Thương sai lấy quân lính ở kinh thành đi đắp lại.

Hán Thương đóng thuyền đinh sắt để phòng giặc phương Bắc, có hiệu là "Trung tàu tải lương", "Cổ lâu thuyền tải lương", chỉ mượn tiếng là chở lương thôi, nhưng bên trên có đường sàn đi lại để tiện việc chiến đấu, bên dưới thì hai người chèo một mái chèo.

Quý Ly giết viên tướng quân cũ Hồ Tùng.

Trước đó, Tùng đã bị giải chức, xin bán **[46b]** các đồ khí giới của nhà mình, [Quý Ly] không cho, có ý muốn dùng lại. Sau Tùng lại lén thông dâm với vợ của cố hành khiển Lương Nguyên Bưu là con gái của Trần Quý. Quý Ly tức giận nói:

"Bọn tài giỏi đều từ cửa nhà Tùng mà ra!".

Tùng cùng với người Chiêm đầu hàng là Chế Sơn Nô âm mưu làm phản, ngầm liên kết với người Chiêm Thành để trao đổi tin tức cho nhau. Việc bị tiết lộ, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử.

Nhà Minh sai hành nhân Lý Kỳ[5] sang.

Kỳ tự quyền làm oai làm phúc, đánh đập các quan bạn tống và đốc biện, bắt phải đi nhanh, không kể độ đường. Trước đây sứ giả từ Đông Đô đến Tây Kinh phải 12 ngày, Kỳ chỉ đi có 8 ngày, đến nhà công quán thì quan sát khắp mọi hình thể. Khi Kỳ trở về, Quý Ly sợ tiết lộ sự tình, sai Phạm Lục Tài

---

[1] CMCB 12 chữa là "sung tuyển bổ", nghĩa là "được lựa chọn bổ dụng".

[2] Theo Thông giám tập lãm thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) mới định phép thi 3 kỳ là: kỳ thứ nhất thi hai bài minh kinh và kinh nghi; kỳ thứ hai thi các bài phú, chế, cáo, chương, biểu theo cổ thể; kỳ thứ ba thi 1 bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

[3] Liên Cảng: sau thuộc xã Thủy Liên, huyện Lệ Thủy, nay thuộc Quảng Bình.

[4] Cửa Eo: tức cửa Thuận An ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[5] Toàn thư chép là ?, Minh sử (An Nam truyện) chép là?, vậy phải đọc là Kỳ.

đuổi giết đi. Nhưng đến Lạng Sơn, thì đã ra khỏi cửa ải rồi. Kỳ hặc tâu [với vua Minh] là họ Hồ xưng đế và làm thơ có những lời lăng mạ.

Hán Thương ra lệnh cho các quan viên không được **[47a]** đi hia, chỉ cho đi giày tơ gai sống. Lệ cũ đời trước: quan từ lục phẩm trở lên mới được đi hia.

Hán Thương lệnh cho các lộ đồ gạo chín cấp cho các châu ở Thăng Hoa theo lời của Hoàng Hối Khanh.

Hánh Thương lệnh cho các biên chế những người không có ruộng làm đội cùng nhân[1].

Hán Thương cấm mọi người trong nước không được dùng lụa phiếu kỹ may áo, chỉ cho nện qua thôi.

Ất Dậu, [1405], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 3, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2 Quý Ly giết kẻ sĩ là Nguyễn Oâng Kiều và Lê Địch.

Trước kia Quý Ly có làm bài thơ răn dạy Hán Thương và Nguyên Trừng đại khái nói:

Thiên dã phú, địa dã tái.
Huynh đệ nhị nhân, như hà bất tương ái?
Ô hô ai tai hề ca khảng khái!
(Trời thì che, đất thì chở,
Anh em hai người, sao nỡ chẳng thương nhau?
Hỡi ôi Tiếng ca khảng khái làm sao).

Vợ Ông Kiều thường ra vào trong cung, đem thơ ấy nói với Oâng Kiều. Oâng Kiều **[47b]** đem thơ ấy truyền tụng ở cầu Hoa Cái. Học sinh trong phủ của Trừng là Nguyễn Cẩm và Nguyễn Nhữ Minh đem chuyện ấy báo hết với Trừng. Trừng tâu với Quý Ly, Quý Ly mật sai Trung đô doãn là Đỗ Tử Triệt bắt Kiều. Tử Triệt làm cỗ mời, dụ Oâng Kiều bắt đem bỏ ngục. Oâng Kiều thất thế cung xưng lây cả đến bọ Lê Địch, Đỗ Loát. Loát trốn thoát được. Oâng Kiều và Lê Địch đều bị giết, còn bọn Hà Nhật Tuyên bị đày ra châu xa. Bọn Nguyễn Nhữ Minh có tội nghe đọc bài thơ ấy, phải đồ ra châu Cửu Chân. Vài tháng sau, Tử Triệt bỗng mắc bạo bệnh, đòi lấy bút viết rằng: "Ta kiện nhau với mày", lát sau chết. Sau Nhật Tuyên cũng bị chết vì tội bè đảng.

Nhà Minh sai sứ sang đòi cắt đất Lộc Châu ở Lạng Sơn.

(Bấy giờ thổ quan phủ Tư Minh, Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành báo lên rằng Lộc Châu là đất cũ của phủ ấy).

Quý Ly sai hành khiển Hoàng Hối Khanh làm cát địa sứ. Hối Khanh đem các thôn như Cổ Lâu, gồm cả thảy 59 thôn trả cho nhà Minh. **[48a]** Quý Ly trách mắng, lăng nhục Hối Khanh vì trả lại đất nhiều quá. Những thổ quan do bên kia đặt, [Quý Ly] đều bí mật sai thổ nhân ở đó đánh thuốc độc giết đi.

Hán Thương lệnh cho những nơi đầu nguồn ở các trấn nộp gỗ làm cọc. Châu Vũ Ninh thì cho phép lấy gỗ ô mễ ở lăng Cổ Pháp đưa đến cho các quân đóng cọc ở các cửa biển và những nơi xung yếy trên sông Cái để phòng giặc phương Bắc.

Năm ấy đói.

Hán Thương lệnh cho các quan phủ, lộ, châu, huyện kiểm tra xem các nhà giàu có bao nhiêu thóc, bảo họ bán cho dân, số lượng nhiều ít khác nhau.

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh và Đông cung (tên nô cùng vú nuôi của Đông cung bị chết). Hán Thương có lệnh cầu lời nói thẳng.

Đại xá.

[1] Nghĩa là đội những người cùng khổ.

Hán Thương nghị bàn việc dời các cung điện ở Đông Đô tới làm ở động Cổ Liệt[1].

Bấy giờ giặc phương Bắc sắp sang mà dân thì đã lâu ngại đi phục dịch nơi xa, cho nên đặt ra kế ấy để thu phục lòng người. Nhưng rốt cuộc không làm được.

Hán Thương đặt 4 kho quân khí. Không kể là quân hay dân, hễ ai khéo nghề **[48b]** đều sung vào làm việc.

Mùa thu, tháng 7, Quý Ly và Hán Thương đi tuần tra xem xét núi sông và các cửa biển, ở kinh lộ, vì muốn biết thế hiểm hay dễ của các nơi. Tháng 8 thì trở về.

Hán Thương sai bộ Lễ thi chọn nhân tài, đỗ được 170 người. Lấy Hồ Ngạn, Lê Củng Thần sung làm thái học sinh lý hành[2]; bọn Cù Xương Triều 6 người sung làm Tư Thiện đường học sinh. (Tư Thiện đường vốn là tên nhà học của thái tử triều Trần).

Nhà Minh sai bọn nội quan Nguyễn Tông Đạo sang.

Tháng 9, Hán Thương sai thi lại viên.

Hán Thương định quân Nam ban và Bắc ban chia thành 12 vệ; quân Điện hậu đông và tây chia thành 8 vệ; mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người; đại quân thì 30 đội, trung quân thì 20 đội, mỗi doanh là 15 đội, mỗi đoàn là 10 đội; cấm vệ đô thì 5 đội. Đại tướng quân thống lĩnh cả.

Hán Thương sai tả Hình bộ lang trung **[49a]** Phạm Canh sang nhà Minh xin giảng hòa, Thông phán là Lưu Quang Đình làm phó sứ. Nhà Minh chỉ giữ một mình Canh ở lại mà cho Quang Đình trở về.

Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa; lấy Phong quốc giám quản cán Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ kiểm chức chế trí sứ trấn Tân Ninh. Quý Ly làm thơ ban cho Quang rằng:

Biên quận thừa tuyên tư tráng chí,
Hùng phiên tiết chế hữu huy du.
Thanh tùng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cố ưu.
Huấn sức binh nông giai tựu tự,
Giản đình trấn thú thị hà thu.
Cần lao vật vị vô tri giả,
Tứ mục nguyên phi tế miện lưu.
(Trấn trị biên cương nuôi chí mạnh,
Hùng phiên tiết chế sẵn mưu hay.
Thông xanh ngươi hãy bền tiết lạnh,
Tóc bạc ta nguôi lo phía tây.
Rèn luyện binh nông đều giữ nghiệp,
Triệt hồi trấn thú hỏi bao ngày?
Cần lao chớ bảo không người biết,
Tua mũ đâu cho nổi mắt này).

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, ban cho phụ lão các lộ từ 70 tuổi trở lên mỗi người hưởng tước 1 tư, đàn bà thì ban tiền. Ở kinh thành thì ban tước và ban tiệc rượu.

Hán Thương sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khanh đốc suất dân phu [49b] đắp thành Đa Bang[3] để chống giặc.

Khi ấy có ngôi đền bị dân phu phá hủy, Hối Khanh ban đêm chiêm bao thấy thần nhân đến báo, cho làm lại đền đó.

---

[1] Động Cổ Liệt: theo chú thích của bản dịch cũ thì Cổ Liệt có thể là Kẻ Sét, tức xã Thịnh Liệt sau này, ở gần Hoàng Mai, Hà Nội.

[2] thái học sinh lý hành: thái học sinh chưa chính thức.

[3] Theo CMCB 12 thì thành Đa Bang ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong tỉnh Sơn Tây. Nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây.

(Hối Khanh làm thơ có câu rằng:

Mao thiềm mệnh dã cung tiêu thoán,
Lão mộc thì hồ ách phủ cân.
(Mái tranh đành phận nơi đun nấu,
Cây cối thường khi chịu búa rìu).

Người thức giả biết là sau ông sẽ không được trọn vẹn.

Hán Thương sai quân vệ Đông Đô đóng cọc chặn cửa sông Bạch Hạc để chống giặc từ Tuyên Quang đến.

Hán Thương chiếu truyền An phủ sứ lộ về triều, cùng với các quan ở kinh họp bàn nên đánh hay nên hòa.

Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hòa, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn.

Tả tướng quốc Trừng nói:

"Thần không sơ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi!".

Quy Ly ban cho cái hộp trầu bằng vàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trừng hiểu được [50a] điều cốt yếu đó. Không thể vì cớ là họ Hồ mà bỏ câu nói của Trừng.

Hán Thương cấm nấu rượu, vì lãng phí thóc gạo.

Hán Thương bãi bỏ quan hương đình.

Bính Tuất, [1406], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 4, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nhà Minh sai Chinh Nam tướng quân Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, mượn cớ đưa tên Trần Vương ngụy là Thiêm Bình về nước. Quân dừng lại ở địa đầu biên giới không đi.

Ngày mồng, Hoàng Trung đánh vào cửa ải Lãnh Kinh[1]. Quân họ Hồ thất bại.

Sáng hôm đó, các quân thủy bộ giao chiến, nhị vệ đại tướng Phạm Nguyên Khôi, tướng chỉ huy quân Chấn Cương là Chu Bỉnh Trung, tướng chỉ huy quân Tam Phụ là Trần Huyên Huyên, Tả Thần Dực quân Trần Thái Bộc đều thua chết. Tả tướng quốc Trừng bỏ thuyền lên bờ, suýt bị vây, có người vội dìu xuống thuyền thoát được. Đó là vì thấy bên kia quân **[50b]** ít, coi thường chúng. Duy có Tả Thánh Dực quân Hồ Vấn từ Vũ Cao dẫn quân tới đánh úp, giặc bị thua.

Trung liệu thế không địch nổi, đến trống canh hai nửa đêm trốn về. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực Hồ Xạ, tướng chỉ huy quân Thánh Dực Bắc Giang Trần Đĩnh đã được lệnh chặn đánh ở cửa ải Chi Lăng từ trước. Quân Minh bèn đưa giải Thiêm Bình cho ta và sai quân y Cao Cảnh Chiếu gửi thư hàng nói rằng:

"Quan tổng binh Hoàng sai tiểu nhân tới đây trình bày ngài biết việc này: Trước vì Thiêm Bình chạy sang triều đình tâu rằng hắn chính là con của quốc vương An Nam, vì thế mới sai đại binh sang chiêu dụ. Không ngờ trăm họ xứ này đều không phục, rõ ràng là hắn nói bậy. Nay lui quan quân về tâu với triều đình thì bị quan ải dọc đường ngăn giữ, nghẽn lối Không qua được. Nay đem Thiêm Bình tới nộp, xin thả cho đi thì may lắm".

Hồ Xạ cho phép. Vì thế, tuy bắt bắt được nhiều tù binh mà **[51a]** người Minh vẫn có kẻ trốn được.

---

[1] Ở khoảng Đáp Cầu, tỉnh Hà Bắc.

Lễ dâng thắng trận xong, tra hỏi Thiêm Bình là tông phái nào, Thiêm Bình không chịu nói. Lệnh người nào nhận biết được Thiêm Bình thì thưởng tước 1 tư, nhưng không ai dám nhận. Xử tội lăng trì.

Thiêm Bình là gia nô của Trần Nguyên Huy, tức là Nguyễn Khang. Các tù binh bắt được đưa đi Nghệ An để làm ruộng, bọn quan lại thì giữ ở kinh giao cho các nhà quyền quý nhận nuôi.

Nội cẩm y vệ nhà Minh Phạm Chất nói với Hán Thương rằng Lưu Quang Đĩnh vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh có lậy Thiêm Bình. Ngay hôm ấy bắt Quang Đĩnh đem chém.

Hán Thương thưởng chiến công, mỗi người tước 3 tư. Hồ Xạ vì nghe kế người Minh bắt giải Thiêm Bình để đến nỗi bọn Hoàng Trung chạy thoát, không được vạn toàn, nên Xạ và những thuộc hạ của ông chỉ được thưởng 2 tư. Các quan văn võ trong ngoài dâng biểu mừng, [Hán Thương] từ chối không nhận.

Khi quân Minh mới vào [51b] cõi, ra lệnh cho nhân dân đều phá bỏ hết lúa má; các xứ Lạng Châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đái, đều nghiêm chỉnh làm vườn không nhà trống. Quân Minh rút đi, nhân dân lại phục nghiệp như cũ.

Hán Thương sai An phủ sứ Tam Giang là Trần Cung Túc sang nhà Minh cầu hòa và giải thích sự việc Thiêm Bình, Thông phán Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán Tưởng Tư làm tòng sự. Nhà Minh giữ họ lại, sau bắt được hai [cha con] họ Hồ mới thả về.

Hán Thương gọi Tuyên phủ sứ Thăng Hoa Nguyễn Ngạn Quang về làm Đại lý chính; lấy Trấn phủ sứ Nghĩa Châu là Lê Quang Tổ làm Tuyên phủ sứ Thăng Hoa. Hối Khanh giữ chức Hành khiển tả ty thị lang kiêm lĩnh thái thú Thăng Hoa, tiết chế Tân Ninh, chuyên quyền cai trị một phương. Đỗ Mãn thôi chức Thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự, lấy Hành khiển Binh bộ thượng thư kiêm Thiên Ngưu vệ đại tướng quân Đỗ Nhân Giám thay. **[52a]** Nội nhân coi quân Thiên Chương là Ngô Miễn làm Hành khiển thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự kiêm coi các lăng phủ Thiên Xương.

Tháng 6, đỉnh tháp Báo Thiên đổ, An phủ sứ Đông Đô Lê Khải không báo tin, bị biếm 1 tư.

Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung Trần Ngạn Chiêu bị bãi làm Hộ bộ thượng thư, lấy Thiêm tri nội mật kiêm tri Thẩm hình viện sự Nguyễn Cẩn làm Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung.

Hán Thương bổ thêm hương quân, lấy người có phẩm tước tạm trông coi. Chiêu mộ những người vong mệnh làm quân dũng hãn, đặt các chức thiên hộ, bách hộ để cai quản.

Quý Ly chiêm bao thấy thần nhân ngâm bài thơ rằng:

Nhị nguyệt tại gia,
Tứ nguyện loạn hoa,
Ngũ nguyệt phong ba,
Bát nguyệt sơn hà,
Thập nguyệt long xa.
(Tháng hai ở nhà,
Tháng tư loạn hoa,
Tháng năm sóng gió,
Tháng tám núi sông,
Tháng mười xe rồng).

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương ra lệnh cho các lộ đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Cái, từ thành Đa Bang đến Lỗ **[52b]** Giang và từ Lạng Châu đến Trú Giang Giang[1] để làm kế phòng thủ.

Hán Thương hạ lệnh cho dân Tam Đái và Bắc Giang tích trữ lương thực, vượt sông sang làm nhà cửa ở chỗ đất hoang, chuẩn bị di cư đến đó.

Hán Thương gọi các quan cũ chờ lệnh bổ dụng.

[1] Có lẽ là khoảng hạ lưu sông Thương.

Tháng 9, nhà Minh sai ChinhDi hữu phó tướng quân đeo ấn Chinh di phó tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ, Tham tướng Huỳnh Dương Bá[1] Trần Húc, đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Pha Lũy[2] cứ một toán mai phục, một toán hành quân, thay nhau phiên nhau cứu ứng lẫn nhau.

Chinh Di tả phó tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh, Tham tướng hữu quân đô đốc đồng tri Phong Thành hầu Lý Bân cũng đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Phú Lệnh[3], xẻ núi, chặt cây, mở đường tiến quân. Hai đạo quân tổng cộng là 80 vạn.

Tháng 11 [quân Minh] hội ở sông Bạch Hạc, bày doanh trại bờ bắc sông Cái, đến tận Trú Giang.

Hán **[53a]** Thương hạ lệnh cho quân ở sông Cái theo sự tiết chế của Tả tướng quốc Trừng, quân ở Trú Giang theo sự tiết chế của Thiêm văn triều chính Hồ Đỗ. Phía ngoài liên kết chiến hạm của thủy quân, trên bờ thì binh tướng của ta đóng đối diện với doanh trại giặc, nhưng chưa từng giao chiến trận nào.

Trước đó, nhà Minh sai Thái tử thái phó Thành quốc công Chu Năng làm tổng binh đeo ấn Chinh Di tướng quân đem quân xâm lược phương Nam. Năng đến phủ Thái Bình ở Quảng Tây thì chết. Trước đó Năng đã làm bảng văn kể tội họ Hồ, rêu rao là tìm người họ Trần cho khôi phục lại vương tước. Đến đây, bọn Phụ, Thạnh viết lời bảng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bảng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa.

Bọn Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân mạo nhận là họ Mạc đều là những kẻ bất đắc chí, đón hàng quân Minh, người Minh đều trao cho quan chức. Sau Thúy làm đến tham chính; Địch làm đến chỉ huy **[53b]** sứ; Viễn làm đến diêm vận sứ; Huân làm đến bố chính; (Thúy, Địch, Viễn là cháu Mạc Đĩnh Chi).

Mùa đông, tháng 10, người Minh lại đến. Từ sông Lô trở lên bắc lại thực hiện đồng không nhà trống như lần trước.

Tháng 12, ngày mồng 2, người Minh chiếm được Việt Trì, bờ sông Mộc Hoan và chổ đóng cọc ở sông Bạch Hạc. Tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực Hồ Xạ không giữ nổi, phải dời hàng trận sang phía nam sông Cái.

Đêm mồng 7, người Minh cho khiêng thuyền ra bờ phía bắc bãi sông Thiên Mạc. Tướng quân Trần Đĩnh đánh bại quân Minh. Tướng Minh đem những tên thoát lui thi hành quân lệnh, binh lính chúng liều chết cố đánh, tự nguyện lập công.

Đêm ngày mồng 9, quân Minh đánh úp quân họ Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy quân Tả Thần Dực Nguyễn Công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không phòng bị, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt, lặng im không có tiếng động của chiến trận. Thủy quân ở phía trên và phía dưới không ai đến cứu, chỉ từ xa xin tả tướng quốc Trừng xem ai **[54a]** có thể thay giữ chỗ đó. Quân Minh liền vượt sông làm cầu phao để sang.

Sáng ngày 12, người Minh là Trương Phụ dẫn đô đốc Hoàng Trung, đô chỉ huy Thái Phúc tiến công phía tây bắc thành Đa Bang. Mộc Thạnh dẫn bọn đề đốc Trần Tuấn, tiến công phí đông nam thành. Xác chết chất cao ngang với thành mà giặc vẫn tiến đánh, không tên nào dám dừng lại. Bọn Nguyễn Tông Đỗ, tướng chỉ huy quân Thiên Trường đào thành cho voi ra. Người Minh dùng hỏa tiễn bắn voi. Voi lui lại, người Minh theo voi đánh vào. Thành liền bị hạ. Các quân ở dọc sông đều tan vỡ, lui giữ Hoàng Giang. Người Minh vào Đông Đô bắt cướp con gái, ngọc lụa, thống kê lương chứa, chia quan làm việc, chiêu tập dân xiêu tán, làm kế ở lâu dài. Chúng thiến hoạn nhiều con trai nhỏ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm đưa về Kim Lăng.

[1] CMCB 12 chép là Vân Dương Bá.

[2] Tức cửa ải Nam Quan ngày nay.

[3] Một cửa ải gần thị xã Hà Giang ngày nay.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển IX

[1a]

Kỷ Hậu Trần

Giản Định Đế

Tên húy là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tông, tên hiệu cũ là Giản Định, họ Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Cuối đời Hồ, khởi binh khôi phục nhà Trần. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong, chẳng phải vì không may.

Đinh Hợi, Hưng Khánh năm thứ 1 [1407], (từ tháng 10 trở về trước là Hán Thượng Khai Đại năm thứ 5, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 5). Mùa xuâ, tháng 2, ngày 20, Tả tướng quốc Hồ Trừng tiến quân đến sông Lô, quân Minh giữ hai bên bờ sông đánh kẹp lại, quân Trừng thất bại, lui giữ cửa Muộn[1]. Quý Ly và Hán Thương đều trở về Thanh Hóa. Kinh lộ phần nhiều theo giặc làm phản. Hồ Đỗ, Hồ Xạ bỏ Bình Than qua Thái Bình, Đại Toàn đến cửa muộn[2], hợp sức đắp lũy, đúc hỏa khí, đóng thuyền chiến để chống giặc. Quyên mộ tiền của, ai đóng góp thì được lấy con gái tôn thất và được cấp 10 mẫu ruộng.

Thị trung của họ Hồ là Trần Nguyên Chỉ cùng công chúa Thiên Huy dẫn nhân dân tránh loạn ra Đồ Sơn, trung thư lệnh Trần Sư Hiền cùng công chúa Thiên Gia ngược dòng sông Cái đều đầu hàng quân Minh.

Tướng chỉ huy quân Thần Đinh của họ Hồ là Ngô Thành nhân gió theo nước triều lên tiến đánh, đột kích đến Giao Thủy. Phụ, Thạnh chia quân ra hai bên bờ sông chặn đánh. Thành thế cô bị hãm trận chết, được truy tặng Kiêu vệ tướng quân.

Người Kiến Hưng là Nguyễn Nhật Kiêm tụ tập bạn bè đảng giết viên Trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ rồi đầu hàng Trương Phụ (sau Nhật Kiên kiêu căng không giữ phép, bị Phụ giết).

Quân Minh đối luỹ với quân Hồ, ngày đêm đánh nhau, vì nắng mưa, dịch bệnh, lại bùn lầy ẩm ướt khó ở, chúng bèn dời đến đóng ở Hàm Tử, lập doanh trại phòng bị nghiêm ngặt. Tả tướng quốc Trừng và Hồ Đỗ cũng dời quân đến Hoàng Giang, lại đón Quý Ly, Hán Thương từ [2a] Thanh Hóa tới. Bấy giờ người ở Kinh lộ bị quân Minh sai khiến và mất cả gia thuộc, mang lòng oán hận, các quân nhân và tráng đinh đều đến cửa quân tự nguyện gắng sức lập công.

Tháng 3, ngày 13, Tả tướng quốc Hồ Trừng cùng Hồ Đỗ, Đỗ Mãn tiến quân đến cửa Hàm Tử.

Hồ Xạ và Trần Đĩnh chỉ huy quân bộ ở bờ nam; Đỗ Nhân Giám, Trần Khắc Trang chỉ huy quân bộ ở bờ bắc; Nguyễn Công Chửng chỉ huy 100 chiến thuyền làm tiên phong. Trừng và Đỗ ở trong doanh bọn Đỗ Mãn, Hồ Vấn chỉ huy quân thủy. Quân thủy, quân bộ tổng cộng 7 vạn người, nói phao là 21 vạn, đều tiến đánh. Người Minh chia hai mặt thủy bộ xông ra. Quân hai bên bờ sông của họ Hồ quay ngược

---

[1] Cửa Muộn: (nguyên văn là Muộn Khẩu) là cửa sông Hồng ở huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà, thuộc đất Giao Thủy cũ, nhưng nay đà bị lấp.

[2] Thái Bình, Đại Toàn: là hai cửa sông. thái Bình là cửa sông Thái Bình ở huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Đại Toàn có lẽ là cửa sông Diêm Hộ tỉnh Thái Bình.

giáo nhảy xuống chết, chỉ có thủy quân thoát được. Nhưng các thuyền chiến và thuyền chở lương đều bị chìm, không một người nào sống sót về được.

Khi ấy Hồ Xạ biết người Minh có mai phục, không chịu tiến quân. Hồ Đỗ [2b] sai người đến trách rằng: "Tướng quân sao không đánh giặc?". Xạ bèn tiến đánh, bị thua. An phủ sứ Bắc Giang Nguyễn Hy Chu bị Trương Phụ bắt sống, Hy Chu chửi Phụ là giặc tàn bạo, bị Phụ giết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, nhà Minh xuống chiếu cho tìm khắp nơi con cháu họ Trần lập làm quốc vương. Bọn quan lại và bô lão nhiều lần nói là đã bị họ Lê giết hết cả, không còn ai có thể nối dõi nhà Trần được nữa. Nước An Nam vốn là đất Giao Châu, xin được trở lại làm quận huyện như xưa để cùng các nha môn vệ, sở, phủ, châu, huyện. Lấy Đô chỉ huy Lữ Nghị giữ đô ty. Bắc Kinh hành bộ Thượng thư Hoàng Phúc giữ hai ty Bố chính và Án sát. Lại cấm sai phái và ngừng thu các loại thuế 3 năm.

Quý Ly và Hán Thương dẫn các tướng và quan lại [3a] vượt biển trở về Thanh Hóa.

Ngày 23, quân Minh đánh vào Lỗi Giang[1], quân Hồ không đánh mà tan.

Ngày 29, quân Minh đánh vào cửa biển Điển Canh[2], quân Hồ bỏ thuyền tự tan vỡ. Hai [cha con] họ Hồ định lánh đến Thâm Giang[3] nhưng không thành. Nguỵ Thức xin hai cha con họ Hồ tự thiêu. Ông nói:

"Nước đã sắp mất, bậc vương giả không chết bởi tay kẻ khác".

Quý Ly giận, chém chết.

Tháng 5, ngày mồng 5, quân Minh đánh vào cửa biển Kỳ La[4], châu Nhật Nam. Nguyễn Đại (Nguyễn Đại trước thờ họ Hồ, sau phản lại họ Hồ, đầu hàng quân Minh, đến đây dẫn người Minh sang xâm lược) bắt được Hữu tướng quốc Quý Tỳ và con ông là Phán trung đô Nguyễn Cửu[5].

Ngày 11, quân Minh đánh vào Vĩnh Ninh[6]. Bọn vệ quân Vương Sài Hồ 7 người bắt được Quý Ly ở bãi Chỉ Chỉ; Giao Châu hữu vệ quân là bọn Quý Bảo 10 người bắt được Tả tướng quốc Trừng ở cửa biển Kỳ La.

Ngày 12, đầu mục bộ hạ của Mạc Thúy [3b] là bọn Nguyễn Như Khanh bắt được Hán Thương và thái tử Nhuế ở núi Cao Vọng[7].

Bọn Hồ Đỗ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Ngạn Quang, Đoàn Bồng đều bị bắt. Còn bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mãn đều đã đầu hàng từ trước.

Duy có Hành khiển tham tri chính sự Ngô Miễn, trực trưởng Kiều Biểu nhảy xuống nước chết. Khi Miễn chết, vợ là Nguyễn thị ngửa mặt lên trời than rằng:

"Chồng ta thờ chúa, một đời ăn lộc, ngày nay giữ tiết nghĩa mà chết, thế là chết xứng đáng, còn oán hận gì nữ? Nếu thiếp muốn sống cho qua ngày, chẳng lẽ lại không còn chỗ đến nữa hay sao? Nhưng đạo chồng, ơn vua, một chốc mà phụ bạc thì thiếp không nỡ nào! Chi bằng, xin theo nhau!".

Nói xong, cũng nhảy xuống nước chết.

---

[1] Lỗi Giang: một nhánh của sông Mã ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hạ lưu thông với sông Đại Lại.

[2] Điển Canh: sau là cửa Ghép hay cửa Mom thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Tức cửa sông Ngàn Sâu ở tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Cửa Kỳ La: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tỉnh.

[5] MCB 11 chép là Vô Cửu.

[6] Núi Cao Vọng: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[7] Núi Cao Vọng: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nói Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vợ Ngô Miễn là Nguyễn thị, không những chỉ chết vì ngghĩa mà [4a] thôi, câu nói cũng đủ làm lời khuyên cho đời, nên chép ra đây để nêu gương.

Trước hai [cha con] họ Hồ đến Kỳ La là định chạy vào Tân Bình. Dân ở đó, có một phụ lão ra bái yết thưa rằng:

"Xứ này tên là Ky Lê[1], trên có núi Thiên Cầm là điều không lành. Xin chớ lưu lại".

[Quý Ly] liền chém người ấy. Đến đây, quả nhiên bị bắt trói ở chổ ấy.

Người Minh thống kê những thứ đã thu được: 48 phủ, châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu bò, 8.865 chiếc thuyền.

Trước đây, Hoàng Hối Khanh nhân lệnh cai trị Thăng Hoa. Khi đến quận, dùng thổ quan là Đặng Tất và Phạm Thế Căng làm tâm phúc. Tất cả cùng Tả châu phán Nguyễn Rổ vốn ghen ghét nhau vì công trạng. Gặp khi hai họ Hồ chạy về phía tây, [**4b**] bị quân Minh đánh gấp, viết thư báo Hối Khanh lấy một phần ba số dân di cư khi trước, gộp với quân lính địa phương giao cho Rỗ chỉ huy để làm quân cần vương, lại sắc phong cho Cổ Lũy huyện thượng hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Thăng Hoa quận vương để vỗ yên dân Chiêm Thành. Hối Khanh đều giấu đi không cho mọi người biết.

Đến khi Chiêm Thành cất quân định thu lại đất cũ, dân di cư sợ chạy tan cã, bọn Hối Khanh trở về Hóa Châu, chỉ một mình Ma Nô Đà Nan chống nhau với Chiêm Thành, thế cô sức núng, bị người Chiêm giết chết. Hối Khanh trước đã thề bồi với dân Nghĩa Châu. Rỗ biết Tất và Hối Khanh có ý đồ khác nên không đi dự thề. Hối Khanh trở về Hóa Châu, thì Rỗ đưa dân di cư đi đường bộ đến chậm, Tất đi đường thủy đến trước, Trấn phủ sứ lộ Thuận Hóa là Nguyễn Phong ngăn không cho vào. Tất cố sức đánh, giết Phong, vào được thành, lại đánh nhau với Rỗ [**5a**] hơn một tháng. Rỗ không có viện binh, liềm đem gia quyến sang Chiêm Thành. Hối Khanh đem giết mẹ và gia thuộc của Rỗ. Chiêm Thành cho Rỗ làm quan to. Sau nhà Minh đòi Rỗ đến Kim Lăng, giả cách cho làm Hồ Quảng chỉ huy sứ, rồi giết đi.

Hai cha con họ Hồ đã thất bại, Thế Căng trở về Tân Bình, đón hàng người Minh ở Nghệ An nhận chức Tri phủ của Trương Phụ, cướp bóc của dân rồi trở về. Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, rồi sang cướp Hóa Châu. Tất xin với Phụ cho làm quan để cai quản Hóa Châu, Chiêm Thành dẫn quân rút về. Đến đây, Tất sai người đưa Hồi Khanh về, đến cửa biển Đan Thai[2] thì Hối Khanh tự vẫn. Phụ đem phụ cấp của Khanh ra bêu ở chợ Đông Đô.

Trương Phụ, Mộc Thạnh sai Đô đốc thiêm sự Liễu Thăng; Hoành hải tướng quân Lỗ Lân; Thần cơ tướng quân Trương Thăng, Đô chỉ huy sứ Du Nhượng; Chỉ huy đồng tri Lương Định; Chỉ huy thiêm sự Thân [**5b**] Chí bắ1t giải Quý Ly và các con là Hán Thương, Trừng, Triết, Uông, các cháu là Nhuế, Lô, Phạm, cháu nhỏ là Ngũ Lang, em là Quý Tỳ, cháu gọi bằng bác là Nguyên Cữu, Tử Tuynh, Thúc Hoa, Bá Tuấn, Đình Việp, Đình Hoảng; các tướng thần là Đông Sơn hương hầu Hồ Đỗ, Hành khiển Nguyễn Ngạn Quang, Lê Cảnh Kỳ; các tướng quân là huyện bá Đoàn Bổng, đình bá Trần Thang Mông, trung lang tướng Phạm Lục Tài cùng các ấn tín đến Kim Lăng để dâng.

Vua Minh hỏi rằng : "Trung Quốc như vậy, sao không sợ phục mà dám láo xược chống cự?".

Đều trả lời là không biết.

Vua Minh nói: "Từng sai sứ giả sang bảo, không phải là không biết".

Nhà Minh vờ cho Vương Nhữ Tương, Đồng Ngạn Hú, Nguyễn Quân, Lê Sứ Khải làm Kinh Bắc[3] thị lang và tham chính ở Sơn Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, sai người đưa đi, đến nửa đường thì giết.

---

[1] Ky Lê ? là do chử Kỳ La đọc chệch ra, có nghĩa là "trói họ Lê", Thiên Cầm? có nghĩa là "trời bắt". Thực ra nơi ấy tên là "Thiên Cầm" nghĩa là "đàn trời". Người phụ lão không muốn họ Hồ lưu lại, nên nhân thanh gần nhau mà nói chệch đi đánh lừa.

[2] Cửa biển Đan Thai: tức Cửa Hội (cửa sông Lam) ở tỉnh Nghệ An.

[3] Có lẽ là Bắc Kinh bị chép nhầm ra Kinh Bắc.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn [**6a**] nước to.

Người Minh lùng tìm những người ẩn dật ở rừng núi, người có tài có đức, thông minh chính trực, giỏi giang xuất chúng, thông kinh giỏi văn, học rộng có tài, quen thuộc việc quan, chữ đẹp tính giỏi, nói năng hoạt bát, hiếu để lực điền, tướng mạo khôi ngô, khỏe mạnh dũng cảm, quen nghề đi biển, khéo các nghề nung gạch, làm hương... lục tục đưa dần bản thân họ về Kim Lăng, trao cho quan chức, rồi cho về nước làm quan phủ, châu, huyện. Những người có tiếng tăm một chút đều hưởng ứng.

Duy có Bùi Ứng Đẩu từ chối, lấy cớ đau mắt, bọn hạ trai học sinh Lý Tử Cấu mấy người lui ẩn không chịu ra mà thôi. Bấy giờ có câu ngạn ngữ: "Muốn sống vào ẩn núi rừng, muốn chết làm quan triều Ngô[1]. Đến khi Thái Cao Tổ Hoàng đế[2] ta diệt trừ bọn hung tàn, bọn nguỵ quan, đứa nào có tiếng xấu đều bị giết hết, quả đúng như [**6b**] lời ấy.

Trương Phụ cho là Nguyễn Đại có công trong việc bắt hai cha con họ Hồ, trao cho chức Giao Chỉ đô chỉ huy sứ. Đại kiêu căng ra mặt, lại ngầm có chí làm phản. Phụ bèn giết đi.

Tháng 8, Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân về, lưu lại đô ty Lữ Nghị, thượng thư Hoàng Phúc để trấn giữ. (Phúc người Xương Ấp, tỉnh Sơn Đông). Trước đây, Hoàng Phúc đốc suất thổ binh tỉnh Quảng Tây điều vận lương thực, theo quân tiến đánh. Đến đây, được giữ lại. Phúc là người thông minh, giỏi ứng biến, có tài trị dân, người ta phục là giỏi.

Phan Phu Tiên nói: Họ Hồ mất nước, Nguyễn Hy Chu chửi giặc, Hồ Xạ, Đỗ Nhân Giám (Nhân Giám là con Đỗ Mãn) chết trận, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng không chịu ăn. Loại người như vậy, tựa hồ có thể khen là chết vì tiết nghĩa được. Nhưng Hy Chu từng xui họ Hồ giết họ Trần; [7a] cha con Nhân Giám là bề tôi cũ của nhà Trần, thế là phường ác giúp nhau. Anh ruột của Xạ là Ông Thiện can tội đảng [mưu giết Quý Ly] bị chết, Xạ không chút đoái hoài, lại hăng hái đánh giặc cho Quý Ly. Thế là chỉ biết ăn lộc của ai chế vì người ấy là nghĩa mà không biết người ấy là kẻ bất nghĩa. Cảnh Kỳ là người chỉ lo thỏa mãn thân mình, kiếm chác lộc vị, không chết khi Quý Ly cướp ngôi mà chết lúc hắn bị bại vong thì không đáng khen. Còn như Ngô Miễn, Nguyễn Lệnh, Kiều Biểu vốn là kẻ hoạn nạn, cái chết của bọn họ là điều nên lắm. Than ôi! Dương Hùng nhảy từ trên gác xuống3 không phải là người trung nghĩa, nhưng khó tránh khỏi cái tội làm tôi cho Vương Mãng. Thiệu Hốt chết theo4 không thể coi là phải đạo, thế nhưng những kẻ phản trắc há chẳng thấy thế mà phấp phỏng chột dạ hay sao?.

[**7b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngày xưa, Hạ Trưng Thư giết Trần Linh Công, người trong nước không đánh giết được. Sở Tử vào nước Trần, giết Trưng Thư rồi dùng xe xé xác ở cửa thành, kinh Xuân thu ca ngợi việc đánh giết đó.

Họ Hồ giết Trần Thuận Tông mà cướp lấy nước, những người như Trần Hãng, Trần Khát Chân mưu giết mà không được. Sau khi họ chết, trong khoảng 7, 8 năm, không còn ai có thể làm được việc ấy nữa. [Họ Hồ] tự cho là người trong nước không còn ai dám làm gì nữa. Nhưng bọn loạn thần tặc tử thì ai ai cũng có thể giết chết chúng được và trời cũng không một ngày nào tha trừng phạt chúng dưới gầm trời này! Người trong nước giết chúng không được thì ngươời nước láng giềng có thể giết, người nước láng giềng giết không được thì người Di người Địch có thể giết. Vì thế người Minh mới có thể giết được chúng. Còn như [người Minh] giả nhân giả nghĩa, sát hại sinh linh thì chính là một bọn giặc tàn bạo. [**8a**] Cho nên Thái Cao Tổ Hoàng Đế ta lại có thể tiêu diệt được bọn chúng.

---

[1] Nguyên văn: "Dục hoạt nhập ẩn sơn lâm, dục tử Ngô triều tố quan".

[2] Tức Lê Lợi.

[3] Dương Hùng: làm đại phu nhà Hán, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hùng theo Mãng. Sau vì liên quan đến việc Lưu Phần, sứ giả đến bắt, Dương Hùng nhảy từ gác Thiên Lộc xuống đất gần chết, được Mãng tha tội.

[4] Thiệu Hốt: là bề tôi của công tử Tử Củ nước Tề, định đưa Tử Củ từ nước Lỗ về tranh ngôi với anh là Tiểu Bạch (Tề Hoàn Công). Sau Tử Củ bị giết, Thiệu Hốt chết theo.

Than ôi, bọn phạm tội đại ác làm sao trốn được sự trừng phạt của trời? Đạo trời rõ ràng như vậy, đáng sợ thay!

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 2, Gản Định Đế lên ngôi ở Mô Độ[1], châu Trường Yên, dựng niên hiệu là Hưng Khánh. Trước đó, Trương Phụ yết bảng bắt các tôn thất họ Trần và đầu mục quan lại cũ để đưa về. Vua trốn chạy đến Mô Độ. Người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem quân đến lập lên ngôi, xưng theo tên hiệu cũ[2].

Tháng 4, quân Minh đánh vào hành dinh, vì quân mới chiêu tập, không đánh mà tan vỡ. Vua liền đi về phía tây, đến Nghệ An tạm đóng tại đó. Đại tri châu Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin, giết viên quan nhà Minh, đem quân tới hội, tiến con gái mình sung vào hậu cung. Vua phong Tất [**8b**] làm Quốc công, cùng mưu việc khôi phục.

Người Minh ngờ viên thổ quan là Hữu tham nghị Bùi Bá Kỳ có bụng khác, bắt đưa về Kim Lăng.

Bá Kỳ (người Phù Nội, Hạ Hồng) vốn là phe Trần Khát Chân, tự xưng là bề tôi trung nghĩa của Nam triều, trốn sang nước Minh, vừa gặp tên Trần vương nguỵ là Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi có biết không, Bá Kỳ trả lời là không biết.

Đến khi nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước, hỏi Thiêm Bình cần bao nhiêu quân, Thiêm Bình nói: "Chẳng qua vài nghìn thôi, đến đó người ta tự nguyện hàng phục". Bá Kỳ nói rằng không thể được. Vua Minh giận, phế bỏ Bá Kỳ, đem an trí tại Thiểm Tây, Cam Túc. Đến khi Thiêm Bình thất bại, vua Minh gọi Bá Kỳ về ban sắc cho, ân cần hứa hẹn lập con cháu nhà Trần và để Bá Kỳ làm phụ thần, rồi sai Kỳ đi theo quân, nên trao cho chức ấy. Bá Kỳ không dự với đồng liêu ở nha môn, chỉ ở nhà riêng thu nạp các viên quan cũ bị sa cơ lỡ bước. Bấy giờ [9a] viên thổ hào ở Đông Triều là Phạm Chấn lập Trần Nguyệt Hồ làm vua ở Bình Than, đề cờ chiêu an gọi là Trung nghĩa quân, cho nên người Minh ngờ Bá Kỳ. Sau Trần Nguyệt Hồ bị người Minh bắt, Phạm Chấn bỏ trốn.

Tháng 12, vua sai Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, cựu hành Trần Ngạn Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu quân về Bình Than. Không bao lâu bị tan vỡ, chạy về hành tại Nghệ An.

Giết bọn nguỵ quan Trần Thúc Giao, Trần Nhật Chiêu và thuộc hạ hơn 500 người.

Trước đây, người Minh lấy tôn thất họ Trần là Trần Thúc Giao (là con Trần Nguyên Đán) giữ đất Diễn Châu, cựu tướng quân Trần Nhật Chiêu giữ đất Nghệ An. Đến đây, vua lên ngôi, vì họ không đón rước trước nên bị giết.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên hạ đại loạn, nhân dân Nghệ An, Diễn Châu biết [9b] ai là chân chúa. Thúc Dao là con người tôn thất, Nhật Chiêu là tướng quân cũ, nhận quan tước của nhà Minh, giữ đất, trị dân, dân không theo có được không? Giết Thúc Dao và Nhật Chiêu là phải, còn bọn thuộc hạ nên vỗ về mà dùng, thì chúng không cảm kích ơn đức đó hay sao? Thế là lại giết nhiều như vậy, sao gọi là quan nhân nghĩa được? Xem như Lê Tiệt và Lê Nguyên Đỉnh nhầm họp quân ở Hát Giang, mưu đánh úp Trùng Quang Đế, mà Trùng Quang Đế chỉ có Tiệt Đế và Nguyễn Đinh thôi, còn đều tha cả, so với Giản Định Đế thì đằng nào hơn?

Năm ấy đói và dịch bệnh, nhân dân không cày cấy được, người chết gối lên nhau.

Mậu Tý, [Hưng Khánh] năm thứ 2 [1408], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 30, tướng nhà Minh là Trương Phụ cùng bọn thổ quan Mạc Thúy đánh vào Diễn Châu. Vua và Đặng Tất vì quân ít không địch nổi, rút về nam đến Hoá [**10a**] Châu, Quân Minh đuổi theo, đánh vào cửa biển

---

[1] Mô Độ: bến Yên Mô, ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[2] Giản Định Đế tên húy Ngỗi, trước được phong là Giản Định Vương, nhà Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Đến đây xưng theo tên hiệu cũ là Giản Định.

Bố Chính[1], Phạm Thế Căng đón hàng, Phụ trao cho chức tri phủ Tân Bình, rồi đặt lưu quan để cai trị. Phụ trở về Đông Đô.

Mùa hạ, tháng 4, Đặng Tất rước vua trở về Nghệ An.

Nhà Minh xuống chiếu, đại lược nói:

"Còn nghĩ bọn dư chúng[2] vốn là ngu muội, hoặc vì đói nghèo bức bách, hoặc bị kẻ mạnh bắt ép, hặc bị bọn gian dụ dỗ, việc không thể đừng, tình cũng đáng thương, nếu nhất loạt bắt tội cả, trẫm thực không nỡ. Khi chiếu thư này tới, đều tha cho cả. Quan lại ở các nha môn, quân dân thuộc đất Giao Chỉ hãy thể lòng chí nhân của trẫm phải khoan hồng thương xót, chớ làm ráo riết, chớ vơ vét của dân, hết thảy những việc không cần kíp phải ngừng bỏ cả".

Tháng 6, ngày 16, Đặng Tất cả phá tên bạn thần Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, bắt được Thế Căng và cháu nó là Phạm Đống Cao giải về hành tại giết [**10b**] đi.

Trước đó, Thế Căng nhận quan chức của nhà Minh, làm oai làm phúc tiếm xưng là Duệ Vũ Đại Vương. Đến đây, họp quân chiếm cứ núi An Đại[3]. Tất đánh dẹp được.

Tháng 9, động đất, nhà cửa, cây cối như nghiêng đổ cả.

Mùa đông, tháng 10, quốc công Đặng Tất điều quân các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiến đánh Đông Đô. Khi quân đi qua các xứ Trường Yên, Phúc Thành[4], các quan thuộc cũ và các hào kiệt không ai không hưởng ứng đi theo. Tất chọn những người có tài đều trao cho quan chức.

Tháng 12, ngày 14, quốc công Đặng Tất cả phá quân Minh ở Bô Cô hãn[5].

Bấy giờ nhà Minh sai tổng binh Mộc Thạnh mang tước Kiềm quốc công, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem 5 vạn quân từ Vân Nam đến Bô Cô, vừa khi vua cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, sai các quân đóng cọc giữ, [**11a**] và lên hai bên bờ đắp lũy. Thạnh cũng chia quân thủy, quân bộ cùng cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh, các quân thừa cơ xông ra đánh, từ giờ Tỵ đến giờ Thân[6], quân Minh thua chạy, chém được Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghị, cùng quân mới, quân cũ đến hơn 10 vạn tên. Chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát trốn về thành Cổ Lộng[7].

Vua bảo các quân:

"Hãy thừa thế chẻ tre, đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông Quan[8] thì chắc chắn phá được chúng".

Tất tâu: "Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mối lo về sau".

Do dự mãi không quyết định được. Quân giữ thành Đông Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về. Tất chia quân vây các thành, gửi hịch cho các lộ hành quân đánh giặc.

Phan Phu Tiên nói: Đặng Tất chỉ biết hành quân là gấp mà không biết cứu [**11b**] Đông Đô còn gấp hơn. Đông Đô có tầm hình thế của cả nước. Chiếm được Đông Đô thì

[1] Tức là cửa sông Giang ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Dư chúng: chỉ những người không chịu phục tùng nhà Minh.

[3] An Đại: một ngọn núi ở huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[4] Trường Yên: là đất Ninh Bình; Phúc Thành: sau là xã Phúc An, huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

[5] Bô Cô là tên một bến đò ở xã Bô Cô, sau đổi là xã Hiếu Cổ, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc đất huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[6] Khoảng từ 11 giờ đến 16 giờ.

[7] Thành do người Minh đắp, thuộc xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, tục gọi là thành Cách.

[8] Thành Đông Quan: tức là thành Đông Đô là kinh đô Thăng Long cũ nay là Thủ đô Hà Nội.

các lộ không đâu không hưởng ứng, hơn nữa hào kiệt trung châu đều ở cả đó. Bỏ nơi ấy mà không lo đánh chiếm, lại chia quân phân tán đi các xứ, vì thế hiệu lệnh không thống nhất, rốt cuộc đi đến sụp đổ là đáng lắm!

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đường Thái Tông dùng binh, phần nhiều nhân thế chẻ tre mà giành thắng lợi, là vì có tư thế anh hùng mà tướng và quân vốn đã rèn sẵn. Vua tính kế quyết thắng nhưng Tất không theo, cố nhiên là đáng tiếc. Song có lẽ Tất liệu vua mình không phải là bậc anh hùng như [Đường] Thái Tông, mà quân thì từ xa đến, lương thực có thể không tiếp tế được, còn quân ở kinh lộ thì chưa tập hợp được, chẳng thà theo phép hơn địch gấp 10 lần thì bao vây, hơn địch gấp 5 lần thì đánh[1] là hơn. Nếu không thế thì thành Cổ Lộng chỉ cách Bô Cô không quá nửa ngày đường sao vẫn không thể thừa thế chẻ tre mà đánh. [12a] huống chi thành Đông Quan. Kẻũ ấy cũng chưa lấy gì làm hỏng lắm, chỉ vì vua tin lời gièm mà vội giết Tất thôi. Than ôi, Đặng Tất sau khi phá được giặc mạnh, trổ tài mới trong khoảng một tuần một tháng, công việc chưa làm được một nửa mà bị chết oan, đó là cái họa sụp đổ [của nhà Trần], chứ đâu phải là tội của Tất.

Quan quân đến phủ Kiến Xương, viên thổ quan đồng tri Trần Quốc Kiệt trốn vào rừng bị chết đói. Trần Phúc[2] nghe tin cho lập đền thờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quốc Kiệt chết đói, không phải là giữ tiết nghĩa với nhà Minh, mà là xấu hổ vì nhận quan chức của nhà Minh đó! Thế mới biết lòng hổ thẹn là đầu mối của điều nghĩa. Tiếc thay Quốc Kiệt không biết xấu hổ ngay từ đầu.

Kỷ Sửu, [Hưng Khánh] năm thứ 3 [1409], (từ tháng 3 trở đi là Trùng Quang đến năm thứ 1, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, giết quốc công Đặng Tất [**12b**] và Đồng tri khu mật viện sự tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Khi ấy vua đóng ở Hoàng Giang, nội nhân là Nguyễn Quỹ (có sách viết là?) học sinh Nguyễn Mộng Trang mật tâu rằng Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền bổ quan và cách chức, nếu không tính sớm đi, sau này khó lòng kiềm chế. Vua cho gọi hai người đến, bóp cổ giết Tất, Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua may thoát khỏi vòng vây hãm nguy hiểm, cầu người cứu giúp nạn nước, được cha con Đặng Tất có tài làm tướng, cha con Cảnh Chân giỏi tài mưu lược, đủ để lập được công khôi phục, dựng được nghiệp trung hưng. Với trận thắng Bô Cô, thế nước lại nổi. Thế mà nghe lời gièm pha ly gián của bọn hoạn quan, một lúc giết hại hai người bề tôi phò tá mình, thì làm sao nên việc được!

Cho nên đức của người làm vua quý ở chỗ cương quyết, sáng suốt. Cương quyết thì có thể [**13a**] xử đoán được, sáng suốt thì có thể xét rõ được. Ôi, nếu lúc đó vua gọi hai đại thần đến, dẫn hai đứa ấy kể rõ tội gièm pha vu hãm hại đại thần rồi chém ngay chúng đi thì uy lệnh được thi hành và bọn Tất dũng cảm càng tăng, cảm kích càng sâu, giả sử có manh tâm chuyên quyền chả lẽ không sợ uy mà phải tự bỏ, sợ gì khó kiềm chế nữa. Đã không làm được như thế thì chỉ có long đong rồi đến chết chìm mà thôi!

Con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị, con Đặng Tất là Dung đều căm giận vì cha bị chết oan, mới đem quân Thuận Hóa về Thanh Hóa, đón rước Nhập nội thị trung Trần Quý Khoáng đến Nghệ An lên làm vua.

Tháng 3, ngày 17, vua lên ngôi ở Chi La[1], đổi niên hiệu là Trùng Quang, lấy Nguyễn Súy là Thái phó, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Đặng Dung làm đồng bình chương [**13b**] sự, Nguyễn Chương

---

[1] Nguyên văn "Thập vị ngũ công" là cách nói tắt của câu: "Thập tắc vị chi, ngũ tắc công chi" trong binh pháp cổ Trung Quốc ("Thaông điển" và "Tôn Tử thập gia chú") nghĩa là: Hơn địch 10 lần thì bao vây, hơn địch 5 lần thì đánh. Ý nói là cách đánh cẩn thận chắc chắn.

[2] Nên sửa là Hoàng Phúc.

làm Tư mã. Giản Định Đế giữ thành Ngự Thiên[2] chống nhau với quân Minh. Bọn Súy hội đánh úp bắt được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, Hưng Khánh thái hậu[3] cùng với hành khiển là Lê Tiệt, Lê Nguyên Đỉnh ngầm khởi binh ở Hát Giang mưu đánh úp Trùng Quang Đế. Người Nghệ An là Nguyễn Trạo tiết lộ việc ấy. Trùng Quang Đế giết bọn Tiệt và Nguyên Đỉnh, còn những người khác đều tha cả.

Ngày 20, bọn Nguyễn Súy dẫn Hưng Khánh Đế đến sông Tam Chế [4] ở Nghệ An, trùng Quang đổi mặc áo thường xuống thuyền đón rước. Khi ấy trời đất đương tối sầm bỗng nhiên mây vàng rực rỡ hiện ra, mọi người đều kinh ngạc. Bèn tôn Hưng Kháng Đế làm Thượng hoàng, cùng chung sức đánh giặc.

Tháng 5, bà phi của Trùng Quang Đế mất.

Tháng 6, Hưng Khánh thái hậu mất.

Tháng 7, mưa dầm suốt mấy tuần không tạnh.

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thạnh sai Hoàng La tới. Vua sai [**14a**] người tiếp hắn ở Nỗ Giang[5], Thanh Hóa.

Hai vua ra quân đánh giặc. Thượng hoàng tiến quân tới Hạ Hồng, vua đem quân đến Bình Than, đóng đinh ở đấy. Quân Minh đóng ở cửa thành cố thủ. Vua hạ lệnh cứ 4, 5 ngày một lần đi tuần tra. Hào kiệt các lộ đều hưởng ứng, chỉ có tri phủ Tam Giang[6] là Đỗ Duy Trung (Duy Trung là thổ hào ở Thao Giang) bảo dưỡng quan lại nhà Minh nên không chịu theo thôi.

Vừa khi tổng binh Trương Phụ, với tước Anh quốc công đeo ấn Chinh Di tướng quân sang cứu viện, thế quân Minh lại lên. Thượng hoàng liền bỏ thuyền lên bờ, đến trấn Thiên Quan[7]. Vua ngờ Thượng hoàng có ý khác, sai Nguyễn Súy đuổi theo nhưng không kịp. Trương Phụ chia quân đuổi theo, bắt được Thượng hoàng và Thái bảo Trần Hy Cát cùng ấn báu, giải về Kim Lăng, rồi bị hại.

Tháng 8, Trùng Quang Đế cầm cự nhau với Trương Phụ ở Bình Than.

Vua lệnh cho Bình chương Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử. Bấy giờ [**14b**] lương thực rất thiếu thốn, Dung chia quân đi gặt lúa sớm để cấp cho quân. Quân Minh dò biết, dùng thủy quân đánh cửa Hàm Tử, quân của Dung tan vỡ. Vua nghe tin thất thủ, tự lượng không chống nổi, mới dẫn quân về Nghệ An mưu việc tiến thủ.

Phụ đi đến đâu, giết chóc rất nhiều, có nơi thây chất thành núi, có chỗ moi ruột quấn vào cây, hoặc rán thịt lấy mỡ, hoặc nướng đốt làm trò, thậm chí có đứa mổ bụng lấy thai, cắt lấy hai cái tai để nộp theo lệnh. Kinh lộ các nơi lần lượt đầu hàng. Những dân còn sót lại bắt hết làm nô tỳ và bị đem bán, tan tác khắp bốn phương cả.

Thượng thư Hoàng Phúc lại đặt quan chức, chia ra trị các phủ, huyện từ Thanh Hóa trở ra Bắc. Người địa phương có ai chiêu an được, hay có công cướp giết, Trương Phụ đều trao cho quan chức. Hoàng Phúc xin nâng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Quang lên thành phủ.

---

[1] Chi La: Tên huyện La Sơn, nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Ngự Thiên: tên huyện, trước là hương Đa Cương, có mộ tổ nhà Trần ở đấy nên gọi là Ngự Thiên, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Mẹ của Đế Ngỗi.

[4] Khúc sông Lam ở gần chân núi Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Nỗ Giang: khúc sông Mã chảy qua làng Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, còn gọi là sông Nguyệt Thường.

[6] Phủ Tam Giang: là đất tỉnh Phú Thọ ngày nay.

[7] Trấn Thiên Quan: là vùng đất gồm huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình và huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

Năm này đói và dịch bệnh nặng hơn [**15a**] năm trước.

TRÙNG QUANG ĐẾ

Tên húy là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội Nghệ Tông, cháu gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm. Vua gặp thời loạn lạc, gắng chí mưu việc khôi phục, nhưng vì trời không giúp nhà Trần nữa, nuốt hận mà chết, thương thay!

Canh Dần, [Trùng Quang] năm thứ 2 [1410], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ sai người Minh mở thêm đồn điền ở nơi gần thành và thu thóc lúa ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tam Giang để dự trữ lương quân.

Mùa hạ, tháng 5, vua đem bọn Nguyễn Cảnh Dị tiến quân đến bến La, Hạ Hồng, đánh phá quân của đô đốc Giang Hạo, thừa thắng đuổi theo, tiến quân đến Bình Than, đốt phá gần hết thuyền trại của quân Minh.

Bấy giờ, các hào kiệt nghe tin đều hưởng ứng. Người Thanh Hóa là Đồng Mặc, tên hiệu là Lỗ Lược tướng quân, đánh giết bọn giặc nhiều không kể xiết. Chỉ huy của quân Minh là Tả [**15b**] Địch bị bắt, Vương Tuyên (có sách ghi là Vương Đản) thế cùng phải tự vẫn. Hưng Khánh Đế cho Mặc làm Phủ quản quận Thanh Hóa.

Lại có người Nguyễn Ngân Hà tuy không bằng Mặc, nhưng cũng là ngườitrội trong đám hào kiệt. Lê Nhị ở Thanh Oai giết cha con tên đô ty Lư Vượng ở cầu Ngọc Tản, lại chiếm giữ huyện Từ Liêm, quân Minh rất sợ hãi. Lê Khang ở Thanh Đàm[1], Đỗ Cối, Nguyễn Hiệu ở Trường Yên cũng họp quân chống giặc. Nhưng vì hiệu lệnh không thống nhất, quân đội không có chỉ huy chung, nên sau đều tan vỡ cả. Gặp khi Trương Phụ đến Diễn Châu, vua lại đem quân về Nghệ An.

Hoàng Phúc xin cấp ruộng cho các thổ quan, tùy theo phẩm trật, để họ cho người cày cấy thu tô thay cho bổng lộc, còn các lưu quan thì cấp lính để cấy ruộng thu thóc, chi cấp lương ăn.

Tân Mão, [Trùng Quang] năm thứ 3 [1411], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ cấp bằng cho thổ quan các phủ vì có công [**16a**] đánh dẹp, gồm cả những thổ quan ở phủ, châu cai quản quân lính, những người thuộc thiên trưởng, bách trưởng lấy làm chỉ huy thiên bộ.

Tháng 2, nhà Minh xuống chiếu ân xá, đại lược nói: "Giao Chỉ đã thuộc về Chức phương[2] mà liền mấy năm chưa được yên nhgỉ. Nghĩ thương dân ấy sau cơn khốn khổ, đặc cách ban ân khoan thứ, xót thương, ngõ hầu khiến cho triệu dân đều được thấm nhuần đức trạch".

Lại dụ bọn quan lại, quân dân rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, đã vỗ về chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Chúng nhất thời đi theo bọn giặc, nghe nói bị giết, trẫm thực thương xót trong lòng, sao lại nỡ để chúng như vậy? Vả lại, bọn gây tội ác chỉ có mấy đứa thôi, còn trăm họ nơi bãi biển, hang núi,bị chúng cưỡng bức, uy hiếp, hoặc giúp chúng lương thực, hoặc bị chúng đem theo làm giặc ở các nơi, đều là bất đắc dĩ, bị chúng làm cho lầm lỡ chứ không phải là do bản tâm. Nếu biết [**16b**] hối hận sửa bỏ lỗi lầm, đều cho được đổi mới. Làm ác chỉ có mấy đứa, trăm họ không có tội gì. Trong đó, người nào hiên ngang dũng cảm, có kiến thức, có thể bắt được mấy đứa kia đem dâng thì nhất định sẽ ban cho quan to, tước cao. Còn bọn làm ác, nếu biết tẩy rửa tâm trí, đổi lỗi sửa mình, thì chẳng những được khoan tha tội lỗi, lại còn chắc chắn được làm quan vinh hiển nữa".

Tháng 3, nhà Minh sai quan mang sắc chỉ cho các thổ quan như sau: "Các ngươi tài năng khôi kiệt, tư chất đôn hậu, sáng suốt nhìn xa, trước đã thành tâm gắng sức, tận trung với triều đình, nghĩ tới công lao của các ngươi, đặc ân thăng cho chức vụ vinh hiển. Nay nghe các ngươi biết làm tròn nghĩa vụ,

[1] Huyện Thanh Đàm: là huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

[2] Chức phương: chức quan nắm giữ bản đồ của thiên hạ, trông coi việc tiến cống của bốn phương. Ở đây ý nói Giao Chỉ đã nằm trong bản đồ của nhà Minh.

dốc sức lập công, bắt giết bọn phản nghịch, giữ vững đất đai, nghĩ đến lòng trung thành ấy, xiết nỗi vui mừng khen ngợi. hiện nay, bọn giặc còn sót chưa dẹp yên hết, các ngươi hãy lập thêm nhiều công, ra sức quét sạch bọn chúng để tiếp nối công tích trước đây. Ta đặc cách sai người [**17a**] sang úy lạo ban thưởng. Các ngươi hãy kính cẩn phục tùng mệnh lệnh ân sủng này".

Mùa thu, tháng 7, sông Đáy nước lên to, vỡ đê quai, trôi cả nhà cửa của dân.

Tháng 9, vua và bọn Nguyễn Súy chia đường tiến đến cửa biển, bắt được tên chỉ huy Nguyễn Chính người địa phương ở Bài Lâm, chém bêu đầu rồi về.

Sai Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm sứ giả cầu phong, Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình.

Trước đó, vua đã sai hành khiển Nguyễn Nhật Tư và thẩm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận, bắt giam rồi giết cả. Đến đây lại sai bọn Ngạn Thần đi.

Đến Yên Kinh, vua MInh sai Hồ Trừng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi thăm quốc chủ khoẻ hay yếu, tình hình trong nước thế nào, Ngạn Thần nóu hết cả với Trừng. Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho vua làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An.

Sứ về nước, Nột Ngôn tâu hết [**17b**] việv Ngạn Thần tiết lộ việc nước và nhận lệnh của giặc. [Vua sai] bắt Ngạn Thần giam ngục rồi giết.

Gả Quốc tỷ trưởng công chúa[1] cho Hồ Bối người Hóa Châu, phong Bối làm Tư đồ rồi sai ra Thanh Hóa chống giặc.

Nhà Minh bắt giam viên Tham nghị Giải Tấn rồi giết đi (Tấn là người Cát An, tỉnh Giang Tây). Tấn đỗ tiến sĩ cập đệ, bổ Hàn lâm học sĩ, vì nói việc trái ý vua, bị đuổi ra làm Tham nghị ở Giao Chỉ. Khi đến ty, lại nói rằng:

"Giao Chỉ chia đặt quân huyện không bằng để nguyên như cũ, phong tước chia đất cho các thổ hào để họ cai quản lẫn nhau. [Chia đặt quận huyện] dẫu có cái được cũng không bù được những cái mất, cái lợi không chữa được cái hại".

Vua Minh xem tờ tâu nổi giận, cho là Giải Tấn có ý tư vị họ Trần, bất lợi cho nước, xuống chiếu bắt giam ở Cẩm y vệ, rồi ốm chế. Đến năm Minh Nhân Tông lên ngôi, mới được đưa về chôn, gia thuộc mới được về quê hương.

[**18a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lời nói của bề tôi ngay thẳng không phải lợi cho mình mà lợi cho nước. Nhưng các vua chúa tầm thường thì không hay coi đó là lợi mà cứ muốn hại người ta. Đó là do họ bị che lấp nặng rồi. Minh Thái Tông một khi đã manh tâm hiếu đại hý công, tham cướp được nước ta, Giải Tấn há lại không biết nói thế là chạm tới cơn giận giữ hay sao? Đó chính là vì nước không nghĩ đến mình. Thái Tông không nghe, cùng binh độc vũ, cho rằng ắt chiếm được. Lời của Giải Tấn lúc ấy hình như chưa ứng nghiệm.

Đến khi Thái Tổ ta[2] dẹp loạn trừ bạo, bắt được phong thư bọc sáp của Vương Thông nói rằng: "Quân để dùng phải được như số quân đi đánh lúc đầu, và phải được 6, 7 viên đại tướng như Trương Phụ mới có thể đánh được, mà dẫu có lấy được cũng không thể giữ được", thì bấy giờ lời Giải Tấn mới ứng nghiệm. Lời nói của bề tôi ngay thẳng chả lẽ không [**18b**] lợi cho nước hay sao? Cốt ở người làm vua biết soi xét mới được.

Người Minh bắt giải giáo thụ Lê Cảnh Tuân về Kinh Lăng.

[1] Tức trưởng công chúa chị gái vua.

[2] Chỉ Lê Lợi.

Trước đây, Cảnh Tuân là hạ trai học sinh[1] của họ Hồ. Năm Hưng Khánh thứ 1, viết bức thư một vạn chữ[2] dâng cho Tham Nghị Bùi Bá Kỳ, nêu ba phương sách thượng, trung, hạ, đại lược nói rằng:

"Nhà Minh đã có sắc ban cho ngài theo quân tiến đánh, đợi khi bắt được họ Hồ thì chọn con cháu họ Trần lập làm vua, gia tước cho ngài để ở nước làm phụ tá. Nay thấy thiết lập ty bố chính, phong tước cao cho ngài, mà chỉ cấp người quét dọn đền miếu nhà Trần. Nếu ngài có thể tâu lại, phân tích những lời khai của các quan lại, kỳ lão, nói rõ con cháu họ Trần, đó là thượng sách. Nếu không được như thế, thì xin thôi chức vị hiện nay, nguyên làm [**19a**] quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu ngày còn tiếc quan tước to, tham bổng lộc nhiều, thì đó là hạ sách.

Nếu ngài làm theo thượng sách thì tôi là nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì bổ sung vào ô thuốc của ngài, tùy ngài sử dụng. Nếu ngài làm theo trung sách, thì tôi xin bưng khay chén hầu hạ ở đó, cũng xin tùy ngài sai khiến. Nếu ngài làm theo hạ sách thì tôi sẽ là kẻ câu vắng cầy nhàn[3] cho hết tuổi thừa mà thôi".

Đến khi tịch biên nhà Bá Kỳ, bắt được bức thư ấy, tâu lên, sai bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, thì gần đây vì loạn lạc, không biết đi đâu.

Đến đây, đặt học hiệu ở Giao Châu, bắt được Cảnh Tuân đưa về Kim Lăng giam xuống ngục của y vệ Cẩm. Cảnh Tuân ở trong ngục 5 năm, cùng con là Thái Điên đều ốm chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ba phương sách của Cảnh Tuân có khí thái của bậc trượng phu. Ông nhận [**19b**] chức giáo thụ của nhà Minh phải chăng là vì muốn ẩn dật mà không được?

Nhâm Thìn, [Trùng Quang] năm thứ 4 [1412], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, viên phụ đạo ở Đại Từ, Thái Nguyên là Nguyễn Nhuế khởi binh, hoại động ở vùng núi tam Đảo, bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Bấy giờ kinh lộ đều phụ thuộc vào nhà Minh, trăm họ phải làm sai dịch và nộp lương theo sự sai bắt của bọn quan thú nhiệm. Thổ quan thì đóng thuyền và lập đồn điền để giúp việc cho tổng binh. Từ Ciễn Châu trở vào nam, không được cày cấy.

Mùa hạ, tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh đem quân đánh vào hành tại ở Nghệ An, gặp bọn Nguyễn Súy, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ở Mô Độ. Dung, Phụ đều liều chết đánh nhau chưa phân thắng bại, thì Súy và Cảnh Dị vượt biển chạy, Hồ Bối bỏ thuyền lên bờ. Dung thế cô, không có cứu viện, bèn đi thuyền nhẹ vượt biển trốn đi.

[**20a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo cầm quân chế thắng cốt ở đồng tâm hiệp lực. Giả sử bọn Súy và Dị một lòng quyết đánh thì Dung và Phụ cũng chưa biết ai được ai thua. Đó là vì trời không giúp họ Trần vậy!.

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Tổng binh Hàn Quan với chức Hữu quân đô đốc đồng trị, đeo ấn Chinh Nam tướng quân sang trấn giữ.

trương Phụ nhà Minh lệnh cho Tam Giang và Tuyên Hóa đóng thuyền để cấp cho quân.

Bọn Trương Phụ nhà Minh lại vào cướp hành tại ở Nghệ An; Thanh Hóa, Diễn Châu đều bị hãm.

Mùa đông, tháng 12, nhà Minh mang sắc dụ các quan lại, kỳ lão các châu, phủ, huyện thuộc Bố chính ty rằng:

"Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ mong cho dân thiên hạ được yên ổn, Giao Chỉ ở xa tận ven biển, xưa là đất của Trung Quốc, nay [**20b**] đã lại như cũ, binh lính và dân chúng theo về giáo hóa đến nay đã mấy năm rồi, đã đặt mục, bá, thú, lệnh và quân, vệ, ty, chọn dùng những người

[1] Đời Trần hhọc sinh chia làm ba bậc là thượng trai, trung trai và hạ trai.

[2] Nguyên văn: "Vạn ngôn thư".

[3] Chỉ người đi ở ẩn.

trung lương, hiền năng để vỗ trị. Trẫm sớm khuya nghĩ đến, còn lo rằng đất xa dân đông, giáo hóa có chổ không thấu tới, không được thấm ơn trạch yêu thương, nuôi nấng của nhà nước.

Nay bọn các ngươi đều là bề tôi trung lươmg, phải thể lòng kính trời thương dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân mà trừ bỏ mối gian tệ cho dân. Dạy dân cày ruộng, trồng dâu, khiến cho không trái thời vụ thì áo mặc, cơm ăn có chổ trông cậy; dạy dân bằng hiếu, để, trung, tín; khuyên dân điều lễ nghĩa, liêm sĩ, thì phong tục sẽ tốt lành. Khi tang ma, hoạn nạn thì thương xót giúp đỡ lẫn nhau; lúc khốn cùng long đong thì chu cấp phù trì cho nhau. Người già phải dạy con trẻ, kẻ dưới phải kính bề trên,, ai nấy phải thuận theo bản tính, không được làm trái với lễ. [**21a**] Chớ có làm trộm cướp, chớ có đi lừa dối, chớ múa may văn chương mà đùa với luật pháp, chớ theo ý riêng ,mà bỏ lẽ công, muốn cho dân chúng an cư lạc nhgiệp, mãi mãi là dân trời vô sự, để cùng vui thời thịnh trị thái bình, thì bọn các người phải thận trọng với chức vị của mình, làm tròn công việc của mình, theo được đức y thay trời nuôi dân của trẫm, để có thể sánh vai với những bậc tuần lương đời xưa, tên tuổi chiếu sáng sử xanh, thế chẳng tốt đẹp lắm sao!".

Nông Văn Lịch ở Lạng Sơn tụ tập quân lính chiếm giữ đất ấy, chẹn lấp đường đi lại của người Minh, giết bắt vô số. Tham chính Mạc Thúy từng đem quân tiến sâu vào đất ấy, bị trúng tên thuốc độc mà chết. Sau vì Văn Lịch thông dâm với vợ của cấp dưới, binh sĩ tức giận giết chết.

Nguyễn Liễu ở Lý Nhân[1] chiêu tập người các huyện Lục Na[2], Vũ Lễ đánh cướp người Minh trong mấy năm. Vua ở Nghệ An, đường bị ngăn trở không thông, quân của Liễu bị tan vỡ dần, Tham nghị Nguyễn huân vờ kết thông [**21b**] gia rồi dụ [Liễu] đến giết chết.

Quý Ty, [Trùng Quang] năm thứ 5 [1413], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vua dẫn bọn Nguyễn Súy, Nguyễn cảnh Dị lại đem quân vượt biển đến Vân Đồn, Hải Đông và các bãi biển để thăm dò và lấy lương thực, đánh quân Minh đóng giữ ở những nơi ấy.

Hoàng Phúc nhà Minh chọn lựa thợ giỏi và vợ con họ đưa về Yê Kinh để đóng thuyền.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh lệnh cho quân nhâ đem đổi lấy thóc lúa ở Tam Giang, Tuyên Hóa, Quy Hóa để trữ lương quân, lại mộ khách buôn nộp thóc, chở thuyền đem về các xứ Quảng Đông, Phúc Kiến, Chiết Giang, Tứ Xuyên, Vân Nam để bán.

Tháng 3, ngày mồng 4, vua lại trở về Nghệ An, quân lính mười phần chỉ còn 3, 4 phần.

Tổng binh Hàn Quan ốm chết ở thành Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trương Phụ nhà Minh vào cướp Nghệ [**22a**] An.

Vua ngự đến Hóa Châu, sai đái quan Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang phương vật tới Nghệ An. Trương Phụ giữ Biểu lại, Biểu tức giận mắng Biểu rằng:

"Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại sinh dân, thực là loài giặc dữ".

Phụ nổi giận giết chết.

Tháng 6,Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Thạnh nói:

"Hóa Châu núi cao biển rộng, chưa dễ lấy được". Phụ nói:

"Tôi sống được cũng là vì Hóa Châu, có làm ma cũng là vì Hóa Châu. Hóa Châu mà chưa dẹp được, tôi còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa!".

Bèn đem quân thủy đi, mất 21 ngày, đánh vào thành châu Thuận Hóa.

[1] Lý Nhân: là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà.

[2] Lục Na: là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

Mùa thu, tháng 9, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Súy ở kênh Sái Già[1]. Quân Nam quân Bắc [**22b**] đương cầm cự nhau, Đặng Dung mai phục binh tượng, nửa đêm đánh úp doanh trại Phụ. Dung nhảy lên thuyền của Phụ, định bắt sống Phụ nhưng không nhận ra hắn. Phụ vội đi thuyền nhỏ trốn chạy. Quân Minh tan vỡ đến một nửa, thuyền bè, khí giới bị đốt phá gần hết. Bọn Súy không chịu hợp sức đánh. Phụ thấy quân của Dung ít, quay lại đánh. Quân của Dung tan chạy, từ đấy chỉ ẩn nấp trong núi hang.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trận đánh ở Sái Già, Đặng Dung, Nguyễn Súy, đem tàn quân trơ trọi chống lại bọn giặc mạnh, quân tướng đều tinh nhuệ. Dung nửa đêm đánh úp doanh trại giặc làm cho tướng giặc sợ hãi chạy trốn, đốt hết thuyền bè, khí giới của chúng, không phải người thực sự có tài làm tướng, thì có làm được như thế hay không?. Thế nhưng cuối cùng vẫn bại vong, đó là do trời. Tuy thất bại, cũng vẫn vinh quang, vì sao vậy?.

Bọn Dung vì nghĩa không thể cùng sống với giặc, phải tiêu diệt bọn chúng mới nghe, cho nên mới hết lòng, hết sức giúp đỡ [23a] Trùng Quang để mưu khôi phục. Trong khoảng 5 năm, kiên trì chiến đấu với giặc, dẫu có bất lợi, nhưng ý chí không núng, khí thế càng hăng, đến kiệt sức mơí chịu thôi. Lòng trung vì nước của người bề tôi, dẫu trăm đời sau vẫn còn tưởng thấy được!

Ngày xưa nước Lỗ đánh nhau với nước Tề ở đất Can Thì bị thất bại, thánh nhân không vì thua mà kiêng né, lại chép rõ để nêu niềm vinh quang chiến đấu với kẻ thù, chứ không bàn đến việc thành bại. Thế thì trận đánh ở Sái Già, quân Minh bị tan vỡ một nửa, quân ta đến khi sức kiệt mới chịu thua cũng vinh quang lắm thay!

Mùa đông, tháng 10, Trương Phụ nhà Minh lấy Đô đốc Hoàng Trung đi dò trước, chặn ở thượng lưu. Nguyễn Súy sai ba thích khách, đội cỏ xuôi dòng đến thuyền của Phụ. Một người trèo lên mũi thuyền, hai người trèo lên đuôi thuyền. Phụ biết, bắt được hai người, giết một người, thả một người, lại còn [**23b**] cho tiền bạc. Hôm sau Phụ hội họp các tướng nghị bàn, Hoàng Trung nói không hợp ý Phụ, Phụ nổi giận kể tội Trung phòng giữ không nghiêm, để đến nỗi có chuyện khích thách, rồi chém Trung. Các tướng đều tái mặt đi.

Tháng 11, bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung bị Trương Phụ nhà Minh bắt sống. Cảnh Dị mắng ngay vào mặt Phụ:

"Tao định giết mày, lại bị mày bắt", chửi Phụ luôn miệng. Phụ giận lắm, giết Dị rồi lấy gan ăn.

Vua chạy sang Lão Qua. Phụ sai người lùng bắt được, đưa đến cửa quân. Người Thuận Hóa đều hàng. Thế là nhà Trần mất.

Trước đây, nhà Hậu Trần dấy binh mưu việc hưng phục, viên Trấn phủ cũ Phan Quý Hựu có công bày mưu giúp việc, được thăng dần đến Thiếu bảo. Đến khi Trương Phụ vào cướp Nghệ An, vua ngự tới Hóa Châu, Quý Hựu hàng giặc. Phụ mừng lắm. Được mươi hôm thì Quý Hựu ốm chết. Phụ cho con là Liêu làm Tri châu Nghệ An và hậu thưởng gia thuộc Quý Hựu. [**24a**] Liêu đem tình hình tướng văn tướng võ giỏi kém thế nào, số quân có được bao nhiêu, núi sông hiểm dị ra sao kể rõ cho Phụ biết. Bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh Hóa Châu.

Trở lên làđời vua nhà Trần, bắt đầu từ năm Bính Tuất (1226) chấm dứt ở năm Kỷ mão (1399), tổng cộng 174 năm và 2 đời vua nhà Hậu Trần 7 năm.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trùng Quang Đế lấy quân một lữ để mưu khôi phục đất nước trong lúc loạn lạc lưu ly, ví như dùng một cây gỗ để chống giữ ngôi nhà lớn đã đổ, chả lẽ không biết rằng thế không thể cứu vãn được nữa hay sao? Nhưng hãy làm hết bổn phận nên làm, ngõ hầu có thể vãn hồi được thiên mệnh!.

[1] Sái Già: theo Minh sử và Minh sử kỷ sự của Cốc Ứng Thái chép về việc này, đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Sái Già tức là chổ này (lời chữa của CMCB 12).

Còn như khi bị giặc bắt đem về, giữ nghĩa không chịu nhục, cam lòng nhảy xuống biển mà chết, để cùng mất với nước, thực đúng là "quốc quân chết vì xã tắc", mà các [**24b**] bề tôi của ngài như Cảnh Dị chửi giặc mong cho chúng giết ngay mình, Nguyễn Biểu kể tội ác của giặc rồi chết, đều là những người đáng ca ngợi cả. Chỉ có Hồ Ngạn Thần đi sứ làm nhục mệnh vua, đã bị giết rồi, Phan Liêu đem tình hìụnh mạnh yếu trong nước đi báo cho giặc, tuy được thoát chết trong một thời, nhưng sau lại bị Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta giết chết. Than ôi, người làm tôi trung với nước tuy chết vì nghĩa không có tội gì, mà để lại tiếng thơm mãi mãi, còn bọn bất trung phản quốc, không khỏi tránh khỏi chết, lại còn để tiếng xấu ngàn năm, thực đúng như thế.

K_ THUỘC MINH

Giáp Ngọ, [1414], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh chiêu dụ, vỗ về Tân Bình, Thuận Hóa, chia đặt quan cai trị để cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân khẩu, gộp làm sổ hộ.

[**25a**] Phủ Thăng Hoa tuy có đặt quan, nhưng Chiêm Thành vẫn có trưởng lộ chiếm giữ cai trị, nên nhà Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Quan lại ở kinh lộ, những ai lánh giặc đi theo Trùng Quang Đế đến Hóa Châu, đến đây người thì mang cả nhà chạy sang nước Lão Qua, người thì chạy sang Chiêm Thành, còn người trong nước từ đấy đều làm thần thiếp cho người Minh cả.

Mùa hạ, tháng 4, tổng binh Trương Phụ, Mộc Thạnh, Binh bộ thị lang Trần Hiệp của nhà Minh đem trùng Quang Đế, Nguyễn Súy và Đặng Dung về Đông Quan. Quan lại các phủ, châu, huyện sắm lễ vật cùng trướng vẽ cờ thêu đến mừng. Sai người giải về Yên Kinh.

Trùng Quang Đế đi đến nửa đường nhảy xuống nước chết. Súy thấy Trùng Quang Đế đã nhảy xuống nước chết, ngày ngày chơi cờ với viên chỉ huy coi giữ mình, thành quen, mới lấy bàn cờ đánh hắn ngã xuống nước chết, Súy cũng nhảy xuống nước chết. Quốc thống từ đấy thuộc về nhà Minh.

Mùa thu, tháng 7, [**25b**] Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho các phủ, châu, huyện, phàn quân nhân bắt được tôi tớ, cùng đàn bà con gái trốn đi xứ khác thì giải về cửa quân. Bọn quan lại chìu ý cấp trên bắt nhiều dân nghèo xiêu tán giải nộp.

Tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh và Trần Hiệp trở về bắc, chia quân trấn giữ.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh truyền bảng cho các phủ, châu, huyện dựng Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, thần gió, thần mây, thần núi, thần sông và những thần không ai thờ cúng để tế lễ thường xuyên.

Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, đồng hóa theo phong tục phương bắc.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh mở học hiệu và sức tìm tòi những người nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ, hạ lệnh cho các phủ, châu, huyện lấy lễ mà thành tân thỉnh mời. Đó là làm theo lời của Hữu tham tri Bành Đạo Trường.

Nhà Minh bắt khai số ruộng và đất trồng dâu, trưng thu lương thực, tơ tằm. Mỗi hộ 1 mẫu thì bắt khai thành 3 mẫu. [**26**] Đến sau xét hộ khẩu tăng hàng năm, định số ruộng mỗi hộ là 10 mẫu (nghĩa là mỗi mẫu chỉ có 3 sào, 10 mẫu thực ra chỉ có 3 mẫu). Mỗi mẫu thu 5 thăng thóc, đất bãi mỗi hộ một mẫu thu 1 lạng tơ, mỗi cân tơ dệt được 1 tấm lụa.

Ất Mùi, [1415], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 13). Mùa thu, tháng 8, nhà Minh khám thu các mỏ vàng, bạc, mộ phụ đãi nhặt vàng bạc và bắt voi trắng, mò trân châu. Thuế khóa nặng, vơ vét nhiều, dân chúng điêu đứng. Bãi muối ven biển cấm dân mua bán riêng, sai nội quan coi giữ cả. Lại đặt chức cục sứ và phó của từng bãi muối để chia nhau trông coi. Các phủ, châu, huyện đêù đặt phó sứ ty Thuế khóa và sở Hà bạc.

Phép lấy muối của nhà Minh: Trước hết sai viên cục sứ và viên phó đốc thúc dân nấu muối, mỗi tháng được bao nhiêu đưa tới ty Đề cử thu giữ. Các viên nội quan mộ người buôn bỏ tiền ra lĩnh giấy khám hợp[1] của ty Bố chính. Giấy khám hợp lớn [**26b**] thì lấy 10 cân muối, giấy khám hợp nhỏ thì lấy 1 cân rồi mới được đem bán. Nếu không có giấy [giấy khám hợp] thì [xử tội] như luật nấu lậu. Lạ cấm người đi đường, lệ chỉ được đem 3 bát muối và 1 lọ nước mắm thôi.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh sai quan áp giải đích thân những bọn nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ đưa về Yên Kinh trao cho quan chức rồi đưa về các nha môn làm việc. Lại ra lệnh cho các quan ty sở tại cấp cho tiền đi đường và ngươời bạn tống, nếu không sẽ bị trừng trị; dọc đường phải cấp cơm ăn và tiền đi đường.

Mùa đông, tháng 10, Tổng binh nhà Minh là Trương Phụ giữ chức Chinh lỗ phó tướng quân, lại sang trấn thủ.

Nhà Minh mở đường thủy Vĩnh An, Vạn Ninh, đặt trạm đón chuyển đường thủy đến thẳng Khân Châu. Lại đặt trạm chạy ngựa đến thẳng Hoành Châu[2].

Bính Thân, [1416], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh bắt đầu đưa những thượng quan văn võ và kỳ lão sang Yên [**27a**] Kinh, đổi trát văn của Tổng binh mà dùng giấy vàng của bộ để thực thụ quan chức. Thăng Tham nhgị Nguyễn Huân làm Tả bố chính sứ; Tri phủ Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham chính. Còn lại thì thăng chức Tri phủ, Đồng tri phủ, Tri châu, Đồng tri châu, Tri huyện. Nhân đó, ban sắc rằng:

"Trước kia bình định Giao Chỉ, các ngươi đã tỏ lòng thành, làm việc nghĩa, lòng hướng về triều đình, trẫm khen ngợi lòng thành của các ngươi mà trao cho quan chức. Từ khi nhận mệnh đến nay, đã biết tận tâm hết sức, hăng hái trung thành, quét diệt phản nghịch, vỗ yên bờ cõi, cố gắng làm tròn chức phận, đã nhiều lần thăng thưởng để biểu dương công trạng của các ngươi. Nay các ngươi đến cửa khuyết triều cống, trẫm xét lòng thành, đánh nên khuyến khích. Nay đặc ân thăng cho các ngươi làm chức mỗ... Các ngươi hãy cố gắng trung thành, cần mẫn hơn nữa, kính cẩn giữ khí tiết của người bề tôi, úy lạo, vỗ về, khiến cho dân chúng đều được yên nghiệp sinh sống, cùng hưởng phúc thái bình [**27b**] thì sẽ được trời che chở, các ngơi sẽ được phúc lộc dồi dào nối đến đời con đời cháu, mà tiếng tốt của các ngươi sẽ lưu truyền trong sử sách, mãi mãi không cùng".

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh ra lệnh xét duyệt danh số thổ quân, lấy một phần ba số hộ khẩu chia về c1c vệ, sở. Mỗi hộ định mức là 3 đinh. Từ Thanh Hóa trở vào Nam, nhân đinh thưa thớt, định mức là 2 đinh. Chỗ nào không phải là vệ, sở mà là nơi quan yếu, cũng lập đồn lũy, lấy dân binh canh giữ.

Mùa thu, tháng 9, quân lính huyện Tân An nổi lên, Trương Phụ dẹp được.

Nhà Minh chiêu dụ các quan cũ của triều trước, giả cách bổ đi các nha môn quân, dân làm việc rồi chuyển đưa về Yên Kinh giữ lại. Bọn người bon chen, vốn không phải là quan lại cũ, chưa được thực thụ quan chức, cũng hăng hái ra nhận, trong nước vì thế trở nên trống rỗng. Ở được vài năm, thấy vất vả khổ sở, thỉnh thoảng họ lại trốn về.

Nhà Minh bắt đầu đưa các thổ lại đi, [**28a**] người nào đủ 9 năm thì giữ lại nha môn ở Kinh để làm việc, người nào chưa đủ năm thì cho về.

Đinh Dậu, [1417], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 15). Nội quan nhà Minh là Mã Kỳ tâu rằng Tổng binh Trương Phụ ở Giao Chỉ chọn lấy những thổ nhân mạnh khỏe can đảm làm vi tử thủ[3], vua Minh nghi

---

[1] Giấy khám hợo: giấy chứnh nhận có đónh dấu, được cắt làm hai nửa, người được phéo cầm một nửa, quan nhà giữ một nửa, để khi khám xét, có thể ráp lại xem đúng con dấu hay không.

[2] Hoành Châu: thuộc phủ Nam Ninh, sau là Hoành Huyện, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[3] Vi tử thủ: là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Phụ chọn những người khỏe mạnh, can đảm đem vào dinh thự của mình để sai khiến và đề phòng bất trắc.

ngờ, gọi Phụ về, sai Phong Thành hầu Lý Bân với chức Tổng binh Chinh Di tướng quân sang thay Phụ trấn giữ.

Nhà Minh sai Giám sát ngự sử chia giữ việc tuần xét bắt đầu từ đấy.

Binh bộ thượng thư nhà Minh là Trần Hiệp, lại giúp việc quân chính cho Tổng binh.

Nhà Minh định lệ mỗi năm cống các nho học, sinh viên saung vào Quốc tử giám; Nhà phủ học mỗi năm 2 tên, nhà châu học 2 năm 5 tên, nhà huyên học mỗi năm 1 tên. Sau lại quy định nhà phủ học mỗi năm 1 tên, nhà châu học 3 năm 2 tên, nhà huyện học 2 năm 1 tên.

Bộ Lại khám hợp, lệnh cho 2 ty Bố chính và Án sát cùng [**28b**] các quan phủ, châu, huyện, ở Giao Chỉ, hẹn đến ngày mồng 1 tháng giêng sang năm đến kinh triều cận, không kể là chức chánh hay chức tá, chỉ cần người giữ chức lâu năm, cho dẫn đầu, đưa các quan lại cùng đi. Lại khám các hạng mục hộ khẩu, ruộng đất lương thực trong 3 năm, từ tháng 7 năm Giáp Ngọ, đến cuối tháng 6 năm này, làm thành sổ "tu tri"[1] dâng lên để kê xét.

Hoàng Phúc sức cho các hào phú, thổ quan là bọn Nguyễn Huân, Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung, Đỗ Hy Vọng, Lương Sĩ Vĩnh, Dương Cự Giác đều phải đem người nhà sang Yên Kinh phục dịch, xây dựng cung điện. Vua Minh nói là làm khó nhọc người phương xa, ban cho ưu hậu rồi cho về.

[1] Tu tri: có nghĩa "cần biết'. Sổ "tu tri" có nghĩa là sổ ghi số hộ khẩu, ruộng đất, lương thực cần phải biết để nắm tình hình.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển X

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Thái Tổ Cao Hoàng Đế

Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, trấn Thanh Hóa[1]. Ở ngôi 6 năm, thọ 51 tuổi[2], táng ở Vĩnh Lăng.

Vua hăng hái dấy nghĩa binh đánh dẹp giặc Minh. Sau 10 năm thì thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, đã ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu nhập sách vở, mở mang trường học, có thể gọi là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

Trước kia, tổ ba đời của vua tên húy là Hối, một hôm, đi chơi Lam Sơn, thấy đàn chim bay lượn quanh chân núi, như hình ảnh nhiều người tụ họp, bèn nói: "Đây chắc hẳn là chổ đất tốt", rồi dời nhà đến ở đấy. Sau 3 năm thì thành sản nghiệp. Từ đó, đời đời làm quân trưởng một phương. Hối sinh ra Đinh, nối được nghiệp nhà, có tới hơn 1 nghì tôi tớ, lấy vợ là Nguyễn Thị [**1b**] (tên húy là Quách), sinh được hai người con trai, con cả là Tòng, con thứ là Khoáng. Khoáng lấy vợ người Chủ Sơn (Chủ Sơn nay là Thủy Chú)[3] là Trịnh Thị (tên húy là Thương), đến năm Ất Sửu, tháng 8, ngày mồng 6[4] sainh ra vua tại hương Chủ Sơn, huyện Lôi Dương[5]. Vua sinh ra, thiên tư tuấn tú khác thường, thần sắc tinh anh kỳ vĩ, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, trên vai có một nốt ruồi, tiếng nói như chuông, dáng đi tựa rồng, nhịp bước như hổ, kẻ thức giả đều biết vua là bậc phi thường.

Bấy giờ, họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi quân Minh xâm lược nước Nam, chia cắt nước ta thành quận huyện, bắt nhân dân ta làm tôi tớ, luật pháp phiền hà khắc nghiệt, thuế má lao dịch nặng nề,. Đối với những người hào kiệt trong nước, chúng phần nhiều vờ trao cho quan tước rồi đem về an trí ở phương Bắc. Vua hiểu biết hơn hẳn mọi người, sáng suốt và cương quyết, không bị quan tước dụ dỗ, không bị uy thế khuất phục. Người Minh đã dùng trăm phương ngàn kế xảo trá, vẫn không dụ được vua.

Trước đó, bọn Đặng Tất, Nguyễn Súy ở Châu Hóa [**2a**] cùng lập con cháu nhà Trần là Trần Ngỗi, Trần Khoáng làm vua. Nhưng vua thấy họ yếu hèn, lại say đắm tửu sắc, biết là chẳng làm nên chuyện, mới ẩn náu chốn núi rừng, dụng tâm nghiền ngẫm thao lược, tìm mời những người mưu trí, chiêu tập dân chúng lưu ly, hăng hái dấy nghĩa binh, mong trừ loạn lớn.

Vua từng bảo mọi người:

---

[1] Lam Sơn nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Theo Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn thì Lê Lợi thọ 49 tuổi. Lê Lợi sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1483) thì thọ 49 tuổi, như Đại Việt Thông Sử ghi là đúng.

[3] Chủ Sơn: tên hương, sau đổi là thôn Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

[4] Tức là ngày 19 tháng 9 năm 1385.

[5] Xem chú thích 3.

"Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để ngàn na8m về sau, người đời biết ta không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược".

Phép dùng binh của vua là biết lấy mềm đánh cứng, lấy yếu thắng mạnh, cho nên phần nhiều đều dẫn tới thắng lợi. Các thành Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô đều sai văn thần Nguyễn Trãi viết thư, dụ bảo bọn giặc điều họa phúc, nên không cần đánh mà chúng phải đầu hàng, chưa từng giết lạm một người nào. Bắt được hơn 10 vạn viện binh của quân Minh, cũng đều tha cả. Vua kinh dinh thiên [**2b**] hạ tronh khoảnh 10 năm, dẹp yên loạn lớn và dựng nên nghiệp đế.

Mậu Tuất, [1418], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Thân, vua khởi binh ở Lam Sơn.

Trước đó, người Minh đã có lần trao quan chức để dụ dỗ, nhưng vua không chịu khuất phục, khảng khái, có chí lớn dẹp loạn. Vua từng nói:

"Bậc trượng phu sinh ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to, lưu lại tiếng thơm ngàn naăm sau, sao lại chịu hèn nhát để cho người sai khiến?".

Thế rồi, dẫn đầu hào kiệt, dựng cờ nghĩa, thề diệt giặc Minh.

Ngày mồng 9 tháng ấy, bọn nội quan nhaà Minh là Mã Kỳ đem đại binh tới uy hiếp vua ở Lam Sơn. Vua bèn lui quân đến đóng ở Lạc Thủy[1], đặt quân mai phục để chờ giặc.

Ngày 13, bọn Kỳ quả nhiên đến. Vua tung hết quân mai phục xông ra đánh giặc. Cháu vua (có sách chép là con vua, Minh sử chép là em vua) là Lê Thạch cùng các tướng Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý... dẫn đầu xông vào trận giặc, chém được hơn [**3a**] 3.000 thủ cấp, thu được hàng ngàn quân tư, khí giới, rồi dời quân đến núi Chí Linh[2].

Ngày 16, tên phản bội Ái (không rõ họ) dẫn đường cho giặc đi lối tắt, đánh úp đằng sau vua, bắt mất gia thuộc của vua và rất nhiều vợ con của quân dân. Quân sĩ dần dần chán nản bỏ đi. Vua cùng bọn Lê Lễ, Lê Náo, Lê Bí, Lê Xí, Lê Đạp bí mật nương náu ở trên núi[3].

Tháng 2, vua hết lương, không còn gì nổi lửa. Gặp khi giặc lui quân, bèn về đắp thành đất ở Lam Sơn.

Tháng 3, đánh ra Mường Yên[4], thu được hơn trăm người.

Mùa hạ, tháng 4, trước nhà Minh ra lệnh cho các phủ, huyện, châu nước ta trồng hồ tiêu, nay đã lên tốt, sai nội quan Lý Lượng sang thu về dùng. Từ đấy, quan lại đốc thúc bắt trồng, mỗi cây giống giá tới 5 quan tiền. Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai hành nhân Hạ Thanh, tiến sĩ Hạ [**3b**] thì sang thu lấy lại các loại sách ghi chép về sự tích xưa nay của nước ta.

Nhà Minh mở công trường mò ngọc trai, kiếm hương liệu, săn bắt chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, tìm lùng rùa chín đuôi, chim đậu ngược, vượn bạc má, trăn, rắn... để dâng nộp.

Tháng 9, viên Tổng binh nhà Minh là Lý Bân đem quân tới sùng lục. Và đặt quân mai phục ở Mường Một[5], dùng tên thuốc độc bắn giặc chết và bị thương quá nửa. Bân thua rút quân về.

---

[1] Lạc Thủy: theo CMCB 13 thì Lạc Thủy thuộc huyện Cẩm Thủy sau này. Huyện Cẩm Thủy bấy giờ là huyện Lỗi Giang, ở phía hữu ngạn sông Mã, thuộc lưu vực sông Âm của huyện Lang Chánh ngày nay. Nhưng căn cứ vào địa bàn hoạt động của nghĩa quân năm này (1418), thì có lẽ Lạc Thủy ở đây là một địa điểm vùng thượng lưu sông Chu, phía trên Lam Sơn.

[2] Núi Chí Linh: tức là núi Pù Rinh, thuộc xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

[3] Tức núi Chí Linh.

[4] Mường Yên: tức là xã Yên Nhân, phía tây núi Pù Rinh (Chí Linh).

[5] Mường Một: hay Mường Mọt, sau là xã Bất Một, thuộc huyện Thường Xuân ngày nay.

Nội quan nhà Minh là Thái giám Sơn Thọ đốc suất quân dân, vây núi Tam Trĩ, châu Tĩnh Yên[1], săn được một con voi trắng, trên lưnmg có vằn đốm, dùng yên bạc thắng lên rồi sai Đô đốc Giang Hạo đưa về Yên Kinh, cho là điềm lành. Các ty trong ngoài dâng biểu chúc mừng.

Kỷ Hợi, [1419], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang ban các sách Ngũ kinh, Tứ thư, Tính lý đại toàn, Vi thiện âm chất, Hiếu thuận sự thực, cho [**4a**] nho học các phủ, châu, huyện. Sai tăng học truyền giảng kinh Phật tại Tăng đạo ty.

Lý Bân nhà Minh tâu xin Hộ bộ ban cấp hộ thiếp[2] cho Giao Chỉ, bắt châu huyện làm sổ thuế khóa phu dịch[3] và lên danh sách lý trưởng và giáp thủ[4] từng năm[5]. Đại để, cứ 110 hộ là một lý, mỗi năm cử 1 lý trưởng, 10 giáp thủ, để nhận các việc lao dịch, hết lược lại cử từ đầu. Người làm lý trưởng, giáp thủ bị roi vọt đánh đập khổ sở khôn xiết.

Mùa hạ, tháng 4, vua đánh đồn Nga Lạc[6], bắt được viên thổ quan chỉ huy Nguyễn Sao, chém được 300 thủ cấp.

Tháng 5, vua đóng ở sách Đà Sơn[7], quân Minh tiến đánh. Vua phục kích ở Mường Chánh[8], cả phá quân giặc, rồi dời đến đóng quân ở sách Lư Sơn[9], ít lâu sau, dời sang Mường Thôi[10], rồi lại về đóng bản doanh ở Vu Sơn[11].

Mùa thu, tháng 7, viên thổ quan Tri phủ Nghệ An là Phan Liêu vì bị bọn nội quan nhà Minh [**4b**] bức bách lấy vàng bạc, bèn dẫn quân bắt giết các quan do nhà Minh phái đến, rồi đem quân vây thành Nghệ An, sắp hạ được thành thì Lý Bân chợt đem quân đến. Liêu trốn sang Ai Lao. Bân đuổi tới châu Ngọc Ma[12] không kịp, lại quay về Nghệ An[13], sửa sang thành trì, vỗ yên dân chúng.

Khi Bân đi đánh Liêu, có sai viên chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiên phong[14]. Văn Luật đã đi, lại bị giữ lại bàn tính mưu kế, trong lòng hoài nghi, lo sợ, nên bỏ trốn đi. Bân bắt mẹ già, gia thuộc và anh em của Luật như Đồng tri châu châu Tam Đái là Văn Phỉ. Đồng tri châu phủ Trấn Man Phan Kiệt là anh họ của Liêu, nghe tin Liêu trốn đi, cũng đem cả nhà đi theo, nhưng chưa ra khỏi cõi đã bị thắt cổ chết cùng với vợ.

---

[1] Châu Tĩnh Yên: thời thuộc Minh là đất tỉnh Quảnh Ninh ngày nay. Núi Tam Tri: tức núi Ba Chẽ.

[2] Hộ thiếp: như sổ hộ tịch, mỗi tấm hộ thiếp có ghi rõ họ tên, quê quán và số đinh trong mỗi hộ, có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiềm đề phòng khi khám nghiệm. Sổ hộ khẩu thì để ở Hộ bộ, còn hộ thiếp thì phát cho các hộ (theo Đại Minh hội điển).

[3] Nguyên văn: Phú dịch hoành sách, tức là quyển sách bìa vàng kê khai thuế khóa phu dịch. Theo Thông giám tập lãm, thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381) nhà Minh hạ chiếu bắt cả nước làm sổ "hoàng sách".

[4] Giáp thủ: là người đứng đầu một giáp (gồm 10 hộ), lý trưởng: người đứng đầu 1 lý (gồm 110 hộ).

[5] Nguyên văn: Lý trưởng, giáp thủ chu niên đồ dạng.

[6] Đồn Nga Lạc: ở gầnLam Sơn, thuộc vùng Bái Thượng ngày nay.

[7] Đà Sơn: tên sách, có lẽ cũng gần Lam Sơn.

[8] Mường Chánh (nguyên văn không có chữ "Mường"): huyện Lang Chánh sau này.

[9] Lư Sơn hay Lô Sơn: theo Thanh Hóa tỉnh chí thì Lư Sơn ở vùng giáp giới hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc châu Quan Hóa. Theo Đồng Khánh dư địa chí thì hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc tổng Hựu Thủy và động Lư Sơn là một danh thắng của châu Quan Hóa.

[10] Mường Thôi (nguyên văn không có chữ "Mường "): có lẽ là Man Xôi, ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa, giáp Lào.

[11] Vu Sơn: có lẽ là Lư Sơn.

[12] Châu Ngọc Ma: thời thuộc Minh là phủ Ngọc Ma, thời Lê thuộc Nghệ An, thời Nguyễn đổi làm phủ Trấn Định, gồm các huyện Cam Môn, Cam Cát, Cam Linh.

[13] Thành Nghệ An: tại núi Thành, xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày nay.

[14] Lộ văn Luật: người huyện Thạch Thất, Hà Tây. Luật đầu hàng giặc, được giặc cho làm chỉ huy quân ở Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, Trịnh Công Chứng và Lê Hanh ở Hạ Hồng[1] Phạm Thiện ở Tân Minh[2], Nguyễn Đặc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cấu và Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan chỉ còn những quân lính ốm yếu, liền dấy [**5a**] quân tiến đánh. Quân đến Lô Giang, đánh phá được cầu phao, nhưng ít lâu sau, bị Lý Bân đánh bại, tan tác chạy dài.

Bấy giờ, chỗ nào cũng rối loạn, chỉ còn các xứ Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa là yên tĩnh như cũ[3].

Canh Tý, [1420], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 18). Mùa xuân, tháng 2, Lý Bân từ Nghệ An trở về Đông Quan.

Mùa, hạ, tháng 4, Lộ Văn Luật dấy binh ở Thạch Thất, Lý Bân đánh phá được.

Lộ Văn Luật chạy sang Ai Lao, dân chúng thì trốn vào hang núi Phật Tích và An Sầm[4]. Quân Minh dỡ nhà hun động, người trong động bị khói lửa hun đều chết, người nào ra hàng cũng bị giết cả, vợ con bị bắt làm nô tỳ.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá Trần Trí sang trấn giữ phủ Phụng Hóa.

Trần Thái Xung ở Đạo Hồi, Phạm Ngọc ở Đồ Sơn đều tụ quân nổi dậy, Bân đánh bại cả.

Nhà Minh lấy Hùng Tông Lỗ làm Giao Chỉ hữu tham nghị.

Tông Lỗ (người Tứ Xuyên) [**5b**] trước làm Tri phủ Tam Giang, bị Hoàng Phúc nhận xét là: "Hỏi đến vốn học thì chẳng biết gì, xét đến việc làm thì không có gì đáng kể, cả phủ chỉ một mình là nhất, nhưng suốt ba năm công việc chỉ nhờ người", sai đưa về Yên Kinh. Lại bộ dẫn lời nhận xét ấy, tâu xin giáng làm thương quan[5]. Vua Minh hỏi lý do, Lại bộ trả lời là trước đã từng Giang Tây tham nghị, Vua Minh nói: "Trưởng quan khó làm thì hãy cho trở về chức phó nhị". Vì thế mới đổi làm tham nghị. Khi tới nơi nhận chức, Tông Lỗ nói: "Trước đây đạn nhân xét tôi vào bậc dưới, nay tôi cũng được cùng ngồi một công đường với ngài". Đến năm Ất Tỵ, đời Hồng Hy (niên hiệu của Minh Nhân Tông), Tông Lỗ lại bị xét là hèn kém, mất chức, làm dân.

Người làng Tràng Kênh, huyện Thủy Đường[6] là Lê Ngã đổi họ tên thành Dương Cung, tự xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên.

Ngã vốn là gia nô của Trần Thiên Lại, tướng mạo rất đẹp, đã từng đi khắp bốn phương, đến đâu cũng được mọi người cung dưỡng. Ngã lại trá [**6a**] xưng là lính hầu của Mã Kỳ, đi doạ nạt các châu huyện làm kế nuôi thân. Thấy Công Chứng, Phạm Ngọc, Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Ngã bảo những người quan biết:

"Các anh có muốn giàu sang không? Ai muốn thì hãy theo ta!".

Đến huyện Đan Ba[7], Lạng Sơn, Ngã trá xưng là cháu bốn đời của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua trở về. Phụ đạo Đan Bá là Bế Thuấn đem con gái gả cho và lập làm vua. Trong khoảng mấy tuần một tháng, đã có vài vạn quân, hắn ra An Bang[8] chiếm trại Hồng Doanh. Sau khi Công Chứng, Phạm Ngọc bị thất bại, thì dư đảng của họ theo về với Ngã, số quân được đến mấy vạn người. Ngã tiếm xưng

---

[1] Vùng phía nam tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[2] Huyện Tân Minh sau đổi là Tiên Minh, nay là huyện Tiên Lăng, Hải Phòng.

[3] Thực ra các xứ đó vẫn còn những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, đặc biệt cuộc đấu tranh của "

[4] Phật Tích và An Sầm: là hai hang núi thuộc huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Núi Phật Tích: còn gọi là núi Sài Sơn hay núi Thầy.

[5] Thương quan: là chức quan trông coi kho tàng.

[6] Huyện Thủy Đường: nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

[7] Huyện Đan Ba: nay là huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[8] An Bang: là đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

tôn hiệu, dựng niên hiệu, đặt quan chức, đúc tiền, đốt thành Xương Giang[1], cướp trại Bình Than. Có người biết hắn là Ngã cũng không dám nói. Thiên Lại đi gặp hắn, trở ra nói rằng:

"Nó là gia nô của ta, việc gì phải lạy nó".

Rồi dời thuyền trốn đi. Ngã đuổi theo nhưng không kịp. Thiên Lại gởi hịch cho các huyện gần đó, tự xưng là Hưng Vận quốc [**6b**] thượng hầu, đem quân đánh nhau với Ngã, bị Ngã giết chết, Lý Bân đem đại quân thủy bộ dến đánh. Ngã và Thuấn đang đêm bỏ trốn cả, không biết là đi đâu.

Tả tham chính Hầu Bảo giữ đồn Hoàng Giang[2], bị Nguyễn Thuật, người Kiến Xương[3] đánh giết.

Mùa đông, tháng 10, vua nghe tin quân Minh sắp đến, đặt mai phục ở bến Bổng[4] chờ giặc, chém giết quân giặc nhiều vô kể, bắt được hơn trăm con ngựa. Vua cho nghỉ quân ở Mường Nanh[5], rồi lại dời đến đóng quân ở Mường Thôi.

Tên Đồng tri châu Quỳ Châu là Cầm Lạn dẫn bọn Lý Bân, Phương Chính đem hơn 10 vạn quân, theo đường Quỳ Châu đến thẳng Mường Thôi. Vua phục kích chúng ở Thi Lang[6]. Bân và Chính chỉ chạy thoát được thân mình.

Tháng 12, vua tiến quân đóng ở sách Ba Lẫm[7] thuộc huyện Lỗi Giang, khiêu khích cho giặc ra đánh. Tướng giặc là bọn Đô ty Tạ Phương, Hoành Thành bỏ đồn Nga Lạc, về giữ trại Quan Du[8] để phòng [**7a**] bị cho thành Tây Đô, cố giữ không ra đánh. Vua ngày đêm dùng nhiều cách tiến công uy hiếp để giặc mỏi mệt, rối loạn. Lại sai Lê Sát, Lê Hào chia nhau tiến đánh, cả phá bọn giặc, chém được hơn nghìn thủ cấp, thu được rất nhiều chiến cụ, từ đó thế giặc ngày một suy. Vua bèn chiêu tập nhân dân các xứ. Các huyện bên cạnh đều sôi nổi hưởng ứng, cùnh nhau tiến đánh và uy hiếp các đồn giặc.

Tam ty nhà Minhkhiến nghị rằng: Bọn quan lại, quân dân Giao Chỉ mắc tội từ tử hình trở xuống, xin đều cho chúng nộp thóc tùy theo mức độ để chuộc tội, lấy số thóc đó làm lương thực dự trữ nơi biên giới. Vua Minh nghe theo.

Năm ấy, Hoàng Phúc xin miễn việc bắt quan lại về chầu hầu, vì địa phương này chưa yên.

Tân Sửu, [1421], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh xây dựng xong điện Phụng Thiên ở Yên Kinh. Vua Minh ngự chính điện để các quan vào chầu, xuống chiếu cho các quan phủ, huyện, châu vào mừng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, [**7b**] điện bị cháy, mới thôi.

Bắt đầu lấy những người thiến hoạn sung vào nội phủ.

Tháng 6, lộ Tam Giang lụt to. Có người bảo là (thủy thần) lấy gỗ chò đề dùng nên có tai họa đó.

Mùa thu, tháng 9, nước sông Đáy[9], dâng tràn.

---

[1] Thành Xương Giang: ở đất xã Thọ Vương, nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc.

[2] Đồn này ở ngã ba Tuần Vường tỉnh Nam Hà ngày nay.

[3] Kiến Xương: là vùng đất các huyện Vũ Thư, Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày nay.

[4] Bến Bổng: có lẽ nằm trên thượng lưu sông Chu.

[5] Mường Nanh: nay còn địa danh Mường Nang, tức là xã Thịnh Nang, huyện Lang Chánh. Mường Nanh có lẽ là đất ấy.

[6] Thi Lang: hay Bồ Thi Lang, là một địa điểm gần căn cứ của nghĩa quân lúc ấy.

[7] Ba Lẫm: tên sách, có lẽ là vùng Chiềng Lâm ở xã Điền Lư, thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

[8] Quan Du: sau đổi là châu Quan Hóa, nay là huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[9] Sông Đáy: tức sông Tiểu Đáy ở tỉnh Tuyên Quang, nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.

Tổng binh Lý Bân và nội quan Lý Lượng của nhà Minh bắt Phạm Luận là sinh viên huyện Giáp Sơn, buộc Luận mạo nhận là Dương Cung để cho qua chiếu lệnh lùng bắt[1], bắt đến cả gia thuộc Luận là bọn Phạm Xã giải về Yên Kinh.

Tri huyện Dặc Khiêm nhận thực không phải là tên Cung. Bân không nghe. Khiêm lấy bao vàng dâng đại cáo, tâu thẳng về Yên Kinh. Bân sai người chặn đường bắt về. Hoàng Phúc khuyên Khiêm rằng:

"Mọi người đều cho là đúng, chỉ riêng ngươi bảo không phải là làm sao?". Khiêm nói:

"Ai ra ngoài mà chẳng phải ra cửa ngõ?"[2].

Bân cho giải cả Khiêm và Luận về Yên Kinh, giao xuống cho pháp ty xét hỏi. Khiêm suýt nữa bị tội, vì có người anh đánh trống đăng văn[3] khiếu oan nên được miễn tội. Sau thăng dần đến chức Hữu bố chính sứ nước ta. Gia thuộc của Luận cuối cùng bị chết [**8a**] trong ngục.

Mùa đông, tháng 11, ngày 20, tham tướng nhà Minh là Trần Trí đem quân các vệ Giao Châu cùng ngụy binh, gồm hơn 10 vạn tên đánh sát đến ải Kính (có sách chép là Kình) Lộng[4], sách Ba Lẫm. Vua họp các tướng bàn rằng:

"Quân giặc nhiều, quân ta ít, nhưng quân giặc mệt, quân ta nhàn. Binh pháp có nói được hay thua là ở tướng chứ không phải ở quân nhiều hay ít, nay quân giặc tuy nhiều, nhưng ta đem quân nhàn đợi đánh quân mệt mỏi, chắc chắn sẽ đánh bại chúng".

Đến đêm, vua chia quân đánh úp doanh trại giặc. Quân ta đánh trống reo hò xông tới, phá được bốn doanh trại giặc, chém được hơn ngàn thủ cấp. Sau Trí khinh vua ít quân, lại phá núi mở đường để tiến đánh. Vua ngầm phục kích ở đèo Ống[5] để đợi giặc. Đến trưa, Trí quả nhiên đem quân đi theo đường núi đến. Quân phục hai bên xông ra, đánh bại giặc. Quân Trí phải rút.

Nhưng đúng lúc ấy. Ai Lao đem 3 vạn quân và 100 thớt voi[6] thình lình tới doanh trại của vua phao tin là cùng hợp sức với vua để đánh [**8b**] giặc. Vua tin lời họ, không phòng bị. Đến nửa đêm, bị họ đánh úp. Vua phải đích thân đốc chiến, suốt từ giờ Tý đến giờ Mão, đánh tan bọn Ai Lao, chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt được 14 con voi, thừ thắng truy kích liền 4 ngày đêm, đuổi đến tận sào huyệt của bọn chúng rồi về.

Tháng 12, vua tiến ra đóng quân ở Sách Thủy[7].

Tù trưởng Ai Lao Là Mãn Sát đã cùng quẫn, muốn vua hoãn đánh để đợi viện binh, mới giả vờ xin hòa. Vua biết đó là mưu kế xảo quyệt, không cho. Các tường cố xin cho hoà, nói là quân lính khó nhọc đã lâu, nên cho nghỉ ngơi môt chút. Chỉ có Bình chươngLê Thạch cho là không thể cho giặc giải hòa, liền tự cho mình hăng hái xông lên trước, chẳng may trúng phải chông ngầm mà chết.

Thạch là con người anh của vua. Vua thuở ấu thơ, được vua nuôi nấng nên ngài yêu Thạch hơn cả con mình. Thạch tính người nhân ái, ham đọc sách, khoẻ mạnh, dũng cảm, yêu mến quân sĩ, vua từng sai chỉ huy quân tiên phong, đánh đâu thắng đấy. Đáng tiếc Thạch dũng cảm nhưng kém [**9a]** mưu. Đến đây chết, vua rất thương xót.

---

[1] Dương Cung: tức là Lê Ngã, Lê Ngã nổi lên đánh phá giặc Minh, tin truyền về triều đình nhà Minh, vua Minh ra lệnh lùng bắt rất nghiêm ngặt, bọn Lý Bân phải bày ra mưu này cho qua chuyện.

[2] Ý nói mọi người đều cùng một duộc với Hoàng Phúc.

[3] Trống đăng văn: trống để ở điện đình, ai có việc oan khuất thì đánh lên, trình bày nỗi oan để được xét lại.

[4] Ải Kình Lộng: tức là Ải Cổ Lũng sau này, thuộc huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa.

[5] Nguyên là núi Ứng ải, tức đèo Ống ở xã Thiết Ông, trên tả ngạn sông Mã.

[6] Đại Việt thông sử chép là 5 vạn quân và 100 thớt voi.

[7] Sách Thủy: bản dịch cũ cho là đất Hữu Thủy ở gần Lư Sơn.

Trước đây, vua vốn hòa hiếu với Ai Lao, chưa từng có hấn khích gì. Khi vua cầm cự với giặc tại sách Lư Sơn, Ai Lao từng cho quân sang cứu viện. Đến khi tên ngụy quan Lộ Văn Luật trốn giặc sang Ai Lao, sợ uy danh vua, thêu dệt gây nên hiềm khích, nên mới đến nỗi thế.

Phương Chính và Hoàng Phúc nhà Minh cùng với bọn Tổng binh, Tam ty và Trấn thủ Trần Hiệp bàn định rằng: những viên văn võ thổ quan nào có kêu xin việc gì thì mượn cớ đã đủ hạn khảo khóa, sai về Yên Kinh làm việc công để an trí tại đó.

Nhâm Dần, [1422], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 20). Mùa xuân, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 2, viên Tổng binhnhà Minh là Phong Thành hầu Lý Bân bị bệnh nhọt chết.

Mùa đông, tháng 12, vua tiến quân đóng ở Quan Da. Ai Lao lạin với quân Minh đánh vào trước mặt và sau lưng quân ta, nhiều người chết và bị thương. Vua bèn bí mật lui về [**9b**] sách Khôi[1]. Mới được 7 ngày, giặc Minh lại đem đại binh đến vây. Vua bảo các tướng sĩ:

"Giặc vây ta bốn mặt, có muốn chạy cũng không có lối nào. Đây chính là "tử địa"[2] mà binh pháp đã nói, đánh nhanh thì sống, không đánh nhanh thì chết".

Vua nói xong chảy nước mắt. Các tướng sĩ đều xúc động, tranh nhau liều chết quyết chiến.

Bọn Lê Lĩnh, Lê Vấn, Lê Hào, Lê Triện xông lên trước phá trận, chém được tham tướng Minh là Phùng Quý và hơn nghìn thủ cấp giặc, bắt được trăm con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chỉ thoát được thân mình chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng bỏ trốn.

Vua đem quân về đóng ở núi Chi Linh. Quân lính hết lương, hơn hai tháng, chỉ ăn rau củ và măng tre mà thôi. Vua giết 4 con voi và cả ngựa của mình cưỡi để nuôi quân sĩ. Song thỉnh thoảng vẫn có kẻ bỏ trốn. Vua bèn cấm giữ nghiêm ngặt, bắt được kẻ nào bỏ trốn thì chém, để rao cho mọi người biết. Quân lính lại nghiêm [**10a**] túc như trước.

Bấy giờ, do trải nhiều phen hoạn nạn, quân lính đã mỏi mệt, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên vua giảng hòa với giặc. Vua bắt đắc dĩ phải vờ hòa hiếu với bọn tướng giặc Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trần Trí, để yên lòng quân. Sai bề tôi thân thích là bọn Lê Vận, Lê Trăn đi giảng hòa.

Nhà Minh sai nội quan cùng Hộ bộ chủ sự Mã Minh kiểm kê tiền bạc và lương thực chứa trong kho các phủ, châu, huyện. Đồng thời, sai An Bình bá Lý An và Trần Trí, đều giữ chức tham quan để trấn trị đất này.

Quý Mão, [1423], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 4, ngày 14, vua lại đem quân về Lam Sơn.

Bọn tham tướng Trần Trí, nội quan Sơn Thọ nhà Minh đưa biếu vua nhiều trâu ngựa, cá muối cùng thóc giống và nông cụ để dụ dỗ. Vua cũng sai bọn Trăn đưa tặng vàng bạc để đáp lễ, nhưng vẫn bí mật [**10b**] phòng bị. Bọn Trí biết ý định của vua bề ngoài giả cách thân thiện, nhưng bên trong thì ngầm mưu đánh úp, liền bắt giữ bọn Trăn không cho về. Vua nổi giận, cắt đứt giảng hòa. Các tướng sĩ cũng sôi sục căm thù, đều thề xin liều chết quyết chiến.

Bọn quan lại ở nước ta lại phải [sang Yên Kinh] làm lễ chầu hầu và dâng sổ tu tri[3]. Nơi nào chỉ có một viên lưu quan[4] và có thổ quan thì sai viên lưu quan đi, lấy viên quan khác đến thay. Những viên lưu quan đều bị xét hỏi, xong việc thì được trở về chức cũ, chỉ có bọn thổ quan, thổ lại thì thả về ngay.

Mùa đông, tháng 11, ngày 21, hoàng tử Nguyên Long sinh.

---

[1] Sách Khôi: tức là Khôi huyện, thuộc trấn Thiên Quan, ở giữa hai huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

[2] "Tử Địa": tức là "đất chết", chỉ hoàn cảnh hiểm nghèo.

[3] Sổ tu tri: tức là sổ hộ tịch, ruộng đất, lương bổng của các nơi ở Giao Chỉ.

[4] Lưu quan: chỉ quan lại Trung Quốc do nhà Minh cử sang.

Giáp Thìn, [1424], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh ra lệnh khai thác mỏ bạc. Trước đó, chỉ khai thác mỏ vàng. Đến đây, ra lệnh khai thác mỏ bạc, nhưng chưa làm lại thôi.

Mùa thu, tháng 7, vua Minh thân hành đi đánh giặc Hồ[1], đem quân về đến sông Du Mộc[2] thì ốm nặng, để di mệnh truyền ngôi cho hoàng thái tử. Ngày Tân Mão 18, vua Minh băng, nhưng giữ kín, đưa về đến Yên Kinh mới phát tang, thọ 65 tuổi, táng ở Trường Lăng, miếu hiệu [11a] Thành Tổ, tên thuỵ là Văn Hoàng Đế.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, thái tử nhà Minh Cao Xí lên ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, đại xá. Tờ chiếu viết:

"Trẫm nghĩ, trời sinh ra dân, liền lập ra vua chúa để yêu nuôi muôn triệu người cho đến cõi thái hòa, để thống trị Hoa Di, để cùng đạt tới phồn vinh thịnh vượng. Tiên hoàng ta vâng mệnh trời vỗ yên đất nước, trị hóa cao hơn cả trăm vua, văn đức vũ công, thanh giáo ban ra khắp bốn biển. Mới đây, vì biên cương báo động, cần phải xa giá thân chinh; đến khi quân về, đỗng đâu Đỉnh Hồ[3] xa khuất.

Ngài để lại di mệnh đem ngôi báu trao cho kẻ ít đức này. Đương lúc đau thương khôn xiết, đâu dám vội nguôi mà tuân theo lệnh. Nhưng các tôn thân, công hầu bá, phò mã, các quan văn võ, nhân dân, kỳ lão và các sứ thần triều cống của tứ di[4] đều cúi đầu dưới cửa khuyết, dâng biểu khuyên lên ngôi, cho là ngôi trời không thể bỏ trống lâu ngày, sinh dân không thể [**11b**] không có người đứng chủ, mà con trưởng đích nối giữ đại thống là đạo vĩnh hằng của nhà nước. Lời tâu bày đến hai ba lần, lòng thành khẩn xiết bao giải tỏa.

Cho nên, ta trên tuân lệnh theo di mệnh, dưới thể lòng mọi người, ngày 15 tháng 8 đã kính cáo trời đất, tông miếu, xã tắc, lên ngôi hoàng đế, để đón phúc lớn của tông miếu, để nhờ mưu xa của thánh thần. Nay nhân buổi mới lên ngôi, ban mệnh đổi mới, lấy sang năm làm năm Hồng Hy thứ nhất, còn các việc nên làm, nêu rõ như sau:

"Những việc như lấy vàng bạc, tìm hương liệu ở Giao Chỉ đều đình chỉ hết. Các quan viên trong ngoài sai đi trông coi, hạn trong 10 ngày phải lên đường về kinh, không được kiếm cớ ở chậm lại mà ngược hại nhân dân. Ôi! vua tôi cùng một dạ, thương dân cốt ở khoan hồng, thưởng phạt có phép thường, trị nước trước phải minh tín. Những mong các hiền tài [**12a**] giúp việc văn võ, các quan chức giỏi giang trong ngoài hết lòng trung trinh, giúp chỗ thiếu sót để nối nghiệp lớn. Cho nền quốc gia hưng thịnh mãi mãi, để ban ân huệ tới khắp dân đen, để mở rộng phúc trị bình cho mọi nơi trong cõi".

Các nha môn lớn nhỏ ở nước ta sai quan đem lễ vật sang tế lễ vá chúc mừng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, vua chỉ huy quân và voi đánh úp đồn Đa Căng[5], phá được đồn này. Tham chính nhà Minh là Lương Nhữ Hốt chỉ chạy thoát được thân mình, ta thu hết khí giới, đốt phá đồn giặc.

Đô chỉ huy sứ nhà Minh Nguyễn Suất Anh[6] đem quân đến cứu viện, nhưng đồn đã mất. Anh chưng hửng, không chổ bấu víu, vua lại đánh bại chúng. Anh chạy vào thành Tây Đô. Vợ con của Anh bị ta bắt được, vua đều tha cho về cả.

---

[1] Giặc Hồ: chỉ người Thát Đát A Lỗ Thái.

[2] Sông Du Mộc: ở huyện Đa Luận, tỉnh Sát Cáp Nhĩ.

[3] Đỉnh Hồ: theo truyền thuyết Trung Quốc: Hoàng đế đúc vạc ở chân núi Kinh Sơn, vạc đúc xong, liền cưỡi rồng bay đi. Chỗ ấy gọi là Đỉnh Hồ. Sau dùng chữ Đỉnh Hồ để chỉ vua chết.

[4] Tứ di: chỉ các nước xung quanh Trung Quốc hồi ấy.

[5] Đồn Đa Căng: có lẽ là Bất Căng, thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Đồn này nằm trên hữu ngạn sông Chu.

[6] Lam Sơn thực lục và Đại Việt thông sử chép là Nguyễn Hoa Anh.

Nhà Minh cho gọi Công bộ thượng thư nắm việc hai ty Bố chính và Án sát ở Giao Chỉ là Hoàng Phúc về nước. Tờ sắc viết:

"Khanh là bậc lão thành của nước, khó nhọc lâu ở ngoài, trẫm mong nhớ khôn khuây, muốn được trông thấy [**12b**] mặt ngay. Thấy sắc tới thì khanh đi trạm mau về kinh để thỏa lòng trẫm mong đợi. Còn vợ con thì sai phu trạm đưa về sau".

Nhà Minh lấy Binh bộ thượng thư Trần Hiệp sang trấn giữ, kiêm coi việc hai ty Bố chính, Án sát và giúp đỡ việc quân chính cho tổng nhung.

Hiệp người phủ Thường Châu, tỉnh Trực Lệ, trước kia làm Đại lý thiếu khanh. Năm Bính Tuất, Khai Đại năm thứ 4 đời Hồ(1406), vận chuyển lương thực đi theo quân Minh, đến năm Kỷ Sửu, Hưng Khánh năm thứ 3 (1409), Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn bại trận bị chết ở bến Bô Cô, điều Hiệp làm Thị lang quản sự, khi bình được châu Hóa, được thăng làm Binh bộ thượng thư.

Hoàng Phúc được gọi về, có tâu xin bảo cử các thổ hào làm quan như phụ đạo Bình Nguyên là Hoàng Ngân Phong, con Tri phủ Đỗ Hy Vọng là Đỗ Cử, con Diêm vận đồng tri Thân Bí Quyết là Bá Tuân. Lại tâu rằng:

"Các thổ lại vẫn quyến luyến quê hương, nếu khoan dung cho chúng thì trái với [**13a**] phép tắc đã quy định, nếu gò bó chúng thì phần nhiều đều bỏ trốn, đến khi lùng bắt thì chúng quay lại giúp đỡ giặc cướp. Xin xuống chiếu cho Vân Nam để những tên suốt đời làm lại thì chuyển cho làm việc ở các nha môn".

Vua Minh nghe theo.

Vua chọn đinh tráng, sửa khí giới, rèn bộ ngũ, chứa sẳn lương khô, tiến thẳng vào Nghệ An.

Khi qua núi Bồ Lạp (có sách chép là xứ Bồ Cứ) thuộc châu Quỳ[1], thì gặp tên Chỉ huy đồng tri nhà Minh là Sư Hựu cùng viên thổ quan là Tri phủ châu Trà Lân Cầm Bành đem 5.000 quân đón ở phía trước, lại có các tướng Minh Trần Trí, Lý An, Phương Chính, Thái Phúc đem quân tiếp đến uy hiếp mặt sau.

Trời sắp tối, vua bèn phục sẵn binh tướng trong rừng. Bọn Phương Chính đến, vua tung quân ra đánh. Quân Minh tan vỡ lớn. Ta chém được Đô ty Trần Trung và hơn hai nghìn thủ cấp quân giặc, bắt được hơn một trăm cổ ngựa. Quân Minh tháo chạy.

Hôm sau, quân ta tiến đến trang Trịnh Sơn[2], châuTrà Lân[3], [**13b**] gặp Sư Hựu ở đó, lại cả phá chúng, chém được thiên hộ Trương Bản và hơn nghìn quân giặc. Hựu chỉ chạy thoát thân mình. Vua dẫn quân đến sách Mộc. Bọn Trần Trí đuổi theo đến núi Trạm Hoàng, nhưng vì đã nhiều phen bị thua đau, không dám tiến sâu, lui về giữ thành Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, vua sai người chiêu dụ Cầm Bành. Bành cự tuyệt không theo, mình hắn cùng với hơn ngàn quân lên dựng rào lũy trên đỉnh núi để đón quân cứu viện. Vua đem quân tới bao vây.

Tháng 12, Sơn Thọ nhà Minh sai Nguyễn Sĩ đưa trả Lê Trăn để cầu hòa.

Bọn Phương Chính, Sơn Thọ đến Nghệ An, muốn cứu Cầm Bành nhưng không dám tiến quân, bèn sai người đem thư xin vua giải vây cho Bành.

Bấy giờ, Cầm Bành cố thủ, vây đã hơn một tháng chưa lấy được, lại nghe tin quân cứu viện tới. Vua gọi các tướng lên bảo rằng:

---

[1] Bồ Lạp: là tên núi, cũng gọi là Bồ Cứ, Bồ Đằng, là một ngọn núi ở xã Châu Nga, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An. Nhân dân địa phương thường gọi là Bù Đờn và phía đông bắc có một bản nhỏ gọi là Bản Liệp. Vùng này nay thuộc xã Châu Nga, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

[2] Trang Trịnh Sơn: là Kẻ Trịnh, nay thuộc xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, cách thành Trà Lân (hay Trà Long) hơn 10 km.

[3] Châu Trà Lân: hay Trà Long, là đất huyện Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An ngày nay, đời Trần là đất Mật Châu, đời Nguyễn gọi là phủ Tương Dương.

"Cầm Bành đang nguy khốn, bọn Chính đáng lẽ phải cấp tốc cứu viện, nay lại dùng dằng, hẳn là có ý lo sợ. Chi bằng ta [**14a**] giả cách cho hòa để xem tình thế ra sao, tin đi tin lại mất hàng tuần hàng tháng, thì Cầm Bành lúc ấy chắc đã bị bắt rồi".

Vua bèn viết thư để trên bè cho thuận dòng trôi xuống. Trong thư vua nói thác là vẫn muốn theo lời thỉnh cầu của họ, trở về Thanh Hóa. Nhưng lại bị Cầm Bành chặn đường, nếu có lòng thương thì xin cho một người tạm đến hòa giải để thông đường về.

Bọn Chính nhận được thư, sai Trần Đức Nhị chạy đến bảo Cầm Bành hòa giải, Cầm Bành biết là viện binh không đến, mở cửa thành ra hàng, Châu Trà Lân đã dẹp yên. Vua ra lệnh cho quân rằng:

"Cầm Bành đã đầu hàng, chớ có mảy may xâm phạm, tha tội cho tất cả, không được giết một người nào". (Sau Cầm Bành mưu phản, vua giết chết).

Vua vỗ về an ủi các bộ lạc, khao thưởng các tù trưởng. Tuyển chọn đinh tráng bổ sung quân ngũ được 5 nghìn người, thế quân càng mạnh. Quân tin nghe tin Cầm Bành đã hàng, liền quay lại đánh trại Trà Lân. Vua lại đánh phá được.

Vua muốm đánh thành Nghệ An, [**14b**] nhưng chưa biết tình thế ra sao. Gặp khi vua Minh mới lên ngôi, sai nội quan Sơn Thọ dùng lời lẽ quỷ quyệt để dụ dỗ vua. Vua biết dụng ý của chúng liền nói:

"Giặc sai ngươi đến lừa ta, ta nhân chỗ sơ hở của chúng mà lừa lại, chính là dịp này đây".

Rồi lại trao đổi đi lại với giặc, trinh sát tình hình của chúng để mưu đánh úp thành Nghệ An. Bọn Thọ biết là mưu kế của chúng không đánh lừa nổi, mới lại đoạn tuyệt không cho sứ đi lại nữa.

Bấy giờ vua chấn chỉnh binh tượng, tiến quân bao vây thành Nghệ An. Quân sắp đi, vừa lúc có tin báo quân Minh đã sắp đặt voi ngựa, thuyền bè, tiến quân cả hai đường thủy và bộ, định ngày mai sẽ tới. Vua chia hơn 1.000 quân, cho bọn Lê Liệt đi đường tắt đóng giữ huyện Đỗ Gia[1]. Vua đích thân chỉ huy đại quân giữ chổ hiểm yếu để chúng.

Được ba bốn hôm, quân Minh quả nhiên đến quán Lậu và cửa Khả Lưu[2], bày doanh trại ở hạ lưu. Vua ở thượng lưu, ban ngày dựng cờ đánh trống, ban đêm thì đốt lửa sáng trưng. Nhưng ngầm sai binh tượng [**15a**] vượt sông, phục sẵn ở chổ hiểm yếu. Trời gần sáng, giặc liền đem quân đến đánh dinh vua. Vua giả vờ rút lui, dẫn giặc tới chổ có quân mai phục. Giặc không để ý, đem quân tiến vào sâu, quân mai phục bốn mặt nổi dậy, xông ra đánh phá. Quân giặc bị chém đầu và chết đuối tới hàng vạn tên.

Hôm sau, giặc liền dựa vào thế núi, đắp hào lũy để ở, không ra đánh nữa.

Bấy giờ lương thực của giặc có rất nhiều mà quân của vua thì không đủ lương ăn cho 10 ngày. Vua nói với tướng sĩ:

"Giặc cậy có nhiều lương, cố thủ để làm kế lâu dài, ta lương ít không thể cầm cự dài ngày với giặc".

Rồi đốt cháy doanh trại, ngược dòng sông giả cách trốn đi, nhưng lại ngầm đi đường tắt trở về, đợi giặc đến thì đánh. QUân Minh cho là vua đã chạy, mừng lắm, bèn tiến quân vào đóng ở doanh trại cũ của vua, lên núi đắp lũy.

Ngày hôm sau, vua cho quân tinh nhuệ ra khiêu chiến. Giặc đem quân ra ngoài lũy để đánh. Vua phục sẵn ở Bồ Ải[3], giữa nơi hiểm yếu. Giặc lại không ngờ tới, đem hết [**15b**] quân ra đánh. Vua bèn tung phục binh xông vào trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Lễ, Lê Vấn, Lê Nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê Tông

[1] Đỗ Gia: nay là đất huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Gần xã Linh Cảm của huyện này có làng Đỗ Xá, có lẽ là nơi đóng quân của Lê Liệt.

[2] Khả Lưu: là tên một cửa ải xưa, ở phía bắc sông Lam, thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

[3] Bồ Ải: Là một địa điểm ở về phía trên ải Khả Lưu, cách Khả Lưu không xa. Hiện nay, ở xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn,tỉnh Nghệ An có khe Ải đổ ra sông Lam và ngọn núi thấp ở đây cũng có người gọi là Bù Ải...Có lẽ đó là Bồ Ải xưa kia.

Kiều, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê Văn An tranh nhau nên trước phá quân giặc, chém đầu giặc không sao kể xiết. Thuyền giặc trôi ngổn ngang, xác chết đuối nghẹn tắc khúc sông, khí giới vứt đầy cả rừng núi. Ta bắt sống Đô ty Chu Kiệt, chém tướng tiền phong là Đô ty Hoành Thành, bắt sống hàng nghìn tên giặc. Trần Trí, Sơn Thọ thu nhặt tàn quân chạy về thành Nghệ An. Vua thừa thắng đuổi dài suốt 3 ngày, đến tận dưới chân thành. Bọn Trí vào thành cố thủ.

Nhà Minh sai Cẩm y vệ xá nhân sang bắt bọn Phương Chính và Sư Hựu về kinh, vì bị thua trận ở châu Trà Lân. Hựu đi đến giữa đường uống thuốc độc chết, Phương Chính vẫn được làm Đô đốc đồng tri, gia chức tham tướng.

Nhà Minh ra lệnh cho bọn Mã Kỳ lại [**16a**] sang lấy vàng bạc, châu báu và hương liệu.

Ất Tỵ, [1425], (Minh Nhân Tông Cao Xí Hồng Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua đem quân đến hương Đa Lôi[1], huyện Thổ Du, trấn Nghệ An. Già trẻ tranh nhau đem trầu rượu đến đón và khao quân. Mọi người đều nói: "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy uy nghi của nước cũ".

Tri phủ châu Ngọc Ma là Cầm Quý đem hơn 8.000 quân và hơn 10 con voi đến theo giúp. Vua ra lệnh cho các tướng rằng:

"Dân chúng khổ về chính sách bạo ngược của giặc đã lâu rồi. Những châu huyện nào chúng ta đi tới, không được mảy may xâm phạm của dân. Nếu không phải là trâu bò, thóc lúa của bọn nguỵ quan, thì dẫu đói khát khốn khó đến đâu cũng không được lấy bậy".

Mọi người đều tuân lệnh.

Bấy giờ, quân lính đã ba ngày chưa được ăn mà vẫn không có ai vi phạm lệnh đó. Dân thấy pháp lệnh đã được ban ra và thi hành nghiêm ngặt như vậy, liền đem hết trâu bò, thóc lúa của giặc Minh cấp cho quân lính. Bấy giờ, vua chia quân đi lấy lại đất đai các nơi. Dến châu huyện nào, người ta đều nghe tiếng mà quy phục, cùng [**16b**] nhau hợp sức vây đánh thành Nghệ An. Giặc cố thủ không dám ra nữa. Thế là đất Nghệ An đều về ta cả.

Vua huấn luyện tướng sĩ, sửa chữa chữa vũ khí, chưa đầy 10 ngày, chiến cụ đã đầy đủ cả. Bèn duyệt võ nghệ, dạy cho binh sĩ phép ngồi, đứng, đánh, đâm, chỉ bảo các thế kỳ, chính, phân, hợp, cho họ biết hiệu chiêng, hiệu trống, hiệu cờ. Kỷ luật quân đội đã nghiêm chỉnh, tinh thần binh sĩ càng tăng thêm. Thưởng phạt thi hành, nên quân lính gan dạ quyết chiến. Nhân dân trong vùng đều dắt díu nhau tới, đông vui như đi chợ. Vua vỗ về phủ dụ, mọi người đều hân hoan vui vẻ.

Mùa hạ, tháng 4, Tham tướng nhà Minh là An Bình bá Lý An đem thủy quân từ thành Đông Quan đến cứu. Vua đoán là Trần Trí bị cùng quẫn lâu ngày, thấy quân cứu viện đến, tất mở cửa thành ra đánh, bèn dời quân tới đóng ở huyện Đỗ Gia, đào cửa sông, phục quân trên bờ sông đợi quân giặc đến [**17a**] để đánh.

Ngày 17, bọn Trí đem hết quân ra đánh trại Lê Thiệt. Đợi quân của Trí sang một nửa, quân mai phục liền nổi dậy đánh tan, chém hơn ngàn thủ cấp giặc, bọn chết đuối cũng rất nhiều. Từ đó, giặc càng sợ hãi, đắp thên hào lũy gắng sức cố thủ.

Tháng 5, vua sai Tư không Lê Lễ (Lễ là cháu gọi vua bằng cậu, vốn họ Đinh, được ban họ Lê) đi tuần ở Diễn Châu[2]. Lễ đặt phục binh trước. Quân Minh không biết. Gặp khi Đô ty Trương Hùng của nhà Minh đem hơn 300 chiếc thuyền chở lương từ Đông Quan đến. Trong thành mừng lắm, tranh nhau mở cửa thành ra đón. Quân phục thình lình nổi dậy, chém viên Thiên hộ họ Tưởng và hơn 300 quân giặc. Hùng tháo chạy, Lễ cướp lấy thuyền lương rồi đuổi theo, vừa đi vừa đánh, đến tận thành Tây Đô.

Bấy giờ, giặc đều đến cứu thành Nghệ An, vua đoán lá các thành Tây Đô đều đã suy yếu, liền chọn 200 quân tinh nhuệ, [**17b**] 2 thớt voi, sai bọn Lê Lễ, Lê Sát, Lê Nhân Chú và Lê Triện, Lê Bị đi gấp

[1] Hương Đa Lôi: nay là Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[2] Thành Diễn Châu: còn có tên là thành Trài, nay còn dấu vết ở xã Diễn Hồng, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, cách quốc lộ số 1 gần 400 mét về phía đông và cách Cửa Vạn 2 km.

theo đường đất đánh úp thành Tây Đô[1], chém được hơn 500 thủ cấp giặc, bắt sống được rất nhiều. Quân Minh đóng cửa thành cố thủ. Dân cư ngoài thành, bọn Lê Triện đều phủ dụ được cả. Bấy giờ người Thanh Hóa tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc. Bèn bao vây thành đó.

Vua Minh băng, thọ 48 tuổi, miếu hiệu là Nhân Tông. Thái tử Minh là Chiêm Cơ lên ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức, tức là Tuyên Tông. Các quan phương diện và phủ, huyện, châu về chầu mừng.

Mùa thu, tháng 7, vua dự đoán thành giặc ở các xứ Thuận Hóa, Tân Bình đã từ lâu không thông tin tức với Nghệ An và Đông Đô, bảo các tướng:

"Người làm tướng giỏi ngày xưa bỏ chỗ rắn đánh chỗ mền, tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, như thế chỉ dùng một nữa sức mà nên công gấp đôi".

Bèn sai Tư đồ Trần Hãn và Thượng tướng Lê Nỗ **[18a]** báo cho bọn Lê Đa Bồ đem hơn 1000 quân và 1 thớt voi ra đánh các thành Tân Bình, Thuận Hoá và chiêu dụ nhân dân.

Đến sông Bố Chính[2] thì gặp giặc Minh, bọn Hãn đưa quân vào chỗ hiểm yếu, bí mật mai phục ở Hà Khương để nhử giặc. Tướng Minh là Nhậm Năng đem hết quân tiến vào. Bọn Hãn hợp binh tượng còn lại để đánh rồi giả cách thua chạy. Năng đuổi theo, quân mai phục đánh kẹp hai bên, giặc Minh tan vỡ, bị chém đầu và chết đuối rất nhiều.

Bấy giờ, quân của Hãn và Nỗ có ít mà quân giặc còn rất đông, đã sai người báo gấp và xin thêm quân từ trước. Vua sai tiếp bọn Lê Ngân, Lê Bôi, Lê Văn An đem 70 chiếc thuyền chiến vượt biển đến thẳng chổ đó. Đến khi được tin thắng trân của Nỗ, liền thừa thắng đánh vào các xứ ở Tân Bình[3], Thuận Hóa[4]. Quân và dân các nơi bị giặc chiếm đều quy thuận. Quân Minh vào thành cố thủ. Thế là Thuận Hóa, Tân Bình đều thuộc về ta cả. Các tướng say tôn [**18b**] vua là "Đại thiên hành hóa"[5]. Từ đó, các mệnh lệnh, dụ văn, phần nhiều lấy bốn chữ ấy để xưng.

Bính Ngọ, [1426], (Minh Tuyên Tông Chiên Cơ, Tuyên Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lễ bộ nhà Minh hạ lệnh mở khoa thi hương để chọn học trò. Tổng binh và hai ty Bố chính và Án sát xin tạm ngừng. Lại xin miễn lễ chầu hầu sang năm vì địa phương chưa yên.

Mùa hạ, tháng 5, vua Minh xuống chiếu rằng:

"Đạo lý thống trị cốt ở yên dân, lòng nhân xót thương, cũng nên tha tội. Giao Chỉ từ khi sáp nhập vào bản đồ dến nay đã hai mươi năm, nhiều lần gây chuyện phản nghịch, phải huy động tới quân của nhà vua. Nhưng ghét chết, thích sống, lòng người không ai khác ai, lội nước vào lửa, bản tâm có ai muốn thế. Xét kỹ duyên do, đều bởi người có chức trách đã không biết cách vỗ về, lại còn cướp bóc không hề biết chán. Tình cảnh kẻ dưới không thấu lên trên, ơn trạch người trên không thấm xuống dưới. Đến nỗi dân chúng khốn khổ, nảy lòng nghi ngờ, trốn vào núi rừng, họp nhau làm loạn. Xét thực tình đều là do bất đắc [**19a**] dĩ, nên xử tội cũng đáng được xót thương. Vậy ban ơn mưa móc, cho đều được thấm nhuần. Những quan lại và quân dân Giao Chỉ mắc tội phản nghịch và các tội khác, đã bị phát giác hay chưa bị phát giác, đã được xét xử hay chưa được xét xử, kể từ ngày chiếu thư này ban ra, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều tha cho cả. Quân và dân đất Giao Chỉ, nhoài việc nộp tiền thuế và lương thực ra, các khoản trưng thu khác, cùng những việc đổi lấy vàng bạc, tiền đồng, muối, sắt, hương liệu, thuế cá... đều lập tức đình chỉ cả, cho phép được trao đổi ở trong hạt với nhau, quan phủ kkông được cấm, làm như vậy để tỏ lòng thương dân của trẫm".

---

[1] Thành Tây Đô: nay ở vào khoảng giữa hai xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sông Bố Chánh: tức là sông Gianh, tỉnh Quảng Bình.

[3] Tân Bình: tên phủ thời thuộc Minh, gồm dất các huyện Quảnh Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải, tỉnh Quảng Bình ngày nay.

[4] Thuận Hóa: tên phủ thời thuộc Minh gồm đất các huyện Triệu Hải, Hương Điền, Hương Phú, Hương Hóa, Phú Lộc, tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên-Huế ngày nay.

[5] Đại thiên hành hóa: nghĩa là thay trời tiến hành việc giao hóa.

Mùa hạ, tháng 6, có người đàn bà nghèo hèn ở trang Phao, huyện Đáy Giang mắc bệnh hủi, bị chồng ruồng bỏ. Bỗng một hôm mụ gặp một cụ già trên đường trao cho một hòn đá nhỏ như quả trứng gà, bão mài nước bôi vào chổ loét thì khỏi ngay. Mụ làm theo như vậy, quả nhiên hỏi bệnh. Xa gần nghe tin, nhiều người đem tiền lụa đến xin chữa cho [**19b**]. Mụ ứng tiếp không xuể, chỉ lấy hòn đá mài nước mà cho, gọi là nước bồ tát. Người ta nối nhau trên đường, hỏi xin đã xin được nước đó chưa. Việc bị phát giác, cả người và đá đều bị bắt đưa về giữ lại ở Tam ty. Không bao lâu, quan quân tới, người đàn bà ấy mới được đưa về. Kẻ thức giả cho rằng đó là điềm Lê Thái Tổ lấy được nước.

Mùa thu, tháng 8, vua cho là quân tinh nhuệ của giặc đều ở Nghệ An cả, các xứ Đông Đô của chúng nhất định suy yếu,bèn tăng thêm binh tượng, sai bọn Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo, Thái úy Lê Triện, Thái gám Lê Khả, Á hầu Lê Như Huân, Lê Bí đem hơn 3.000 quân 1 thớt voi đi tuần các xứ Thiên Quan[1], Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng[2], Quy Hóa[3], Đà Giang, Tam Đới[4], Tuyên Quang để cắt đứt đường viện binh của giặc từ Vân Nam sang; bọn thái úy Lê Bị, Thái giám Lê Khuyển [**20a**] đem 2.000 quân và1 thớt voi đánh ra các xứ Khoái Châu[5], Bắc Giang, LẠng Giang để chặn viện binh từ Lưỡng Quảng tới; bọn Tư không Lê Lễ và Lê Xí thì đem tinh binh tiến sau đaể phô trương thanh thế. Quân ta đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, chợ búa không thay đổi hàng quán. Vì thế, các lộ ở Đông Đô và các xứ phiên trấn, chỗ nào cũng vui mừng, tranh nhau mang trâu dê cơm rượu đến khao quân lính và đều hưởng ứng vây đánh các thành giặc. Quân Minh chỉ còn ngồi giữ để đợi viện binh mà thôi.

Ngày 12, bọn Triện đem 3.000 quân tiến sát đến thành Đông Quan.

Quân MInh thấy Triện mang quân trơ trọi từ xa tới, dốc hết quân ra đánh. Đến các xứ Ninh Kiều[6] thuộc Ứng Thiên (nay là Chương Đức) thì bọn Lê Triện, Lê Khà, Lê Bí dốc sức quyết chiến, phá tan quân giặc, chém được hơn 2.000 thủ cấp, rồi tiến quân đóng ở phía tây sông Ninh Giang[7].

Tham tướng nhà Minh là Trần Trí cho là thành Đông Quan trơ trọi nguy hiểm [**20b**] mới đắp thêm lũy, đào thêm hào, làm kế cố thủ, lại gởi thư cho bọn Lý An, Phương Chính bảo bỏ thành Nghệ An về cứu đất căn bản[8].

Tháng 9, ngày 17, bọn Lý An, Phương Chính bỏ thành Nghệ An, vượt biể chạy về ĐôngQuan, chỉ để Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An. Vua tiến đánh phía ngoài thành, phá được.

Vua liệu tính thế giặc ngày một suy, quân ta ngày một mạnh, thời cơ đã đến mà không hành động ngay sợ lỡ mất cơ hội, liền để bọn Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Điền, Lê Lĩnh, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng ở lại đóng dinh vây thành Nghệ An. Vua đích thân chỉ huy đại quân, ngày đêm đi theo đường thủy, đường bộ tiến gấp đuổi theo bọn An, Chính.

Khi đến thanh Tây Đô, vua đóng dinh ở Lỗi Giang, úy lạo tướng sĩ, ban thưởng bô lão trong làng và họ hàng cùng những người quen biết cũ theo thứ bậc khác nhau. Bấy giờ nhân dân các huyện nghe tin vua [**21a**] đến Thanh Hóa, đều hăng hái đến trước cửa quân, tình nguyện rong ruổi theo hầu để lập chút công lao.

---

[1] Thiên Quan: vùng đất huyện Nho Quan cũ, nay thuộc huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

[2] Gia Hưng: gồm các huyện Thuận Châu, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Phù Yên tỉnh Sơn La, các huyện Thanh Sơn, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ và huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình ngày nay.

[3] Quy Hóa: thuộc Yên Bái, Lào Cai ngày nay.

[4] Tam Đới: thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

[5] Nguyên văn là Khoái Giang, sửa lại theo Đại Việt thông sử và Cương mục.

[6] Ninh Kiều: là vùng Ninh Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay. Đây là một vị trí trọng yếu và hiểm trở nằm trên đường thượng đạo từ Đông Quan vào Thiên Quan và Thanh Hóa.

[7] Ninh Giang: là đoạn sông Đáy chảy qua vùng Hà Tây, Nam Hà rồi theo sông Mỹ Đô chảy vào sông Hồng (đoạn Hoàng Giang).

[8] Chỉ Đông Đô.

Ngày 20, viên Đô ty Vương An Lão ở Vân NAm của nhà Minh đem hơn1vạn việnbinh đến cầu Xa Lộc[1], lộ Tam Giang. Bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả đón đánh phá tan giặc, chém hơn 1.000 thủ cấp, giặc chết đuối rất nhiều. Quân giặc còn sót lại chạy vào thành Tam Giang.

Hôm ấy, Lê Triện đánh nhau với quân Minh ở cầu Nhân Mục[2], chém hơn một nghìn thủ cấp giặc, bắt được tên Đô ty nhà Minh là Vi Lượng[3].

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai bọn Tổng binh Thành Sơn hầu Vương Thông và Tham tướng Mã Anh đem 5 vạn quân, 5 nghìn ngựa chia đường sang cứu viện các thành Đồng Đô. Một vạn quân Vân Nam tiến trước, thẳng đến Tam Giang[4], thuận dòng mà xuống. Bọn Lê Khả nghe tin giặc [**21b**] đến, từ Ninh Kiều hành quân cấp tốc, gặp giặc ở cầu Xa Lộc, đón đánh bại quân giặc.

Ngày mồng 6, bọn Vương Thông nhà Minh đem các quân mới cũ gồm hơn 10 vạn tên, chia làm ba đường đánh vào quân ta.

Vương Thông từ Khâu Ôn tới, qua cầu Tây Dương[5], đóng quân ở bến Cổ Sở[6], làm cầu phao cho quân qua sông. Phương Chính tiến từ cầu Yên Quyết[7], đóng quân ở cầu Sa Đôi[8]. Sơn Thọ và Mã Kỳ tiến từ cầu Nhân Mục, đóng quân ở cầu Thanh Oai[9]. Quân giặc dàn doanh trại liền nhau đến vài mươi dặm, cờ xí rợp đồng, giáo mác rực trời, tự cho là đánh một trận là bắt hết được quân ta.

Bọn Lê Triện, Lê Bí mai phục binh tượng ở đồng Cổ Lãm[10], cho du binh nhử đánh vào doanh quân Thọ, Kỳ rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, khi qua bờ cầu Tam La[11], chổ ấy ruộng nước, bùn lầy, quân mai phục của ta nổi dậy đánh tạt ngang vào bọn giặc. Quân giặc bị sa lầy. Ta chém hơn một nghìn thủ cấp, đuổi tận đến cầu Nhân Mục. Xác giặc phơi ngổn ngang đến vài [**22a**] mươi dặm, ta bắt sống hơn 500 tên. Bọn Triện định đánh chặn hậu doanh của Phương Chính, nhưng Chính đã rút đi rồi. Trời tối, bèn thu quân về.

Ngày mồng 7, bọn Lê Triện đánh Vương Thông ở các trại ngoài Cổ Sở.

Bấy giờ, giặc đã phục binh sẵn, đan tra làm lá chắn, bên trong gài chông sắt, giả cách vứt lá chắn bỏ chạy. Voi của ta giẫm lên, trúng phải chông sắt, quân ta thất lợi, phải tạm lui. Bọn Triện tự liệu không thể chặn được mới phá hủy doanh trại cũ, thu quân giữ nơi hiểm yếu, cáo cấp trước với bọn Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Xí.

Lúc ấy, bọn Lễ đã bí mật mai phục tinh binh ở Thanh Đàm[12] để đợi giặc, được tin báo của Triện, bèn đang đêm đem hơn 3 nghìn quân tinh nhuệ và 2 thớt voi đến dứu, hội quân ở Cao Bộ[13], chia quân phục sẵn ở các chổ hiểm yếu. Nhân bắt được gián điệp của giặc, tra hỏi biết được giặc định đặt súng phía sau quân ta.

---

[1] Cầu Xa Lộc: tục gọi là cầu Ròng Rọc ở gần làng Tứ Xã, huyện Lâm Thao, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[2] Cầu Nhân Mục: tức là Cống Mọc ở xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm Hà Nội, cầu bắc qua sông Tô Lịch, trên đường từ Đông Quan đến Ninh Kiều.

[3] Minh sử chép là Viên Lượng.

[4] Thành Tam Giang: là trị sở của phủ Tam Giang, nằm ở phía bắc ngã ba Hạc, có thể là thành cổ Dục Mỹ, ở gần cầu Xa Lộc.

[5] Cầu Tây Dương: tức cầu Giấy, bắc qua sông Tô Lịch, huyện Từ Liêm, Hà Nội ngày nay.

[6] Bến Cổ Sở: tức bến Giá ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Tây ngày nay.

[7] Cầu Yên Quyết: tức là cống Cót ở Hạ Yên Quyết, gần Láng, Hà Nội ngày nay.

[8] Cầu Sa Đôi: cầu bắc ngang sông Nhuệ còn gọi là cầu Đôi ở phía tây xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm , Hà Nội.

[9] Cầu Thanh Oai: bắc qua sông Đỗ Động ở xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[10] Cổ Lãm: tức tổng Thắng Lãm, tên nôm là Sốm, nay gồm các xã Phú Lâm, Phú Cường, Văn Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[11] Cầu Tam La:tức Ba La, còn gọi là Ba La Bông Đỏ, sát thị xã Hà Đông, trên đường đi Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[12] Thanh Đàm: tức là Thanh Trì, trị sở huyện này xưa ở phía đông nam Văn Điển, Hà Nội ngày nay.

[13] Cao Bộ: tên nôm là làng Bụa, thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[**22bb**] Lễ và triện dùng luôn kế của giặc để đánh giặc, hạ lệnh cho các quân nghe tiếng súng nổ vẫn nằm im không được nhúc nhích. Giặc cho là không có quân, đi theo đường tắt tới, nổ súng rồi đem toàn bộ quân tiến sâu vào.

Đến cách sông Yên Duyệt[1] vài dặm thì phụd binh ta ba mặt đều xông lên, hăng hái đánh vào các xứ Tốt Động[2], Chúc Động[3], phá tan quân giặc[4], chém được thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Lý Lượng và 5 vạn quân giặc. Giặc chết đuối rất nhiều, nước sông ở Ninh Kiều do vậy mà tắc nghẽn. Bắt sống hơn 1 vạn tên giặc, thu được ngựa, quân tư, khí giới, xe cộ nhiều không kể xiết. Phương Chính theo đường bến Cổ Sở trốn về. BọnVương Thông, Mã Kỳ chỉ thoát được thân, chạy về thành Đông Quan.

Tin thắng trận báo về hành dinh ở Lỗi Giang. Bấy giờ, vua đương đóng quân ở Thanh Hóa, hội các quân ở Hải Tây, nhận được thư báo thắng trận của bọn Lê Lễ, bèn đích thân dẫn đại quan [**23a**] và 20 thớt voi chia hai đường thủy, lục ngày đêm đi gấp.

Ngày 11, tới sông Lũng Giang[5] đóng dinh, các tướng tới đón mừng.

Tri châu phủ Chính Bình là Hà Trung bị vua bắt, giết chết.

Bọn Vương Thông nhà Minh vì bị thua ở Tốt Động, quân khí cơ hồ mất sạch, bèn phá chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh[6] để làm súng đạn, hỏa khí. Sau khi Trần Hiệp chết, Hữu bố chính sứ Dặc Khiêm giữ ấn của Bố chính ty, án sát sứ Dương Thì Tập giữ ấn của Án sát ty, Đô đốc thiêm sự Trần Duệ giữ ấn của Đô ty. Từ đó, lịch chính sóc[7] của nhà Minh không được thi hành ở các quận huyện nước ta nữa.

Ngày 22, vua tiền quân đến Tây Phù Liệt[8].

Ngày 23, vua sai bọn Trần Hãn, Lê Bị đem hơn trăm chiếc thuyền thủy quân, ngược dòng sông Đại Lũng ra cửa sông Hát, rồi thuận [**23b**] dòng xuôi đến bến Đông Bộ Đầu sông Lô[9], bọn Lê Lễ đem hơn 1 vạn quân bộ bí mật tiến đến cầu Tây Dương. Vua đích thân dẫn binh tượng đến cửa Nam ngoài thành Đại La để đánh thành Đông Quan.

Đến đêm, hồi canh ba, quân bốn mặt đánh ập vào, phóng lửa đốt các nhà ở ngoài thành, khói lửa mù mịt đầy trời. Các doanh quân đóng ngoài thành của Phương Chính tranh nhau chạy vào cửa thành xác chết gối lên nhau. Ta bắt hết những người trong nước buộc phải theo giặc và hơn trăm chiến thuyền cùng rất nhiều khí giới, nghi trượng. Giặc biết là quân dân các vùng gần đó đều theo về ta cả, thế là mỗi ngày một cùng quẫn, lại đắp thêm tường lũy, liều chết cố thủ, để đợi viện binh.

---

[1] Sông Yên Duyệt: ở làng Yên Duyệt, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[2] Tốt Động: tên nôm gọi là làng Rér. Đây là vùng đất thấp, lầy lội. Cánh đồng Tốt Động là đồng chiêm trũng, rất lầy lội.

[3] Chúc Động: cách Tốt Động 6km về phía đông bắc và ở ngay phía tây Ninh Kiều. Cả hai con đường từ Ninh Kiều đến Cao Bộ đều phải đi qua vùng Cbúc Động. Chúc Động nay là Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[4] Đoạn này Toàn thư viết rất khó hiểu. Xin ghi lại đoạn nói về trận đánh này của Cương mụd để tiện tham khảo: "Bắt được gián điệp của địch, ta biết Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỳ binh tiền nhanh đến phía sau quân Triện, còn chính binh của Thông sẽ vượt sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau hễ nghe tiếng súng pháo nổ, thì các mũi quân địch cùng lúc đánh khép lại. Hồi canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân bắn súng pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa giặc. Giặc nghe súng nổ, đều đổ xô đi chiếm lấy chỗ thuận lợi. Chúng lùa quân đi tắt vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội, chúng kéo đến Tốt Động, bị phục binh ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá dược quân giặc ". (CMCB 13, 28-29).

[5] Lũng Giang: tức là sông Đáy, còn gọi là sông Đại Lũng.

[6] Chuông Quy Điền: tương truyền được đúc từ đời nhà Lý, chuông để ở chùa Một Cột. Vạc Phổ Minh: là chiếc vạc lớn ở chùa Phổ Minh gần thành phố Nam Định, tỉnh Nam Hà. Chùa này làm vào năm Thiệu Long năm thứ 5 (1262).

[7] Lịch chính sóc: chính sóc là ngày mồng một tháng giêng Âm lịch. Ở đây chỉ lịch tính theo tuần trăng của nhà Minh.

[8] Tây Phù Liệt: thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

[9] Sông Lô: bây giờ là sông Hồng. Đông Bộ Đầu: nay ở khoảng dốc Hàng Than, phía trên cầu Long Biên, Hà Nội.

Vua dời ra đóng dinh ở Đông Phù Liệt[1].

Khi vua mới tới thành Đông Đô, những hào kiệt ở kinh lộ và nhân dân các phủ huyện cùng các tù trưởng ở biên trấn đều tấp nập kéo đến cửa quân, xin hết sức liều chết đánh thành giặc ở các xứ. Vua biểu dương [**24a**] lòng thành của họ, phủ dụ, úy lạo, báo cho họ biết lẽ bỏ nghịch theo thuận. Từ kẻ sĩ tới dân chúng, hễ ai đến quân doanh, vua đều dùng lời lẽ khiêm tốn, dùng nghi lễ trang trọng để tiếp đãi, rồi tùy theo tài năng hơn hay kém của từng người để bố trí các chức vụ khác nhau. Lấy ban thưởng để khích lệ khiến người người đều hăng hái, dùng hình phạt mà răn đe, nên ai ai cũng giữ gìn. Vì vậy, mọi người đều cảm kích mong được dốc trọn sức mình, quân đi đến đâu là thành công đến đấy.

Vua chia các lộ trấn ở Đông Đô thành bốn đạo[2]. Đặt quan lại văn võ trong ngoài và tuần kiểm ở các cứ cửa biển để khám xét những người qua lại và bắt bọn nguỵ quan, bọn phản bội, bọn ngang ngạnh không chịu cải hóa, bọn ăn ở hai lòng, bọn mang thư chạy về phương Bắc.

Lại dụ những người có tài văn chương mà chưa được nhận chức, nếu ai viết thư dụ được người thành Đông Quan, khiến họ mở cửa thành ra hàng và giảng hòa về nước, [**24b**] thì sẽ được thăng chức vượt cấp.

Lại ra lệnh tịch thu vợ con, nô tỳ sản nghiệp của bọn nguỵ quan nộp lên, còn thóc lúa của chúng thì vẫn để ở bản xứ để đợi cung cấp cho quân đội.

Mùa đông, tháng 11, vua tìm được Trần Cảo lập làm vua.

Trước đó, có người tên là Hồ Ông, là con một người ăn xin, trốn theo Cầm Quý, giả xưng con cháu họ Trần.

Bấy giờ người trong nước khổ về chính lệnh hà khắc của giặc, mong có người làm chủ, mà vua thì gấp việc diệt giặc cứu dân, nên sai người đón lập Cảo cho xong việd việc quyền nghi nhất thời, mà cũng muốn mượn cớ để trả lời nhà Minh để họ tin.

Đặt niên hiệu là Thiên Khánh, sai Tả bộc xạ Lê Quốc Hưng dạy cho, nhưng thực ra là để coi giữ. Cảo trước đóng dinh ở núi Không Lộ[3], sau dời về Vũ Ninh[4].

Tháng 12, cấm chặt phá hoa quả, cây cối và cướp bóc của dân.

[**25a**] Vua thân đốc suất tướng sĩ ngày đêm đánh Đông Đô.

Bọn Vương Thông, Sơn Thọ nhà Minh hễ đánh là thua, chán nản lo sợ, mưu kế đã cùng, viện binh không có, tình thế ngày một khốn quẫn, bèn sai người đưa thư xin hòa, mong được toàn quân trở về nước. Vua nói:

"Câu đó đúng hợp ý ta. Vả lại, binh pháp không đánh mà khuất phục được quân của người là kế hay hơn cả."

Bèn bằng lòng cho giảng hòa, hẹn ngày kíp gọi quân sĩ ở các thành cùng một lúc về tập hợp ở thành Đông Quan để cho về nước cả. Sai cận thần trao đổi với quân Minh, cho phép họ được đi lại, mua bán không khác gì dân thường.

Bấy giờ, bọn nguỵ Đô ty Trần Phong[5], Tham chính Lương Nhữ Hốt[1] Đô chỉ huy Trần An Vinh, đã bán nước làm quan to cho giặc, sợ sau khi giặc rút về, chúng sẽ hết đường sống sót, bèn ngấm ngầm làm kế phản gián, bảo [người Minh] rằng:

---

[1] Đông Phù Liệt: tên xã, cũng thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

[2] Bốn đạo: 1-Tây Đạo gồm các trấn Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng; 2-Đông Đạo gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang; 3-Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Thái Nguyên; 4-Nam Đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường.

[3] Núi Không Lộ: ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là nơi hóa thân của nhà sư Không Lộ.

[4] Vũ Ninh: sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[5] Trần Phong: người huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, theo giặc MInh làm đến Đô ty.

"Trước kia Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, đem quân về hàng. Hưng Đạo [**25b**] Đại Vương cho hàng, nhưng dùng mưu lấy thuyền lớn cho đưa họ về nước, rồi cho người giỏi bơi lặn sung làm phu thuyền. Ra đến ngoài biển, lừa lúc ban đêm mọi người ngủ say, bọn phu thuyền lặn xuống nước, dùi đủng đáy thuyền, những người đầu hàng đều bị chết đuối hết, không một ai sống sót trở về được".

Bọn Thông tin lời, đem lòng ngờ vực, lại nảy ý khác, đắp thêm tầng lũy kép hào, thả chông để làm kế tạm bợ, ngoài mặt nói hoà hiếu, nhưng ngấm ngầm bày mưu tính kế. Chúng bí mật sai mấy chục boọn mang thư bọc sáp đi lối tắt về xin viện binh. Vua bắt được người mang thư, ghét bọn chúng tráo trở, bèn bí mật phục quân ở bốn phía quanh thành Đông Quan, đón giặc ra vào , bắt được hơn 3 nghìn tên dò thám, hơn 5 trăm con ngựa. Từ đấy, quân Minh đóng chặt cửa thành không ra, sứ qua lại cũng dứt.

Vua sai các tướng chia quân đi đánh các thành: Quốc Hưng đánh hai thành Điêu Diêu[2], và Thị Cầu[3]; [**26a**] Lê Khả và Lê Khuyển đánh thành Tam Giang[4]; Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lý, Lê Lãnh và Lê Triện đánh thành Xương Giang[5]; Lê Lựu và Lê Bôi đánh thành Khâu Ôn[6].

Ngày 20, đặt chức an phủ sứ các lộ. Lấy bọn Đào Công Soạn, Nguyễn Dực 24 người làm chức đó. Đặt chức viên ngoại lang của Lục bộ, lấy bọn Nguyễn Công Vĩ 6 người làm chức ấy.

Đinh Mùi, [1247], (Minh Tuyên Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, vua tiến quân sang bờ bắc sông Lô, đối lũy với thành Đông Quan. Bọn Thiếu úy Lê Khả giữ cửa Đông, Tư đồ Lê Lễ giữ cửa Nam, Thái giám Lê Chửng đem hai vệ Thiết đột là bọn Nghi Phúc giữ cửa Tây, Thiếu úy Lê Triện đem quân hai vệ giữ cửa Bắc, vây đánh thành Đông Quan.

Sơn Thọ nhà Minh sai bọn thông sự Nguyễn Nhậm gồm 3 người sang thông tin tức.

Ban chức hỏa thủ[7] cho quân các lộ theo thứ bậc khác nhau.

[**26b**] SAi Dương Thái Nhất sửa lại đền thờ Hưng Đạo Đại Vương, cấm không được chặt cây cối ở các đền miếu.

Hạ lệnh cho lộ An Bang nộp gỗ cọc và tên tre.

Bổ thuộc lại Hàn lâm viện và bốn đạo gồm 515 người.

Hạ lệnh cho các lộ, trấn chứa lương ở các thành Xương Giang và Tam Giang để cấp cho quân.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu, các quan lộ tìm hỏi những người có tài lược, trí dũng, làm nổi các chức quan trọng như Tư mã, Thượng tướng, mỗi viên tiến cử lấy một người.

Hạ lệnh cho nhân dân dâng thóc cung cấp cho quân sĩ. Ai tiến thóc được thưởng tước tùy theo mức độ khác nhau.

Quân Minh ở Nghệ An và Diễn Châu[8] ra hàng.

Vũ Cự Luyện người huyện Đường An và Đoàn Lộ người huyện Cổ Phí dâng kế sách đánh thành và các kiểu chiến bằng, xe phần ôn, xe phi mã[1]. Sai các tướng theo các kiểu ấy mà làm.

---

[1] Lương Nhữ Hốt: theo giặc MInh làm đến Tham chính. Bọn Trần Phong, Nhữ Hốt sau được Lê Lợi tha chết , nhưng rồi lại mưu phản, cuối cùng đều bị giết.

[2] Thành Điêu Diêu: ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Thành Thị Cầu: nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.

[4] Thành Tam Giang: ở huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[5] Thành Xương Giang: nay là thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[6] Thành Khâu Ôn: là tỉnh lỵ Lạng Sơn ngày nay.

[7] Hoả thủ: như chức đội trưởng sau này.

[8] Tướng Minh giữ thành Nghệ An là Thái Phúc, giữ thành Diễn Châu là Tiết Tụ.

Hạ lệnh cho các xứ thờ cúng đền miếu các công thần.

Sai viên bách bộ nhà Minh là Hà Vương đem thư vào thành Đông Quan.

Sai bọn Tuyên Quang Tư mã Lương Thế Vĩnh và [**27a**] Đề đốc phụ đạo Ma Tông Kế đóng thuyền chiến.

Hạ lệnh cho viên Tổng tri coi việc quân dân Lạng Sơn và An Bang là Nhập nội thiếu bảo Lê Lựu đem quân đi đánh giặc, cho quyền tiền trảm hậu tấu.

Lấy Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi làm Triều liệt đại phu, Nhập nội hành khiển, Lại bộ thượng thư kiêm hành Khu mật viện sự.

Bấy giờ, vua dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề trên bờ sông Lô[2]. (Khi ấy, có hai cây bồ đề ở trong dinh, nên gọi là dinh Bồ Đề), cao bằng tháp Báo Thiên, hằng ngày vua ngự trên lầu nhìn vào thành để quan sát mọi hành vi của giặc, cho Trãi ngồi hầu ở tầng hai, nhận lệnh soạn thảo thư từ qua lại.

Ngày 13, bọn Lê Lựu, Lê Bôi ngày đêm đánh gấp thành Khâu Ôn. Quân Minh tự lượng chống đỡ không nổi, đang đêm bỏ thành chạy trốn.

Giết Tư mã [**27b**] Lê Lai, tịch thu gia sản, vì Lai cậy có chiến công, nói năng khinh mạn.

Chém Thiên hộ Lý Vân và tòng nhân Bùi Vĩnh vì chở trộm mắm muối vào thành Chí Linh[3].

Hạ lệnh kiểm kê quân khí, người nào để thiếu thì xử tội theo quân pháp.

Hạ lệnh cho Thái Nguyên và Lạng Sơn nộp vỏ gai.

Hạ lệnh cho Tư mã Cao Ngự tổng chỉ huy trấn Thiên Quan vây thành Cổ Lộng. Cho phép xử tội phải tâu trước rồi sau mới được trị tội.

Hạ lệnh cho huyện tân Phúc mở lò rèn đồ sắt.

Hạ lệnh cho thiếu úy Lê Vân đóng ở cửa Đông thành Đông Quan; Tư không Lê Lễ, Thiếu úy Lê Sát, Lê Lý, Lê Lỗi, Lê Chích đóng ở cửa Nam; Thiếu úy Lê Bị, Thái giám Lê Nguyễn, Chấp lệnh Lê Chửng đem ba vệ Thiết đột đóng ở cửa Tây; thiếu úy Lê Triện, Lê Văn An đem 14 vệ quân đóng ở cửa Bắc. Hạ lệnh cho các lộ Tam Giang, Tam Đái, Tuyên Quyên, Quy Hóa [**28a**] nộp luồng vầu làm thành dưới nước, dựa vào bờ bắc sông Nhị, cao ngang với thành Đông Quan.

Bọn Chỉ huy Trương Lân và Tri phủ Trần Vân ở thành Điêu Diêu ra hàng.

Chế súng Cổn dương, ra lệnh cho các tướng theo kiểu đó mà làm.

Hạ lệnh cho người trong nước, ai có cha mẹ, vợ con, anh em, nô tì, thân thích theo giặc ở trong thành cho tự nguyện lên thành[4], khi phá được thành sẽ cho nhận đem về. Nếu không tự nguyện lên thành mà tranh nhau nhận về đoàn tụ thì phải xử theo quân luật.

Ra lệnh cho phụ đạo các xứ nhận các chức Thủ ngự, Đoàn luyện, tước trung phẩm.

Tháng 2, ngày mồng 7, Phương Chính ngầm đem quân đánh úp Cảo Động[5], huyện Từ Liêm, Triện có sức đánh lại, bị tử trận, Bí bị giặc bắt sống. (Sau giặc về nước, lấy lễ trả Bí về).

---

[1] Chiến bằng: là đài cao bằng gỗ dùng để đánh thành. Xe phần ôn: là loại xe để đánh thành, có 4 bánh, căng dây làm khung, che bằng da trâu, dươái có thể nấp được mười người, sắt, lửa, gỗ, đá không thể phá được. Xe phi mã: cũng là loại xe để đánh thành.

[2] Theo Bắc Ninh tỉnh chí, thì dinh Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc ninh, nay thuộc xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Thành Chí Linh: lúc ấy quân Minh còn đóng giữ.

[4] Nguyên văn là "tự nguyện đăng thành" (tự nguyện lên thành), chúng tôi ngờ có lầm lẫn từ chữ "đăng tải" (khai báo) ra chữ "đăng thành" (lên thành).

[5] Cảo Động: tên xã, tức là Nhật Tảo, hay Xuân Bảo ở phía tây Hồ Tây, Hà Nội.

Ngày 19, quân Minh đánh vào Bài Sa Đôi, huyện Từ Liêm. Quân ta cố thủ quyết chiến, binh khí hết sạch, dùng mảnh nồi [**28b**] chõ, chum vại ném vào giặc. Giặc không tiến vào được, liền phá nhà cửa của dân để đánh hỏa công. Hôm ấy, gió rét lửa nóng, quân ta tránh lửa vượt sang sông, có nhiều người bị chết đuối. Chỉ có những quân lính ở Thiên Quan không biết bơi, ở lại tử chiến với giặc, giặc lại thua chạy.

Người Minh giữ thành Thị Cầu là Đường Bảo Trinh ra hàng.

Sai viên chỉ huy họ Tăng đã đầu hàng, theo Nguyễn Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang.

Sứ Chiêm Thành sang cống. Ban yến, cho ngựa và lụa bảo về. Sai Thiêm tri khu mật Hà Luật cùng đi với họ.

Hạ lệnh thưởng công cho các tướng hiệu bắt đầu từ việc lập công mới: đại thần đến thiếu úy có công lao lớn, được thưởng phù vàng thì được ăn lộc một quận; chức chấp lệnh mà có công thì được ăn lộc một cấp; các đốc tướng, quân nhân có công cũng được ăn lộc một quân hay một ấp theo thứ bậc khác nhau. Người nào không có công, không được thưởng gì đều phải giáng làm dân thường.

Xuống chiếu rằng: [**29a**] Các lăng miếu của triều trước, nơi nào bị giặc phá hoại thì làm lại, cấp cho số người giữ việc thờ cúng theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 3, vua duyệt binh ở Vĩnh Động[1]. Chánh đốc Nguyễn Liên để hàng ngũ trống thiếu, vũ khí không đủ, bị chém để rao trong quân.

Lấy Bùi Ư Đài là Lễ bộ thượng thư kiêm tri Đông đạo quân dân tịch hạ.

Hạ lệnh cho ba quân, người nào có thể liều mình vì nước, tinh thông võ nghệ, khỏe mạnh dũng cảm, không kể sống chết, đều được cấp văn bằng và tuyển vào làm thị vệ ở nội phủ.

Tháng 6, bọn Chỉ huy sứ Lưu Thanh ở thành Tam Giang ra hàng.

Trước đây, quân lính ở thanh Tam Giang theo sự điều động của quan Tổng binh nhà Minh đi đánh vua ở Thanh Hóa, bị thua trở về, có tên ngụy binh buông lời khinh mạn vua. Thanh mắng nó: "Thằng man vô lễ, ông ấy[2] sẽ là [**29b**] hoàng đế của chúng mày đấy:. Đến đây thì ra hàng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua nổi dậy, nghĩa binh đi đến đâu, quân Mnh đều thua chạy, coa phải vì ta nhiều địch ít, ta mạnh địch yếu mà chúng không chống nổi đâu? Là vì đức của vua là hợp với lẽ trời, nên trời giúp cho, làm đẹp lòng người nên người theo về, không những là người nước ta vui vẻ thuận phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính như vậy, nên chúng không còn chí chiến đấu và đều ra hàng là phải lắm! Thế thì việc dấy quân nhân nghĩa của vua có những chổ rực rỡ hơn so với Thang Vũ, mà qua việc này lại càng nổi bậc. Còn như cái điềm được nước[3] thì đâu có thể dùng thuyết sấm vĩ mà xét được?.

Hơn 1 vạn quân Minh đầu hàng trong các thành âm mưu làm phản bị giết . Thành Tam Giang không nằm trong số đó.

Trước đó, [**30a**] ngày mồng 9, Tư không Lê Lễ, thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với quân Minh ở My Động (nay là Hoàng Mai)[4]. Lễ tử trận.

Hôm ấy, Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành ra đánh Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Nguyễn giữ vững thành lũy chống lại. Vua vội sai Lê Lễ, Lê Xí đem hơn 500 quân Thiết đột đến đánh , đuổi giặc tới My Động. Vương Thông thấy Lễ ít quân, mới đánh kẹp vào. Lễ và Xí cưỡi voi cố sức đánh, voi sa lầy, bị quân Minh bắt sống đem vào thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất phục, bị giết

[1] Sau là huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cũ nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên.

[2] Chỉ Lê Lợi.

[3] Xem việc tháng 6, năm BÍnh Ngọ BK 10, 19b.

[4] Hoàng Mai: nay thuộc Hà Nội.

chết. Xí về sau nhân đêm mưa gió, dùng mẹo đánh lừa tên canh giữ, chạy thoát về, ra mắt vua ở dinh Bồ Đề. Vua kêu lên: "Sống lại":

Trước kia, mỗi lần Lễ ra trận, vua thường răn chớ nên khinh địch. Đến khi thắng trận ở Tốt Động, mọi người đều khen Lễ là giỏi. Vua nói: " Trăm trận đánh được cả trăm không phải là điều hay cả đâu. Hắn cậy quân tinh [**30b**] quen mui được luôn, thất bại có thể đứng mà chờ đó!".

Đến đây quả nhiên như vậy:

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khuất Hà quen mùi thắng trận ở Bồ Tao đến nỗi bị bại vong[1], đó là quân tàn bạo, bị cô lập, đi xâm chiếm nước nhỏ. Lê Lễ quen thói đánh được ở Tốt Động, cũng vì thế mà bại vong, nhưng là quân khảng kkhái phục thù. Tuy hai người đều thất bại như nhau, nhưng ý nghĩ lại rất khác. Cho nên tướng giỏi thời ấy, thì Lễ và Triện xứng đáng đứng đầu.

Lấy thông hầu Lê Nhân Chú làm Hành quân đốc quản nhập nội đại tư mã, lĩnh Tiền, Hậu, Tả, Hữu tứ vệ, kiêm tri Tân vệ quân sự.

Hạ lệnh cho tướng hiệu và quân nhân các lộ Quốc Oai và Tam Đái rằng:

Kẻ nào thấy thư của giặc dụ dỗ, phỉnh phờ, đe doạ mà lén trình riêng với tướng của mình thì bị chém, các viên đốc tướng không biết giám sát cũng xử tội như vậy. Kẻ nào lừa gạt, mê hoặc các châu huyện thì bắt giải tới quan [**31a**] môn để chém.

Chia bọn quan lại nhà Minh đã đầu hàng cho ở các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Lam Ấp[2], Tân Bình.

Hạ lệnh cho các lộ tiến cử những người hiền tài, chính trực, trí dũng anh kiệt, cho gọi tới trả lời các câu hỏi, rồi cất nhắc sử dụng. Ai che dấu thì bị xử tội truất giáng.

Hạ lệnh cho bọn Thiếu úy, Chấp lệnh, TỔng giám rằng:

Ngày thường quân nhân phạm pháp thì không được tự ý giết chết. Khi ra trận mà kẻ nào traái lệnh thì cho phép chém trước tâu sau.

Ngày 19, thành Thị Cầu ra hàng.

Vua hạ lệnh rằng: Người nào có vợ con, anh em trước bị giặc ở các thành cướp bắt làm thê thiếp hoặc nô tỳ cho chúng, nay ta đã chiêu hàng, các ngươi hãy kéo nhau đến thành Đông Quan. Nếu chém được thủ cấp giặc, thì ta trả lại vợ con anh em cho, lại còn thưởng tước, thăng cấp theo thứ bậc khác nhau.

Cấm những kẻ xưng là đồng cốt, tà đạo, mượn tiếng ma quỷ, thần thánh, gieo rắc hoang mang, bịa đặt mê hoặc lòng người.

Hạ lệnh [**31b**] cho dân phiêu bạt trở về quê quán cày cấy. Người nào không có điền sản thì cho phép buôn bán. Kẻ nào bỏ nghề nghiệp thì bị xử tội nặng.

Sai Chu Sài là người Minh đầu hàng đem 340 con ngựa đến châu Hóa để chăn nuôi.

Diễn tập thủy trận.

Sai các viên Thiếu úy tuyển chọn con em những nhà giàu có trong dân, vóc người cường tráng to lớn, võ nghệ tinh thông, khỏe mạnh dũng cảm, mỗi viên chọn lấy 200 người, bổ làm quân thị vệ, kẻ nào hèn nhát thì không lấy.

Cấm chở mắm, muối qua cửa ải Bạch Lâm, vì tên Đào Quý Khách thông đồng với giặc.

---

[1] Thao Tả truyện, Lỗ Hoàn Công năm thứ 11 và 13, Khuất Hà đánh được quân nước Vân ở Bồ Tao, cho mình là giỏi. Sau đánh nước La, khinh nước La nhỏ bé, không phòng bị, bị nước La đánh cho thua, phải tự tử.

[2] Lam Ấp: theo cương mục là Lam Sơn (CMCB12, 6b).

Tháng ấy, nhà Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng đem quân sang xâm lược, lấy Binh bộ thượng thư Lý Khánh làm Tham tán quân vụ.

Bấy giờ Trần Hiệp đã bị thua chết, Thành Sơn hầu Vương Thông tâu xin thêm quân. Nhà Minh sai bọn Thăng đem 7b vạn quân sang và ra lệnh cho Khánh cử các thuộc viên có tài lược của lục khanh [**32a**] cho đi theo để giúp mình, Khánh tâu cả bọn Trần Dung trở xuống, gồm hơn 10 người cùng đi.

Mùa hạ, tháng 4, sai phòng ngự sứ Trần Ban đôn đốc tu sửa ải Lê Hoa[1].

Vua nói: "Ta không có tài dũng, trí tuệ, một mình gánh vác công việc nặng nề, sợ không làm nổi, cho nên phải nhún mình cầu hiền, dốc lòng trọng sĩ, cùng mưu việc lớn, để cứu vớt sinh dân. Ai tiến cử được người mưu trí dũng lược hơn người, hoặc người nào tự tiến cử mình thì đều làm quan cao, tước trọng".

Phong Đinh Liệt là em Lê Lễ làm Nhập nội thiếu úy Á hầu. Các vợ lẽ của Lễ là bọn Hà Ngọc Dung 5 người đều phong làm Tông cơ, để đền công Lễ chết vì nước.

Cho Lê Ba Lao làm Quan sát sứ, tước Thượng phẩm, cấp cho 100 mẫu ruộng vì con là Triện nhiều lần đánh bại giặc mạnh, lập chiến công lớn, chết vì việc nước. Cho con Triện là Lăng làm Phòng ngự sứ, tước Thượng trí tự [**32b**]. Trước Phục hầu và cho 2 con ngựa.

Hạ lệnh rằng người nào bắt được bọn to lớn khỏe mạnh mà chưa vào sổ quân dân, bọn du thủ thực, không chịu sai dịch, đưa đến cửa quân, thì được thưởng trước 1 tư.

Hạ lệnh dụ bảo các tướng hiệu và quân nhân thuộc 14 vệ Thiết đột rằng: "Có thể đồng lòng liều chết đánh tan quân giặc là sức của các ngươi, còn xếp đặt lo toan, áo cơm khen thưởng là do ở ta. Bọn các ngươi chớ ngại khó nhọc, chớ lo nghèo túng. Bao giờ thấy vợ con ta nghèo túng thì vợ con các ngươi mới nghèo túng. Mongcác ngươi một lòng đánh giặc, chớ nảy lo phiền".

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và quân nhân các xứ Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa rằng:

"Ta khởi binh ở đất các ngươi, đã gần thành công. Mong các ngươi trước sau một lòng, vàng đá một tiết, để trọn nghĩa vua tôi, cha con. Ta biết các ngươi đều là hiền sĩ của đất nước [**33a**]. Trước kia, Hưng Khánh, Trùng Quang[2] chỉ có tiếng hão, không nên công gì là bởi chính lệnh không thống nhất, đại thần không được biết gì. Bọn các ngươi chỉ uổng phí sức lực cho họ thôi. Nay thiên hạ về một mối, ta cùng các ngươi như nghĩa cha con, mong các ngươi dốc lòng khôi phục lãnh thổ nước nhà. Từ xưa các tướng văn tướng võ được phong hầu cũng chỉ như các ngươi thôi, có khác gì đâu. Các ngươi hãy chỉnh đốn đội ngũ của mình, luyện tập quân sĩ của mình, sau khi dẹp yên bọn giặc tàn bạo, sẽ chia một nửa số người về làm ruộng. Nay trời mượn tay ta diệt giặc, việc không đừng được. Kẻ nào theo lệnh ta thì phá được giặc, vẫn sống mà lại có công, kẻ nào không theo lệnh ta thì chết mà chẳng được việc gì! Mỗi đội đều phải chép lại một bản lệnh này, mỗi ngày đọc đi đọc lại nhiều lần cho quân lính được biết".

Hạ lệnh cho các tướng và quân nhân rằng:

Giặc Minh tàn hại dân ta đã hơn hai chục năm. Buổi đầu số quân của ta có mấy trăm[3] người. Hiện nay có [**33b**] 35 vạn. Đợi khi phá được thành Đông Quan, sẽ cho 25 vạn người về nhà làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn làm quân để đề phòng việc nước. Một nhà 3 người thì 1 người làm quân, mọi loại phú dịch đều tha cho 3 năm. Lại nêu 10 điều quân luật cho các tướng hiệu và quân nhân:

1-Làm huyên náo trong quân.

2-Gây kinh động hão, bịa điều họa phúc làm dao động lòng quân.

3-Khi ra trận, nghe tiếng trống, thấy cờ hiệu mà giả cách không nghe, không thấy, dùng dằng không tiến.

---

[1] Ải Lê Hoa: là một địa điểm ở ven sông Lô chảy qua vùng biên giới tỉnh Hà Tuyên và tỉnh Vân Nam Trung Quốc bây giờ.

[2] Tên hiệu của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

[3] Nguyên văn: "sổ bách vạn" chổ này hẳn có nhầm lẫn. Có lẽ là "mấy trăm người".

4-Khi ra trận, trông thấy cờ dừng quân, nghe thanh la dừng quân mà không đứng lại.

5-Nghe tiếng chiêng lui quân mà cưỡng lại không lui.

6-Canh phòng túc trực không siêng, hoặc ngủ say bỏ canh, bỏ hàng ngũ ngầm trốn về.

7-Đắm đuối nữ sắc,lén lút thả riêng cho người họ nhà vợ không làm quân dịch.

8-Thả quân lính để lấy tiền và che dấu không biên vào sổ quân.

9-Theo thói ưa ghét của riêng mình [**34a**] mà đảo lộn công tội của người.

10-Bất hoà với mọi người, gian ác, trộm cắp.

Mười điều trên đây, kẻ nào phạm phải đều bị chém.

Lấy Thiếu bảo Lê Văn An làm Tổng tri, coi các việc quân của Quốc Oai Thượng, Quốc Oai Trung, Tam Đái, Quảng Oai, và lệnh cho rằng: Nếu có viên chấp lệnh hay giám quan nào không theo quyền tiết chế của ngươi thì chém trước tâu sau.

Lấy 3 điều răn bảo các quan văn võ:

1- Chớ thờ ơ.

2- Chớ lừa dối.

3-Chớ tham lam.

Dụ các hào kiệt trong nước rằng:

"Các thành đã phá được rồi, chỉ còn thành Đông Quan chưa hạ được. Ta vì thế mà nằm không yên chiếu, ăn không ngon miệng, sớm khuya suy nghĩ, khô héo ruột gan. Thế mà bên cạnh ta, vẫn chưa có được người giúp đỡ. Ta tuy là chủ tướng, nhưng xét lại bản thân mình một là già ốm, [**34b**] bất tài, hai là học thức nông cạn, ba là trách nhiệm nặng nề khó bề kham nổi, mà các đại thần như tả, hữu tướng quốc, thái phó, thái bảo vẫn chưa đặt, thái úy, đô nguyên soái vẫn còn khuyết, hành khiển và các quan, mười phần mới được một, hai phần. Cho nên, ta nhún mình thành thực khuyên bảo các hào kiệt cùng nhau dốc sức, cứu giúp muôn dân, chớ có mai danh ẩn tích, để thiên hạ phải lầm than mãi mãi. Nếu có ai khí tiết thanh cao như Tứ Hạo[1], lánh đời ẩn tích như Tử Phòng[2] cũng hãy ra cứu nạn cho dân đã, đợi khi thành công, muốn thoả chí xưa thì lại trở về rừng núi, không hề cấm giữ".

Hạ lệnh rằng: Khi sai phái thuộc hạ dưới quyền, đều phải cấp giấy tờ có đóng dấu phải ký họ tên quan phụ trách và ghi rõ số người đi là bao nhiêu, đến chỗ nào, làm việc gì, hạn định ngày nào phải về dinh, không được đi lại tự do. Quan phụ trách và người dưới quyền nếu không tuân lệnh này [**35a**] thì tùy tội nặng nhẹ, mà xử giáng cấp, phạt trượng, chặt chân, hay chém đầu. Nếu xét được tình trạng bọn giặc móc nối với nhau thì có trọng thưởng.

Cấm không được trao đổi mắm muối với Cầm Lạn.

Hạ lệnh cho những nơi trọng yếu phải canh giữ cho nghiêm, xét hỏi kỹ những người lạ mặt và thư từ về việc quân qua biên giới xem có thực hay là giả.

Tháng 5, hạ lệnh cho các tướng hiệu lớn nhỏ phải làm tờ khai, cam kết không gian tham nhận của đút lót, không lấy vợ người bản lộ, không chiếm giữ người họ hàng của quân lính để sai khiến riêng.

Hạ lệnh tiếp tục nộp những văn bằng, giấy khám hợp và ấn tín đã nhận trong thời giặc Ngô.

Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bố Chính dâng kế sách hợp ý vua, được trao chức Quân sư.

---

[1] Tứ Hạo: bốn ông già ở ẩn trên núi Thượng Sơn đầu đời Hán là Đồng Viên công, Ỷ Quý Ly, Hạ Hoàng công và Dụng Lý tiên sinh.

[2] Tử Phòng: tức là Trương Lương, vốn là thần tử của nước Hàn, để trả thù cho vua Hàn bị Hạng Vũ giết, đã theo giúp Lưu Bang. Khi Lưu Bang đã thống nhất được Trung Quốc, Trương Lương bỏ đi ở ẩn.

Hạ lệnh rằng, các tăng đạo phụ lão người nào đón tiếp quan quân nhiều lần thì quan ở lộ điều tra xem, nếu quả có đức hạnh, tuổi già thì cấp cho quan tước.

Hạ lệnh cho các thiếu úy, chấp lệnh, lộ quan bắt ngay những quân dân, vợ con, [**35b**] nô tỳ, tài vật, trâu bò của các thổ quan ngụy ở trong thành đem giải nộp cho hết, điều tra những kẻ có lòng khác, thu nhập văn bằng ấn tin của ngụy quan, theo đúng hạn nộp lên.

Tuyển chọn đinh tráng tiếp tục bổ sung quân ngũ, không được thay đổi người khác.

Bọn Vi Báo 12 người ở các châu Lăng, Thông thuộc phủ Tư Minh của nhà Minh sang đầu hàng.

Thưởng công đánh trận ở Cơ Xá huyện Từ Liêm.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu rằng:

Khi nào nghe thấy 1 tiếng súng lớn mà không có chiêng thì các tướng phải đến ngay để nghe lệnh. Nếu thấy 2 hoặc 3 phát súng lớn và 2 hoặc hoặc 3 tiếng chiêng, như vậy là có báo động khẩn cấp, các chấp lệnh và đốc tướng phải chỉnh đốn ngay đội ngũ, còn thiếu úy thì tới ngay quân doanh nghe lệnh.

Hạ lệnh cho các xứ Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân, Tân Hưng nhận nuôi hơn 6 nghìn đàn ông, đàn bà ở các thành giặc đã đầu hàng, không để họ đói rét lang thang.

Bọn phụ đạo Mường Mộc[1], trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham quy [**36a**] thuận.

Trao cho Khả Tham chức Nhập nộ tư không đồng bình chương sự tri Đà Giang trấn thượng ban; ban cho túi kim ngư[2], tước Trụ quốc Quan Phục hầu.

Cho Xa Lộc làm Kim ngô vệ thượng tướng quân, tước Đại Trí tự; Xa Khát, Xa Bàn, Xa Điểm[3] đều được làm Ngọc kiểm vệ đại tướng quân, tước Ninh tự, đều được ban quốc tinh[4].

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, trấn thủ Quảng Tây Chinh man tướng quân Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ của Nhà Minh đem 5 vạn quân, 5 nghìn cổ ngựa, từ Quảng Tây sang cứu viện các thành. Đế cửa ải Pha Lũy[5] bị tướng giữ ải Lê Lựu, Lê Bôi đón đánh ngay tại cửa ải, phá tan quân giặc, chém hơn 3.000 thủ cấp, bắt được 500 ngựa. Hưng Tổ thua to chạy về.

Phụ đạo Quỳ Châu Cầm Lạn quy thuận.

Gia phong thị trung Tư Tề làm Tư đồ; Đại tư mã Lê Nhân Chú làm Tư không; Thiếu úy Lê [**36b**] Vấn, Lê Sát làm Tư mã; Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy và răn họ rằng:

"Chức tước đã cao, sớm khuya chớ có lơ là, không được thỏa mãn mà xao nhãn lập công".

Ban cho mỗi người một chiếc lọng.

Định lệ tiền chuộc các vợ cả, vợ lẽ và nô tỳ của ngụy quan. Vợ Bố chính ty thì 70 quan, dưới đến các hạng sinh viên, thổ quan, thừa sai, bạn đương, thì vợ là 10 quan, con trai, con gái và nô tỳ từ 10 tuổi trở xuống thì 5 quan.

Hạ lệnh cho các lộ tích trữ thóc công, không được khinh suất phát ra.

Đắp thành nhỏ ở bãi Cơ Xà, quân Minh đến đánh phá, vua ra lệnh không cho cứu, để giặc tưởng là quân ta nhát.

---

[1] Nay là Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Túi kim ngư: túi cờ hình con cá bằng vàng.

[3] Xa Lộc, Xa Khát, Xa Bàn và Xa Điểm; đều là con Xa Tham (Theo CMCB 14, 15b).

[4] Quốc tinh: là họ vua, ở đây là họ Lê.

[5] Ải Pha Lũy: tức là cửa Nam Quan sau này, ngày nay là Hữu Nghị Quan.

Mùa thu, tháng 7, hạ lệnh cho các lộ cùng quan văn các hỏa và tướng hiệu các quân làm sổ hộ tịch.

(Bấy giờ vẫn theo danh hiệu cũ của nhà Trần gọi Hành khiển của Thượng thư sảnh và Môn hạ sảnh là Tả hữu hỏa).

Người Chiêm Thành dâng lễ vật địa phương.

Hạ lệnh cho các vệ thủy quân, mỗi chiếc thuyền chiến dùng 50 người, giữa [**37a**] trại 5 người, vận lương 5 người, sai phái 5 người.

Hạ lệnh cho ba lộ Bắc Giang, mỗi lộ chuyển 3.000 gánh lương chúa tại thành Xương Giang.

Hạ lệnh rằng hễ thấy người áo đỏ Mường Mộc chở mắm muối về thì không được ngăn cấm.

Hạ lệnh rằng: các quân khi ra trận, nếu 50 người hoặc 100 người kéo nhau rút chạy mà bỏ lại 1, 2 người không cứu thì bị chém cả toán. Nếu không may có người chết tại trận mà cùng nhau góp sức khiêng xác ra ngoài thì được tha tội.

Ra lệnh cho các tướng rằng:

"Người cầm quân phải chăm đánh dẹp, người coi chuyên chở phải chăm tải lương. Vào núi xẻ ván, nấu cát làm muối, ngăn giữ trên bộ, dưới sông, chặn bắt những kẻ gian phi, ai nấy đều phải quên mình hết sức, cùng nhau lo việc diệt giặc. Ta là cha mẹ dân, có đâu lại không nghĩ tới nỗi gian lao mà dám gây ra việc đau khổ? Đó chỉ là do bắc đắc [**37b**] dĩ mà thôi".

Xét thưởng chiến công trong trận Thổ Khối[1] thàng ĐôngQuan. Ban thưởng ngân bài và tiền bạc, tơ lụa.

Tư không Lê Khả Tham dâng 3 con voi, cùng vòng vàng, vòng bạc chiêng đồng.

Ai Lao dâng sản vật địa phương.

Tháng 8, ban dụ cho cả nước rằng:

"Giặc còn ở trong nước ta, dân chúng vẫn chưa được yên, liệu các ngươi có yên được không? Trước kia, họ Hồ vô đạo, giặc thừa dịp ấy mà cướp nước ta. Tội ác tàn bạo của chúng, các ngươi cũng đã thấy cả rồi. Vả lại, ra sức khó nhọc trong một năm mà có cơ nghiệp thái bình muôn thuở, các ngươi hãy nghĩ cho kỹ điều đó, chớ để phải hối hận về sau".

Hạ lệnh cho các lộ rằng:

Hễ thấy dân quân chở lương đi bán thì cấp giấy và chỉ bảo cho nơi đến bán, không được đi lung tung.

Lấy VIên ngoại lang Lê Khắc Hài và Bùi Tất Ứng làm chánh, phó sứ mang ngựa và [**38a**] đồ uống rượu bằng pha lê màu xanh trắng ban cho chúa Chiêm Thành.

Ra lệnh chế tạo xe đánh thành và tu sửa chiến khí.

Thưởng cho Lê Khả Tham 20 tấm lụa, 10 con ngựa.

Hạ lệnh cho nhân dân các lộ tới dinh Bồ Đề tuyển chọn người khỏe mạng bổ sung quân ngũ.

Ban dụ cho các tướng hiệu và quân nhân ở Tân Bình, Thuận Hóa rằng:

"Trước kia, nước Chiêm Thành trái mệnh, xâm lấn bờ cõi của ta, cha ông các ngươi đã dốc chí ttrung thành lo báo đền nhà nước, đánh giết bọn giặc lấy lại cõi bờ, tiếng thơm, công lớn còn sáng ngời trong sử sách. Ngày nay, giặc Minh vô đạo, trái mệnh trời, hung hăng hiếu chiến[2], hòng mở rộng mãi đất đai, khiến cho sinh dân lầm than đã hơn hai chục năm rồi. Ngày ở kinh lộ của ta cũng chưa thấy có ai

---

[1] Thổ Khối: tên xã, ở tả ngạn sông Hồng, gần xã Bát Tràng, nay thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội.

[2] Nguyên văn: "Cùng binh độc vũ".

dốc lòng hết sức, lập công nêu danh mà bọn các ngươi là bề tôi ở chốn phên dậu biên cương lại biết nghĩ tới công sức của ông cha ngày trước, hết lòng với vua mà đánh giặc, lập công trước. [**38b**] Lòng trung thành đó, thực đáng ngợi khen. Vậy đặc biệt thăng cho các ngươi tước Á đại liêu ban, các ngươi hãy cố gắng".

Tháng 9, ngày mồng 8, bọn Thái úy Trần Hãn, Tư mã Lê Sát, thiếu úy Lê Triện[1], Lê Lý đánh lấy được thành Xương Giang.

Khi ấy, viên chỉ huy nhà Minh là Kim Dận cho là thành này nằm ngay trên đường về của quân Minh, nên cùng với tên quan mới bổ đến là Lý Nhậm liều chết cố thủ. Trải qua hơn 6 tháng trời cầm cự với các quân Khoái Châu, Lạng Giang, chúng vừa đánh vừa giữ, khiến quan quân không thể lên được thành. Vua sai bọn Hãn đắp đất, mở đường đánh nhau với giặc, dùng câu liêm, giáo dài, nỏ cứng, tên lửa, súng lửa, bốn mặt đánh vào, thành cuối cùng bị hạ. Bọn Dân, Nhậm đều tự sát. Đem ngọc lụa và con gái bắt được của giặc ban hết cho quân sĩ. Tổng binh Vương Thông được tin, làm hai bài văn tế. Được hơn 10 ngày thì viện binh giặc tới nơi, nhưng thành đã bị hạ.

Vua sai các tướng đắp đê Vạn Xuân[2] để làm [**39a**] chiến lũy. Trước đây, quân Minh đào mương nhỏ cạnh sông Cái[3] ngoài thành để chứa thuyền chiến và khí giới, lại đắp thêm thành phụ để cố thủ, mà đê Vạn Xuân là lối đi lại cho quân do thám và người chăn ngựa, cắt cỏ của giặc, ở trên đê cao này mà nhòm xuống thì rất tiện. Giặc cho thế là đắt sách. Khi quan quân tiến đánh, quân Minh thường đặt mai phục để tranh hơn. Vua hạ lệnh cho các tướng vượt sông, lừa lúc giặc không ngờ, cướp lấy đê đắp thành chiến lũy, chỉ một đêm là xong, toàn bộ quãng đê về ta. Đến khi nghe viện binh của giặc tới, các tướng sĩ nhiều người dâng thư khuyên vua đánh các thành ở Đông Đôđể cắt đứt nội ứng của giặc. Vua nói:

"Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững hàng năm hàng tháng không hạ được, khi ấy quân ta sức mỏi chí nhụt, nếu viện binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị tấn công, đó là con đường nguy hiểm. Chi bằng nuôi sức quân, mài giũa tinh thần sắc bén, để đợi viện binh của giặc. VIện binh giặc bị phá thì thành giặc nhất định phải hàng. Như thế là nhất cử lưỡng tiện, là mưu chước vẹn toàn".

Bèn hạ lệnh [**39b**] canh giữ nghiêm ngặt, ngày đêm tuần tra khám xét.

Hạ lệnh cho các xứ Lạng Giang - Bắc Giang - Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa dời vợ con của quân dân đi xa để tránh viện binh của giặc tới.

Ngày 18, nhà Minh sai Tổng binh Chinh lỗ tướng quân Thái tử thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng, Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tụ, Binh bộ thượng thư Lý Khánh, Công bộ thượng thư Hoàng Phúc, thổ quan Hữu bố chính sứ Nguyễn Đức Huân đem hơn 10 vạn quân và 2 vạn ngựa đánh vào cửa Pha Lũy.

Chinh Nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Tham tướng Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung đem 5 vạn quân và 1 vạn ngựa đánh vào cửa Lê Hoa. Cả hai đều đã tới đầu địa giới nước ta.

Vua họp các tướng bàn rằng:

"Giặc vốn khinh ta, cho là người nước ta nhút nhát, sợ oai giặc đã lâu, nay nghe tin đại quân sang, hẳn là ta rất hoảng [**40a**] sợ. Huống chi lấy mạnh nạt yếu, lấy nhiều lấn ít đó là lẽ thường. Giặc không thể tính được hình thế được thua của người của mình, không thể hiểu được cơ vi qua lại của thời của vận. Vả lại, quân đi cứu nguy cấp phải lấy mau chóng làm quý, giặc nhất định phải hành quân gấp vội. Binh pháp có nói: Hành quân 500 dặm mà chỉ vội hám lợi thì sẽ què thượng tướng. Nay Liễu Thăng đến, đường sá xa xôi, quân lính tất mỏi mệt. Ta đem quân nhàn khỏe, đợi đánh quân mỏi mệt, nhất định sẽ thắng".

---

[1] Lê Triện đã hy sinh trong trận Cảo Động, huyện Từ Liêm, ngày 7 tháng 2 năm ấy, ở đây hẳn có sự lầm lỗi.

[2] Đê Vạn Xuân: tức đê Thanh Trì ngày nay.

[3] Nguyên văn: "Đại giang", tức sông Nhị.

Bèn sai bọn Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lãnh, Lê Liệt, Lê Thụ đem 1 vạn quân tinh nhuệ, 5 thớt voi, bí mật mai phục trước ở ải Chi Lăng[1] để đợi giặc.

Trước đó, Lê Lựu giữ cửa Pha Lũy, thấy giặc đến, lui giữ cửa ải [Lưu][2]. Giặc tiến đánh, Lưu lại bỏ cửa [Ải] Lưu lui về đóng ở Chi Lăng. Giặc lại tiến quân đánh phá uy hiếp Chi Lăng. Bọn Sát và Nhân Chú mật sai Lựu ra [**40b**] đánh rồi giả cách thua chạy. Giặc quả nhiên rất mừng.

Ngày 20, Liễu Thăng đốc suất đại quân đuổi theo. Đến chỗ có mai phục, bọn Sát và Nhân Chú tung hết quân mai phục, bốn mặt đều nổi dậy xung vào đánh giặc. Quân giặc thua to. Chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên[3] và hơn 1 vạn thủ cấp quân giặc.

Ngày 25, vua lại sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân tiếp đến ải núi Mã Yên. Bọn Sát và Nhân Chú chỉ huy các quân tung hết binh sĩ ra đánh giặc, chém Bảo Định bá Lương Minh tại trận[4].

Ngày 28, Lý Khánh cũng chết. Thôi tụ và Hoàng Phúc dẫn quân miễn cưỡng tiến lên. Nhân Chú lại đánh bại bọn chúng, chém được hơn 2 vạn thủ cấp, bắt được lừa ngựa, trâu bò, quân tư khí giới nhiều không kể xiết[5].

Mùa đông, tháng 10, vua sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân bao vây bốn mặt, lại dựng rào lũy ở [**41a**] tả ngạn sông Xương Giang[6] để ngăn chặn. Bọn Tụ không còn mưu kế gì khác, đành phải đắp lũy giữa cánh đồng để tự vệ[7].

Tụ ngỡ là thành Xương Giang chưa bị phá, dẫn quân định đến đó. Khi tới nơi thì thành Xương Giang đã bị mất, chúng hết cả hy vọng, lại càng kinh hoàng sợ hãi. Gặp lúc trời báo tai biến, mưa to gió lớn, núi rừng gầm thét, người ngựa nhìn nhau không nhích lên được bước nào. Giặc chỉ còn cách đợi đến đêm vắng, bắn súng làm tín hiệu báo cho hai thành Đông Quan và Chí Linh để họ nghe thấy tiếng súng thì ra cứu viện. Nhưng Đông Quan và các thành khác tự cứu còn chưa xong, biết đâu đến chỗ khác!.

Vua bèn sai các quân thủy, bộ cùng tiến quân bao vaây chúng. Lại chia quân chặn hết các ải Mã Yên, Chi Lăng, Pha Lũy, Bàng Quan[8]. Thôi Tụ và Hoàng Phúc muốn tiến cũng không được, muốn lui cũng không xong, bèn giả hòa, nhưng âm mưu định chạy vào thành Chí Linh. Vua biết được quỷ kế của chúng, kiên quyết khước từ không cho hòa. Kế đó, Trần Hãn chặn đứng [**41b**] đường vận chuyển lương thực của giặc, sai bọn Lê Vấn, Lê Khôi, đem 3 nghìn quân Thiết đột, 4 thớt voi, cùng với bọn Sát, Lý, Nhân Chú, Văn An tấn công bọn giặc.

Ngày 15, quân Minh đại bại, ta chém hơn 5 vạn thủ cấp giặc, bắt sống bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc và hơn 3 vạn tên, thu được vũ khí, ngựa chiến, vàng bạc, vải lụa nhiều không kể xiết[9]. Còn những kẻ chạy trốn thì trong khoảng không đến 5 ngày đều bị bọn chăn trâu kiếm củi bắt gấn hết, không sót tên nào.

---

[1] Chi Lăng: là ải hiểm trở nhất trên con đường từ Pha Lũy đến Đông Quan, cách Pha Lũy khoảng 60 km, thuộc xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[2] Ải Lưu: (nguyên văn thiếu chử Lưu) cũng là cửa ải trên đường từ Khâu Ôn đến Chi Lăng, nằm ở khoảng Lạng Nắc, hoặc trên đó không xa lắm, vùng giáp giới hai xã Nhân Lý và Sao Mai, huyện Chi Lăng ngày nay.

[3] Mã Yên: tên nôm là núi Yên ngựa, một hòn núi đá cao khoảng 40m so với mặt đất, chu vi 300m, nằm ở phía nam cánh đồng lầy lội, muốn qua phải bắc cầu mới đi được.

[4] Đây là trận phục kìch lớn xảy ra ở Cần Trạm, nay là vùng Kép và một số xóm phía tây nam xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[5] Trận ngày 28 tháng 9 (tức ngày 18 thánh 10) xảyra ở Phố cát là vùng đồi đất giữa Cần Trạm và Xương Giang, khoảng xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, Hà Bắc ngày nay. Trận này, Lý Khánh phải thắt cổ tự tử.

[6] Đoạn sông Thượng chảy qua vùng Xương Giang. Khi ấy, quân thủy bộ ta lợi dụng đoạn sông Thương này để bố trí bao vây địch ở mặt tây.

[7] Khu vực đóng quân của địch ở phía bắc thành Xương Giang, đó là một vùng đồng ruộng và xóm làng rộng lớn gồm xã Tân Dinh (thuộc huyện Lạng Giang, tỉnhHà Bắc ngày nay) và xung quanh, cách Xương Giang 3 km.

[8] Ải Bàng Quan: hay Nội Bàng, ở vùng Chũ, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[9] Trận này chỉ có một tên chủ sự Phan Hậu trốn thoát về nước (Theo Hoàng Minh thực lục).

Bấy giờ Tổng binh Vân Nam là Kiềm quốc công Mộc Thạnh cùng với bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả, Lê Trung, Lê Khuyển cầm cự nhau ở Lê Hoa.

Vua lệiu tính rằng Mộc Thạnh tuổi đã già, từng trải việc đời đã nhiều, lại biết tiếng vua từ trước, nhất định còn đợi xem Liễu Thăng thành bại ra sao chứ không nhẹ dạ tiến quân, bèn gởi thư mật, bảo bọn Khả, Khuyển cứ đặt mai phục chờ đợi, chớ giao chiến vội. Đến khi quân Liễu Thăng đã bị thua, vua sai lấy [**42a**] 1 tên chỉ huy và 3 tên thiên hộ của giặc mà ta bắt được, cùng những sắc thư, phù ấn của Liễu Thăng đưa đến chỗ quân Mộc Thạnh.

Bọn Thạnh trông thấy rất hoảng sợ, trong phút chốc quân hắn tan vỡ tháo chạy. Bọn Văn Xảo và Khả thừa thắng tung quân ra đánh, phá tan quân giặc ở Lãnh Câu[1] và Đan Xá[2], chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt sống hơn 1 nghìn tên và hơn 1 nghìn con ngựa, còn bị chết đuối ở khu vực thì nhiều không kể xiết. Mộc Thạnh thì chỉ còn một mình một ngựa tháo chạy. Ta thu được chiến khí, của cải, xe cộ nhiều hơn hẳn thành Xương Giang.

Sai thông sự Đặng Hiếu Lộc giải Thôi Tụ, Hoàng Phúc và tù binh bắt được cùng là song hổ phù và ấn bạc hai tầng của Chinh lỗ tướng quân[3], chiến khí, cờ trống, sổ quân... bảo cho thành Đông Đô biết.

Bấy giờ quân Minh trông thấy khí giới thu được ở thành Xương Giang đưa tới, lại nghe tin hai đạo quân cứu viện và hai thành Đông Quan[4] và Chí Linh đều đã mất, nhưng trong lòng còn nghi [**42b**] hoặc chưa tin hẳn, vẫn đóng cửa thành cố thủ. Đến đây thấy ta bắt được bọn Phúc, Tụ, thì sợ hết vía, không dám hành động gì nữa.

Hạ lệnh cho các tướng sĩ sửa soạn rào gỗ, chiến khí để vây thành Đông Quan.

Mùa đông, tháng 11, hạ lệnh các tướng hiệu dâng kế sách bàn về những việc đương thời, nếu có ích thì được ban thưởng hậu.

Kiểm tra xe đánh thành và mang chiến khí của các quân.

Tổng binh Vương Thông và nội quan Sơn Thọ nhà Minh sai viên thiên hộ họ Hạ mang thư đến giảng hoà, xin mở cho đường về. Vua chấp nhận, lại gởi tặng thổ sản và hải sản.

Sai bọn Đại tướng Nguyễn Lôi mang thư dụ hàng hai thành Cổ Lộng và Tây Đô.

Sai bọn Chủ thư thị sử Trần Hồ đi chiêu dụ châu Ninh Viễn (sau đổi là châu Phục Lễ, nay là phủ An Tây). Phụ đạo châu ấy là Đèo Cát Hãn đem binh tướng theo về.

Ban hành tiền mới đúc (tức là đúc vào năm Thiên Khánh)[5].

Thưởng chiến công ở cửa thành Đông Quan.

Bấy giờ có viên Phán đại lý [**43a**] chính họ Trần (không rõ tên) tâu với vua là vì tính ngông cuồng nhiều bệnh, xin được thôi việc để xuất gia. Vua y cho, nhưng còn an ủi, muốn đền công lao. Trần vội cắt tóc, vào từ tạ mà đi, từng đến ở chùa Cổ Lãm, huyện Thanh Oai, sau không biết là đi đâu.

Quan quân vây thành gấp, quân Minh nhiều lần đánh đều thua. Bọn đi kiếm củi chăn ngựa đều bị ta bắt. VƯơng Thông tuy xin giảng hòa, nhưng vẫn do dự chưa quyết. Các quân ta đắp lũy, Vương Thông lo sợ, đem hết quân ra đánh. Quan quân đặt mai phục rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, quân phục xông ra đánh, phá tan quân giặc. Thông ngã ngựa suýt nữa bị bắt. Quân ta đuổi đến cửa

---

[1] Nghĩa là "ngòi Nước Lạnh".

[2] Lãnh Câu và Đan Xá là hai địa điểm gần của ải Lê Hoa.

[3] Tức là Liễu Thăng.

[4] Sửa lại thành Xương Giang mới đúng.

[5] Niên Hiệu của Trần Cảo, tức năm Bính Ngọ. 1426.

Nam thành, đắp lũy phía ngoài để chẹn giặc. Vua lại thân đốc suất các tướng dắp lũy từ phường Yên Hoa[1] đến tận cửa Bắc thành, chỉ trong một đêm là xong.

Vua đã cho quân Minh giảng hòa, hạ lệnh cho Bắc Giang, Lạng Giang sửa cầu đắp đường, lại hạ lệnh cho các [**43b**] lộ chuẩn bị thuyền ghe, buồm chèo đưa tới quân doanh giao cho chúng về nước.

Vua dụ các tướng hiệu, quan nhân 6 điều là:

1- Kẻ làm tôi con phải trung thành thờ vua, không được làm điều dối trá.

2- Ở với mọi người phải cho ngay thẳng, không được làm điều gian phi.

3- Khi ra trận đánh giặc có bắt được tù binh, chém được giặc không được cướp công của nhau.

4- Có kẻ nào gian ác, phi pháp ở trong quân, trong dân thì phải bắt giữ để trị tội, mà các ngươi cũng phải lấy đó làm gương răn, chớ để tội đến thân mình.

5-Các quan thị vệ chớ cậy mình được yêu quý mà ngược đãi, bắt nạt mọi người.

6- Khi làm việc, lúc lập công, phải tự mình làm gương trước, để mọi người dưới trông vào bắt chước.

Ngày 22, vua cùng với Tổng binh quan nhà Minh Thái tử thái bảo Thành Sơn hầu Vương Thông, Tham tướng hữu đô đốc Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ Vinh Xương bá Trần [**44a**] Tứ, Anh Bình bá Lý An, Đô đốc Phương Chính, chưởng Đô ty sự đô đốc thiêm sự Trần Tuấn, Đô chỉ huy thiêm sự Trần Hựu, giaám sát ngự sử Chu Kỳ Hậu, Cấp sự trung Quách Vĩnh Thanh, Hữu bố chính sứ Dặc Khiêm, Hữu tham chính Lục Quảng Bình, TẢ tham chính Hồng Binh Lương, Lục Trinh, Án sát sứ Dương Thì Tập, Thiêm sự Quách Đoan, hội thề ở phía nam thành. Họ hẹn đến ngày 12 tháng 12 thì đem quân về nước và sai người đem tờ trình xin trả lại đất đai cho ta.

Bấy giờ bọn Thông ở trong thành đã quẫn bách lắm rồi, chỉ còn trông cây vào viện binh, thì viện binh lại bị ta đánh bại, cho nên phải giảng hòa, xin rút quân về nước.

Khi ấy, các tướng sĩ và người nước ta, khổ vì bọn giặc tàn ngược đã lâu, rủ nhau cố xin với vua rằng giặc nhiều mánh khoé biến trá, phải dùng quân mà đánh thắng chúng, khuyên vua hãy giết chúng đi. Chỉ có Hành khiển Nguyễn Trãi tham mưu ở nơi màn trướng, đã xem thư bọc sáp của Thông]gởi về nước] nói rằng:

[**44b**] "Chớ vì một góc đất đai nhỏ nhoi mà bao phen làm nhọc quân đi muôn dặm. Giả sử dùng tới số quân như lần đánh ban đầu[2], có được 6, 7, 8 viên đại tướng... như bọn Trương Phụ thì mới có thể đánh được. Nhưng dẫu có đánh được cũng không thể nào giữ được".

Nên Trãi biết rất rõ chổ mạnh yếu của giặc, mới chủ trương hoà nghị. Vua nghe theo. Bèn lệnh cho các quân giải vây và rút ra. Bấy giờ quân Minh cho Sơn Thọ, MÃ Kỳ ra dinh Bồ Đề làm con tin với vua.Vua cũng sai Tư đồ Tư Tề và Lê Nhân Chú vào than2h Đông Quan làm con tin với quân Minh. Cuối cùng hòa ước đã thành. Trước đây, vua cho Lê Quốc Trịnh và Lê Như Tỳ đi làm con tin. Đến đây, vì muốn cho Sơn Thọ và Mã Kỳ tới hội, cho nên sai Tư Tề và Nhân Chú cùng đi.

Trước đó vua sai Nguyễn Trãi soạn thư cầu phong, sai người dâng biểu của Cảo xin lập làm [**45a**] dòng dõi họ Trần, chuyển tới Quảng Tây và Vân Nam nhà Minh mỗi nơi một bản. Kiềm quốc công Mộc Thạnh nhận được thư, lập tức chạy tâu về kinh, vua Minh nhận được biểu, ra dụ cho các quan văn võ rằng:

"Những người bàn không hiểu ý nghĩa của việc ngừng can qua, hẳn cho rằng làm thế là không có uy vũ[3]. Nhưng nếu dân được yên thì trẫm có kể gì lời bàn của người khác".

---

[1] Tức là Yên Phụ, Hà Nội ngày nay.

[2] Chỉ lần xâm lược nước ta vào năm 1407.

[3] Chữ (vũ) là do hai chữ chỉ và qua hợp thành. "Chỉ qua": có nghĩa là "ngừng việc can qua". Những bọn quan lại hiếu chiến cho rằng như thế là "bất vũ" nghĩa là không anh hùng, không có uy vũ.

Rồi sai bọn Công bộ thượng thư La Nhữ Kính, Từ Vĩnh Đạt mang chiếu sắc phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương, bãi quân nam chinh. Sắc thư viết:

"Gần đây các quan biên ải đem thư tử tâu lên, thấy trình bày rất khẩn thiết, có điều hợp ý với trẫm, đáng được đại xá, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều cho được sửa đổi duy tân". Và bảo vua kể rõ tên các con cháu nhà Trần hiện còn sống, tâu lên để sai sứ sang sách phong. Triều cống thì vẫn theo lệ cũ năm Hồng Vũ.

Thành Sơn hầu Vương Thông không đợi lệnh mà đem quân về trước, vì bị vua đánh gấp, [**45b**] còn thư từ qua lại lời lẽ rất thành khẩn, đều là do Trãi vâng lệnh soạn thảo cả.

Sai Đồng tri Nguyễn Mẫn, Đội trưởng Nguyễn Lôi mang thư đến hai thành Tây Đô và Cổ Lộng ra lệnh giải vây, vì hai thành này chưa hạ được.

Bọn hương hộ[1] người địa phương là Vương Manh đem vợ con 39 người tới dâng đoạn tấm và hương quý. Bấy giờ đối với nguỵ quan, thổ quân và các hộ đãi vàng, tìm hương liệu trong thành, Vương Thông cho họ được tự nguyện về phương Bắc hay ở lại nước Nam theo ý của mình. Nhưng người muốn ở lại thì nhiều, muốn xin đi thì ít.

Ngày 29, sai sứ sang trình bày với nhà Minh.

Trước đó, vua đã lập Trần Cảo. Hồi tháng 8, đã sai sứ sang cầu phong.

Đế đây, lấy Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh (người làng Khả Mộ, nay là Mộ Trạch, huyện Đường An), Chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thẩm hình viện sứ. Quốc tử bác [**46a**] sĩ Lê Đức Huy, Kim ngô vị tướng quân Đặng Hiếu Lộc làm Thẩm hình viện phó sứ (bốn người này đều là đầu mục), nội lệnh sử Đặng Lục và Lê Trạc, Vũ vệ tướng quân Đỗ Lãnh và Trần Nghiễm đều làm An phủ sứ (bốn người này đều là tòng nhân) đem tờ biểu và phương vật (hai pho tượng người bằng vàng thay cho mình, một chiếc lư hương bạc, một đôi bình hoa bạc, 300 tấm lụa thổ, 14 đôi ngà voi, 20 lọ xông hương áo, 2 vạn nén hương, 24 khối trầm hương và tốc hương) cùng với bọn chỉ huy do Vương Thông sai về, đều lên đường đưa về [Yên] Kinh. Đồng thời, đưa cả chiếc song hổ phù và quả ấn bạc hai tầng của Quan tổng binh An Viễn hầu, nguyên lĩnh Chinh lỗ phó tướng quân, 13.578 quân nhân, 280 viên sĩ quan, 2.137 viên quan lại, 13.180 tên quân cờ, 1.200 con ngựa tốt, [**46b**] lập bản danh sách đầy đủ, đưa sang Yên Kinh để trần tình và xin phong Trần Cảo là Quốc vương. Sau khi sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang cầu phong, tất cả bọn ngụy quan và lương dân bị cưỡng bức đi theo ở trong thành Đông Quan, vua đều sai đưa về cả.

Tháng 12, ngày 12, Vương Thông nhà Minh sai quân bộ qua sông Lô đi trước, quân thủy theo sau.

Bấy giờ các tướng sĩ và người nước ta rất căm thù quân Minh đã giết hại cha con, thân thích họ, liền rủ nhau tới khuyên vua giết bọn chúng đi. Vua dụ rằng:

"Trả thù báo oán là thường tình của mọi người, nhưng không thích giết người là bản tâm của bậc nhân đức. Vả lại, người ta đã hàng, mà mình lại giết thì là điềm xấu không gì lớn bằng. Nếu cốt để hả nỗi căm giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, thì chi bằng tha mạng sống cho ức vạn người, để dập tắt mối chiến tranh cho đời sau, sử xanh ghi chép [**47a**] tiếng thơm muôn đời, há chẳng lớn lao sao?".

Bèn hạ lệnh: Cánh đường thủy, cấp 500 chiếc thuyền, cho Phương Chính, Mã Kỳ lãnh nhận. Cánh đường bộ, cấp lương thảo, cho Sơn Thọ, Hoàng Phúc lãnh nhận. Còn hơn 2 vạn người bị bắt hoặc đầu hàng và 2 vạn con ngựa thì do Mã Anh lãnh nhận. Chinh man tướng quân Trần Tuấn đem quân trấn thủ đi theo. Tất cả đều tới dinh Bồ Đề lạy tạ mà về. Bọn Phương Chính vừa xúc động vừa hổ thẹn đến rơi nước mắt.

Ngày 17, Vương Thông nhà Minh dẫn quân bộ đi sau. Thông cùng vua nói chuyện từ biệt suốt đêm rồi đi. Vua sai đưa trâu rượu, cờ thêu, trướng vẽ cùng các lễ vật tiễn chân rất hậu. Quân thủy, bộ

[1] Hương hộ: là những hộ tìm kiếm hương liệu.

của ba thành Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh cùng lục tục rút tiếp. Từ đây, việc binh đao dập tắt, khắp thiên hạ thái bình.

Xét Minh sử, đoạn trước chép: Hoàng Phúc từ Giao Châu trở về, trước đó, Mã Kỳ [**47b**] đã nhiều lần tâu xin cho Phúc trở lại chức cũ, vì người Giao Chỉ rất nhớ Phúc. Vua Minh theo lời tâu, sau Phúc cùng đi với với Liễu Thăng. Đến khi qu6an Minh bị thua. Phúc bị quân ta bắt được, xuống ngựa van lạy, quân ta không nỡ giết.

Đoạn tiếp chép: Thành Sơn hầu Vương Thông bỏ Giao Chỉ dẫn quân về, thủy quân theo sau. Bọn thăng đã thua chết, Vương Thông hoảng sợ, bèn tập hợp các tướng sĩ bàn rằng: Thành thì không thể giữ nổi, đánh cũng không thể thắng được, chi bằng giữ toàn quân rồi rút về Bắc. Mọi người đều theo. Thông bèn giảng hòa với vua. Lại vì vua tâu với triều đình xin lập con cháu họ Trần, rồi sai người mang tờ biểu của Cảolà cháu 3 đời của quốc vương An Nam xin lập làm dòng dõi nhà Trần.

Sau khi dẹp yên giặc Ngô, vua ban bố Đại cáo khắp thiên hạ. Toàn văn bài Đại cáo như sau[1]

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

[**48a**] Quân điếu phạt[2] trước lo trừ bạo.

Xét như nước Đại Việt ta,

Thực là 1 một nước văn hiến.

Cõi bờ sông núi đã riêng,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương,

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau.

Song hào kiệt không bao giờ thiếu.

Cho nên:

Lưu cung[3] tham công mà đại bại.

Triệu Tiết[4] thích lớn phải tan tành.

Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô,

Sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã[5]

Việc xưa xem xét,

Chứng cứ rành rành.

Vừa rồi:

Vì họ Hồ chính sự phiền hà,

Để đến nổi lòng người oán hận.

---

[1] Tức bài Bình Ngô Đại cáo do Nguyễn Trãi soạn. Khi dịch bài này, chúng tôi đã tham khảo các bài dịch của Bùi Kỷ, Đào Duy Anh, Bùi Văn Nguyên, Vũ Khiêu.

[2] Do câu "điếu dân phạt tội" ở Kinh Thư, nghĩa là thương xót nhân dân, đánh kẻ có tội.

[3] Lưu cung: vua Nam Hán, sai con là Hoằng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại

[4] Triệu Tiết: viên tướng nhà Tống, sang xâm lược nước ta, bị Lý Thường Kiệt, đánh bại.

[5] Nguyên văn: Toa Đô bị bắt ở cửa Hàm Tử. Ô Mã bị giết ở sông Bạch Đằng, chúng tôi sửa một chút cho đúng sự thật lịch sử

Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa,
Bọn gian tà lại bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen[1] [**48b**] trên lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ.
Dối trời lừa người, kế quỷ quyệt đủ muôn ngàn khoé.
Gây binh kết oán, tội chồng chất ngót hai mươi năm.
Tan nghĩa nát nhân, trời đất tưởng chừng muốn sập.
Sưu cao thuế nặng, núi chầm hết thảy sạch không.
Kẻ tìm vàng phá núi đãi bùn, lặn lội nơi lam chướng,
Người mò ngọc giòng gây quăng biển, làm mồi lũ giao long.
Nhiễu dân, đặt cạm bẫy hưu đen,
Hại vật, chăng lưới bắt chim trả.
Đến cỏ cây sâu bọ cũng chẳng được trọn đời,
Người goá bụa khốn cùng không một ai yên ổn.
Hút máu mủ sinh dân, quân gian ác miệng răng nhờn béo,
Dựng công trình thổ mộc, nhà công tư dinh thự nguy nga.
Chốn châu huyện, bao tầm sưu dịch.
Nơi xóm làng, lặng lẽ cửi canh.
Tát cạn nước Đông Hải không đủ rửa tanh nhơ,
Chặt hết trúc Nam Sơn [**49a**] không đủ ghi tội ác.
Thần người đều căm giận,
Trời đất chẳng dung tha.
Ta:
Phát tích chốn Lam Sơn,
Nương mình nơi hoang dã.
Ngẫn thế thù há đội trời chung.
Thề nghịch tặc khó cùng tồn tại.
Đau lòng nhức óc đã trãi mười năm,
Nếm mật nằm gai phải đâu một buổi.
Quên ăn vì giận sách lược thao suy xét đã tinh,
Lấy xưa nghiệm nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
Chí phục thù đã quyết.
Dẫu thức ngũ không quên.
Vừa khi cờ khởi nghĩa mới dấy lên,

[1] Dân đen, con đỏ: là chỉ nhân dân nói chung.

Chính lúc thế giặc đương rất mạnh.

Thế mà:

Nhân tài như lá mùa thu,

Tuấn kiệt tựa sao buổi sớm.

Bôn tẩu trước sau đã ít kẻ đỡ đần,

Vạch mưu dưới trướng lại ít người bàn bạc.

Chỉ vì: Chí muốn cứu dân, những đăm đăm muốn tiến về đông[1],

Nên: cỗ xe đãi hiền, vẫn canh cánh để dành phía tả[2].

Nhưng: Được người đâu dễ, mù mịt [**49b**] xa vời,

Mong tự đáy lòng, giáp hơn cứu đuối.

Phần giận quân thù chưa bị diệt.

Phần lo vận nước còn lao đao.

Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,

Lúc Khôi huyện quân không một lữ.

Bởi trời muốn thử thách ta, để trao mệnh lớn,

Nên ta càng mài ý chí, quyết vượt gian nguy.

Dựng gậy làm cờ[3], tụ hội bốn phương manh lệ[4],

Hòa rượu mời lính[5], dưới trên một dạ cha con.

Lấy yếu chống mạnh, thường đánh bất ngờ,

Rốt cuộc: Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,

Lấy chí nhân thay cường bạo.

Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật.

Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.

Sĩ khí do đó càng tăng,

Quân thanh từ đây càng dậy.

Bọn Trần Trí, Sơn Thọ, nghe hơi mà mất vía,

Lũ Lý An, Phương Chính, nín thở mong thoát thân.

Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta [**50a**] chiếm lại,

---

[1] Muốn tiến về đông: Nguyên văn là "dục đông", câu trong Hán thư. Khi Lưu Bang bị Hạn Vũ bắt vào Tây Thục, bực dọc nói: "ta cũng muốn tiến về đông, sao chịu ở mãi chốn này". Câu này ý nói nghĩa quân chỉ lăm lăm muốn tiến về Đông Đô (Hà Nội)

[2] Sử ký, Tín Lăng Quân truyện: Tín Lăng Quân người nước Nguỵ nhge tiếng Hầu Doanh là một hiền sĩ, đem xe đến đón, mình ngồi phía hữu, để trống chỗ bên tả cho Hầu Doanh. "Để dành phía tả" là có ý khao khát, tôn trọng người hiền.

[3] Nguyên văn: "Yết can vi kỳ", chữ trong Hán thư, ý nói cuộc khởi nghĩa có tính chất quần chúng rộng rãi.

[4] Manh lệ: manh chỉ dân thường, nông dân; lệ là những người bị lệ thuộc, như nô tỳ, Mạnh lệ là những người có thân phận hèn kém trong xã hội cũ.

[5] Nguyên văn: "Đầu lao tướng sĩ". Xưa có viên tướng giỏi, được biếu một bình rượu ngon liền đem rượu đổ xuống dòng sông bảo quân sĩ cùng uống để tỏ lòng đồng cam cộng khổ từ trên xuống dưới.

Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, trôi tanh muôn dặm,
Tốt Động thây phơi đầy nội, để thối ngàn năm.
Tâm phúc giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
Mọt gian giặc, Lý Lượng cũng đành bỏ bỏ mạng.
Vương Thông gỡ rối, đám cháy lại càng bùng,
Mã Anh cứu nguy, lửa thù càng thêm bốc.
Nó trí cùng lực kiệt, chờ chết bó tay,
Ta mưu phạt tâm công[1], không chiến cũng thắng.
Tưởng chúng phải đổi nết thay lòng,
Ngờ đâu cũng làm càn chuốc tội.
Khăng khăng cố chấp, gieo vạ cho bao người.
Thiển cạn tham công, mưu cười khắp thiên hạ.
Thế rồi thằng nhãi ranh Tuyên Đức[2] hiếu chiến hung hăng[3].
Lại sai lũ hèn nhát Thạnh, Thăng[4] đem dầu chữa chạy.
Tháng 9 năm Đinh Mùi, Liễu Thăng bèn đem quân từ Khâu Ôn [**50b**] tiến sang,
Tháng 10 cùng năm ấy, Môc Thạnh cũng chia đường từ Vân Nam kéo đến.
Ta trước đã chọn quân chẹn hiểm, bẻ mũi tiên phong,
Rồi sau lại điều binh chặn đường cắt nguồn lương giặc.
Ngày 18 tháng ấy, Liễu Thăng bị quân ta tiến công, rừng Chi Lăng mưu đồ đổ sụp.
Ngày 20, Liễu Thăng bị quân ta đánh bại, núi Mã Yên tử trận phơi thây,
Ngày 25, Bảo Định bá Lương Minh trận hãm phải bỏ mình,
Ngày 28, Thượng thư Lý Khánh kế cùng phải thắt cổ.
Ta thuận đà, đưa dao tung phá,
Giặc bí nước, quay giáo đánh nhau.
Kế đó, lại tăng quân vây bức bốn bên,
Hẹn đến giữa tháng 10 nhất tề diệt giặc.
Kén quân tỳ hổ, chọn tướng vuốt nanh,
Voi uống cạn sông, gươm mài vẹt núi.
Đánh một trận, sạch sanh kình ngạc,
Đánh hai trận [**51a**] tan tác chim muông

[1] Mưu phạt tâm công: đánh bằng mưu trí, đánh vào lòng người.

[2] Tuyên Đức: là niên hiệu của vua Tuyên Tông nhà Minh.

[3] Nguyên văn là "cùng binh độc vũ".

[4] Thạnh, Thăng: là Mộc Thạnh và Liễu Thăng.

Nó như kiến tan đàn dưới bờ đê vỡ.

Ta tựa cơn gió mạnh quét sạch lá khô.

Đô đốc Thôi Tụ lê gối xin đầu hàng,

Thượng thư Hoàng Phúc trói mình đành chịu bắt.

Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,

Xương GIang, Bình Than máu trôi đỏ nước.

Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,

Ảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.

Binh Vân Nam bị quân ta chẹn ở Lê Hoa, nơm nớp hoảnh kinh trước đà vỡ mật,

Bọn Mộc Thạnh nghe qu6an Thăng bại ở Cần Trạm, xéo nhau tháo chạy, chỉ cốt thoát thân!

Suối Lãnh Câu, máu chảy trôi chày, nước sông rền rĩ,

Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đỏ lòm.

Hai cánh viện binh đã gót chẳng kịp quay, thảy đều đại bại,

Mấy thành giặc khôn cũng nối nhau cởi giáp, lũ lượt ra hàng

Tướng giặc bị [**51b**] tù, nó đã vẫy đuôi xin tha mạng sống,

Oai thần không giết, ta cũng thể lòng trời mở đức hiếu sinh.

Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, được cấp trước năm trăm chiếc thuyền, đã vượt biển, vẫn hồn bay phách lạc,

Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, lại được cho mấy ngàn cỗ ngựa, về nước rồi, còn tim thót chân run.

Nó đã tham sống sợ chết, thực bụng cầu hòa,

Ta coi toàn quân là hơn, để dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,

Mà cũng xưa nay chưa từng nghe thấy.

Xã tắc do đó vững bền,

Non sông từ đây đổi mới.

Trời đất bĩ rồi lại thái[1].

Nhật nguyệt mờ rồi lại trong.

Để mở nền thái bình muôn thuở,

Để rửa mối sỉ nhục ngàn thu!

Âu cũng nhờ trời đất, tổ [**52a**] tông linh thiên ngầm giúp mới được như vậy.

Ôi!

Một gươm đại định, nên công oanh liệt vô song,

Bốn biển thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn,

Bố cáo gần xa,

---

[1] Bĩ rồi lại thái: qua thời kỳ gian khổ, đến thời kỳ vui sướng, tươi sáng.

Mọi người đều biết.

(Bản Đại cáo này do văn thần Nguyễn Trãi soạn)

Tướng Minh là bọn Vương Thông về đến Long Châu. vua Minh đã liệu trước bọn Vương Thông cùng quẫn, việc đã đến thế, không làm thế nào được nữa, đành sai bọn La Nhữ Kính mang thư sang phong Trần Cảo là An Nam Quốc Vương, bãi bỏ quân nam chinh, ra lệnh cho Thông trở về Bắc, trả lại đất cho An Nam, việc triều cống theo lệ cũ năm Hồng Vũ, cho sứ thần đi lại.

Phan Phu Tiên nói: Nhà Trần dựng nước vào năm Kiến Trung[1], mất nước vào năm Kiến Tân[2]. Quân Minh vượt sông vào ngày 12 tháng 12 năm Bính Tuất [1406], cũng phải rút về nước ngày 12 tháng 12 năm Đinh Mùi [1427]. **[52b].** dẫu rằng mưu người chẳng nên, âu cũng là vận trời có số cả. Kể ra, Thái Tông tên húy là Cảnh, Thiếu Đế tên huý là An, nét chữ gần giống nhau[3]. Quân Minh khi vượt sông, lúc về nước, đều gặp ngày 12 tháng 12, có phải chỉ là tình cờ mà không do số trời đâu!.

Ngô Sĩ Liên nói: lạc tột cùng thì trị bình sẽ tới, đó là vận hành của trời. Thánh nhân sinh ra thì muôn vật sống lại (quẻ Càn, Kinh Dịch), đó là hanh thông của thời. Xét suốt các cuộc loạn lạc trong cõi nước Việt ta, chưa bao giờ đến tột cùng như lúc này, các lần dấy nghiệp đế vương chưa bao giờ khó khăn như lúc này.

Triệu Vũ Đế nhân nhà Doanh tần rối loạn, trung nguyên không có kẻ đứng đầu, quần hùng đánh lộn lẫn nhau, mà kiêm tính đất đai, chưa lấy gì làm khó. Đinh Tiên Hoàng nhân nhà Ngô đã mất, mười hai sứ quân cát cứ, mất hết kỷ cương, mà dựng nên nước, cũng chưa lấy gì làm khó. Nhà Lê[4] thay nhà Đinh, nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý [**53a**] đều là nối đời thái bình, nhân lúc suy loạn, lại càng dễ lắm. Nói cho cùng, cũng đều chưa khỏi tiếng cướp ngôi, chẳng phải là hành vi nhân nghĩa để phô cùng thiên hạ, cho mọi người sướng mắt trông vào, như cuộc đổi đời của vua Thang vua Vũ!.

Họ Hồ thoán nghịch, tự chuốc bại vong, giặc Minh tàn bạo, hòng thay bờ cõi. Chúng giả nhân, diệt nước, giết hại, làm càn. Dân nước Việt ta, gan óc lầy đất. Còn thơ cháu bé bị giáo gươm đâm chém, quăng xác thảm thê. Người lớn thì phía nam chạy xuống Chiêm Thành, phía tây trốn sang Đại Lý[5]. Làng mạc hoang phế, xã tắc thành gò cho thỏ chui, cho hưu chạy, thành bãi hoang cho chim đỗ, thành rừng rậm cho hổ báo náu mình. Rồi giặc chia châu, đặt huyện, đắp lũy, đào hào, đóng quân trấn giữ đến hơn hai mươi năm, thay đổi phong tục nước ta theo tóc dài, răng trắng[6], biến người nước ta trở thành người Ngô, Than ôi! hoạ loạn tột cùng[**53b**] đến mức như vậy!.

Vua sinh vào thời buổi ấy, bẩm chất văn võ thánh thần, gặp lúc trời đất đoái thương, không nỡ ngồi nhìn sinh dân lầm than, quân giặc ngang ngược. Nghĩ rằng trách nhiệm thay trời đánh giặc chẳng ở ta thì còn ai nữa! Nhưng còn lo vận trời đang bĩ chưa thông, việc lớn gian nan khó nổi. Thế rồi hội tụ bề tôi cùng chí hướng, tôi gươm thiêng cho sắc, giấu tiếng chốn Lam Sơn, xem thế, đợi thời. Gặp việc thì lo sợ, không dám vội vàng. Giữ chổ hiểm, đặt phục binh, thường lấy ít để địch nhiều; tính thời cơ, nắm chắc thắng, hay lấy yếu để chống mạnh. Khí giới, lương thực phần nhiều lấy ở chổ giặc. Kinh dinh hơn mười năm, khốn lo bao nhiều độ. Chỉ vì mưu đã sâu, kế lại kỹ, cho nên hễ đánh là thắng, đã phá là tan.

---

[1] Kiến Trung: là niên hiệu của Thái Tông Trần Cảnh, Trần Cảnh lên ngôi năm Ất Dậu, 1225.

[2] Kiến Tân: Là niên hiệu Thiếu Đế Trần An. Trần An bị phế năm Canh Thân. 1400.

[3] Chữ Cảnh và chử An cùng có chử Hỏa ở dưới.

[4] Chỉ nhà Tiền Lê do Lê Hoàn sáng lập.

[5] Đại Lý: là tên một vương quốc trước đây ở Vân Nam, ở đây là chỉ vùng Vân Nam, Trung Quốc.

[6] Tóc dài, răng trắng: chỉ phong tục người Trung Quốc bấy giờ. Phong tục của ta thì tóc ngắn, nhuộm răng đen.

Đánh một trận mà dẹp yên châu Hoan, châu Hóa; đánh hai trận mà bình định châu Diễn, châu Ái. Thế rồi phất cao cờ chính nghĩa, [**54a**] tạo thế vững đàng hoàng. Đưa quân vượt biển mà giặc ở Cổ Lộng, Chí Linh vỡ mật, hành binh qua núi mà giặc ở Tam Giang, Đông Quan bay hồn.

Bọn Vương Thông, Phương Chính đã kế cùng, đành giữ thành bền lũy chờ cứu viện. Lửa không nhóm tự cháy, quả nhiên Liễu Thăng từ bắc tiến sang giúp Hạ Kiệt làm càn. Lại thêm Mộc Thạnh từ phía tây cũng tới. Nực cười hai đạo viện binh, giơ càng bọ ngựsa chống xe, há chẳng ngu sao! Huống chi lấy chí nhân đánh bọn bất nhân, giặc tất phải khiêng thây mà chịu trói. Thú cùng trong cũi, vẫy đuôi xin tha. Thì rủ lòng nhân mà mở lưới Thang[1], cho múa mộc để phô đức Thuấn[2]. Cuối cùng tha cho mười vạn quân hàng, được toàn mạng mà về bắc. Bốn biển hân hoan chiêm ngưỡng, thỏa lòng đã được hồi sinh. Phương xa mến đức sợ uy, chúc cống chăm lo hết phận. Ôi ! thịnh thay!.

Thế mới biết, họa loạn [**54b**] đến tột cùng thì trị bình càng vững chắc. Nhân nghĩa càng sâu thì ảnh hưởng càng xa. Trời xoay vần, thời thông suốt, nay đúng là lúc vận hội bắt đầu.

Xét sách Toàn thư, tính bắt đầu từ năm Giáp Ngọ [1414], chấm dứt ở năm Đinh Mùi [1427], cả thảy là 14 năm phụ thuộc nhà Minh. Nếu tính suốt từ năm Giáp Ngọ [207 TCN] đời Triệu Vũ Đế trở về, đến năm Đinh Mùi quân Minh rút về nước,là 1.634 năm, tính gồm cả Ngoại kỷ là 2.672 năm. Nay chép theo sách Việt giám[3], nhưng không dám không chép sách Toàn thư để tham khảo.

Mậu Thân, Thuận Thiên năm thứ 1, [1428], (Minh Tuyên Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, quân Minh đã về nước, vua bèn thâu tóm cả nước, lấy năm này làm năm đại định:

> Lời bàn: Từ khi đất trời định vị, thì Nam, Bắc chai rạch ròi. Phương Bắc dẫu lớn mạnh nhưng không thể [**55a**] đè nén được phương Nam, cứ xem các thời Lê, Lý, Trần cũng đủ biết. Vì thế, cuối đời Tam Quốc, phương Nam tuy có suy yếu, nhưng cũng chỉ có nội loạn thôi. Đến như nhà Nhuận Hồ thì bạo ngược đã quá, mà đến nỗi mất nước, thân nhục, giặc Bắc hung tàn, dân Nam khốn khổ. May mà lòng trời còn đó, thánh chúa ra đời, chinh phục bằng nghĩa, đánh dẹp bằng nhân, non sông mới được đổi mới, nhật nguyệt mới lại sáng tươi. Nhân dân từ đây bình yên, nước nhà từ đây thuận trị. Đó là do vua tôi một dạ, trên dưới cùng lòng vậy. Ôi ! loạn tột tất phải tri, nay đã thấy điều này.

Ngày mồng 10, Trần Cảo uống thuốc độc chết.

Bấy giờ các quan đều dâng sớ nói Trần Cảo không có công gì với dân, sao lại ở trên mọi người, nên sớm trừ đi. Vua cũng biết là như vậy, nhưng trong lòng không nỡ, đối xử càng hậu. Cảo biết người trong nước không phục mình, bèn ngầm đi thuyền vượt biển [**55b**] trốn vào châu Ngọc Ma. Đến Ma Cảng (đất Nghệ An) quan quân đuổi bắt được, đem về Đông Quan, bắt uống thuốc độc chết.

(Có thuyết nói rằng: Trước đây, sau khi lập Cảo, vua cho Cảo đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời sang Ninh Giang. Đến năm này,chuyển về thanh Cổ Lộng. Cảo tự nghĩ là trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua, mình không có công gì với thiên hạ mà ở ngôi tôn, nếu không sớm liệu, sợ nỗi hối hận sau này. Rồi ngầm đi thuyền ra biển mà chết.

Có thuyết nói rằng: Cảo tự biết người trong nước không phục, bèn cùng với bọn Văn Nhuệ ngầm đi thuyền biển trốn đến ải Cổ Lộng, vua sai người đuổi bắt giết đi, vứt xác vào bụi gai. Lúc Cảo chết, có câu khấn trời, ai nghe cũng phải thương xót, thiên hạ cho là oan. Sau này, thời Lê mạt , Trần Cảo làm loạn, tương truyền đó là khiếp sau của Trần Cảo này.

Có thuyết nói rằng: Trần Cảo tên là Địch, trong nạn giặc Minh, Địch ẩn náu trong dân, đến khi Thái Tổ dấy quân, thấy lòng người vẫn nhớ nhà Trần, cho nên lập lên, Thái Tổ nói kín rằng: "Ta trải trăm

[1] Lưới Thang: vua Thang nhà Thương thấy người đánh lưới chim bủa vây cả bốn mặt, bèn cắt bỏ đi ba mặt, tỏ lòng nhân đức.

[2] Họ Hữu Miên trái mệnh, vua Thuấn cho múa mộc dưới thềm trong triều, được 7 tuần thì Hữu Miên quy phục.

[3] Tức sách Việt giám thông khảo 26 quyển của Vũ Quỳnh, sách này chép từ đời Hồng Bàng đến Mười hai sứ quân, làm phần Ngoại kỷ: từ Đinh Tiên Hoàng đến khi Lê Lợi đuổi được giặc Minh làm phần Bản kỷ.

trận mới lấy được thiên hạ, mà hắn lại giữ ngôi Cao". Cảo sợ hãi, chạy đến ải Cổ Lộng, Thái Tổ sai người đuổi theo giết đi, ném xác vào bụi gai).

Hạ lệnh cho các quan Tư không, Tư đồ, Tư mã, Thiếu úy, Hành khiển bàn định pháp lệnh cai trị quân dân, để người làm tướng biết phép trị quân, quan các lộ biết phép trị dân, cũng để răn dạy quân [**56a**] dân biết là có pháp luật. Mọi công việc đều có các cơ quan phụ trách riêng, dâng lên vua xem.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và các quan rằng: Từ xưa tới nay, trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên học tập đời xưa đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện, là ác, điều thiện thì làm, điều chẳng lành thì tránh, chớ để đến nỗi phạm pháp.

Hạ lệnh cho các đại thần, thiếu úy, chấp lệnh, truyền lệnh cho các lộ, nếu thấy ngụy quan, thổ quân và dân chúng từ các thành trốn ra mà che dấu, không giải trình thì chém. Lại hạ lệnh cho các lộ tra xét những người lạ mặt qua lại, ai dám dung túng cho giặc Minh và ngụy quan trốn lọt mà không biết, thì lộ quan cùng người thủ đội đều bị chém.

Hạ lệnh cho con em các nhà đầu mục và các tướng hiệu đều nên trở về nhận ruộng đất ở quê cha đất tổ, để chấm dứt nạn tranh chiếm ruộng đất.

Nhà Minh có chiếu nói rằng: Tất cả bọn quan lại, quân nhân của triều đình [**56b**] sai sang còn bị giam giữ đều phải trả về hết, các vũ khí còn giữ lại cũng phải đưa nộp. Vua bèn cho yết bảng nghiêm cấm, nếu người nào chứa giấu quan quân của nhà Minh từ 1 người trở lên thì giết không tha. Người ra thú lục tục cho đưa về Yên Kinh.

Tháng 2, định các mức khen thưởng cho những hỏa thủ[1] và quân nhân của quân Thiết đột có công lao siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai[2] gồm 121 người.

Công hạnng nhất, được ban quốc tính là bọn Lê Vấn, Lê Quy, Lê Dịch, Lê Ê 52 người làm Vinh lộc đại phu, tả Kim ngô vệ đại tướng quân, tước Thượng trí tự.

Công hạng hai, được ban quốc tính là bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khảo 72 người, làm Trung lượng đại phu, tả Phụng thần vệ tướng quân, tước Đại trí tự.

Công hạng ba, được ban quốc tính là bọn Lê Lễ, Lê...[3] 94 người, làm Trung vũ đại phu Câu kiềm vệ tướng quân, tước Trí tự.

Hành khiển Lê Cảnh [**57a**] phụng mệnh làm biểu ngạch.

Nhà Minh sách phong hoàng trưởng tử Kỳ Trấn làm Hoàng thái tử.

Tháng 3, ngày mồng 8, chánh sứ nhà Minh là Lễ bộ tả thị lang Lý Kỳ và Công bộ hữu thị lang La Nhữ kính, phó sứ là Thông chính sứ ty hữu thông chính Hoàng Ký và Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt đến kinh sư.

Trước đây, tháng 8, năm Đinh Mùi [1427], vua sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang nhà Minh dâng biểu cầu phong, xin lập con cháu nhà Trần. Tháng 11, nhà Minhb sai bọn Lý Kỳ, Nhữ Kính mang chiếu dụ và lệnh ân xá sang, đến nay tới kinh sư.

Ngày 18, sai sứ sang nhà Minh.

---

[1] Hỏa thủ: chỉ huy, đội trưởng.

[2] Lũng Nhai: tức Lũng Mi, tên nôm là làng Mé, thuộc xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân. Tại đây, vào ngày đầu tháng 2 năm Bính Thân 1416 có một cuộc Hội thề lịch sử giữa Lê Lợi và 18 người đồng chí của ông. Những người có công lao khó nhọc ở Lũng Nhai chỉ những người đã tham gia khởi nghĩa buổi ban đầu.

[3] Bản Chính Hòa có ghi tên một người, nhưng ở bản chụp mà chúng tôi dịch, chữ này bị mờ không đọc được. Các bản in khác chỉ có tên Lê Lễ mà không có tên tên này. Theo CMCB 15, 3a thì người đó là Lê nghiễn.

Bấy giờ bọn Lý Kỳ, La Nhữ Kính về nước, vua sai bọn Hộ bộ lang trung Lê Quốc Khí (cháu ruột Thái Tổ), Phạm Thành sang tạ ơn, bọn Khu mật thiêm sự Hà Phủ, Hà Liễn sang báo tang của Trần Cảo, cùng đi với bọn Kỳ.

Phong con thứ là Nguyên Long làm Lương quận công.

[**57b**] Đại hội các tướng và các quan văn võ để định công, ban thưởng, xét công cao thấp mà định thứ bậc.

Lấy thừa chỉ Nguyễn Trãi làm Quan phục hầu; tư đồ Trần Hãn làm Tả tướng quốc; Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo làm Thái Bảo; đều được ban quốc tính.

Chia cả nước làm ba đạo. Đạo đặt vệ quân, vệ đặt Tổng quản, lớn nhỏ giữ gìn nhau, trên dưới ràng buộc nhau. Lại đặt chức Hành khiển các đạo để chia giữ sổ sách quân, dân.

Sai các quan chia nhau đi tế thần kỳ núi, sông, đền, miếu các xứ và lăng tẩm của triều trước.

Truy tôn thuỵ hiệu từ khảo tỷ[1] trở lên.

Tổ khảo Đinh làm Chiêu Đức Hoàng Đế, bà là Nguyễn Thị Quách làm Gia Thục hoàng hậu, cha là Khoáng làm Tuyên Tổ Hoàng Đế, mẹ là Trịnh Thị Thương làm Ý Văn hoàng hậu.

Mùa hạ, tháng 4, vua từ điện tranh ở Bồ Đào về đóng ở thành Đông Kinh.

Ngày 15, vua lên ngôi ở Đông Kinh, đại xá, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, dựng quốc hiệu là Đại Việt, [**58a**] đóng đô ở Đông Kinh (tức là thành Thăng Long. Vì Thanh Hóa có Tây Đô, cho nên gọi thành Thăng Long là Đông Kinh).

Xuống chiếu rằng, các thứ thuế như tô ruộng, vàng bạc, đầm phá, bãi dâu trong cả nước, đều tha cho 2 năm không thu, những người già ở các lộ từ 70 tuổi trở lên được miễn sai dịch, những người con hiếu thảo, đàn bà góa giữ tiết thì cho các quan ở lộ tâu lên để biểu dương khen thưởng. Các gia đình quân, dân, nếu trong 1 hộ có 3 người sung quân thì cho miễn 1 người. Những lăng miếu của đế vương và công thần các đời thì cho huyện sở tại làm bản tâu lên để xét cấp cho người quét dọn.

Ngày 17, ra lệnh chỉ rằng, từ sau ngày chiếu thư ban ra, nếu quân hay dân có dâng thư nói việc gì thì phải theo đúng niên hiệu, quốc hiệu, đô hiệu như trong chiếu thư, ai trái thế thì phải xử phạt trượng hay biếm chức; những giấy tờ, văn khế, khoán ước về mua bán, đổi chác, vay mượn mà không theo đúng như trong chiếu thư thì sẽ không có giá trị.

Ngày 20, ban các chữ húy tông miếu và chữ húy tên vua. Tất cả các chữ húy chính khi viết đều không được [**58b**] dùng, nếu đồng âm mà khác chữ thì không phải húy.

Húy Tông miếu có 5 chữ: Hiển Tổ Chiêu Đức Hoàng Đế húy là Đinh, Hiển Tổ Tỷ Gia Thục Hoàng Thái Hậu húy là Quách, Tuyên Tổ Hiến Văn Hoàng Đế húy là Khoáng, Trinh Từ Ý Văn Hoàng Thái Hậu húy là Thương, huý của vua là Lợi, của hoàng hậu là Trần, của anh vua là Học.

Khi có chiếu lệnh đại xá đều xưng là Thuận Thiên Thừa Vận Duệ Văn Anh Vũ Đại Vương, hiệu là Lam Sơn động cbủ.

Sông Nhị nảy vàng ròng, các quan dâng biểu chúc mừng.

Truy tặng Lê Thạch làm Trung Vũ Đại Vương, đưa vào thờ ở tẩm miếu.

Lấy Lê Tri Vận làm tri Tả hữu ban, phong liệt hầu; Nguyễn Lỗ là Xa kỵ vệ tổng tri (Tả hữu ban nắm kho tàng của nhà nước, tổng tri thì coi quân). Hai người đều là họ ngoại. Tri Vận vì có công làam con tin trong thành, sau được tặng phong Nguyên cữu Quan nội hầu.

Ra lệnh chỉ cho các lộ là nơi nào bị quân giặc cướp phá [**59a**] thì được miễn giảm thuế.

Trị tội các ngụy quan.

---

[1] Cha đã chết gọi là "khảo', mẹ đã chết gọi là "tỷ".

Bọn Lê Thiếu Dĩnh từ nước Minh trở về.

Trước đó, tháng 11 năm Đinh Mùi [1472], vua sai bọn Thiếu Dĩnh sang trần tình với nhà Minh.

Tháng 3 năm nay, Lê Thiếu Dĩnh dến Yên Kinh dâng biểu. Đến đây trở về, vua Minh ban cho Thiếu Dĩnh áo vóc hoa, tiền giấy và có sắc dụ cho nước ta, đại ý nói:

Lập con cháu nhà Trần là việc rất quan trọng, phải hợp với lòng người trong nước, không được tự tiện chuyên quyền, phải cùng với các bô lão, trình bày sự thực về người cháu đích tôn củ họ Trần, tâu lên để làm bằng cứ mà ban chiếu sắc phong. Số người và chiến khí còn bị giữ lại, cũng đưa trả về hết.

Tháng 4 nhuận, ra lệnh chỉ rằng:

Những quân dân bị bắt vào bốn thành Tây Đô, Đông Kinh, Cổ Lộng, Chí Linh đã được bổ vào các quân phụ vào quân Thiết đột mà có ruộng đất, nhà cửa bị tịch thu thỉ được trả lại.

Bọn Thành Sơn hầu Vương Thông nhà Minh [**59b**] về đến Yên Kinh, bị các quan hặc tội, đều phải giam vào ngục Cẩm y vệ, có chiếu tha tội chết, biếm quan tước.

Ra lệnh chỉ cho bọn đại thần định lại các quan lộ, huyện, quan trấn thủ, cùng các quan giữ đầu nguồn, cửa biển và những nơi xung yếu, đều phải dùng những người tài giỏi, liêm khiết, chính trực, cho các đại thần đều được tiến cử.

Đúc tiền Thuận Thiên.

Mây xanh xuất hiện, có cánh, có1 chân, bên dưới có mâm ngọc, hai bên tả hữu tựa như hình hai con cá chép vờn nhau.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 12, vua và các đại thần cùng nghị bàn việc nước; quyết định các quan viên, các quan trấn thủ tại các lộ, trấn và những nơi xung yếu, định luật lệnh kiện tụng, quy chế về chức tước.

Tháng 6, ra lệnh cho các đại thần khảo xét các quan trong ngoài; hạng nhất là những người có tài văn võ, tháo vát, tinh nhanh; hạng nhì là những người biết chữ tháo vát tinh nhanh; hạng ba là những người viết tinh, viết thảo, làm tính; ngoài ra [**60a**] những người không được xếp hạng nào thì kê riêng thành một hạng.

Ra lệnh cho các đại thần và các quan văn võ đều tiến cử người hiền lương phương chính, nếu tiến cử được người giỏi thì được thăng thưởng theo lệ tiến cử hiền thần, nếu vì tiền tài, vì thân quen, tiến cử người không tốt thì bị trị tội theo lệ tiến cử kẻ gian.

Ngày 26, ra lệnh chỉ cho các đại thần và các quan văn võ rằng:

" Trẫm là người thế nào mà được trao mệnh trời? Nhờ đâu mà thành nghiệp lớn? Hiện nay công việc của triều đình rất bề bộn, việc gì nên làm trước, việc gì nên làm sau? Các tướng trong triều ai có thể cáng đáng được việclớn, có thể trao cho sứ mệnh ở ngoài ngàn dặm? Ai là người có thể dạy dỗ thái tử?".

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm Vạn Thọ thánh tiết (tức ngày mồng 6).

Ngày mồng 10, quy định cờ xí, nghi trượng, chiến khí, thuyền bè của các quân: trung đội cờ vàng, thượng đội [**60b**] cờ đỏ, hạ đội cờ trắng.

Mỗi vệ có 1 lá cờ lớn của chủ tướng. Mỗi quân có 1 lá cờ hạng trung, 10 lá cờ đội, 40 lá cờ nhỏ, 10 chiếc thuyền hỏa chiến, 2 chiếc thuyền nhỏ trinh sát, 1 chiếc ống phun lửa "Đại tướng quân", 10 ống phun lửa cỡ lớn, 10 chiếc cỡ trung, 80 chiếc cỡ nhỏ, nỏ cứng 50 chiếc, câu liêm 50 cái, giáo dài 50 cái, phi liêm 40 cái, mộc mỗi người 1 chiếc, phiêu thì mỗi người dùng 4 thủ tiễn[1] hạng nhất, hạng nhì thì mỗi

[1] Thủ tiễn: tên ném bằng tay, cũng gọi là phiêu.

người dùng 3 chiếc, đại đao thì mỗi người dùng 1 thanh. Mỗi quân dùng 1 người làm sao quân, mỗi đội dùng một người làm sao đội[1].

Ra lệnh chỉ đổi chức hỏa đầu thành chánh phó ngũ trưởng.

Ngày 20, nhà Minh có sắc thư [yêu cầu] trả bọn lại nah6n mà GAio Chỉ đã cấp ruộng đất cho ở để họ trở về nước.

Tháng 9, ngày 21, nhà Minh sai bọn La Nhữ Kính, Từ Vĩnh Đạt lại mang sắc thư sang dụ vua rằng họ Trần nhiều đời vẫn được lòng người, bảo vua phải dò tìm cho được con cháu họ Trần mà tâu lên để ban cho mệnh lệnh nối dòng đã tuyệt. Lại bảo rằng đó [2] hẳn là do các đầu mục bô lão chưa hỏi khắp, có thể vẫn còn người, nhưng họ chưa dám nói ra.

Lại dụ rằng [**61b**] những quan lại và quân nhân còn giữ lại hãy đưa trả cho hết, các đồ quân khí còn lưu lại cũng nộp trả cho hết.

Ban tiền giấy và chi phí dọc đường cho bọn Nhữ Kính, đồng thời ban tiền giấy và áo lót vóc hoa cho sứ nước ta là bọn Lê Quốc Khí, sai họ cùng đi với bọn Nhữ Kính.

Quy định phẩm tước của quan chức văn võ. Ban quốc tính cho các công thần. Thải quân già yếu, quy định biên chế quân ngũ[3].

Mùa đông, thán 10,, ngày 11, có lệnh thôi kiêng húy chữ "Nguyễn".

Ngày 12, ra lệnh cho các vệ quân đều đặt hỏa thủ làm chánh phó ngũ trưởng..

Ngày 19, sứ nhà Minh là bọn Nhữ Kính về nước. Vua sai bọn Hà Lật sang tạ ơn nhà Minh và nộp lễ cống, tượng người vàng thế thân, và tâu rằng đã tìm hỏi con cháu họ Trần nhưng không còn người nào, các quan quân ra thú cũng đã lục tục đưa về rồi.

[**62a**] Tháng 11, ngày mồng 1, vua sai bọn Đỗ Như Hùng sanh nhà Minh tâu bày rằng con cháu họ Trần quả thực không còn ai, các quan lại, quân nhân cùngkhí giới bắt được của nhà Minh đã đưa trả hết rồi, không còn giam giữ, chúa giấu gì cả. Lại xin trả lại người con gái của vua bị lạc.

Trước kia, trong buổi loạn ly, vua bị lạc mất người con gái nhỏ mới lên 9 tuổi. Viên nội quan nhà Minh là Mã Kỳ đem về nuôi, rồi đưa về Yên Kinh tiến làm cung tỳ[4]. Đến đây, vua sai sứ sang xin về[5].

Ngày 24, giết bọn giặc phản nghịch tên là Phong, tên Nhữ Hốt, tên An Vinh, tên Trung, tên Tồn, tên Sĩ Văn, tên Sùng Lễ, tên Xác.

Trước kia, bọn Phương đón hàng giặc Minh, giúp giặc làm điều bạo ngược, chống lại quan quân. Đến khi giặc Minh bị dẹp mới ra đầu hàng, được vua tha tội cho. Nhưng bọn Phong vẫn gây nhiều tội ác không chịu chừa, lại âm mưu làm loạn, ngấm ngầm [**62b**] kết bè đảng, viết thư mật, ngầm sai người điđường tắt tới xui quân Minh gây sự, bọn chúng sẽ làm nội ứng. Người mang thư bị Thượng tướng Thái Nguyên là Hoàng Nguyên Ý bắt được. Vua giết tên đưa thư rồi giấu chuyện ấy đi. Tháng 8, lại có một tên trong bọn đến cáo giác, việc cũng giống thế. Đến đây, vua mới hạ chiếu giết cả bọn.

Ngày 25, làm sổ ruộng đất, sổ hộ tịch.

Ra chỉ thị cho các phủ, huyện trấn, lộ khaám xét các chằm bãi, ruộng đất, mỏ vàng bạc, những sản vật núi rừng trong hạt, các loại thuế ngạch cũ, cùng ruộng đất đã sung công của các nhà thế gia và những người tuyệt tự, và ruộng đất của những bọn đào ngũ, hạn đến trung tuần tháng 2 năm Kỷ Dậu

---

[1] Sao quân, sao đội: là người giữ việc biên chép trong 1 quân, 1 đội.

[2] Chỉ việc không tìm được người họ Trần. Trong biểu cầu phong, Lê Lợi nói là đã tìm khắp mọi nơi, nhưng không còn một người họ Trần nào để lập.

[3] Nguyên văn là "định ngũ ngũ", hẳn là do khắc in sai.

[4] nguyên văn là "quan tỳ", sửa lại theo Minh sử.

[5] Vua Minh trả lời là người con gái đã bị chết vì bệnh đậu mùa.

trình lên. Sổ hộ tịch năm Mậu Thân và sổ ruộng đất năm Kỷ Dậu thì dến tháng 4 năm Quý Sửu sẽ nộp. Khi làm sổ ruộng đất và hộ tịch thì khai cả từng hạng nguỵ quan.

[63a] Ngày 27, ra lệnh chỉ đặt xã quan. Xã lớn từ 100 người trở lên thì đặt 3 viên, xã vừa từ 50 người trở lên đặt 2 viên, xã nhỏ 10 người trở lên đặt 1 viên.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan viên và quân dân cả nước, hạn đến tháng 5 sang năm tới Đông Kinh để các quan văn hỏi thi kinh sử, ai tinh thông được bổ làm quan văn; các quan võ hỏi thi về võ kinh, pháp lệnh, kỳ thư...

Tháng 12, ngày mồng 7, ra lệnh chỉ cho các quan văn quan võ: Người nào đã đưa vợ con lên lẫn tránh ở núi rừng cùng trẫm mưu lo việc nước, từ ở Mường Thôi đến Bồ Đằng, Chí Linh, Khả Lam thì cho con hoặc cháu được miễn các việc quân dịch và dân dịch. Nếu đã làm quan thì không thuộc lệ này. Con cháu, anh em của tên nào đã bỏ đạo nghĩa, cầu an hàng giặc thì không được nhận. [**63b**] Ai làm trái thì xử tội biếm hay bãi chức.

Ngày 22, ra lệnh chỉ cho các quan phủ, huyện, lộ, trấn, xã, sách đối chiếu, khám xét ruộng đất, đầm bãi công tư trong các huyện, xã của lộ mình, cùng cá mú, hoa quả, mắm muối và các rạch cá tư ngoài cửa biển, các loại vàng, bạc, chì, thiết, tiền.

Vua làm điện Vạn Thọ, lại làm Tả, Hữu điện, điện Kính Thiên, điện Cần Chính.

Chế tạo chiến khí, thuyền bè.

Đúc tiền Thuận Thiên thông bảo, cứ 50 đồng là 1 tiền.

Trước kia, thời Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 2 [1226] có chiếu quy định trong dân gian tiêu tiền thì mỗi tiền là 69 đồng, dùng chính thức là 70 đồng.

Kỷ Dậu, [Thuận Thiên] năm thứ 2 [1429], (Minh Tuyên Đức năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 4, ra lệnh chỉ cho các quan, cho kinh đô [**64a**] và các lộ, huyện, xã rằng:

Kẻ nào du thủ thực, đánh cờ đánh bạc thì quan ty và quân dân bắt nộp để trị tội. Đánh bạc thì chặt 5 ngón tay, đánh cờ thì chặt 1 ngón tay, những kẻ không phải là việc quan mà vô cớ tụ họp uống rượu thì xử phạt 100 trượng, người chúa chấp bị tội kém một bậc.

Ra lệnh chỉ cho các quan lộ, huyện, xã rằng:

Hễ là ấn công thì do viên chánh giữ. Ở các lộ thì Tri phủ giữ ấn, không có Tri phủ thì Trấn phủ giữ ấn. Ở các huyện thì Tuần sát giữ ấn. Nếu không có Trấn phủ, Tri phủ thì dùng Chiêu thảo hoặc Phòng ngự giữ ấn. Có việc thì cùng bàn với nhau đáng đóng dấu thì mới dùng.

Ngày mồng 7, sai Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự Lê Vấn, Nhập nội đại tư mã Lê Ngân , Nhập nội thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập Hữu tướng quốc Khai quân công Tư Tề làm Quốc [**64b**] vương, giúp coi việc nước.

Sai Nhập nội tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân Chú, Nhập nội tư mã Lê Lý, Nhập nội thiếu úy Lê Quốc Hưng mang kim sách lập Lương quận công Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Ngày mồng 8, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan văn võ cùng các lộ, phủ, huyện, châu, trấn rằng:

Nếu ai có việc đến Quốc vương và Hoàng thái tử thì dùng chữ "khải", chứ không được dùng chữ "tấu" và xưng là "Quốc vương điện hạ", "Thái tử điện hạ". Nếu Quốc vương có tuyên cáo hiệu lệnh gì thì dùng chữ "Quốc vương chỉ huy", không được dùng chữ "sắc".

Ngày mồng 9, ra lệnh chỉ rằng:

Quan võ từ chức Quản lĩnh, quan văn từ chức Hành khiển trở lên, ai có con trai từ 5 tuổi trở xuống, 9 tuổi trở lên, cho được vào hầu Hoàng thái tử. Ngày 15 tháng này, tới học đường đề kiểm mục, quan Nội mật viện [**65a**] lấy danh sách. Quan võ từ Đồng tri trở xuống đến Đại đội trưởng, Đội trưởng

trở lên, quan văn từ Thượng thư trở xuống đến thất phẩm, ai có con trai 17 tuổi trở xuống, 9 tuổi trở lên tới nhà Quốc học điểm mục để học quan lấy danh sách dạy học.

Ngày 22, ra lệnh chỉ cho quan văn võ đại thần nghị bàn việc lớn của nhà nước.

Như người đi đánh giặc thì nghèo, kẻ rong chơi thì giàu. Người đi chiến đấu thì không có một thước, một tất đất mà còn ở những kẻ du thủ du thực, không có ích gì cho nước lại có quá thừa ruộng đất, hoặc đi làm nghề trộm cướp. Thành ra không có ai chịu hết lòng với nước, chỉ ham nghĩa phú quý mà thôi. Nay ra lệnh chỉ cho các đại thần bàn định số ruộng cấp cho quan lại, quân nhân và dân chúng, trong từ đại thần trở xuống, dưới đến người già yếu, mồ côi, góa chồng, đàn ông, đàn bà trở lên, loại nào được cấp bao nhiêu thì tâu lên.

[**65b**] Tháng 2, ngày 21, ra lệnh chỉ cho tướng hiệu và quân nhân các vệ quân năm đạo rằng:

Đến ngày 27 sẽ diễn tập chiến trận thủy, bộ, ai vắng mặt sẽ bị trị tội. Diễn tập xong, sẽ chia mỗi vệ thành 5 phiên, 1 phiên ở lại, còn 4 phiên cho về làm ruộng.

Ngày 26, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan Hành khiển:

Nếu thấy các điều lệnh của trẫm có điều gì bất tiện cho việc quân, việc nước, hoặc các việc sai dịch không hợp lý, hoặc thuế khóa nặng nề, hoặc có việc tà dâm bạo ngược, thì tâu xin sửa lại.

Lại ra lệnh chỉ cho các ngôn quan[1] rằng:

Nếu thấy trẫm có chính lệnh hà khắc, thuế má nặng nề, ngược hại lương dân, thưởng công phạt tội không đúng, không theo đúng phép xưa, hay các đại thần, quan lại, tướng hiệu, quan chức trong ngoài không giữ phép, nhận hối lộ, nhiễu hại lương dân, thiên hư phi pháp, thì phải lập tức dâng sớ đàn hặc ngay. Kẻ nào cứ ngồi nhìn mà dung túng, chỉ giỏi trò vặt, cùng là nói hão không đâu, [**66a**] thì phải chiếu luật trị tội. Lại như các quan vào sân điện, nếu để áo, mũ, cân đai không đúng phép, đi lại ngang dọc không theo đúng lễ phép, thì ngôn quan không được coi là phận sự của mình mà đàn hặc, vì việc ở điện đình đã có Tổng quan và Chỉ huy sứ năm quân Thiết đột, Ngự tiền Thiết đột, Nội mật viện xét hoặc[2].

Tháng 3, ngày 20, ra lệnh chỉ cho Đô tổng quản và Quản lĩnh các đạo cùng quan viên các phường trong kinh thành rằng: Hiện nay, phần đất của các qau6n và phủ đệ của công hầu trăm quan đều có phần nhất định, nên trồng cây trồng hoa và các loại rau đậu, không được để đất hoang, ai không theo thế thì mất phần đất của mình. Các công hầu đã được ban cho đất ở, nếu trong phần đất của quân Thiết đột thì không cho quá nhiều, chỉ từ 5 sào trở xuống; nếu không phải trong phần đất của quân Thiết đột [**66b**] thì cho 2 mẫu trở xuống đến 1 mẫu. Nếu đã được chia ruộng đất vườn nhà nhất định rồi, lại còn chiếm đất trong thành Đại La làm nhà cửa khác nữa thì không được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, ra lệnh chỉ cho đại thần và trăm quan phải nộp số vàng lấy được ở bến Đông[3] cho nhà nước tùy theo thứ bậc: chánh nhất phẩm nộp 2 lạng, tòng nhất phẩm 1 lạng rưỡi, ch1nh nhị phẩm 1 lạng, tòng nhị phẩm 5 đồng cân, chánh tam phẩm đồng cân, tòng tam phẩm 2 đồng cân, chánh tứ phẩm đến chánh ngũ đều 1 đồng cân, còn từ tòngngũ trở xuống không phải nộp.

Ngày 30, ra lệnh chỉ rằngnhững nguỵ quan trước đã có lệnh cho tha tôi chuộc mệnh, thì cho miễn cả ruộng đất (không phải sung công).

Tháng 5, ngày mồng 3, ban biển ngạch công thần cho 93 viên: Huyện thượng hầu 3 người là Lê [**67a**] Vấn, Lê Sát, Lê Văn Xảo. Á thượng hầu 1 người là Lê Ngân. Hương thượng hầu 3 người là Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng, Đình thượng hầu 14 người là Lê Chích, Lê Văn An, Lê Liệt, Lê Thố, Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Khôi, Lê Đính, Lê Chuyết, Lê Lỗi, Lê Nhữ Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Lật. Huyện hầu 14 người là: Lê Bị, Lê Bì, Lê Bĩ, Lê Náo, Lê Thụ, Lê Lôi, Lê Khả, Lê Bồi, Lê Khả Lang, Lê Xí, Lê Khuyển, Lê Bí, Lê

[1] Ngôn quan: Chỉ các quan giữ trách nhiệm khuyên can vua và đàn hặc các quan.

[2] Tháng 2 này còn có việc bắt giết Trần Nguyên Hãn (xem CMCB 15, 20a).

[3] Năm Thuận Thiên thứ 1, mùa hạ, tháng 4, có ghi sự kiện: "Sông Nhị nảy vàng ròng". Có lẽ ở đây nói tới số vàng đó.

Quốc Trinh, Lê Bật. Á hầu 26 người là bọn Lê Lạn, Lê Trãi. Quan nội hầu 16 người là bọn Lê Thiệt, Lê Chương. Quan phục hầu 16 người là bọn Lê Cuống, Lê Dao. Thượng trí tự Trước phục hầu 4 người là bọn Lê Khắc Phục, Lê Hài.

Ra lệnh chỉ rằng những văn võ hào kiệt nào còn bị bỏ sót, hoặc bị chìm đắm chưa có chức tước gì, không được ai tiến cử; [**67b**] hoặc vì thù hằn mà bị đè nén, vùi dập, thì đến ngay chổ Thiếu phó Lê Văn Linh mà tự tiến, nếu xét thực có tài đức thì tâu trình để cất nhắc sử dụng, không cứ là ngụy quan hay sĩ thứ, cốt lấy tài đức là hơn.

Ra lệnh chỉ rằng: Các quan chức văn võ, quan võ từ Thượng tướng tước Trí tự Trước phục hầu trở lên đều cho mặc áo đỏ tía; quan văn từ Nhập nội đại hành khiển Quan phục hầu trở lên cũng cho mặc áo đỏ tía.

Ngày 26, ra lệnh chỉ rằng: Quân nhân các lộ phủ và những người ẩn dật ở núi rừng, nếu ai quả thực thông kinh sử, giỏi văn nghệ thì đến ngày 28 tháng này tới sảnh đường trình diện, chờ đến ngày cho vào trường thi hội[1], người nào đỗ sẽ được tuyển dụng.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài, người nào tinh thông kinh sử, từ tứ phẩm trở xuống, hạn đến ngày 20 tháng này đều tới sảnh đường [**68a**] để vào trường thi hội.

Ngày 30, định các hạng ruộng đất của ngụy quan.

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, ralaệnh chỉ cho các tăng đạo, người nào thông kinh điển, trong sạch, giữ tiết hạnh, hẹn đến ngày 20 tháng này tới sảnh đường trình diện, để xét duyệt cho thi, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục.

Làm sổ đinh.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, ra lệnh cho các đại thần và các quan văn võ trong ngoài họp bàn về quy chế đồng tiền[2]. Tờ chiếu viết:

"Tiền là mạch máu của sinh dân, không thể không có. Nước ta vốn có mỏ đồng, nhưng tiền đồng cũ đã bị nhà Hồ hủy bỏ, trăm phần chỉ còn được một. Đến nay, việc quân, việc nước thường hay bị thiếu. Muốn cho tiền được lưu thông sử dụng, để thuận lòng dân, há chẳng khó sao? Mới rồi có người dâng thư trình bày, xin lấy tiền giấy[3] **[68b]** thay cho tiền thực[4]. Trẫm sớm khuya nghĩ ngợi, chưa nghĩ ra các gì. Vì rằng tiền giấy là thứ vô dụng, lại được lưu hành như vật hữu dụng trong dân, thực không phải là ý nghĩa yên dân, dùng của. Nhưng đời xưa đã có người cho rằng vàng, bạc, da, lụa, tiền thực, tiền giấy đều không thể cân ngang nhau được, thế thì thứ gì là hơn? Truyền cho các đại thần trăm quan và những người hiểu việc đời ở trong, ở ngoài, đều nghị bàn quy chế đồng tiền cho thuận lòng dân, để không vì ưa thích riêng của một người mà bắt ép muôn nghìn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời. Nên phải bàn định sớm rồi tâu lên, trẫm sẽ tự chọn lấy mà cho thi hành".

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, ra lệnh chỉ cho quân dân cả nước rằng: Những ngụy quan, văn từ Tri châu, võ từ Thiên hộ trở xuống, đã chết từ trước và thổ quan cùng dân thường vào **[69a]** thành giặc, khi than2h bị hạ thì ra hàng, cho đến quan lại cũ nhà Hồ bị giặc bắt đưa về phương Bắc, nay có vợ con ở các xã lộ, huyện, nếu họ chua8 được vào sổ hộ tịch, thì có thể miễn tiền chuộc mệnh. Người nào đã sung làm nô tỳ công hoặc đã ban cho các quan rồi, cùng những kẻ có tiếng xấu thì không thuộc lệ này.

Tháng 9, ngày 16, ra lệnh chỉ cho các đại thần trăm quan rằng:

"Từ nay về sau, nếu viên quan nào bàn một việc gì, đều phải lấy việc quân, việc dân làm điều cần kíp, không được đem tình lý riêng tư làm đầu. Bởi vì, trẫm từng nghiệm thấy, trong các việc tiến cử, hoặc xử án, hay như việc công tư khác, rất nhiều khi người ta dung túng, che chở cho nhau, để biến hóa

[1] CMCB 15, 23 ghi rõ là mở khoa Minh kinh.

[2] Quy chế đồng tiền, nguyên văn là "tiền pháp".

[3] Nguyên văn là "sao".

[4] Nguyên văn là "tiền".

đổi thay, qua đó biết được người làm quan trong sạch thì ít mà nhơ bẩn thì nhiều. Nay trẫm xét ra việc của bọn phạm nhân Mộng Vân, Lương Châm, mới biết rõ tình trạng thực, giả của các quan, cho nên ra mệnh lệnh này. Những kẻ làm tôi con phải hết lòng **[69b]** thờ vua, không được lấy tư hại công, khi chuyện xảy ra, hối sao kịp nữa? Nay ban chiếu cho mọi người đều biết".

Ngày 27, ra lệnh chỉ rằng:

"Đại thần văn võ trăm quan các ngươi hãy chăm việc nông tang, chỉnh đốn quân ngũ, sửa sang chiến khí, thuyền bè".

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, hạ lệnh cho các đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên phải tiến cử hiền tài. Tờ chiếu viết:

"Trẫm nghĩ, muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài phải do tiến cử. Cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên.

Thời đại thịnh trị xưa kia, người hiền ở triều rất đông đúc, người nọ nhường người kia. Cho nên ở dưới không sót tài, ở trên không bỏ việc, làm nên thịnh trị yên vui. Đến như bề tôi đời Hán, Đường, không ai là không tiến người hiền, nhường người giỏi, lôi kéo dẫn dắt lẫn nhau, như Tiêu Hà tiến cử Tào Tham, Ngụy Vô Tri **[70a]** tiến cử Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến cử Trương Cửu Linh, Tiêu Tung tiến cử Hàn Hưu. Dẫu tài năng phẩm hạnh của họ có hơn kém khác nhau, nhưng không ai không cử được người giỏi, xứng đáng vớichức trách được trao.

Nay trẫm gánh vác trách nhiệm nặng nề, sớm khuya kính cẩn lo sợ, như đứng bờ vực thẳm, chỉ vì chưa tìm kiếm được người hiền tài giúp đỡ trị nước. Vậy ra lệnh cho đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi viên tiến cử lấy một người, ở trong triều hay ngoài thôn dã, đã làm quan hoặc chưa làm quan. Nếu người nào có tài năng, tri thức văn võ, có thể cai trị dân chúng, thì trẫm sẽ tùy tài bổ dụng. Vả lại, tiến cử được người hiền sẽ được thưởng mức cao nhất, lẽ xưa vẫn thế. Nếu tiến cử được người có tài bậc trung, thì được tăng tước hai bậc. Nếu tiến cử được người tài đức đều ưu tú, vượt hẳn mọi người, thì nhất định được trọng thưởng.

Tuy vậy, nhân tài ở đời cố nhiên là không ít, nên **[70b]** đường lối tìm người cũng không phải chỉ có một phương. Nếu có ai ôm ấp tài lược kinh bang tế thế nhưng vẫn phải chịu khuất ở hàng quan thấp, không có người tiến cử cho, cùng là những người hào kiệt còn bị vùi dập ở bụi bờ, hay lẫn lộn trong quân ngũ, nếu không tự đề bạc thì trẫm làm sao biết được? Từ nay về sau, các bậc quân tử, có ai muốn theo ta, đều cho tự tiến cử. Ngày xưa, Mao Toại tự tỏ tài mà theo Bình Nguyên[1], Nịnh Thích gõ sừng trâu mà cảm ngộ Hoàn Công[2], có bao giờ câu nệ tiểu tiết đâu? Khi chiếu này ban ra, các quan hãy đem hết lòng thành, lo việc tiến cử. Còn như kẻ sĩ hàn vi ở chốn hương thôn, cũng nhoá cho thế là phải đem ngọc bán rao mà hổ thẹn, để trẫm phải thở than vì thiếu nhân tài".

Ngày 13, nhà Minh sai bọn Lễ bộ thị lang Lý Kỳ, Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt, Hành nhân ty hành nhân Trương Thông sang dụ bảo tìm kiếm **[71a]** con cháu họ Trần và trả lại số người và chiến khí của nhà Minh còn bị giữ lại. Lại cho bọn Hà Lật y phục, tiền nong, cho cùng đi với bọn Kỳ.

Ngày 18, ra lệnh chỉ cho các đại thần, Tổng quản, Hành khiển trở xuống rằng:

"Người xưa có câu: Vua không chọn tướng thì khác gì dâng nước mình cho giặc. Trẫm luôn suy nghĩ điều đó, ngày đêm không quên, nên đaem việc quân, việc nước quan trọng trao cho các ông. Thế mà các ông cứ điềm nhiên ngồi nhìn, không để ý tới, nên phụ lòng tin dùng của triều đình, dưới chẳng đoái thương tới quân dân, sao lại trễ biếng chức sự quá thế? Nay ra chiếu này để răn bảo, nếu không biết sửa lỗi đổi mới, vẫn lại như thế nữa, thì nhà nước còn luật pháp đó, chớ bảo là trẫm phụ bề tôi cũ có công đấy!".

---

[1] Mao Toại: người đời Chiến Quốc, gia khách của Bình Nguyên Quân, ngày thường cũng như mọi người, không lộ chút tài năng gì. Khi nước Ttriệu bị nước Tần đánh, Mao Toại tự tiến cử mình, xin cùng đi với Bình Nguyên Quân sang cầu cứu nước Sở. Kết quả là nhờ có Mao Toại thuyết phục được vau Sở, nênlời giao ước "hợp tụng" để chống quân Tần được thực hiện.

[2] Nịnh Thích: Người nước Vệ, nhà nghèo phải đi đẩy xe thuê. Một hôm, thấy Tề Hoàn Công đi qua, Nịnh Thích gõ vào sừng trâu mà hát, Hoàn Công cho là lạ, đưa về cho làm thượng khách, sau có nhiều công lao, được phong tới Tướng quốc.

Ngày 29, sứ nhà Minh là bọn Lý Kỳ về nước. Vua sai bọn đầu mục là Đào Công Soạn, Lê Đức Huy, Phạm Khắc **[71b]** Phục mang vàng bạc và sản vật địa phương sang nhà Minh cầu phong, đồng thời giải đáp về việc đòi trả người và khí giới, cùng việc tìm con cháu họ Trần.

Lời cầu phong đại ý là: Người nướ chúng tôi đã tìm khắp nơi, nhưng con cháu họ Trần đều không thấy còn ai. Bọn thần nghĩ rằng người đại đầu mục nước chúng tôi là Lê Lợi, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết cách trị dân, rất được lòng người, có thể trông coi được đất nước. Vua Minh xem xong bảo các thị thần:

"Những lời này chưa thể vội tin được, phải cho đòi nữa đã".

Rồi xuống chiếu cho Lễ bộ ban áo vóc hoa cho bọn Công Soạn, rồi sai họ mang sắc về dụ vua và các đầu mục, bô lão tìm hỏi con cháu họ Trần lần nữa, nếu quả thực không còn ai thì al2m biểu liên danh tâu sang để xử trí. Lại ban tiền giấy cho bọn Công Soạn theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 11, vua ngự về Tây Đô bái yết sơn lăng, thưởng cho các tướng hiệu và quân nhân theo hầu, **[72a]** mỗi người được thăng 1 tước bậc. Nếu là Thượng trí tự và Đại trí tự thì được thăng tước 1 tư. Người nào có con cháu được phong hầu thay mình và những người không có công lao thì không thuộc lệ này.

Tháng 12, ngày 19, ra lệnh chỉ cho các quan phủ, lộ, châu, huyện, xã rằng:

Xã nào có nhiều ruộng đất nhưng ít người, để bỏ hoang thì cho phép các quan nơi đó cho những người không có ruộng ở các xã khác đến cày cấy, người chủ ruộng xã đó không được chiếm giữ rồi bỏ hoang. Ai vi phạm sẽ bị xử theo tội cưỡng bức chiếm đoạt.

Ngày 27, ra lệnh chỉ cho hình quan rằng:

Những người phạm tội phải xử tội đồ lưu, thì hạng phải thích từ 30 đến 20 chữ đầy vào châu Bố Chính, hạng phải thích từ 10 đến 6 chữ đày vào Diễn Châu, hạng phải thích 4 chữ đến đồ làm khao đinh phải vào phường voi, tất cả đều giải đến cho quan Hành khiển ở đạo đó nhận lấy để giao tới chỗ bị lưu hoặc đồ.

Mở khoa thi tăng đạo **[72b]** để cấp giấy[1].

Canh Tuất, [Thuận Thiên] năm thứ 3 [1430], (Minh Tuyên Đức năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, quy định các ngạch thuế.

Lại ban luật lệ. Đổi Đông Đô thành Đông Kinh, Tây Đô thành Tây Kinh.

Mùa đông, tháng 11, vua đi đánh bọn nghịch tặc ở châu Thạch Lâm, trấn Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái. Bấy giờ, Khắc Thiệu và Đắc Thái trnh nhau tự lập, nên phải đi đánh. Vua đến châu Thạch Lâm, có đề thơ trước cửa động rằng:

Bất từ vạn lý chỉnh sư đồ,
Duy lục biên manh xích tử tô.
Thiên địa bất dung gian đảng tại,
Cổ kim thùy xá bạn thần chu.
(Chẳng từ muôn dặm cất quân đi,
Mong cứu dân đen cõi biên thuỳ.
Trời đất không dung phường gian ác,
Xưa nay tội phản phải tru di).

Tuyển chọn quân bộ ở Bồ Đề. Người nào tình nguyện trước được thưởng 1 tư.

Tân Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 4 [1431], (Minh Tuyên Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua sai bọn chánh sứ Lê Nhữ **[73a]** Lãm, phó sứ Lại bộ thượng thư Hà Lật và Lê

[1] Nguyên văn là "thiếp" cũng như giấy chứng thực ngày nay.

Bính sang nhà Minh cầu phong, đồng thời trần tình và giải đáp về việc có dụ đòi trả chiến khí và tìm con cháu họ Trần.

Lời biểu đại ý là: "Đã huy động rất nhiều người trong nước, tìm kiếm con cháu họ Trần ở khắp nơi, đích thực không còn một ai. Trộm nghĩ đất nước chúng tôi không thể không có người trông coi, nhưng vẫn chưa được lệnh của triều đình, vì thế cứ phải tỏ bày mãi mãi".

Vua Minh bằng lòng.

Ngày mồng 5, sai bọn chánh sứ là Hữu thị lang Chương Xưởng và Thông chính ty hữu thông chính Từ Kỳ mang ấn sắc sang phong vua làm Quyền thự An Nam Quốc Sự[1]. Ban tiền giấy cho bọn Hà Lật và cho đi theo bọn Xưởng về nước.

(Xét sách Hoàng Minh thông kỷ, chép rằng vua Minh sai sứ sang phong vua làm An Nam Quốc Vương, từ đây triều cống không dứt).

Tháng 2, vua bắt được Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái đem về[2]. Tháng 3 về đến Kinh sư.

Quy định **[73b]** việc đặt các gaím và ty xá nhân ở trong kinh ngoài trấn theo lời xin của Ngô Văn Thông.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, sứ Minh là Chương Xưởng và Tử Kỳ tới kinh, mang ấn phong vua làm Quyền thự An Nam Quốc Sự.

Ngày 20, bọn Xưởng, Kỳ về nước. Vua sai Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Văn Huyến và Ngự sử trung thừa Nguyễn Tông Chí đi theo bọn Xưởng sang nhà Minh tạ ơn và nộp 5 lạng vàng tuế cống, xin theo lệ cống 3 năm 1 lần đời Hồng Vũ[3]. Từ đó về sau tiến cống thường xuyên không dứt. Vua Minh ban tiền giấy cho bọn Văn Huyến và cho trở về.

Tháng 12, ngày mồng 6, vua sai al2m sách Lam Sơn thực lục, vua tự làm bài tựa, ký là Lam Sơn động chủ[4].

Nhâm Tý, [Thuận Thiên] năm thứ 5 [1432], (Minh Tuyên Đức năm thứ 7), Mùa xuân, tháng giêng, sai thân vương Tư Tề đem quân đi đánh **[74a]** châu Mường Lễ[5].

Tù trưởng châu là Đèo Cát Hãn và con là Đèo Mạnh Vượng ra hàng. Cho ở Đông Kinh, lập Hãn làm Tư mã, rồi năm sau giết chết.

Mùa đông, tháng 11, vua thân đi đánh châu Phục Lễ[6].

Vua lại đi đánh Ai Lao.

Quý Sửu, [Thuận Thiên] năm thứ 6 [1433], (Minh Tuyên Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn con trai các quan và (học trò) ba lộ Quốc Oai, hai lộ Bắc Giang sung vào Quốc tử giám.

Vua thân đi đánh châu Phục Lễ, đem quân về[7].

---

[1] Nghĩa là tạm coi công việc của nước An Nam.

[2] Theo CMCB 15, 28a, thì chỉ bắt được Nông Đắc Thái, còn Bế Khắc Thiệu bỏ chạy rồi chết.

[3] CMCB 15, 29a dẫn Hội diễn của nhà Minh nói rằng: lệ cống gồm có các

[4] Cuối năm này có việc giết Thái úy Phạm Văn Xảo, một khai quốc công thần rất có uy vọng.

[5] Châu Mường Lễ: trước là châu Ninh Viễn, sau đổi là châu Phục Lễ, là vùng đất tỉnh Lai Châu ngày nay.

[6] Châu Phục Lễ: xem chú thích trên.

[7] Về việc đánh châu Phục Lễ, Cương mục chép vào tháng 12 năm Tân Hợi (1413) và tháng giêng năm Nhâm Tý (1432), tháng 3 rút quân về, tháng 11, Đèo Cát Hãn xin hàng (CMCB 15, 30). Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn cũng chép như vậy. Điều đó phù hợp với bài thơ của Lê Lợi khắc ở Pú Huổi vào mùa đông năm Tân Hợi (1431) và bài thơ lúc trở về khắc ở Thác Bờ vào tháng 3 năm Nhâm Tý (1432).

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, sai bồi thần là Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Chi, Bùi Cầm Hổ sang nhà Minh tiến cống: Vua Minh 3 phần, hoàng thái hậu và hoàng thái tử đều 1 phần, đồng thời giải thích việc cống vàng hàng năm.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa thu, tháng 8, giáng con trưởng Tư Tề làm Quận vương, lấy con thứ Nguyên Long kế thừa **[74b]** tông thống.

Vua về Lam Kinh.

Tháng 8 nhuận, sao Chổi mọc ở phương tây.

Ngày 22, vua băng ở chính tẩm.

Buổi đầu vua kinh dinh bốn phương, phía Bắc đánh giặc Minh, phía tây đuổi Ai Lao, tránh chỗ thực, đánh chỗ hư, đến đâu được đấy, chỉ có võ thần là bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Vấn, Lê Ngân, Lê Lý 30 người, văn thần là bọn Lê Linh, Lê Quốc Hưng; quân cha con thì có 200 quân Thiết đột, 200 nghĩa sĩ, 300 dũng sĩ, 4 thớt voi; còn quân khinh dũng và quân già yếu hộ vệ chỉ có 1 nghìn người mà thôi[1].

Vua có lần sau muôn việc được thư thả, cùng bầy tôi bàn về lẽ còn mất, được thua xưa nay, nhâ bàn đến việc giặc Minh sở dĩ thua, ta sở dĩ được, là vì sao, các bề tôi đều nói: "Vì giặc Minh hình phạt bừa bãi, chính lệnh bạo ngược, mất lòng dân đã lâu, còn vua thì trái lại, **[75a]** lấy nhân nghĩa thay bạo tàn, đổi họa loạn thành yên trị, nên mới thành công chóng thế". Vua nói:

"Lời các khanh nói cố nhiên là như vậy, nhưng cũng chưa hết. Trẫm xưa kia gặp buổi loạn lạc, nương mình ở Lam Sơn, vốn chỉ mong giữ được mạng mình thôi, chứ không có ý muốn lấy thiên hạ. Đến khi giặc tàn ngược quá quắt, dân không sống nổi, những ai có tri tức đều bị chúng giết hại, trẫm tuy đem hết của cải để thờ phụng chúng, mong khỏi tai họa, nhưng tim đen chúng muốn hại trẫm vẫn không bớt chút nào. Việc dấy nghĩa binh thực là bắt đắt dĩ thôi".

Lời bàn: Thái Tổ từ khi lên ngôi đến nay[2], thi hành chính sự, thực rất khả quan, như ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xạy dựng quan chức, thành lập **[75b]** phủ huyện, thu thập sách vở, mở mang trường học... cũng có thể gọi là có mưu kế xa rộng, mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

Lại bàn: Vua nối cơ nghiệp của ông cha, gặp buổi đại loạn mà chí càng bền, náu mình chốn núi rừng, làm nghề cày cấy. Do lòng căm thù quân giặc bạo tàn, càng lưu tâm vào các sách thao lược, đem hết của nhà hậu đãi tân khách. Đến năm Mậu Tuất [1418], nhóm nổi nghĩa binh, kinh dinh thiên hạ, trước sau trải mấy chục trận, đều là đặt quân phục, dùng binh kỳ, tránh chỗ chắc, đánh chỗ mềm, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. Đến khi quân Minh đầu hàng thì răn cấm qu6an lính không được mảy may xâm phạm. Từ đấy, hai nước hòa hiếu, bắc nam vô sự. Mường Lễ, Ai Lao đều sáp nhập bản đồ, Chiêm Thành, Chà Bàn vượt biển sửa lễ cống. Vua mặc áo sớm, ăn cơm trưa, **[76a]** trải 10 năm mà thiên hạ đại trị.

Sử thần bàn: Vua dấy nghĩa binh, chưa từng giết bừa một người nào. Chỉ biết lấy mềm chống cứng, lấy yếu địch mạnh, lấy ít thắng nhiều, không đánh mà khuất phục được người, cho nên có thể đổi vận bĩ sang vận thái, chuyển thế nguy thành thế yên, đổi cuộc loạn thành cuộc trị. Câu "Người có nhân, thiên hạ không ai địch nổi" chính hợp với vua. Cho nên, vua lấy được thiên hạ, truyền cơ nghiệp đến muôn đời là phải lắm.

[1] Theo Lam Sơn thực lục, lực lượng ban đầu có 35 quan võ, một số quan văn, 200 thiết kỵ, 200 nghĩa sĩ, 14 thớt voi và số người tham gia, tất cả độ 2.000 người.

[2] Tức là đến khi Lê Lợi mất.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 8, thái tử Nguyên Long lên ngôi Hoàng đế. Đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm sau làm năm Thiệu Bình thứ 1. Bấy giờ vua mới 11 tuổi.

Mùa đông, tháng 11, Nguyễn Trãi vâng lệnh soạn văn bia[1], Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phỉ vâng lệnh viết chữ.

[76b] Ngày 22, rước [vua] về táng ở Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ, dâng tôn hiệu là Thống Thiên Khải Vận Thánh Đức Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Khoan Minh Dũng Trí Hoàng Nghĩa Chí Minh Đại Hiếu Cao Hoàng Đế.

Tháng 12, ngày mồng 2, sai bọn bồi thần Lê Vỹ, trình Chân sang nhà Minh báo tang.

Ngày 19, nhà Minh sai chánh sứ là Binh bộ thị lang Từ Kỳ, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Quách Tế sang đòi số vàng cống hàng năm.

Trước đó, nhà minh mấy lần sai sứ sang đòi nhiều số vàng cống hàng năm. Cao Hoàng Đế xin theo như lệ cống ba năm một lần đời Hồng Vũ. Vua Minh khăng khăng không chịu. Đến đây lại sai bọn Kỳ, Tế sang.

Các quan theo hầu về Tây Kinh, dựng điện Lam Sơn[2].

---

[1] Tức bài Văn bia Vĩnh Lăng, nói về sự nghiệp khởi binh đuổi giặc Minh, giành lại độc lập của Lê Lợi. Bài văn này, Nguyễn Trãi soạn vào tháng 10 năm Quý Sửu (1438) đặt ở Vĩnh Lăng, nơi chôn Lê Lợi.

[2] Cương mục, dẫn Hoàng Việt dư địa chí, nói rằng điện này ở xã Lam Sơn,huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hóa, nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (CMCB 15, 33a).